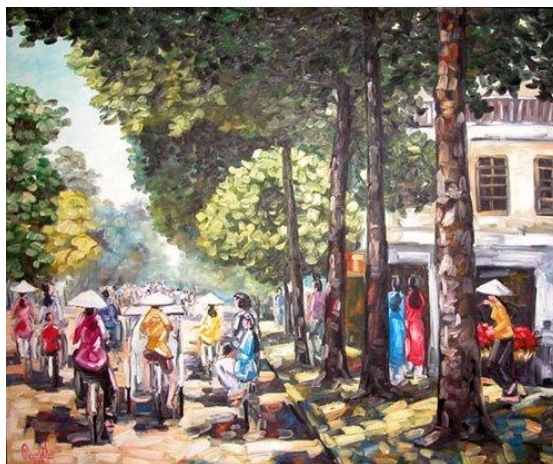


**Tác Giả và Tác Phẩm**

**Tuyển Tập**

**Sài Gòn Năm Cũ**



đường Lê Thánh Tôn  
tranh họa sĩ Chóe – Nguyễn Hải Chí

### **Mục Lục**

|  |
|--|
| <b>SaiGon Của Tôi – Nguyễn Thanh Hoàng – 2</b>                       |
| <b>Sài Gòn 54 – Nguyễn Quốc Trụ – 10</b>                             |
| <b>Sài Gòn Ngày Ấy – Hoàng Lan Chi – 14</b>                          |
| <b>Lãi Nhãi Đòi Tôi – Lưu Nhơn Nghĩa – 21</b>                        |
| <b>Hàng Quà Trước Cổng Trường – Nguyễn Thị Hàm Anh - 26</b>          |
| <b>Sài Gòn Có Gì Lạ Không Em – Hoàng Hải Thủy - 29</b>               |
| <b>Sài Gòn Ngày Tháng Cũ – Hà Nguyên Phổ - 35</b>                    |
| <b>Khu Chợ Đũi – Nguyễn Quốc Trụ – 48</b>                            |
| <b>Tản Mạn Sài Gòn – NQH – 50</b>                                    |
| <b>Những Con Hẻm Nhỏ Sài Gòn – Khuyết Danh – 56</b>                  |
| <b>Sài Gòn Đêm Ba Mười Tết – Hoàng Hải Thủy – 60</b>                 |
| <b>Một Chút Sài Gòn Trong Thơ Nguyên Sa – Nguyễn Mạnh Trinh – 66</b> |
| <b>Hồn Ma Cũ – Bình Nguyên Lộc – 71</b>                              |
| <b>Không Còn Gặp Lại Nơi Đã Đi Qua... – Đỗ Trung Quân – 76</b>       |

( Phụ đính: Xe Xích Lô với dòng lịch sử - Đọc “Sài Gòn Năm Xưa” của Vương Hồng Sển ; Sài Gòn Sau Hiệp Định Genève Và Hiện Tại – ...)

## Saigon Của Tôi

### Nguyễn Thanh Hoàng

*“...Dừng chân trên bến khi chiều nắng chưa phai .... Từ xa thấp thoáng muôn tà áo tung bay .... Nếp sống vui tươi nối chân nhau đến nơi đây .... Saigon đẹp lắm Saigon ơi, Saigon ơi .... Ngựa xe như nước trên đường vẫn qua mau .... Người xa thăm bến cầu chào nói xôn xao.... Phố xá thênh thang đón chân tôi đến chung vui .... Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi ...”*

Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi! Bài nhạc của Y Vân. Tôi đoán ông cảm tác nó khi di cư vào tới thờ đô của miền Nam. Ông viết bài nhạc bằng cảm nghĩ chân thật của một người lần đầu tiên đặt chân tới Saigon hoa lệ. Ông ghi lại vào ký ức vài hình ảnh bắt mắt: một chiều nắng chưa phai với muôn tà áo tung bay, dĩ nhiên là của phái nữ, phố xá thênh thang nhộn nhịp ngựa xe như nước áo quần như nêm. Một nếp sống vui tươi chào đón người di dân mới. Y Vân đã nói giùm cho hằng triệu người di dân khác đến Saigon từ khắp nẻo đường đất nước.

Thi sĩ Bằng Bá Lân vừa vào Saigon cũng yêu thích tâm tình và nếp sống của người Saigon và cảnh đẹp miền Nam ngay qua nhiều bài thơ của ông, trong đó có những câu như: *“Yêu xe thổ mộ xôn xao, Trên đường khúc khuyú đi vào miền quê; hoặc: Tôi yêu nắng lóa châu thành, Trận mưa ngấn ngùi, gió lành hiu hiu”*. Thật vậy, Saigon chợt nắng chợt mưa, phố phường lúc bấy giờ nhộn nhịp với tiếng vó ngựa lóc cóc trên mặt đường nhựa của những chuyến xe thổ mộ lót chiếu chạy các tuyến lộ trình Saigon ra khắp các vùng ngoại ô. Tôi cũng là dân di cư trong khoảng thời điểm đó. Người di cư đến từ miền Bắc, miền Trung, và họ cũng đến từ đồng bằng sông Cửu Long như câu hát *“Anh từ đồng quê đến; Tôi từ miền cát lên ...”*

Saigon đẹp lắm! Đúng hay sai? Đẹp hay xấu là tùy theo quan niệm riêng của mỗi người, một câu nghe hoài. Hình ảnh đứa con bao giờ cũng đẹp trong lòng một người mẹ, một câu khác nữa. Nhưng đối với đa số thi nhạc sĩ đã từng gắn bó với Saigon, họ ưa thích xem Saigon như người tình hơn, vì chỉ có yêu người tình mới mê, đắm thiết, mãnh liệt, nồng nàn, da diết, lâu dài, suốt cả cuộc đời. Họ thích gọi Saigon bằng một tiếng "em" rung cảm.

Tôi chết nhất, không dám gọi Saigon bằng em. Tôi sợ các vong hồn tiền nhân Saigon vắn cổ. Họ là những nhà tiên phong khai phá từ xứ Quảng miền Trung gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi vào đây lập nghiệp dưới thời các chúa Nguyễn từ đầu thế kỷ thứ mười tám; hoặc là những thuyền nhân người Minh hương (vì thế mới bị gọi là Ba Tàu) đến từ hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa (cũng lại Quảng nữa!). Họ là những Ông Lãnh, Bà Chiêu, Thị Nghè, Đỗ Hữu Phương, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trịnh Hoài Đức, Hui Bồn Hỏa, Nguyễn An Ninh, Lê Quang Định, Võ Tánh, Trương Tấn Bửu, Võ Di Nguy, Cha Cả Bá-Đa-Lộc, v.v.

Vong hồn tiền nhân Saigon linh thiêng như là Lê văn Duyệt. Nếu ông không linh thiêng thì tại sao người dân Saigon xây lăng mộ ông lớn nhất, tôn thờ ông như một vị thần và hằng năm cúng lễ ông đông nhất để khẩn nguyện xin ông phù hộ. Nếu bạn dám vỗ ngực tự hào xưng là dân Saigon thứ thiệt thì ít nhất một lần phải đến viếng thăm lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt vào một ngày đầu năm để hái lộc, để bị khói nhang xông cay chảy nước mắt trong lúc chờ người yêu làm một quả bó xôi. "Lăng Ông", "Vườn Ông Thượng", không cần phải kể tên, người ta cũng biết "ông" là ai. Cái oai, cái vía của ông vẫn còn tồn tại mãi mãi trong lòng người dân Saigon và đã trở thành bất tử, mặc dầu ông mất từ lâu lắm, năm 1832.

Ông Lê Văn Duyệt là Tổng trấn thành Gia Định dưới triều vua Minh Mạng, dưới trướng còn có đứa con nuôi Lê văn Khôi gốc người Nùng dũng mãnh, còn có ông Hoàng, ông Trám hầu cận, Lê văn Duyệt là một nhà hành chánh giỏi tài tổ chức, có uy danh và đức độ, ai ai cũng nể vì, kể cả mấy ông vua Cao-Miên thuở đó. Với cây gươm Thượng-phương-kiếm của vua trao cho quyền tiền trạm hậu tấu, ông thẳng tay chém đầu kẻ tội, dù người đó là Huỳnh Công Lý, cha vợ của vua, ông cũng không tha. Ông có công lớn trong việc mở mang bờ cõi, xây dựng và phát triển Saigon. Trong khi triều đình Huế khắc khe áp dụng chính sách bài ngoại và bế môn tỏa cảng, ông đón nhận di dân nước ngoài, khuyến khích thương mại và giao dịch, một mặt duy trì an ninh trật tự xã hội. Saigon thu hút dân tứ xứ đến sinh cơ lập nghiệp kể từ đó và tiếp tục phát triển.

Nhưng danh hiệu Hòn Ngọc Viễn Đông – Le Perle de l’Extrême Orient, The Pearl of the Far East - mà Saigon có được vào đầu bán thế kỷ hai mươi phải nhìn nhận là do công của người Pháp. Sau khi toàn cõi miền Nam đã trở thành thuộc địa vào năm 1859, người Pháp muốn đặt nền móng hành chánh lâu dài nên ra sức canh tân thành phố Saigon, thiết kế đô thị theo kiểu mẫu kiến trúc Âu châu trong suốt 80 năm cho đến trước khi Đệ Nhị Thế Chiến.

Saigon thu hút đầu tư giới kinh doanh kỹ nghệ Pháp cùng với sự đóng góp của kiều dân gốc Hoa, Ấn, Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi, Ái Nhĩ Lan, Mã Lai, và nhiều nước khác nữa. Sau khi thực dân Pháp hoàn toàn rút chân ra khỏi Việt Nam vào năm 1954, nhiều công ty tư nhân Pháp vẫn còn tiếp tục làm ăn ở Saigon: Denis Frères, Mitchelin, B.G.I., Mélia, Bastos, v.v. Tuy cách xa bờ biển gần một trăm cây số nhưng Saigon được xem như là một hải cảng có nhiều ưu điểm lý tưởng vì mọi tàu bè viễn dương thời đó đều vào được. Saigon cũng mang đầy đủ đặc tính tiêu biểu những thành phố cảng khác trên thế giới như Marseille, New Orleans, Montreal, Thượng Hải.

Tôi bước chân đến thành đô Saigon lần đầu tiên vào mùa bãi trường và nghỉ hè năm 1950, khi quái kiệt Trần Văn Trạch hay hát *“Con chim hòa bình đang đậu nặng, Ngày và đêm càng thêm lo lắng”*. Thằng bé nhà quê sáu tuổi như bị thôi miên trước Saigon hoa lệ, rực rỡ ánh đèn, dập dìu xe cộ như đi lạc vào trong một thế giới mới lạ. Phố xá thênh thang đón chân tôi đến chung vui. Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi! Suốt mấy tháng

cuối hè năm ấy, tôi mãi mê tiếp nhận những kinh nghiệm mới mẻ, đẹp đẽ và hấp dẫn đầy những hình ảnh và âm thanh quyến rũ, quyến rũ đến nỗi tôi quên cả nhớ nhà, nhớ bà ngoại, nhớ mẹ và đứa em nhỏ. Lúc bấy giờ tôi chưa hiểu lý do tại sao tôi lại được cha tôi cưng chiều như vậy và tôi cũng chẳng cần đi tìm một sự giải thích. Mãi về sau, khi đã trưởng thành thêm, tôi mới chứng ngộ được đầu đuôi sự việc. Tôi xin kể sau đây.

Vì lý do an ninh và kinh tế, cha tôi một mình rời quê Mỹ Tho lên Saigon tìm công ăn việc làm, trong khi mẹ tôi và anh em tôi ở lại quê ngoại. Ông tìm được việc ngay, thư ký kế toán cho Nhà Đèn Chợ Quán, tức nhà máy điện đô thành. Thịnh thoả ông đáp chuyến xe lửa Saigon-Mỹtho dài bảy mươi hai cây số, mất hai tiếng rưỡi đồng hồ về quê thăm gia đình, mang theo nhiều quà cáp cho tất cả mọi người trong nhà, thường là các loại kẹo bánh Pháp như chocolat Nestlé ổ chim, bánh hộp Bisquit, Lu, bơ Bretel, fromage La Vache Qui Rit con bò cười. Hè năm đó, ông không về mà chỉ nhắn tin gọi tôi lên thăm ông. Ông thu xếp với một người quen làm tài xế xe hàng chở đưa cho tôi quá giang lên Saigon, xong ông đến vừa bán dưa người quen ở Chợ Cầu Muối đường Kitchener sau này là đường Nguyễn Thái Học đón tôi về nhà trọ ở khu Nancy (Chợ Quán). Đó là lần đầu tiên tôi đi xe điện chạy tuyến đường Saigon-Chợ Lớn dài sáu cây số và cũng là tuyến đường xe điện độc nhất thành phố Saigon.

Về đến nhà trọ, cha tôi giới thiệu tôi với một phụ nữ trẻ khoảng độ hai mươi tuổi, bảo tôi gọi là Di Ngân. Di Ngân là người thành phố, tuy không đẹp lắm nhưng tánh tình dan dĩ, tự nhiên, tự tin, hoạt bát. Di gọi tôi bằng con nghe ngọt xớt, xoa đầu tôi, cặp cổ tôi, bẹo má tôi. Di chăm sóc tôi chu đáo, mua sắm quần áo, giày dép mới cho tôi. Di nấu ăn khéo, làm cơm ngon, mua thức ăn đắt tiền như tôm càng rim, thịt bò xào dưa cải, canh nấm đông cô. Di Ngân có một người chị làm đào cải lương đoàn hát Hoa Sen của Bảy Cao, cứ vài ba đêm lại dắt tôi đi coi cải lương ở rạp hát Nguyễn Văn Hảo trên đại lộ Galliéni (Trần Hưng Đạo). Văng hát, cha tôi và Di Ngân còn dắt tôi đi ăn "xíu dề", cỡ ăn khuya theo thói quen người Tàu Chợ Lớn, ở "La-Cai" (Lacaze, tức đường Nguyễn Tri Phương), thường là món cháo hoa ăn kèm hột vịt muối hoặc hột vịt bắc thảo ở một quán người Tàu, rồi mới về nhà.

Những ngày cận Tết Trung Thu, tôi được dắt vô Chợ Lớn dạo phố, mua bánh, mua đèn. Cuối tuần, cha và Di dắt tôi đi dạo vườn Bờ-Rô (do chữ Pháp "pelouse", sân cỏ, theo như sự giải thích của nhà văn Sơn Nam trong quyển bút ký Người Sài Gòn), tức Vườn Tao Đàn, coi người ta chơi boules (học giả Vương Hồng Sển trong tác phẩm Saigon Năm Xưa gọi môn chơi thể thao này là "quần lăn"), một trò chơi thả những trái banh bằng sắt cỡ vừa lòng bàn tay. Lúc khác nữa, tôi được dắt đi bát phố Catinat, Charner, Bonard (các đường Tự Do, Nguyễn Huệ, Lê Lợi sau này), xem phòng trưng bày xe hơi ô tô có các hiệu Citroen, Peugeot, Traction, xem xi-nê, ăn kem, mua bánh kẹo Pháp. Còn nữa, tôi được dẫn vô khu giải trí Đại Thế Giới ở Chợ Lớn, Kim Chung ở Saigon coi thiên hạ cờ bạc, trường đua Phú Thọ coi đua ngựa và coi thiên hạ đánh cá ngựa, người nào thua chấy túi thì coi như bị ngựa đá *"Một tình yêu mến như lời hát ca... Để lòng thương nhớ bao ngày vắng nơi xa... Sống mãi trong tôi, bóng hôm nay sẽ không phai... Saigon đẹp*

*lắm, Saigon ơi, Saigon ơi."*

Saigon một thời được tặng cho danh xưng Hòn Ngọc Viễn Đông kẻ cũng không ngoa. Tuy Saigon không cổ kính bằng những thành phố Âu Châu, nhưng Saigon duyên dáng mỹ miều với những con đường rợp bóng cây, những ngã năm, ngã sáu, ngã bảy đậm âm nhộn nhịp, những dinh thự, phố xá và nhà ốc có nét kiến trúc tây phương. Saigon có một nền kinh tế phồn thịnh, nằm sát vựa lúa trù phú miền đồng bằng sông Cửu Long. Bến cảng Saigon có hải xưởng bảo trì và chỉnh trang tàu bè, là cửa ngõ mậu dịch với thế giới, là trạm tiếp vận cho hai nước Cao Miên và Lào. Tuyến đường hỏa xa dự định nối liền Saigon-Nam Vang chỉ mới thực hiện đoạn đầu đến Mỹ Tho đã phải bị đình chỉ, khi sự vận chuyển bằng xe hàng dễ dàng hơn và đường hàng không phát triển mạnh mẽ. Tâm tình người Saigon xề xòa, không quá bon chen đua đòi, có làm có ăn, cầu vừa đủ xài.

Sau khi đã trở lại làng quê Long Bình Điền, quận Chợ Gạo để bắt đầu năm học mới. Mỹ Tho cách Saigon chỉ có 72 cây số, sự giao thông thuận tiện, có xe lửa, xe đò, xe lô chạy suốt ngày, tuy gần mà xa. Hèn chi tôi hay nghe cha tôi ngâm nga mấy câu thơ: *"Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thủy, Chợ Sài Gòn xa, chợ Mỹ cũng xa. Viết thơ thăm hết nội nhà, trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em"*. Hoặc: *"Mười giờ tàu lại Bến Thành, Xúp-lê vội thôi, bộ hành xông xáo"*. Tôi cũng hay nghe mấy câu hát ru con *"Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ, Đền Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu. Anh về anh học chữ nhu, Chín trăng em đợi, mười thu em chờ?"*.

Tôi lên Saigon lần thứ nhì để định cư luôn vào cuối năm 1953 cùng với em tôi. Tôi định khoe với đứa em trai chiếc xe điện chạy trên đường rầy, ở trên mui có cái đuôi dài móc dính lên giầy điện, mỗi lần xe chạy, cái đuôi xẹt ra ánh sáng nghe lạch tạch. Nhưng xe điện đã bị dẹp mất tiêu! Cha tôi mua một căn nhà trong hẻm 192 đường Đề Thám cho gia đình ở, đồng thời vẫn duy trì "phòng nhì" với dì Ngân trong khu Nancy. Lúc ấy cha tôi bắt đầu làm việc cho ngân hàng Banque Franco-Indochinoise trên đường La Somme, đại lộ Hàm Nghi; ông có sắm một chiếc xe Mobilette để đi làm mỗi ngày ở Chợ Cũ. Sau đó khá giả hơn nhờ có cao trào chuyển ngân qua Pháp, cha tôi sắm một chiếc xe hơi hiệu Fiat của Ý để đi chơi xa, về quê Mỹ Tho hái mận hồng đào, đi tắm suối Trị An ăn canh chua lá vang, tắm biển Gò Công ăn gột vịt lộn, biển Vũng Tàu, Long Hải.

Xóm 192 Đề Thám là một xóm lao động, đa số dân cư trong xóm là phu phen, thợ thuyền, bạn hàng buôn bán lẻ. Cha tôi nằm trong thiểu số có ít vốn liếng chữ nghĩa, đi làm mặc áo sơ-mi trắng, ôm cặp-táp, nên được lối xóm kêu bằng thầy Tư, vì mẹ tôi thứ tư. Nhà trong xóm là nhà dầy san sát nhau, trệt, lầu lẫn lộn, có một vài gia đình người Tàu sống hòa thuận với chòm xóm người Việt.

Xóm lao động dĩ nhiên là đông đúc và ồn ào, suốt ngày nghe đủ loại những tiếng rao hàng. Một ông Tàu không rành chữ tiếng Việt, đầu đội một cái nia lớn, vai đeo khung chân ghé xếp cát tiếng rao: *"Bánh bò bánh tiêu bánh bò ...Dầu-chá-quải bánh bò ...Bánh bò lá dứa nước dừa ...Mại dô mại dô ..."*. Một ông Tàu khác gánh cần-xé đi mua đồ lặt-xon

rao: "*Ve chai ... Ai có xon nhôm nồi đồng hư bể bán hôn ...*". Một ông Tàu khác mặc áo có nhiều túi rộng phình, đi tay không rao: "*Vàng vụn bạc vụn bán hôn. Răng vàng hư, đồng hồ bể bán hôn*". Có ông gánh nồi nước bốc khói, tiết kiệm lời rao, hoặc ngưng nói tiếng Việt không rành, chỉ lắc một cái trống nhỏ nghe lung tung, người ta cũng biết ngay đó là ông thợ nhuộm. Ông mài dao thì quơ một xâu dài có nhiều miếng sắt móc dính với nhau; khi quơ phát ra tiếng kêu reng reoeng. Hai cha con ông bán mì thì chỉ cần gõ thanh gỗ "cắc cụp". Vui nhất là ông Tàu bán thuốc trừ gián, chí, rệp: "*Thuốc chí trừ chí, thuốc rệp trừ rệp*". Một lần người ta hỏi mua một gói thuốc trừ rệp, ông Tàu lục túi hết kiểm một hồi rồi lấy đưa ra. Người mua thắc mắc, "*Sao tui mua thuốc rệp mà ông đưa thuốc chí?*", ông Tàu đáp tinh bơ: "*Thuốc chí chừ dệp cũng lượm mà hầy ló!*"

Người Việt bán hàng rong ít khi di chuyển mà chỉ thích quây quần lại một chỗ nhất định ở đầu hẻm, trước trường học, trước rạp hát, là những nơi có đông người qua lại. Số người đi dạo vào tận xóm trong qua từng nhà có một chị bán chè với tiếng rao trong trẻo lạnh lót "*Ai ăn chè bột khoai nước dừa đường cát hôn ...*" nghe êm tai vô cùng. Ngoài ra còn có một chị bán sương sa hột lựu, một bà xỏ lỗ tai, một bà cắt lẻ, một ông vác hơi, một ông đâm bóp và mấy chú nhỏ bán cà-rem cây mang trên vai cái bình thủy nặng nề. Một cây cà-rem béo ngon lúc bấy giờ giá chỉ có năm cắc bạc và một tô hủ tiếu hai đồng. Những người bán dạo này dần dần giải nghệ theo thời gian, theo sự biến đổi luật tuần hoàn và theo sự đào thải luật cung cầu.

Hằng ngày, tôi đi học trường tư thực Tiên Long, đường Cô Bắc cho đến hết lớp Đệ Tứ; sau đó học tiếp các lớp đệ tam, nhị, nhất trường Hưng Đạo của thầy Nguyễn Văn Phú (Cổng Quỳnh), trường Trường Sơn của thầy Nguyễn Sĩ Tế (Lê Văn Duyệt), trường dạy Anh-ngữ của thầy Trần Việt Anh (Đình Tiên Hoàng, Đakao). Tôi đi học ở Saigon trong mười một năm liền, rớt tú tài một mấy keo, tú tài hai thêm mấy keo nữa vì ham mê văn nghệ hơn là ham học các môn toán, lý hóa, vạn vật. Sư tổ chuyên trị thi rớt là Trần Tế Xương (1869-1907) thi hương tám lần mà vẫn rớt có phán rằng "*Mai không tên tở, tở đi ngay. Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày*". Tội nghiệp ông tú Vị Xuyên sinh bất phùng thời, có bằng tú tài mà không có Trường Võ Bị Thủ Đức để mà kiếm cái lon chuẩn úy le lói chơi, đành sống trong cảnh nghèo, làm thợ chua và mát sớm. Thi rớt, làm đúng theo lời sư phụ, tôi đi ngay thật. Tôi đi ngay vào rạp hát xuất permanent ngồi suốt buổi sau khi không thấy tên mình trong danh sách thí sinh trúng tuyển.

Những ngày nghỉ (nhiều lắm!), tôi lội nát quận nhì, quận nhứt, lan lên tới quận ba. Những con đường Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Lefèvre, Yersin, Calmette quận nhì, tôi lội bộ qua đó đều đều để bán me bằng giàn ná thun, để ăn vặt bò viên, bánh ướt tôm khô chả lụa, gỏi đu đủ bò kho, bò bía, phá lấu, mực luộc. Tôi đi coi "xiné" các rạp Khải Hoàn, Thanh Bình, Rex, Kinh Đô, Vĩnh Lợi, Lê Lợi, Majestic, Long Phụng, Casino Saigon, Moderne Tân Định. Gần nhà nhất là rạp Đại Quang ngay đầu hẻm 192, Đề Thám. nhưng tôi chê vì rạp này chuyên hát phim Tàu, xem mặt cô đào Lý Lệ Hoa mãi cũng chán. Xa hơn chút nữa có rạp hát Đại Nam trên đại lộ Trần Hưng Đạo. Rạp này xin lắm, với màn ảnh đại-vĩ-tuyển, ghé nệm và có máy lạnh đang hoàng. Đường Cô Giang gần Chợ Cầu

Muối có rạp Diên Hồng, bên Bến Vân Đồn thuộc quận tư có rạp Nam Tiến nước đài khai rùm.

Thuở đó tôi mê coi phim chiếu bóng lắm. Phim Pháp chẳng có bao nhiêu, tôi chỉ nhớ phim Khi Đột Xin Chào Le Gorille Salue Bien do tài tử Lino Ventura đóng, một số phim khác có hề "mặt ngựa" Fernandel , có kếp đẹp Alain Delon, có các đào đẹp Catherine Deneuve, Claudia Cardinale, Brigitte Bardot, v.v. Đa số là phim Mỹ với các tựa phim bằng chữ Pháp mới tức cười, chẳng hạn như Le Soleil Se Lèves Aussi Mặt Trời Vẫn Mọc, Vallée de la Mort Thung Lũng Tử Thần, L'Auberge au Sixième Bonheur Quán Trọ Lục Phúc, L'Homme au Colt d'Or Dững Sĩ Súng Bá Vàng, Le Pont de la Rivière Kwai Cầu Sông Kwai, Bonjour la Tristesse Buồn Ơi Ta Chào Mi, Le Jour le Plus Long Ngày Dài Nhất, v.v.

Tôi cũng mê coi cải lương nữa với rạp Nguyễn văn Hảo ngay góc đường Trần Hưng Đạo với Đề Thám, rất gần nhà, tôi đi bộ không đầy mười phút, là rạp tôi coi thường trực. Rạp này thiết kế bên trong theo kiểu hí viện Âu châu, cũng có hai tầng balcon hình vòng cung, hai đầu vòng cung có các khu ngồi ngăn riêng cho khách xếp. Hai tầng cải lương "Đoàn Chim Sắt" và "Mộng Hòa Bình" của đoàn hát Hoa Sen diễn cả tháng, tôi xem không biết là mấy lần. Tôi mê sự mới lạ kỹ thuật điện ảnh, ánh sáng, âm thanh, cơ giới, mà ông bầu Bảy Cao với đầu óc sáng tạo, tiên phong đem áp dụng vào sân khấu cải lương.

Sau rạp Nguyễn văn Hảo là Ngã Tư Quốc Tế góc đường Đề Thám và Bùi Viện, một khu vực thiết thân của giới nghệ sĩ, là nơi gặp gỡ các ông bầu, soạn giả, họa sĩ vẽ phông, ký giả săn tin, và các tay làm áp-phe văn nghệ.. Gọi đó là Ngã Tư Quốc Tế cũng xứng đáng, vì chỉ trong vòng tròn với đường bán kính vài cây số, có ba rạp hát cải lương và bốn rạp chiếu bóng thường tổ chức đại nhạc hội thi ca vũ nhạc kịch vào dịp cuối tuần hoặc vào những ngày lễ lớn. Đại nhạc hội nào càng có nhiều hề, tôi càng khoái đi xem. La Thoại Tân bộ trai giả bộ anh khờ ngây thơ, Túy Hoa xí xọn, Thanh Việt chuyên đóng vai đầy tớ, Thanh Hoài hiền ngoan, Khả Năng chàng ngốc vai u thịt bắp , Tùng Lâm mở chuột ma lạnh, Xuân Phát lên mặt dạy đời, Hoàng Mai nổi nóng gây sự, Phi Thoàn ôn ẹo như lại cái, Văn Chung cười bảm lảm con dê hết xẩy.

Nằm lọt trong cái vòng tròn đó là đường Bùi Viện, nổi tiếng là nơi tập trung những quán nhậu, và một quán cơm bình dân nằm gần góc đường, đấy là quán Anh Vũ của Võ Đức Diên, cuối tuần có ca nhạc, có Bích Chiêu, Khánh Ngọc, Thanh Thúy, Ngọc Cẩm, Nguyễn Hữu Thiết. Cuối Đề Thám về hướng Bắc là ngã ba đường Phạm Ngũ Lão, bản doanh của nhiều tòa soạn nhật báo, tuần báo, tạp chí. Phía bên kia đường rầy xe lửa là đường Lê Lai với rạp Thành Chung của đoàn Kim Chung, với nhiều cửa hàng cung cấp nhiều mặt dịch vụ khác nhau. Bến xe đò đi lục tỉnh Nguyễn Cư Trinh, Ga Xe Lửa và Chợ Bến Thành cũng nằm trong vòng tròn đó.

Suýt soát hai mươi năm sống ở Saigon, tôi hay la cà ở cái ngã tư đầy cám dỗ này. Ban

đầu, tôi mê mẩn những giọng hát lời ca ngọt ngào như mía hấp hoặc tài diễn xuất lôi cuốn như nam châm Út Bạch Lan, Thành Được, Thành Công, Kim Cương, Ngọc Giàu, Văn Chung, Ngọc Nuôi, Việt Hùng, Bích Thuận, Bích Sơn, Bạch Tuyết, Hùng Cường. Dần dần, tôi mơ mộng một thần tượng Thanh Nga tài sắc vẹn toàn. Tôi đã từng lên ra hậu trường để coi Thanh Nga sắm tuồng, thoa son dồi phấn. Đám tang nghệ sĩ Năm Nghĩa, thân phụ Thanh Nga, diễn ra trên đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ chức lớn lắm, người đi rất đông, tôi cũng có xem. Dĩ nhiên sau này khi đã vào lính và đã lập gia đình, tôi chỉ còn mơ mộng đến Ngã Tư Quốc Tế qua mấy món nhậu gà xôi mỡ, cua rang muối, bò lúc lắc, lươn um xả, đùi ếch chiên bơ, tôm gỏi ngó sen, đầu cá hấp, và mấy chai bia 33, bia con cộp mà thôi.

Đại lộ Trần Hưng Đạo là một trong những con đường huyết mạch, là trục giao thông chính nối liền Saigon với Chợ Lớn. Lề đường hai bên rất rộng, được che mát bởi hai hàng cây cao vút, thân to lớn, thẳng đứng, nhánh xòe mang nhiều trái có hình thù giống dái ngựa(?) nên cây bị đặt luôn cho cái tên khó nghe đó. Nghe vậy mà không phải vậy, vì theo tôi nhận thấy loại cây này cũng dễ thương. Tôi đã từng say sưa ngửa mặt dang tay hứng đón những cơn mưa hoa vàng đổ xuống trong khi gió lay lá reo xào xạc. Đến mùa trái khô, những trái hình quả lê hay quả bơ màu nâu lóng năm cánh nở bung ra rớt xuống lề đường, tức thì cạc đống hột có cánh đơn đồng loạt bay, vừa bay vừa quay mòng trông giống như đoàn quân nhảy dù lơ lửng trên không. Nhà phố hai bên rất khang trang, sầm uất, có nhiều cơ sở thương mại, trường học công lập, hí viện, nhà thương, giáo đường. Nhà thờ Tin Lành Saigon (nằm ngay góc Trần Hưng Đạo/Đề Thám) cũng là nơi tôi hay la cà vì ham vui, nhất là vào dịp lễ Giáng Sinh, được nghe ban hợp ca hát liên tiếp nhiều bài êm ả lỗ tai vô cùng *“Đêm đông lạnh lẽo, Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời nằm trong hang đá, trong máng lừa...”*.

Lễ Quốc Khánh 26 tháng 10 hằng năm dưới thời Đệ Nhứt Cộng Hòa nhiều lần được tổ chức trên con đường này với khán đài danh dự được dựng lên trước trường nam tiểu học Tôn Thọ Tường. Tiếng trống, tiếng kèn của các ban quân nhạc vang vọng vào tận nhà tôi nghe rất rõ. Bài hát Suy Tôn Ngô Tổng Thống với những câu *“Ai bao năm từng lê gót nơi quê người ... Cứu đất nước, thể tranh đấu cho tự do ...”* đã bị bọn trẻ trong xóm tôi sửa lời lại là *“Ai bao năm từng lên gót nơi be sườn ... Cứ cái cốc ngòi chong ngóc trong cầu tiêu!...”*.

Sân trường Tôn Thọ Tường rộng lắm, được dùng làm nơi tổ chức hội chợ triển lãm hàng nội hóa mấy lần, có sân khấu và chương trình ca nhạc sống giúp vui. Tôi đã nghe ca sĩ Việt An hát bài Hận Đồ Bàn ở đấy. Sân trường nữ tiểu học Phan văn Trị có trồng mấy cây chuối, cả bày để com làm ổ dưới gốc, tôi bắt mấy chục con cho ông hàng xóm dồn đậu phụng chiên nhậu chơi. Một lần khác, cả cuống bay về ngã tư này rất nhiều lúc ban đêm quần theo ánh đèn đường sáng quắc và đâm đầu rớt xuống dưới chân cột điện, tôi lượm đem về cho mẹ tôi nướng để giãm vô nước mắm pha lấy mùi thơm. Trường Phan Văn Trị vào ban đêm biến thành Trường Bách Khoa Bình Dân Học Vụ dành cho học sinh người lớn trau dồi kiến thức cho nên nhộn nhịp với đèn đuốc sáng trưng vui lắm.

Cạnh rạp hát Đại Nam có lò bánh mì Vạn Kim của người Tàu hầu như mở cửa suốt ngày đêm. Bánh mì ổ kiểu Pháp và kiểu Ý xuất phát từ lò này ra nổi tiếng ngon nhưt Saigon. Tôi hay ra lò bánh mì này mua vài ổ nóng hôi mới ra lò thơm phức đem về ăn với vịt quay, xá xíu mà cha tôi đã mua ở Chợ Cũ.

Xin mời bạn đọc một đoạn văn sau đây nói về con đường Trần Hưng Đạo trích trong quyển tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* của Trần Hồng Châu, bút hiệu của giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, người từng giữ chức Khoa trưởng Đại học Văn khoa Saigon trước 1975:

*"...Tôi vốn có duyên với đường Trần Hưng Đạo. Đối nhà mấy phen vẫn quanh quẩn trong lưu vực của dòng Trường giang thành phố đó. Tôi trầm ngâm nhìn bản đồ Saigon và trong tâm tư để xác định những điểm "cao", những địa linh rải rác khắp dọc "sông". Đường Đồng Khánh hay Trần Hưng Đạo nối dài, vùng các khách sạn Đồng Khánh và Thiên Hồng-Arc en Ciel - nhất định phải là hẻm Vu-sơn, Vu-giáp trong Tinh sử và Đường thi. Lòng đường bỗng dưng co hẹp lại, nhà cao tầng san sát, rạp rình lóp lóp ngựa xe, từng hồi chao đảo, từng hồi nhấp nhô như sóng nước Trường giang bị kẹp chặt giữa hai sườn núi đá chên vênh. Luôn luôn âm u sương khói phủ, khói phù dung và phạn điểm giống như những nét mịn màng, đậm nhạt, rất thủy mặc của vùng cao-nguyên Tứ-xuyên, đầy lam sơn chướng khí và màu sắc u huyền. Luôn luôn chìm trong mênh mông màn khói thuốc lá thơm và hoang tươøng mùi phấn hương của nhạc chiều luân vũ, gần bên những Tân-Đào-Viên, những Bá-Lạc-Đài, những Đại-Thế-Giới của một thuở nào. Đây là nơi đã từng đốt cháy hơn một cuộc đời, đất hứa của những cảm giác lạ, những giấc mơ tình ái có nhiều mây và mưa trong vương quốc của nữ thần huyền thoại. Đây là nơi, đúng như trong những điểm tình tiểu thuyết cổ điển, ta có thể lên ngôi hoàng đế một đêm, để sớm mai lại lủi thủi đi bên lề đường, cô đơn, như một Mạ-du-lang đa tình, hay một thư-sinh chưa trọn giấc kê vàng sau buổi lạc đề thi ngoài cửa khuyết."*

*Đi xa hơn nữa tới vùng Nancy, mang tên con gái êm đềm của một vang vọng tình cảm, là đường Cộng-Hòa, mà tôi tạm gọi là sông Trương chảy vào Trường-giang..."*

Tác giả Trần Hồng Châu còn nói rất nhiều nữa về con đường Trần Hưng Đạo mà ông ví nó như một con sông chính có nhiều nhánh phụ chảy vào. Ông nhắc đến phía "hạ lưu" của dòng sông Trần Hưng Đạo có cái xóm Đề Thám của tôi với rạp hát Nguyễn văn Hảo, Ngã Tư Quốc Tế, một cách ưu ái. Ông gọi đó là *"một vùng Giang, Triết phồn hoa", "một trong vài tụ điểm của những người đẹp Saigon, một trong vài vương quốc của phụ nữ đô thành, của những cái gì đem lại một tâm linh hồn yếu điệu, nồng thắm cho trái tim miền Nam"*.

Ông khen cái khúc phố tôi ở có nhiều người đẹp, điều đó đúng, vì thằng bé mười mấy tuổi là tôi trong những năm cuối thập niên 50 đã rong chơi cuối trời quên ... học làm chứng cho ông. Tôi đoán chắc ông đã nhiều lần lần la ở phòng trà ca vũ nhạc Tháp Ngà

(Tour d'Ivoire) nằm cùng một dãy với rạp Nguyễn Văn Hào. Ở đó thì khỏi nói, là nơi tụ họp bao nhiêu ca sĩ tân nhạc thời danh như Kim Tước, Mỹ Thê, Bạch Yến, Bích Chiêu, Khánh Ngọc, người đẹp, quần áo đẹp, xe hơi đẹp, dân chơi cũng đẹp. Trai thanh và gái lịch nói cười rộn rã. Tiếng kèn saxophone, trombone, trumpet từ các cửa sổ trên lầu thoát ra vọng xuống đường mê hoặc. Những bóng đèn màu chớp nháy chạy vòng khung bằng hiệu vũ trường nằm thẳng đứng càng làm cho môi son, má phấn, tóc mây trở nên thêm huyền hoặc. Gió mát trời đêm thoảng mùi nước hoa Channel No. 5 mân mê tà áo gợi ngất ngây một vùng phồn hoa.

Đọc theo tường ngăn ga xe lửa Saigon đầu đường Phạm Ngũ Lão, vào những năm cuối thập niên 1950, tôi thấy có mấy người Thượng người Mường, gia tài chỉ có một cái gùi, ngời xồm bán thuốc gia truyền trị bệnh tâm bậy và tà ma. Tôi bị họ níu lại một lần nghe họ nói tiếng Việt không rành bằng một giọng khó nghe. Đọc phóng sự *Hà Nội Lầm Than* của ký giả Trọng Lang, tôi mới biết nơi chốn thủ đô ngàn năm văn vật cũng có mặt những người Mường ngời vĩa hè xóm Khâm Thiên bán thuốc trị bệnh kín cho các gái nhẩy nghèo.

Trên khúc đường Đề Thám giữa Trần Hưng Đạo và Cô Bắc có mấy tiệm may áo dài sát liền nhau, khách hàng thuộc phái đẹp dập diu. Nhà may Hạnh Dung rất nổi tiếng trong giới nghệ sĩ cải lương. Ngã tư Đề Thám – Cô Bắc có hai tiệm bán cà-phê, hủ tiếu chéo góc nhau tây-bắc và đông-nam, góc tây-nam là phong-tên nước công cộng, góc đông-bắc có trường tư-thục Tiên-Long. Trường này rất có uy tín, với ban giáo sư tên tuổi giàu kinh nghiệm. Thầy hiệu trưởng nhỏ con thôi, vậy mà ông lái một chiếc Harley Davidson đồ sộ, máy nổ rầm rầm, trong khi những ông thầy khác đi dạy bằng xe tắc-xi, xe xích-lô đạp, xe Mobilette mà thôi. Tôi chỉ mê văn chương thôi. Tôi nghĩ nếu tôi thi ban C từ đầu thì tôi đã đậu. Nhưng tôi cố thi ban B mới trượt vô chuỗi dài dài.

Vỏ chuối hay vỏ dưa hấu cùng với đủ loại trái cây khác trong Chợ Cầu Muối lúc nào cũng nhiều, lồi đi trong chợ lúc nào cũng lầy lội trơn trượt. Một thằng bạn cùng lớp học với tôi sống nơi vừa trái cây trong chợ. Chiều tan học, nó tôi theo về vừa nó ngồi ké bên mép sạp đánh cờ tướng ăn củ sắn non, cam, quýt, mận, ổi xá lị. Mặt tiền Chợ Cầu Muối xây ra đường Nguyễn Thái Học, cũng là một đại lộ với bóng cả cây già. Tháng cận Tết, các vừa dưa hấu cắt lẩn ra chiếm hết lề đường, và lan dài ra gần tới Trần Hưng Đạo. Đối diện với Chợ Cầu Muối là trường trung học tư thực Bồ Đề ba tầng lầu chiếm một góc ngã tư Nguyễn Thái Học với Nguyễn Công Trứ. Kế bên trường Bồ Đề là trường dạy nhạc của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ, tiếp theo là một dãy tiệm chạp phô bán đồ khô người Tàu. Đường Nguyễn Thái Học chấm dứt ở ngã ba Bến Chương Dương dưới chân Cầu Ông Lãnh và Chợ Cá.

Sau này lớn lên tôi tà tà thả bộ ra khu Cầu Ông Lãnh tìm ly cà phê buổi sáng. Trên hè đường, lác đác vẫn còn một vài bàn hàng căng ghé nằm ngủ trước những khu cửa tiệm mở cửa trễ. Trái cây sắp vào mùa, chiếc xe ba gác bên đường chát lóp lóp những trái măng cầu xiêm trên lớp rạ tỏa mùi thơm ngát.

Nhìn những trái măng cầu xanh tươi chín mọng, có trái hơi nứt ra khoe thớ thịt trắng phau. Tôi nuốt nước miếng rồi hướng về ngã tư Ký Con, Nguyễn Thái Bình. Chao ơi, thật đúng Sài Gòn của tôi. Thiên hạ, đa số là dân lao động thợ thuyền, dân làm ăn, xe ôm... đầy trên các bàn thấp quanh những sạp đồ ăn và các xe cà phê trên vỉa hè. Tôi và xuống chọn cái ghế trống giữa đám đông ngay sau một trạm sửa máy xe nơi góc đường gọi một ly cà phê sữa nóng, tôi cảm thấy vị cà phê trong hơi nóng còn đang bốc khói. Nhớ lại xem nào, trước mặt tôi là sạp cơm bình dân, một đĩa cơm gồm hai nửa cái giò heo kho tàu, trái trứng "vzịt" và một gắp đầy đồ chua rồi chan thêm nước mắm pha kiểu Sài Gòn ngọt cay cay.

Xe ba gác đã thay cho xe thô mộc, nhưng con người lao động, lời gọi chào, lối xưng hô, hàng quán bên vỉa hè, ly cà phê, đĩa cơm bình dân thật đúng là Saigon của tôi.



## Nguyễn Quốc Trụ

(Nguyên bản *Tên Của Cuộc Chiến*)

Khi mới tới Sài-gòn, nhân vật đầu tiên chào mừng, welcome, thằng bé Bắc-kỳ-di-cu-tôi ngày nào, là khách sạn Majestic.

Khách coi bộ quá hăm hở, mấy ngàn con người lôi thôi, lếch thếch, chỉ vì ách nước vận trời mà hân hạnh được tàu Mỹ chở tới đây. Chưa từng thấy biển, bị "trần" ngay cho một chuyến đi suốt chiều dài đất nước. Chưa từng chiêm ngưỡng thành phố, đụng liền Hòn Ngọc Viễn Đông. Tuy đã từng ghé Cảng Hải Phòng, những ngày chờ đợi làm thủ tục, đã "kinh qua" Vịnh Hạ Long, trên những con tàu há mồm trước khi ra Đệ Thất Hạm Đội, nhưng lòng dạ nào mà ngắm trời ngắm đất. Thiên nhiên hình như cũng hết còn là của họ, như cọng rơm cọng cỏ, con gà con chó, xó nhà miếng vườn, đành đứt ruột bỏ lại. Ấy là chưa kể, người lớn trẻ con ói lên ói xuống vì say sóng.

Chen chúc, luồn lách, cậu bé men tới mép tàu. Majestic thấp hơn cậu một chút. Con tàu như hiệu ý, nghiêng hẳn sang một bên, cậu có thể thò tay với tới.

Lần thực sự viếng thăm, chỉ ít lâu sau, là để đập phá khách sạn.

Thời gian học lớp đệ ngũ trường Văn Lang, của thầy Nguyễn Khắc Kham. Vẫn "thói" bắc không thể bỏ, chọn thầy trước khi chọn trường, chọn lớp. Tiếng là trường, chỉ một căn hộ trong một con hẻm đường Ngô Tùng Châu gần Ngã Sáu Sài-gòn. Tiếng là di cư, nhưng chính ở đây, cậu có người bạn Nam-kỳ đầu tiên. Cũng lần đầu, cậu nghe anh bạn Trí phát âm "tình thương", thay vì tình thương. Con nhà giàu miệt tỉnh, mấy chị em kéo lên Sài-gòn mua nhà thay vì trọ học. Và phải là một trường Bắc-kỳ. Anh giải thích: ở dưới đó, anh "số dzách", nhưng ông thầy lắc đầu, không ăn thua gì đâu, so với đám học trò người bắc. Anh đưa về "khoe" với mấy anh chị em. Cả nhà đều mến, nhưng phản nản với đứa em: bạn mày nói, tui tao nghe không ra! Còn thằng bé cứ há hốc mồm, nghe kể về một miền đất, sáng rảo bộ ra quán cà-phe nơi đầu ngõ, tiện chân ngoáy ngoáy một hố đất nơi con rạch, trưa về thò tay nhắc lên một con cá. Nhưng hình ảnh "Nam-kỳ nhất" ở nơi cậu, là từ một cô gái "lai", Bắc-kỳ xa xưa từ hồi nào hồi nào. Và nó bắt nguồn từ... Hà-nội!

Hồi đó ở với bà chị họ, nơi ngoại ô Bạch Mai. Một bữa có một ông chú, từ Sài-gòn ghé. Gọi là chú, vì ngày trước học chung với ông già. Chú Th. quê Phú Hữu, một làng nằm trên sườn một ngọn đồi, dưới chân núi Tản. Ngày nhỏ theo bà già từ Thanh Trì, ven sông Hồng, vượt hết cánh đồng Sơn, đứng từ dưới nhìn lên, những căn nhà lẫn sau đám cây trên đồi. Bà già chỉ: nhà bà Hàn kia kìa. Gái Thanh Trì thường làm dâu Phú Hữu. Cậu bé có mấy bà cô ở trên đồi. Trai Phú Hữu thường ra Thanh Trì làm học trò ông giáo Dục. Ông già và chú Th. học chung lớp. Chú thi rớt, bị bố la, bỏ xứ Bắc, nhảy tàu đi một lèo tới Sài-gòn làm giàu. Ông già thi vô sự phạm, ra làm hiệu trưởng trường tiểu học, mỗi nhiệm sở đẻ một đứa con làm dậu. Đứa Hải Dương, đứa Lục Yên Châu... Nhiệm sở chót Việt Trì (Vĩnh Yên), năm 1945, rồi "thôi" luôn.

Lần đó chú Th. ghé chơi trên đường về quê, mang làm quà cho mấy trái xoài, và dẫn thằng cháu đi mua cho một đôi giày, vô tình cho nó một thú vui: đánh thật bóng, rồi thử xem bụi hè phố Hà-nội mát mấy ngày mới làm mờ.

Lần gặp lại, là ở Sài-gòn. Ông hỏi: "Nước nhà độc lập rồi, còn 'dzô' đây làm gì?" Ông hình như lấy làm tiếc cho thằng con người bạn học. Cộng sản "nòi", bố bị đảng phái thủ tiêu. Lý lịch "tốt" như thế, bỏ đi thật uổng! Chửi một hồi thấy tội, ông nhắc lại một vài kỷ niệm, hồi học chung với ông già. Giàu có như vậy, ông vẫn nhớ, và cười cười, mà chắc cũng đã hưởng qua nhiều lần, cái thú ngồi giữa đồng làng, làm một trong tứ khoái, rồi "chịn" lên mặt cỏ tươi. Làng Thanh Trì của tôi, chú chỉ nhớ có vậy. Thú thật! Làng Thừa Lệnh, quê Chu Tử, kể ngay bên Phú Hữu. Hai người hình như quen nhau, từ hồi còn nhỏ. Cô bé con chú Th. là "mặc khải" miền nam, Sài-gòn của tôi. Dây mơ rễ má với Hà-nội, là vậy.

"Nói" rộng ra, nó liên can đến cả một miền đất.

Nhiều người bắc chắc còn nhớ cái váy nâu, cái quần thâm. Vải may xong, nhúng nâu, nhúng bùn, phơi nắng, cho tới khi cứng như mo cau, mới được xỏ vào người. Lần bà chị đưa đưa em tới "trình diện" ông chú, người đàn bà miền nam xuất hiện trước thằng nhỏ Bắc-kỳ, là hình ảnh một cô bé trong bộ bà ba đen, mỏng, mượt, mát, như... làn da thứ nhì của con người.

Đang ngồi học, đột nhiên tất cả ủa ra khỏi lớp. Phái đoàn Việt Cộng ở khách sạn Majestic! (1).

Lần đó đập phá đã tay, "truy lùng" Văn Tiên Dũng đã đời, cảnh sát mới can thiệp. Có anh bạn Ngô Khánh Lãng cùng đi. Anh không gặp Việt Cộng, mà là một cô đầm. Đẹp lắm, anh nói. Với anh, (với chúng tôi), đầm có nghĩa là đẹp. Khi cửa phòng bị phá, nhìn thấy anh, cô quá sợ. Sợ bị giết. Suốt cuộc chiến, và những lần biểu tình, xuống đường của nó, đây là lần đầu, và cũng là lần cuối, tôi biết thế nào là hơi cay. Cũng có được một chiến lợi phẩm, cuốn tự điển Larousse bỏ túi, Lãng nhặt được ở hành lang, trong lúc rút quân. Trên đường về, không biết nghĩ sao, hai đứa liệng vô đồng rác khổng lồ ở đường Hàm Nghi.

Từ văn phòng hãng thông tấn UPI, 19 Ngô Đức Kế, nhảy mấy bước là tới khách sạn Majestic. Một bữa xuống sở, gặp nhiếp ảnh viên người Nhật, Sawada Kyoichi. Tôi bảo anh, tuần trước mới cưới vợ. Anh tròn xoe mắt, nói sao không cho biết. Đám cưới mãi tới Cai Lậy, "many VC there!" Anh bật cười, kéo tôi băng qua đường, lên terrace khách sạn, làm một châu ăn sáng.

Vòng vo Tam Quốc nãy giờ, duyên do là, tôi không thể quên anh, hoặc anh cũng rứa, cho nên đưa sống, đưa chết đành mượn Majestic là nơi "tái ngộ", nhớ về những ngày đầu, theo kiểu "ý thức đuổi theo cái chết của ý thức" (2).

Tuy cùng là Mỹ, nhưng hãng thông tấn AP giàu hơn UPI. Lương hậu hĩ hơn. Một số thông tin viên, nhiếp ảnh viên thường coi UPI là nơi học nghề. Khi đã có chút tên tuổi, chờ AP bật đèn xanh, là nhảy. Tôi vẫn còn nhớ nhiếp ảnh viên Henri Huêt, người Pháp lai, làm cho UPI, sau về AP. Mỗi lần lên Đài, nơi tôi làm việc, anh hay nói chuyện với tôi, và chị Linh, nữ điện thoại viên phụ trách mạch Paris. Bằng tiếng Pháp. Một bữa, anh vừa quay đi, chị Linh ghé tai tôi nói nhỏ: Thằng chả ăn mắm hút rồi, chưa lột lưỡi đã biết tiếng Việt, vậy mà bày đặt! Thực tình, cho tới lúc đó, tôi vẫn nghĩ anh không biết tiếng Việt.

Cách loan tin cũng khác. UPI thường chuyển tin liền, nếu cần, cải chính sau. Tin AP do đó chính xác hơn. Nhân viên cũng nhiều hơn. Đám phóng viên tự do, freelance, thường ghé AP trước. Nếu UPI có hơn được AP một chút gì đó, là nhờ kỹ thuật chuyển vô tuyến viễn ảnh. Ông Hưng, tuy cựu nhân viên bưu điện, như lo về bưu vụ; khi chuyển hình, ông thường để tín hiệu tối đa, vô tình tăng nhiễu. Thời gian đầu, Horst Faas, trưởng phòng hình ảnh AP nghỉ, gã chuyên viên trẻ UPI "phá". Anh kêu Iwasa, chuyên viên kỹ thuật của hãng, từ Tokyo qua Sài-gòn, lên Đài kiểm tra chất lượng máy móc, đường dây. Iwasa ăn ngủ trên Đài cả tháng. Anh rất chịu gã chuyên viên trẻ, chịu khó nghe gã bập bẹ "dịch" vừa bằng tay, vừa bằng miệng, truyện ngắn đầu tay của gã sang tiếng Anh, và hỏi cái cô Mai ở trong truyện là cô nào trong số các cô ban ngày anh thường gặp. Mai của tôi, My Mine, khi đó đã bỏ bưu điện qua làm nữ tiếp viên hàng không Air Vietnam.

Trong số những nhiếp ảnh viên UPI, Sawada nổi tiếng nhất, nhưng chẳng bao giờ anh bỏ hãng, dù Horst Faas đã nhiều lần ra dấu. Những ngày Khe Sanh, hình ảnh của Sawada về những ngọn đồi đẫm máu, tên chỉ là những con số (chắc là chỉ cao độ), đã được tờ Paris Match dùng làm trang bìa. Cả số báo là hình của anh. Gần như tháng nào anh cũng được hãng tuyên dương. Bức hình đoạt Pulitzer: một bà mẹ, tay bồng con, tay kia với theo một đứa, mấy đứa lớn bu quanh mẹ, vượt một khúc sông, chạy giặc. (3)

Tôi vừa mới làm cho UPI là đã quen anh. Theo nguyên tắc, tôi luôn luôn phải có mặt tại Đài, phòng hồ những lần gửi hình đột xuất. Một lần ý y, tôi về nhà, khi đó ở một con hẻm đường Nguyễn Huỳnh Đức, sau nhà Hội Đồng xã Phú Nhuận. Anh mầy mò kiếm ra được. Khi anh mất, bà vợ có ghé Việt Nam. Hai vợ chồng không con. Tôi đứng nhìn người đàn bà Nhật, chắc cũng ít nói như anh, về xa lạ hồ hững giữa văn phòng hãng. Như chưa được sự giới thiệu của người đã chết, tôi e dè không dám tới nói lời chia buồn, và tôi nghĩ bà cũng chẳng cần. Làm sao giải thích cho bà hiểu nỗi, tại sao chồng bà lại chết vì một xứ sở vô tình đến như vậy?

Làm cho UPI, dần dần trong tôi nảy sinh một tình cảm quái gở. Mỗi lần có một phóng viên, nhiếp ảnh viên mới, là tôi tự hỏi, tay này chịu được bao lâu? Lần nhiếp ảnh viên người Nhật, tên Mine, mới tới Sài-gòn, tôi lắc đầu tự nhủ thầm, đúng là tên tiền định! Chân ướt chân ráo, anh đã được "đãi ngộ": đang ở một đồn binh Mỹ, một chiếc C.130 bay ngang, bị ngay pháo bên dưới cắt thành hai mảnh. Hai năm qua đi, hết hạn, anh trở về Tokyo. Tưởng là thoát, không ngờ anh phải qua Việt Nam, thể hai tuần, cho một đồng nghiệp đi phép. Anh bị chết cháy, trong thiết vận xa M.113, khi trúng mìn.

Kent Potter, được UPI cho làm trưởng phòng hình ảnh, deskman, chỉ việc ngồi lựa hình, đánh caption (4) gửi đi, vậy mà gặp mặt là nghe anh than chán quá, chán quá. Chiến tranh gì mà buồn tẻ thế này! Đúng lúc đó, xảy trận Hạ Lào. Anh nhảy vội ra Trung. Chuyến đó, chiếc trực thăng chở phóng viên báo chí bị rớt, (trúng đạn?), chết đầu mười mấy mạng, trong có anh. Tôi cứ nghe như Thần Chết lắc đầu quày quật, giọng bực mình, tao đã bảo ở nhà, vậy mà không chịu, cứ nằng nặc...

Sawada không chết vì cuộc chiến Việt Nam, nhưng sau đó, khi nó chuyển qua Kampuchia. Anh là người, có lúc tôi nghĩ, may mắn, vì luôn luôn có mặt trong những trận đánh lớn, và cứ nhè những khía cạnh cuộc chiến muốn giấu, để mà lộ trần ra. Cái xấu, cái ác, có lẽ cũng là chuyện làm xàm, đôi khi chán ngắt, chính vì vậy Thần Chết

muốn giầu, cũng nên! Thông thường đám phóng viên Tây-phương, cứ thấy xác chết là "mê", chụp hình lia lịa. Hình của Sawada là những gì hết đời tầm thường, nếu không muốn nói, nhàm chán, y hệt như nếu không có những xác người "bầy ra đây", nó vẫn phải "xây ra": hình một người lính VNCH "chấn đờ", ngòi thù, điều thuốc gắn trên môi, "đề đó". Có vẻ như anh không còn một chút hơi sức, chỉ để kéo một hơi thuốc. Có vẻ như anh chẳng vui gì mà hút thuốc, sau khi người bạn thân vừa tử trận. Hay là anh nghĩ, không biết con vợ "bay bướm" ở nhà có "buồn" vì anh vẫn còn sống... Bản chất ù lì, "tiêu cực" có khi cần thiết cho sáng tạo, hơn là sự hăm hở, sôi sục, muốn "viết", "chụp". Hình mấy mẹ con bơi qua sông chạy giặc: vẻ "trơ ra" của thiên nhiên. Vũ Ngọc Phan đã từng chê Nguyễn Tuân: muốn kéo thiên nhiên xuống cho vừa ý con người... Sự tâm phào.... Sawada chết "lãng nhách" như vậy. Người Kampuchia, lính hoặc không lính, đều không ưa phóng viên nhà báo. Nhưng lại mê cái máy hình, chiếc xe honda... Như đa số phóng viên chết tại đây, họ đều bị giết khi đang chạy xe trên một khúc đường vắng, thường chỉ bởi một con người, "đột nhiên" nổi lòng tham.

Majestic sau đổi tên là Cửu Long. Tôi có lần lẩn thẩn, tại sao không là Văn Tiến Dũng, kỷ niệm một lần ông đã từng ở đây, và phải "bực mình" bỏ đi. Có lần tôi đã mất cả một ngày trời, chỉ để 'nhớ cho ra", tên một tiệm sách: tiệm Lê Phan ở đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Hình như cái tên là khó nhớ nhất, đối với bộ não con người. Bởi vì phải mất 30 năm tôi mới nhớ ta tên một cô bạn. Tên một phóng viên người Nhật. Và tên một cuộc chiến. Tên của cuộc chiến (2)

Một ngôi làng chìm trong khói lửa. Tiếng gào thét. Dân làng bị dồn đuổi nhảy ào xuống con mương cạnh đó tìm nơi thoát thân. Trong làn nước bùn đục ngầu có hai tốp mẹ con cuống cuống bơi, người mẹ ra sức bảo vệ đứa con nhỏ, nét mặt hoảng loạn cùng cực... Kyoichi bất giác chuyển động và bấm máy lia lịa như mất hồn. Bức ảnh hoàn thành với cái tên Lánh nạn.

Đó chỉ là một cảnh quay được dàn dựng bởi diễn xuất của diễn viên Nhật bản, Osawa Takao trong vai Kyoichi và một số diễn viên nghiệp dư người Việt Nam tại Xuyên Mộc, Bà Rịa (sáng 3-6-1999). Những cảnh ấy đã tái hiện một sự kiện người thực việc thực trong cuộc đời nhà nhiếp ảnh người Nhật Sawada Kyoichi xảy ra vào tháng 5-1965 trên chiến trường Việt Nam. Sawada Kyoichi là ai?

Sinh ra ở vùng quê Aomori, lên Tokyo làm biên tập ảnh cho hãng UPI, chàng trai Sawada vẫn mang nặng mặc cảm: "Nơi đó chỉ thừa nhận những kẻ sinh ở thành phố, có tiền, có học vị". Và anh đến chiến trường Việt Nam (vào năm 1965) quyết "trở thành nhà nhiếp ảnh được cả thế giới công nhận, cho cái bọn đang kiêu căng ở hòn đảo biết tay". Chỉ sáu tháng sau khi đến Việt Nam, Kyoichi có bức Lánh nạn ở một làng nhỏ phía bắc Quy Nhơn. Bức ảnh sau đó được đăng trên hầu hết các tờ báo lớn trên thế giới khi đưa tin về chiến tranh Việt Nam, nhận giải thưởng Granpuri trong liên hoan ảnh phóng sự thế giới

tại Hagu, và giải báo chí quốc tế (Pulitzer), tại New York. Sawada Kyoichi trở thành một trong ba phóng viên ảnh trong cuộc chiến Việt Nam đoạt giải Pulitzer.

"Thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam đã có một cuộc chiến tranh lòng lầy, và đất nước tôi có một người con - Sawada Kyoichi - đã góp phần ghi lại những hình ảnh đau thương và hào hùng về cuộc chiến đó. câu chuyện về anh gợi lại suy nghĩ về sự tàn hại của chiến tranh bởi nó vẫn đang tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới". Đó là lý do thúc đẩy Đài truyền hình Nagoya và hãng truyền hình Kyodo (Nhật Bản) cùng hợp tác sản xuất bộ phim "Khoảnh khắc lóe sáng" - phim truyền hình dài 95 phút, một dạng phim tư liệu dựng lại trung thực cuộc đời nhà báo dũng cảm này.

"Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, tuy là phóng viên chiến trường, Sawada quan tâm trước hết đến những người dân vô tội Việt Nam bị cuốn hút vào cuộc chiến..." - ông Matsumoto, nhà sản xuất bộ phim, nói. Thật vậy, theo trình bày của tác giả kịch bản Inaba Kazuhiro - người từng tham gia chiến tranh Việt Nam - ý nghĩa của bộ phim không nằm ở các sự kiện mà là quá trình thay đổi cách nhìn của chính Sawada khi trực tiếp đối mặt với chiến tranh. Nhờ sự cảnh tỉnh của một nhà xã hội học người Nhật, Sawada nhận ra khi chụp những bức hình như Lính nạn, anh đã "không cảm thấy đau đớn gì, khi nhìn người bị thương, bị chết", chỉ biết chụp ảnh; trong khi "với tư cách một con người có một việc phải làm - là cứu họ - trước khi có những bức ảnh ấy". Từ New York, sau khi nhận giải Pulitzer, Sawada quay về Việt Nam, tìm những nhân vật trong bức Lính nạn, hỏi thăm, tặng quà, và tặng họ tấm ảnh ấy...

Cuộc sống chung cực kỳ hòa hợp với người vợ Sata (do nữ diễn viên Zair Naomi thủ vai), hơn anh 10 tuổi, vừa là vợ, vừa là bạn, là một mảng khác, đã lãng mạn bộ phim. Họ hạnh phúc và đang muốn có đứa con đầu lòng. Nhưng Sawada không thể ngồi yên...

"Nếu chờ ai đó sẽ làm thì không biết bao giờ mới có hòa bình, nên anh phải làm vì anh là thợ ảnh", Sawada nói với vợ trong đêm Giáng Sinh cuối cùng lên đường sang chiến trường Cambodia (năm 1970). Anh bị bắn chết tại đây. Một cái chết "thanh thản như đang ngủ"...

Ảnh Vương Niên



## Sài Gòn Ngày Ấy Hoàng Lan Chi

### Năm 54 – 60

Ngày ấy tôi còn bé lắm. Lênh đênh trên chuyến tàu cuối vào Nam theo cha mẹ chứ chẳng biết gì. Chuyến đi êm đềm không gì đáng nói. Tôi thấy người Pháp cũng đang hoảng. Thì đâu chả thế. Cũng có người này người kia. Người hèn nhát, kẻ can đảm. Người quá khích, kẻ trung dung. Người Pháp trên tàu tử tế. Họ cho ăn uống đầy đủ. À mà tôi không hiểu tại sao họ phải tốn đủ thứ để đưa người di cư vào Nam ? Nếu họ cứ mặc kệ thì số dân Bắc có đến được miền Nam dễ dàng không ? Đầu tiên chúng tôi cập bến Vũng Tàu. Rồi xe đưa vào Saigon. Chúng tôi ở tạm tại Nhà Hát sau này được sửa thành Toà Quốc Hội. Mấy hôm sau thì phân tứ tán. Chính phủ trợ cấp cho mỗi đầu người là bao nhiêu đó, tôi không nhớ vì quá bé... Nơi tôi ở đầu tiên là Cây Quáo. Đường Ngô Tùng Châu, Gia Định. Gia đình tôi là người Bắc đầu tiên đến đây. Sau này đọc truyện và biết con trai bắc hay bị con trai Nam đánh và xỏ xiên “ *Bắc kỳ ăn cá rô cây...* ” Nhưng gia đình tôi hên. Nơi xóm nhỏ, người Nam thật thà đôn hậu. Họ cư xử tử tế với chúng tôi. Đôi khi tôi lẩn thẩn nghĩ, hay vì gia đình tôi là nhà giáo ? Tinh thần tôn sư trọng đạo đã ăn sâu trong giòng máu dân Việt ? Họ rất tôn trọng và lễ phép đối với cha mẹ tôi. Một điều thưa ông giáo, hai điều thưa bà giáo... Con đường đến trường tiểu học thật dễ thương. Ngày ấy chúng tôi đi bộ nhiều, chẳng vù vù xe máy như bây giờ. Đi bộ đến trường thật vui. Cứ tung tăng chân sáo, vừa đi vừa hái hoa bắt bướm. Ôi sao ngày đó *Saigon nhiều hoa bướm thế*. Hai bên đường những hàng rào hoa dâm bụt đo đỏ xinh xinh. Nhìn vào trong, nhà nào cũng có vườn, cây cối xum xuê... Bướm bay la đà. Những con bướm đủ màu sắc nhưng bướm vàng nhiều nhất. Nếu nhìn riêng thì bướm vàng không đẹp nhưng khi bay lượn giữa rừng lá xanh thì đàn bướm vàng thật duyên dáng. Chúng như một nét điểm xuyết cho bức họa hoa lá... Tôi thích nhìn bướm bay. Tôi thích ngắm hoa nở. Trường học to vừa phải. Lớp học đủ ánh sáng. Mỗi sáng thứ hai chào cờ. Đứng nghiêm và hát quốc ca. *Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi...* Ừ thì thanh niên luôn được dạy dỗ là đáp lời sông núi... Chúng tôi được học những bài công dân giáo dục đầu tiên và... đã ăn sâu mãi vào tiềm thức. Đủ biết các cụ nói uốn cây khi chúng còn non là đúng. Tuổi ngây thơ coi những lời Thầy cô là khuôn vàng thước ngọc.

- Không phá của công - Không xả rác ngoài đường - Phải nhường ghế cho người lớn tuổi, phụ nữ có thai trên xe buýt - Phải dắt em bé hay cụ già qua đường - Phải ngả nón chào khi xe tang đi qua... - Không gian lận. Nói dối là xấu xa...

Chúng tôi đã được dạy như thế đó và *chúng tôi đã làm theo như thế đó*. Ôi Saigon của tôi ơi, bây giờ tôi đi giữa phố phường mà lạc lõng vô cùng khi chỉ mình tôi ngả nón chào người chết hay chạy nép vào lề nhường cho xe cấp cứu đi qua ! Rồi những bài học thuộc lòng. Rất giản dị dễ nhớ. *Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra* Những buổi sáng vừng hồng le lói chiếu. Trên non sông làng mạc ruộng đồng quê. Chúng tôi ngồi im lặng lắng tai nghe. Tiếng thầy giảng suốt trong giờ quốc sử *Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã điếm. Đàn chim non hớn hờ dắt tay về. Chín mươi ngày vui sướng ở đồng quê...* Cuộc sống sao êm đềm và thanh bình quá. Không có những cướp bóc lớn lao. Ăn cắp vặt cũng không ghê gớm. Tôi còn nhớ phơi quần áo trước nhà rất an toàn

chẳng phải trông chừng... Tôi còn nhớ ruộng miền Nam nhiều nơi không chia bờ rõ rệt. Tôi còn nhớ cây trái Lái Thiêu không vạch lối ngăn rào. Tình hàng xóm là tất cả. Khi chia rào, ngăn lối là xúc phạm. Tự người dân quê biết đâu là đất là vườn của mình. Vào vườn Lái Thiêu cứ tha hồ ăn. Chỉ khi mua về mới phải trả tiền. *Ôi sao ngày ấy người ta hiếu khách và cuộc sống thanh bình đẹp đẽ quá ?? Có phải là một phần nhỏ thiên đường nơi hạ giới chăng ?* Tôi nhớ nhiều về lễ quốc khánh đầu tiên năm 56 thì phải. Đúng là lễ hội. Pháo hoa tung bùng và người người ra đường trong hờn hờ reo vui. Không chửi bới, không chà đạp, không giành đường xem lễ... Saigon bây giờ còn thênh thang lắm. Saigon bây giờ chưa đông đúc bon chen... Ngày ấy các bà Bắc hay Trung đi chợ còn mặc áo dài. Lễ thói xưa còn ăn trong nếp ấy. Ra đường là phải lịch sự. Khi lễ lạc thì phải mặc *quần đen với áo dài chứ không được quần trắng vì như thế là thiếu lễ...* Tôi còn nhớ một gia đình trung lưu là đã có thể thuê người làm. Đa phần người làm là các cô gái miền Trung. Đúng là quê hương em nghèo lắm ai ơi. Đất khô cằn sỏi đá đã khiến bao cô gái quê vào miền Nam giúp việc. Thuở ấy người miền Nam hay dùng từ "*ở đợ*" còn người Bắc gọi là *người làm...* Các chị giúp việc thường rất trung thành và lễ phép với chủ nhà. Các cô cậu con chủ nhà cũng được tôn trọng. Bà chủ thường ở nhà và chị phụ giúp vì nhà nào cũng khá đông con. Ban đầu thì ba, bốn và sau thành sáu... Tôi còn nhớ lương giáo sư đệ nhị cấp tức dạy từ lớp đệ thất đến đệ nhất của cha tôi là 5200 đ, vợ được 1200 và mỗi con là 800 (không ha. n chế số con). Tô phở khá ngon là 5 đồng. Coi như lương Giáo sư là 1040 tô phở. Lương người giúp việc là 300 đ. Lương Bộ trưởng gấp 5 lần lương giáo sư vào khoảng 25. 000 đ. Còn lương Đại úy thì bằng lương Giáo sư. Nếu bây giờ 7000 đ tô phở bình dân thì lương của giáo viên cấp ba phải là 7. 000. 000 đ. Hồi đó chúng tôi thi một năm hai kỳ gọi là đệ nhất và đệ nhị lục cá nguyệt. Đề thi hoàn toàn do Giáo viên (cấp tiểu học) hay Giáo sư phụ trách ra đề. Hồi đó không có nạn các Giáo sư hay giáo viên kéo trò về nhà dạy kèm hay bán đề thi. *Đơn giản có lẽ vì đồng lương đã đủ sống nên họ không phải bán rẻ lương tâm...* Cuối năm lớp nhất thì chúng tôi phải thi bằng Tiểu Học. Sau đó thi vào đệ thất các lớp trường công. Ai rớt thì học trường tư. Tất nhiên phải học giỏi mới thi vào được những trường công danh tiếng như Gia Long, Trưng Vương, Petrus Ký, Chu Văn An... Những tháng ngày tiểu học với tôi là tung tăng chân sáo, là chơi nhiều hơn học là hái hoa bắt bướm, là nhảy lò cò, là chơi giải ranh, chơi ô quan. Đúng ba tháng hè là chơi thoải thích... Ôi chơi chơi... sao mà thú vị thế. Nhớ đến tiểu học của con gái lại xót xa. Học quá nhiều để có thành tích cho Thầy cô, cho trường lớp... và con gái tôi không bao giờ biết đến

### **Năm 60 – 67**

Đậu tiểu học xong tôi thi hai trường Marie Curie và Gia Long. Lẽ ra phải thi Trưng Vương mới đúng nhưng không biết sao cha tôi quyết định vậy. Những ngày đầu đi học Gia Long sùng sính lắm. Lý do cha định cho học Marie Curie nhưng phút chót lại chuyển sang Gia Long. Số tôi lại hên. Cô Bắc kỳ lạc lõng giữa rừng nữ sinh Nam kỳ mà không hề bị chia rẽ hay kỳ thị. Như ngày xưa, người dân Saigon đã cru mang gia đình tôi ở Cây Quáo. Từ Thầy cô đến bạn bè, chẳng ai thắc mắc vì sao tôi mặc đầm Tôi học sinh ngữ Pháp Văn. Trường có bảy lớp Anh và bảy lớp Pháp. Tôi học đệ thất 14, lớp chót. Những năm đầu Trung học tôi đi xe đưa rước của trường. Thế là hết những ngày chân

sáo, hết những ngày đuổi bướm bắt hoa. Chỉ còn ngồi trong xe hiệu đoàn ngắm phố phường qua khung cửa sổ... Xe trường đưa các nữ sinh lớp sáng về nhà và trên đường đi rước các nữ sinh lớp chiều. Trong khi chờ đợi xe đến đón, tôi thường cột áo dài và trèo lên cây trứng cá trước nhà để hái trái nhâm nhi ăn chơi hay đem vào lớp cho bạn. Nghe tiếng còi xe ngoài đường thì tụt xuống xách cặp chạy ào ra. Nhà xa nên tôi bị đón sớm và về muộn. Bây giờ nhớ lại thỡ cột áo leo cây thấy vui vui... Hay khi vào trường cũng cột tà áo để nhảy lò cò ! Trường Gia Long rất đẹp. Cơ ngơi thật đồ sộ, bốn phía là bốn con đường. *Ngày ấy chính phủ đặt tên đường có chủ đích rõ ràng. Đặt theo từng vùng các danh nhân văn võ. Không đặt lộn xộn lung tung...* . Gia Long của tôi đã được bao quanh bởi danh nhân văn chương như Bà Huyện Thanh Quan, Phan Thanh Giản, Đoàn Thị Điểm và Ngô Thời Nhiệm. Chính giữa trường là con đường tráng nhựa thật đẹp và chúng tôi hay gọi đùa là đường Bonard. Giờ ra chơi các nữ sinh dắt tay nhau thơ thẩn trên con đường ấy trông thật dễ thương Rồi gia đình tôi chuyển sang Vạn Kiếp. Trước nhà có một bụi tre và đối diện là khoảng vườn mênh mông của chủ đất với những cây cau thẳng tắp. Năm 60 có nghe tin về Mặt trận giải phóng gì đó nhưng tôi chẳng quan tâm. Thứ nhất còn bé phải lo học, thứ hai... *mọi cái lúc bấy giờ đã được chính phủ đưa dần vào nền nếp và chiến tranh... còn xa lắm... Đó là thời điểm cực thịnh của nền Đệ nhất Cộng Hoà* Ngày đó chưa có truyền hình. Mới chỉ là truyền thanh. Chương trình khá phong phú. Tôi thích vừa làm toán vừa nghe nhạc. Cũng có chương trình Tuyển lựa ca sỹ hàng tuần nhưng phải nói... đa số hát dở chứ không như các cuộc thi bây giờ, thí sinh hát khá vững. Báo chí nở rộ. Ai có tiền thì ra báo. Không cần phải là người của cơ quan chính quyền như bây giờ. Tôi mê xem báo. Tôi dõi tin tức. Ngày đó có vụ thuê báo. Các em bán báo lẻ hay quây bán báo nếu bán không hết thì cuối ngày trả lại toà soạn. Vì thế một số quây báo có sáng kiến cho... thuê báo. Người đọc thuê và trả tiền chỉ chừng phân nửa. Tất nhiên tiền đó chui vô túi chủ quây báo và người bị thiệt hại là chủ nhân tờ báo. Gia đình tôi chỉ mua một tờ và trao đổi với cậu tôi ở gần nhà tờ khác. Coi như tốn tiền một mà được xem hai báo. Báo thiếu nhi hơi ít. Báo chí đối lập được tự do hoạt động. Do đó có gì xấu xa của chế độ hay chính quyền thì những tờ báo đó vạch ra ngay. Còn những tờ thân chính phủ... thì bị báo chí đối lập gọi là *nâng bi...* Sách thì rất nhiều. Đủ các loại. Mỗi nhà xuất bản có nét đặc thù riêng. Như nói đến Lá Bối là biết ngay các loại sách về Thiên, Phật...Nói đến Khai Trí là sách về Văn học Nghệ Thuật... Văn thi sỹ nở rộ. Tất nhiên cũng chia làm nhiều loại. Có những văn sỹ chuyên viết tiểu thuyết tâm lý xã hội và được các bà nội trợ bình dân hay các tiểu thương ái mộ như bà Tùng Long. Có những nữ văn sỹ viết khá bạo như Nguyễn Thị Hoàng với cuốn truyện nổi đình đám *Vòng tay học trò*. Nội dung truyện kể về chuyện tình của một cô giáo với học trò bằng một giọng văn... khó hiểu. (theo thiển ý cá nhân tôi !) Có những văn sỹ miền Bắc viết chuyện trong thời gian họ đi kháng chiến chống Pháp rất hay như Doãn Quốc Sỹ. Thời ấy thi sỹ cũng nhiều. Nào Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Du Tử Lê, Nguyên Sa, Hà Huyền Chi, Hoàng Anh Tuấn, Mùng Mán... Thơ văn Saigon hồi ấy như trăm hoa đua nở. *Đủ loại và tự do sáng tác theo cảm hứng, không phải viết theo một khuôn mẫu nào. Do đó rất phong phú.* Nhưng tôi lại thích đọc sách phóng tác hay dịch !( vì chưa đủ trình độ đọc nguyên tác ) Mỗi lần hè về là tôi mê mẩn ngón hàng tá truyện... Vật giá có lên nhưng chỉ chút đỉnh... Cũng chỉ mình cha đi làm còn mẹ ở nhà chăm lo con cái. Thỡ tiểu học thì mẹ tôi kèm tất cả các

môn. Lên Trung học thì bà không dạy được các môn khoa học nhưng Pháp vẫn thi vẫn tiếp tục cho đến tú tài vì ngày xưa mẹ tôi có bằng Certificat gì đó. Cuộc sống vẫn êm đềm và khá thanh bình. Nhưng từ năm 61 thì...không còn nữa. Đường đi thường xuyên bị đắp mô. Quốc lộ thì ít và tỉnh lộ thì nhiều hơn. Địa phương quân mỗi sáng sớm phải đi phá mô. Xong xuôi thì dân chúng mới dám đi lại. Đã có những mô nổ tung và cả chuyến xe đò tan tác... Rồi những năm sau là những lần nổ ở vũ trường nơi quân Mỹ thường lui tới. Tất nhiên dân thường cũng vậy. Tôi vẫn ngoan ngoãn với sách đèn. Chẳng hề giao du bạn trai vì cha mẹ cấm. Ngày ấy Gia Long và Trưng Vương là hai trường nữ nổi tiếng nhất. Hàng năm chỉ có một kỳ thi chọn học sinh giỏi là Trung Học Toàn Quốc. Lẽ dĩ nhiên số đậu rơi vào bốn trường lớn. Còn Lê Hai Bà Trưng hàng năm được tổ chức khá lớn và hai người đẹp của Gia Long, Trưng Vương được đóng vai Hai Bà ngồi voi diễn hành... (bây giờ ở VN dùng từ diễu hành ??? Tôi không hiểu vì sao lại diễu hành thay cho diễu hành ???) Đề thi của mỗi môn cũng vẫn do Giáo sư môn đó phụ trách. Tôi thấy như vậy mà hay. Chẳng có gì lộn xộn xảy ra vì thời ấy không có nạn cha mẹ hối lộ Thầy cô. Mỗi năm tôi học đệ nhất thì thi chung toàn khối và đã có rắc rối xảy ra. Chẳng hạn đề thi triết đệ nhất lục cá nguyệt là của cô Lan dạy chúng tôi thì lớp chúng tôi làm được còn các lớp khác thì không... Hồi đó bậc Trung Học chúng tôi phải thi tổng cộng : Trung Học ( hết lớp đệ tứ ) Tú tài 1 ( hết lớp đệ nhị ) và Tú tài 2 ( hết lớp đệ nhất ). Nhiều bạn sau khi có bằng Trung Học thì đi làm. Có thể chọn nghề thư ký. Sau Tú tài 1, rụng bớt một số bạn. Sau Tú 2 rụng một số. Số học giỏi và có điều kiện thì tiếp tục con đường đại học. Đề thi đại học do các trường tự phụ trách. Ngày thi lệch nhau. Trường nào cũng công bố danh sách thi đậu chính thức và dự bị. Do đó tôi cảm thấy rất trật tự nề nếp chứ không lộn xộn như bây giờ. Nếu gọi danh sách chính thức mà thiếu thì trường gọi đến dự bị. Đơn giản vậy thôi. Nhưng có lẽ hồi đó vấn đề hối lộ, bán đề thi không kinh khủng đến nỗi Bộ Giáo Dục phải xen vào ra đề chung như VN bây giờ... Lại cũng do vấn đề tiền lương. Khi đồng lương không đủ sống thì... tư cách con người suy giảm... Đường phố Saigon của những năm 63 vẫn còn xe Mobylette và dễ thương ngộ nghĩnh là *Velo solex*. Chiếc xe xinh xắn nhưng có cái bầu to phía trước. Nữ sinh thường đi xe này. Khi chạy xe, tà áo dài phía sau phồng lên trông rất vui. Nhưng đa số học sinh vẫn đi xe đạp. Số xe máy rất ít. Và vì thế đường phố Saigon vẫn khá thênh thang. Năm đệ tam thì tôi không đi xe đưa rước nữa mà chuyên qua xe đạp. Cũng khá xa mà sao hồi đó chúng tôi không thấy gì. Chả như bây giờ sân trường cứ tràn ngập xe máy mà lại còn xe phân khối lớn... Đợt vừa qua năm 2002, Saigon có chấn chỉnh cấm học sinh chạy xe phân khối cao. Thì... các cô cậu quý tử đối phó bằng cách... không gửi xe trong trường mà gửi xa xa !!! Năm tôi học đệ tứ 1963 thì xảy ra vụ Phật Giáo. Sau đó nền Đệ nhất Cộng Hoà sụp đổ. Tôi không ghét ông Diệm nhưng tôi ghét bà Nhu. Vì tính tình xác xược của bà. Nhưng phải nói hồi đó với tôi, xã hội tương đối ổn định, trật tự nề nếp. Dù ông Nhu có lập Đảng Cần Lao nhưng...không ép buộc lộ liễu. Họ cũng gợi ý nhưng không vào thì thôi. Cũng chẳng vì thế mà bị đi soi trán. Hay trong ngành giáo dục của cha tôi, người ta không trắng trợn ????? Tôi chỉ biết nếu học giỏi là được học bổng, không bị phân chia lý lịch gì cả... Sau 63, các trường có Ban Đại diện. Ngày đó tôi không chú ý lắm các thành phần ứng cử. Nhưng sau này, các anh chị lớn nói rằng, học sinh - sinh viên giỏi thường bù đầu với việc học, ít tham gia các hoạt động trên. Do đó CS cài người vào nắm vùng ở hầu hết Ban đại

*diện các trường.* Họ được huấn luyện kỹ nên ăn nói hoạt bát. Còn học sinh giỏi thì không có thời gian luyện khoa ăn nói... Saigon của tôi sau những ngày đấu tranh sôi nổi, sau những biểu tình, sau vụ tự thiêu của Hoà Thượng Thích Quảng Đức... lại êm ả trở lại. Nhưng không như xưa vì liên tiếp các đợt biến về chính trị. Cuộc chỉnh lý của Tướng Nguyễn Khánh rồi chẳng bao lâu đến phiên của Tướng Thiệu và Tướng Kỳ Tôi chỉ biết học và không chú ý đến những việc khác. Liên tiếp hai năm thi tú tài 1 và 2 đã ngốn tất cả quỹ thời gian. Nhưng tôi chỉ nhớ Tú tài 1 chương trình đã bị cắt giảm vì chiến tranh... Cũng từ 65, quân Mỹ đổ vào đông và đã gây xáo trộn. Lính Mỹ lấy vợ Việt. Đa số là các cô gái nhảy, thời đó gọi là cave hay cả các cô xuất thân là người giúp việc. *Me Mỹ* là tên dân chúng gọi cho những cô này. Nội cái tên gọi đã nói lên sự khinh rẻ của dân chúng dành cho những cô gái ấy. Nghĩ cũng đáng thương... Nhưng cũng chính những đồng đô la xanh mà các cô me Mỹ tiêu vô tội vạ đã làm vật giá Saigon tăng cao. Gọi là đô la xanh vì lúc ấy chính quyền Mỹ in riêng một loại đô la cho quân Mỹ dùng ở VN... Người làm của chúng tôi lấy Mỹ và... đòi đòi... Cuộc sống của giới trung lưu như giáo sư bắt đầu lao đao... Giáo sư nào dạy tư thêm thì còn đỡ... Gia đình tôi hạn chế mọi chi tiêu vì cha không dạy tư và yêu cầu mẹ phải ở nhà chăm sóc việc học của các con. Ai có thời gian để gửi thư tình tự. Ai có lúc lang thang quán ăn hàng. Còn tôi thì không. Cắm đầu cắm cổ học. Đi học là về nhà ngay. Ngày đó chúng tôi, gồm chị tôi và tôi đều học Gia Long nên không có vụ bạn trai nào dám đến nhà. Chúng tôi cũng chẳng học tư nhiều. Mà học tư vào những năm thi thì cũng né con trai tôi đa. Lệnh cha mẹ phải chấp hành nghiêm chỉnh. Thậm chí sau này chị tôi học du học cũng vẫn không hề có một tên “masculin” nào dám đến nhà ! Tôi thích con gái đi học bằng xe đạp và nón lá nghiêng nghiêng. Từng vòng xe quay chậm chậm nhỏ bé. Áo dài ngày đó mặc rất kín đáo. Chúng tôi bắt buộc phải có áo lá bên trong. Và các bà giám thị luôn coi chừng nhắc nhở những nàng mặc áo quá chít eo, những nàng khua giày cao lộp cộp... Chúng tôi đi sandal. Rất dễ thương. Tôi không thích học trò quá điệu. Áo thật eo hay guốc cao. Mà thật kỳ. Đa số mấy cô điệu thường học kém và có bồ sớm. Các cô giỏi thì ngược lại ! Nhưng cũng có cá biệt. Tôi còn nhớ ngày đó cô bạn bạn B Kim Dung rất xinh học giỏi được chọn làm Tây Thi trong vở kịch cuối năm... chẳng điệu gì cả. Riêng lớp tôi thì chỉ có vài chị điệu và tất nhiên... học dở, có bồ sớm... Năm tôi thi tú tài, chỉ còn viết và bỏ vấn đáp. Chứ trước kia, một số môn phải thi viết và vấn đáp (còn gọi là oral) Tôi đậu tú tài cao và được trường thưởng hai chữ Gia Long quyet vào nhau bằng vàng 18. Những năm sau, trường đổi lại là hoa mai vàng. *Đó cũng là phù hiệu của Gia Long* Tôi mê Y khoa và... ghét du học. ! Tôi thích là bác sỹ để chữa bệnh cho trẻ em và tự nhủ sẽ chữa miễn phí cho em nào mắc bệnh sài uồn ván. Tất cả...chỉ vì tôi mất một đứa em trai vì bệnh này... Còn Du học khoa ? chẳng hiểu sao tôi ghét nữa ? Tôi nói rằng học du học, ra bán thuốc ngòi đém từng đồng xu leng keng ! Chính vì thế sau này có một du học sỹ đại úy theo, tôi đặt tên anh ta là đại úy leng keng ! Nhưng nghề chọn người chứ người không chọn được nghề. Tôi thi rớt dù học giỏi. *Năm đó đề thi y khoa bắt đầu có câu hỏi tổng quát, hỏi về những kiến thức xã hội chung quanh. Tôi học chăm quá nên vào phòng thi bị đuối sức, quy ngã...*

## Năm 67-71

Tôi ghi danh Khoa Học, Chứng chỉ Lý hóa vạn vật tức SPCN. Nơi đây quy tụ nhiều người đẹp nhất Khoa học vì sinh viên xuất thân ban A. Còn chứng chỉ MGB hay MGP thì ít con gái hơn... Chương trình học khá nặng. Buổi sáng thực tập đủ năm môn (Động Vật, Thực vật, Lý, Hóa, Địa Chất) và chiều học lý thuyết. Tôi thích thực tập thực vật hơn các môn kia. Cắt ngang hoa dâm bụt hay lá gì đó xem được cấu trúc của nó dưới kính hiển vi rất đẹp. Tôi không thích thực tập địa chất. Toàn những mẫu đá vô tri giác. Tôi cũng không thích lý với những bài dây điện loằng ngoằng. Thực tập động vật tuy sợ nhưng cũng thích Mỏ con vật ra và xem cơ thể bên trong rất thú vị Chính ở đây là những mảnh tình trong sân trường đại học. Vì có cơ hội tiếp xúc bạn trai. Chứ những ngày Gia Long hết đi xe hiệu đoàn đến xe đạp và mê học quá chùng đầu chú ý ai... Năm đầu tiên đại học tôi chứng kiến tết Mậu Thân. Sáng sớm nghe nổ mà ngỡ tiếng pháo. Khi nghe tin Saigon bị tấn công, tôi bàng hoàng. Trời ? thủ đô ? Mấy ngày sau từ nhà nhìn về phía Gò Vấp thấy trực thăng thả rocket từng chùm... Lần đầu tiên cô bé nữ sinh chứng kiến tận mắt chiến tranh dù chỉ là một phần nhỏ. Thực ra trước đó những lần các quán bar bị đặt mìn nổ, xác người tung toé... Sau những ngày kinh hoàng, Saigon của tôi lại như cũ. Ngày đó sinh viên chúng tôi đi học mặc áo dài. Thịnh thoảng có cô mặc đầm và không ai mặc tây cả... Nên sân trường đại học tung bay bao tà áo muôn màu sắc. Cha mẹ khó nên tôi vẫn đơn giản áo trắng và ôm cặp như thuở Gia Long. Thịnh thoảng mới áo màu. Vì vậy khi tôi mặc áo dài màu, các bạn thấy lạ... Chiều thứ bảy, tôi thường cùng cô bạn lang thang Saigon để ăn hàng và ngắm... phố phường. Hồi đó có lẽ không khí chưa ô nhiễm nên con gái Saigon tuổi mười bốn, hai mươi trông rất đẹp. *Đẹp tự nhiên ở đôi mắt đen láy, nước da đỏ hồng.* Có cô má đỏ au như con gái Đà Lạt. Tôi thích người đẹp nên hay ngắm con gái Saigon trên hè phố. Tuổi học trò thích nhất là lang thang phố phường và ăn hàng. Đi học cũng thích... thầy bệnh để được nghỉ rồi rủ nhau ra quán tán dóc. Thật ra bọn con gái chúng tôi siêng năng đi học nên thích vậy chứ một số ông con trai... rất ít đến giảng đường. Mấy ông đó chỉ đi thực tập vì có điểm danh. Vả lại không đi thì sẽ không biết làm ? Còn lý thuyết thì lâu lâu đảo vô một chút. Cuối năm bắt đầu ngồi tụng. Tất nhiên cour đầu bằng bài giảng của Thầy. Thế là các ông tướng này đi theo năn nỉ mấy cô như tôi cho mượn tập ! Ngày đó nam sinh viên có nỗi lo, đó là nếu thi rớt sẽ đi quân dịch. Đời sống đắt đỏ, vật giá leo thang hoài. Chiến tranh cũng vậy. Quay trái, quay phải, sau lưng, trước mặt, đâu cũng có người đi lính và chết. Có năm sinh viên phản đối chính quyền, đã vô xé bài không cho chúng tôi thi. *Sau này, điểm danh lại thì trời ơi... mấy tay kích động, phá hoại đó... toàn là dân nằm vùng !* Tôi bắt đầu gửi bài đăng báo năm đệ tứ. Đăng và dấu nhẹm, không dám cho gia đình biết. Hai năm sau thì bận thi tú tài 1 và 2 nên ngưng. Khi lên năm thứ hai đại học thì tôi lại rai viết lại. Thuở đó báo có số phát hành nhiều nhất là tờ Chính Luận. Thiên hạ đồ xô đăng quảng cáo ở đây rất nhiều. Báo có mục *Nói hay đừng.* Nội dung là viết linh tinh đủ vấn đề nhưng khuynh hướng là *chỉ trích những việc... đáng bị chỉ trích.* Tôi lấy bút hiệu Quỳnh Couteau. Tôi còn nhớ có mấy cây bút sinh viên của mục này : Quỳnh Couteau của Khoa học, Thảo gàn của Nha khoa, Thu hippy duong như văn khoa... Tôi viết truyện tình cho báo *Tiếng Vang.* Tôi có thói quen mua từng ram giấy pelure đủ màu và viết bài trên đó. Tương đối tôi viết khá dễ dàng. Đặt bút là viết. Hiếm khi sửa lại hay bôi xóa. Để bài mình được... đăng nhiều và liên tiếp, tôi

lấy khá nhiều bút hiệu. Nhưng tôi biết nhà văn *Thanh Nam*, người phụ trách trang đó biết là cùng một người. Vì cùng một nét chữ, cùng cách sử dụng giấy pelure hồng, vàng... Tiếng Vang gửi nhuận bút 500/bài, Chinh Luân thì cao hơn 800/bài. Sau này tôi lại rai nhảy qua Sóng thần của Chu Tử... Tôi nhớ dường như sau một năm tôi có bật mí trong một truyện, các bút hiệu 1, 2, 3, 4...đều chỉ là một người ! Có điều vui là... các độc giả cũng ái mộ, gửi thư đến toà soạn... xin làm quen. Vui hơn nữa là khi tôi đến toà soạn lãnh nhuận bút gặp cô con gái chủ nhiệm *Quốc Phong* Cô này lúc đó thay thế nhà văn Thanh Nam phụ trách trang Truyện tình của bạn. Không biết sao chỉ gặp lần đầu, nhìn xa xa mà cô rất thích tôi. Hôm sau xuất hiện trên báo giòng nhắn tin của cô “ *PQ, hôm qua PQ đến mà chị không dám ra nói chuyện vì đang đau mắt. Nhưng thấy PQ xinh quá, giọng bắc thật dễ thương...* “ Giời ạ, sau dòng nhắn của cô thì...thơ của độc giả ái mộ gửi đến quá xá luôn. Tất nhiên tôi vẫn dẫu nhem mọi người trong gia đình. Nếu không, bỏ tôi cho ăn chổi chà về tội không học, lo viết chuyện đăng báo ! Thực ra tôi vẫn chăm học. Viết truyện tình ngắn với tôi... dễ ẹt ! Chỉ mất chừng một giờ. Mà lại có 500 hay 800 đê đãi bạn bè ăn hàng thì cũng thú vị. Tiếc là sau này Tiếng Vang tự đình bản và tôi quay qua viết cho Sóng Thần hay Dân Luận. Hồi đó sinh viên chúng tôi hay ra thư viện để học. Thư viện khoa học thì nhỏ, muôn có chỗ phải đi sớm. Chỉ có tiện là ngay trong trường thì sau đó vô giảng đường, không mất thời gian di chuyển. Còn thư viện đẹp là của ĐH Vạn Hạnh nhưng tôi ít đến vì xa nhà. Hai thư viện gần là TV Văn hóa Đức và Hội Việt Mỹ Thư viện Văn hóa Đức nằm trên đường Phan Đình Phùng. Nhỏ thôi. Có máy lạnh. Nhưng... tệ hại là không có người giữ xe. Xe cứ khóa để trong sân. Thư viện lại ở trên lầu. Và tại đây, tôi có những kỷ niệm vừa vui vừa buồn. Những kỷ niệm nho nhỏ... Thư viện bé nên chỉ một thời gian, những sinh viên hay lui tới đều biết mặt nhau. Tôi còn nhớ có một sinh viên già nhất, rất lập dị. Anh để hàm râu dài và xôm xoàm. Nghe nói anh đang học Luật. Gặp tôi vài lần ở cầu thang, mỉm cười với nhau và thế là quen. Có lần tôi ngồi học và có cảm tưởng... Tôi nhìn sang thấy anh ở bên kia và... đang vẽ ký họa tôi. Khi ra về, anh đưa và hỏi “ Hôm nay anh thấy em dễ thương lắm. Em đã lấy mất một buổi học của anh. Vì... vẽ em... “ Có khi anh bảo tôi “ khi nào em lấy chồng, nhớ báo anh nhé “ “Anh sẽ mừng gì ?” “ một tạ muối “ “ Kỳ vậy “ “ Cho tình nghĩa vợ chồng của em đậm đà như muối... ” T, bạn cùng Khoa học cũng hay đến đây. T đến vì tôi chứ không vì thư viện vì nhà T xa. Lắm lúc cũng chẳng học, vẽ hay viết lảng quăng mấy câu nho nhỏ gì đó cho tôi. Rồi tôi bị mất xe ở đây. Hôm đó tự nhiên thấy người rất khoẻ và sáng suốt. Tôi say mê học. Thư viện về hết, chỉ còn mình tôi. Khi xuống thì chẳng thấy Honda, chiếc Honda mới toanh do gia đình mới mua, giá 72. 000 đ ( *lương giáo sư lúc đó 23. 000* ). Tôi hoảng hốt xuống phòng dưới cửa bảo vệ, hỏi rất ngây thơ : -Bác thấy xe cháu đâu không ? Bác cười :

- Không ? chắc lại bị ăn cắp rồi ? Tôi tái mặt. Bác nói tôi đi khai báo. Tôi đi bộ đến bót cảnh sát trên đường Mạc Đĩnh Chi gần đó. Lão cảnh sát thấy ghét. Lão ghi chép xong lời khai rồi cười cười:

-Thế cô có biết ai lấy xe cô không?!!! Tôi đi bộ từ đó về nhà ở Gia Định. Thấy con đi về, không có xe, cha mẹ hỏi. Mếu máo. Bố mắng tôi bời. Mẹ thì không. Tôi nằm trên gác khóc suốt. Sao... người ta ác thế ? sao ăn cắp xe của tôi ? Khóa rồi mà ?? ngày đó tôi ngây thơ và gà tò kinh khủng... Không thấy tôi đi học hay đến thư viện VH Đức, T tìm

đến nhà. Thấy mắt sưng, T hỏi. Rồi thì T “ Tôi sẽ đi hỏi cho LC. Tôi quen tên đầu đảng, trùm ăn cắp xe ở vùng...” Tôi tròn mắt ??? *T, anh chàng đẹp giai, thông minh, đàn hay, vẽ giỏi... quen trùm du đảng ?????!!!!!!* Thấy tôi tròn mắt, T chỉ cười. Hôm sau T quay lại “ Bạn tôi không tìm được vì không phải vùng nó kiểm soát. tụi nó rã xe nhanh lắm “ Tôi nghi học mấy bữa. T lại tìm đến : - LC à, LC lấy xe PC của tôi đi học đi ? Tôi còn cái Mini Vespa mà ? Tôi đổ mặt. T là vậy. Muốn nói gì là nói. Chẳng ngán ai ? Còn Hội Việt Mỹ thì thư viện to, đẹp. Đa phần tôi viết truyện tình đăng báo ở đây ! Nhớ lại cũng vui. Khi báo đăng, tôi cắt và đem vào trường cho bạn xem. Bạn gái xem thì ít (nhỏ Mai không có tâm hồn văn chương ) nhưng T xem thì nhiều. Có khi... ngang đến độ...bỏ giờ học, ngồi ở thềm của lớp để xem truyện của tôi ! Bởi thế mấy chục năm sau, có người nghi ngờ, đoán rằng T, bạn ông ấy cũng chính là T ngày xưa của Khoa học, đã mét T. T tìm đọc và đã nhận ra văn phong của tôi. “ *Văn LC lúc nào cũng vậy. Vẫn rất nhẹ nhàng, thơ mộng* “ Vẫn vẫn vậy nhưng cuộc đời thì không vậy ?? bao nỗi trôi sóng gió cho cô nhỏ được một số ông ở khoa học gọi là “người có đôi mắt đẹp nhất phòng Hóa “ !! Tình hình chiến sự ngày một leo thang. Tôi nhớ những sự kiện đặc biệt

- Vụ đầu cơ gạo của thương buôn Tàu và Tướng Kỳ đã “chơi ngon“, ra lệnh xử tử Tạ Vinh. Ông tướng này thuộc loại võ biên, ruột để ngoài da, phát biểu như cao bồi Texas. Chẳng cần biết sau này Tạ Vinh có bị xử tử thật hay không nhưng lập tức vụ gạo được ổn định.

- Năm nào đó tôi tẩy chay không đi bầu khi Tướng Thiệu độc cử ! Vật giá ngày leo thang luôn. Thì như đã nói, quân Mỹ xài phung phí, me Mỹ xài vung vít. Chỉ còn giới trung lưu như giáo chức là khôn đốn. Tôi vẫn sống trong tháp ngà. Chiến tranh có làm suy tư thì chỉ trong phút chốc. Việc học cuốn hút. Và những ngày thứ bảy cuối tuần vẫn vi vút dạo phố Saigon ăn quà. Tuổi học trò thích nhất là ăn hàng. Tiền bố phát hàng tuần eo hẹp lắm vì nhà giáo mà. Nên tôi đã bỏ sung ngân quỹ ăn hàng bằng các bài viết cho Tiếng Vang, Sống, Chính luận...

Thời tiết Saigon ngày ấy không như bây giờ. Vì tôi nhớ đi học phải mặc áo dài suốt ngày. Nhà xa, sáng học thực tập, trưa ở lại và chiều học lý thuyết. Có lẽ ảnh hưởng thời tiết chung toàn thế giới và cũng vì Saigon... không quá đông như bây giờ ? Mấy cô bạn Gia Long cũ, bỏ đi làm từ khi đậu tú tài thì có cô vô Ngân hàng, lương rất cao. Cô thì làm cho hãng Pháp, *lương coi như khoảng một lượng vàng/ một tháng. Lương chuẩn úy gần một lượng.* Quân nhân được mua hàng rẻ gọi là quân tiếp vụ. Đa số mua xong, đem ra ngoài bán lại cho con buôn. Hồi đó có phong trào làm cho sở Mỹ vì lương rất cao... Thanh niên sinh viên lai rai biểu tình. Cứ biểu, cảnh sát biết hết ai là ham vui, ai là Cs nằm vùng... Tôi chưa bao giờ tham gia hay đi xem. Vì chăm học quá mà ? *Nhưng đừng nghĩ rằng không nghe tiếng đại bác trong tháp ngà ! vẫn nghe đấy chứ.* Cũng có những niềm riêng khác khoái. Nhưng mục tiêu phía trước phải đạt cho xong... Tôi ra trường năm 71. Thân cư Mệnh nên suốt đời tự lo. Họ hàng, cha mẹ không giúp. Dù quen biết nhiều. Tôi viết bài *Ba lần văn bằng cử nhân đi xin việc làm đăng trên Chính Luận.* Nhà báo noi lão ăn tiền. Bi thảm hóa thêm. Chàng Giám Đốc Nha Viện Trợ trực thuộc Tổng Nha Kế Hoạch viết thư mới cô cử đến cộng tác. Thế là hết những ngày lang thang sân trường đại học. Hết những ngày khúc khích với anh trên đường Phùng Khắc Khoan, nghe lá me xanh reo trên tầng cao, hết những chiều thứ bảy cùng cô bạn thân ăn hàng chợ Saigon, hết những

ngày trong giảng đường nhỏ giờ Thầy Thới, nghe được cả tiếng muỗi vo ve, hết cả những giờ xem hai phe chống và thích rượt nhau trong sân trường khoa học Tôi bắt đầu vào đời. Từ ấy... Saigon của tôi...có những nét khác hơn của thuở học trò. Nhưng vẫn là Saigon của mưa nắng hai mùa, của áo lụa Hà Đông giữa trưa hè nóng bỏng, của tiếng chuông chùa Xá Lợi ngân nga. Của giáo đường nhà Thờ Đức Bà tung bay muôn màu áo chiều chủ nhật *Saigon* với áo dài tha thướt. *Áo Saigon không biết ngồi sau lưng Honda hai bên như bây giờ. Áo Saigon không biết phóng xe ào ào như bây giờ... Áo Saigon không cười hô hô trên đường phố như bây giờ. Áo Saigon không cong cớn như bây giờ.* . Và tôi, bao năm tháng trôi qua, vẫn một niềm hoài vọng về... Saigon ngày ấy...

Xin trả cho tôi nắng Saigon Thênh thang đường phố lụa Hà Đông Xin trả cho tôi mưa ngày ấy Và trả cho tôi cả cuộc tình...

SaiGon ByNight  
tranh họa sĩ Chócé –  
Nguyễn Hải Chí



**Lải Nhải Đồi Tôi**  
**(1959 – 1969)**  
**Lưu Nhơn Nghĩa**

Cuối năm 1958, Thủ khoa Nghĩa không nhận lên đệ tam, tôi lao đao lên Sài Gòn tìm trường tư học tiếp. Đọc báo thấy tên trường Hoàng Việt ở đường Phan đình Phùng gần nhà nhứt, tôi chưa dám đi xa, chưa quen đường, hay chạy lạc. Ngày ngày đạp xe đạp từ đường Triệu Đà Chợ Lớn. Tôi ở nhà thân nhân bán gạo, than, dầu lửa, gạo chất tới gác. Ở Châu Đốc thanh thân đã quen, còn SG xa lạ, cao sang, tôi cứ nhìn các cô để tóc đuôi ngựa, đẹp quá. Tôi thì quần kaki xanh mốc, mồ hôi đổ ướt mình trên xe đạp, mắc cỡ.

Năm 1958, dân Sài Gòn (SG) đã quen tên đường bằng tiếng Việt, nhớ năm trước đi trại hè, ngủ tạm trường tiểu học Phan đình Phùng, hỏi dân xích lô máy không biết, chỉ nhớ tên đường Richaud (?). Dân còn khá thanh thoi, nhiều anh xích lô đạp năm ngừ trưa hay đọc báo bên đường. Người Pháp và ảnh hưởng văn hoá Pháp rất mạnh, các cô trường Pháp cứ tự nhiên nói tiếng Pháp ngoài phố. Các ông còn mặc quần short trắng, áo trắng, vớ cao, ngồi ăn sáng quán Vĩnh Lợi, trên đĩa có miếng bánh mì, lát fromage, trái chuối già. Ông dùng dao cắt trái chuối thật gọn, tự nhiên, động tác rất noble. Áo dài cổ cao, vạt áo chấm gót. Nón Tây vẫn còn.

Đường SG còn cây cao bóng mát, xe đạp rất nhiều, xe bus cũng dư cung cấp phương tiện di chuyển rẻ tiền, thấy xe ngựa còn lợc cọc trên tuyến đường Bảy Hiền, năm 1965 mới không còn. Xích lô đạp, xích lô máy rất thông dụng. Taxi là xe Renault nhỏ, hai ngựa, màu xanh dương. Xe gắn máy (Mobylette, Sach, Velo Solex, Gobel, Puch) khá nhiều dành cho công chức, học sinh ít dùng, xe Mobylette chừng hơn \$6000. Ai cũng khen đồ Tây tốt và bền nhứt, cũng như tiếng Tây hay nhứt. Các cô mặc áo dài trắng, eo lả, đội nón lá, chạy Solex đẹp lắm. Xe hơi có Peugeot, Renault, Citroen, Simca, vài chiếc xe Huê Kỳ. Hàng hóa Tây được chuộng, ảnh hưởng Mỹ chưa mạnh như sau này.

SG mới có phong trào Đại nhạc hội, nhạc nhớ miền Bắc rất thịnh, các bản '*Nhớ về Hà Nội, Chuyến đò vĩ tuyến*'... Nhạc sĩ miền Bắc chi phối nền văn học và giáo dục miền Nam. Trường tư cũ ít, trường Nguyễn văn Khuê, Lê bá Cang... Trường tư lớn do người Bắc mở khắp SG, thêm lớp dạy thêm, học sinh đông lắm, mở trường là có học sinh, thời thanh bình, thanh niên nô nức đi học. Thời vàng son của giáo sư.

Tôi chọn ban B, hy vọng khá toán để thi lại Trung học Đệ nhứt cấp. Bàn học chật chội, 6 đứa, lớp chừng trên 80 đứa, khởi trả bài, khởi điểm danh, chỉ kiểm soát học phí, khoảng \$300/ tháng (?). Lần đầu học chung với nữ sinh, sĩ số nữ sinh chừng 1/3 tổng số, có lẽ ban B, ít nữ sinh. ( Nhớ Thủ Khoa Nghĩa thời tôi, sĩ số nữ sinh là 1/4; trường chỉ có 1 lớp A và 3 lớp B nam sinh). Nữ sinh trường tư không có đồng phục, áo dài màu đẹp lắm, hình như đẹp hơn nữ sinh Châu Đốc(?). Học sinh gốc Bắc khá đông, toàn bộ giáo sư đều gốc Bắc. Tôi nhớ luật sư Trần văn Tuyên dạy Pháp văn, đủ biết là lương giáo còn cao, sau này luật sư không ai dạy học thêm. Thầy Nguyễn Phó, nhà văn Hư Chu dạy học còn hơi hướng nhà nho.

Lớp có ban đại diện, trưởng lớp là chị Trần Khánh Tuyết (ở Châu Đốc chỉ biết già G. làm mấy năm liền). Chị Tuyết rất hoạt động, nói tiếng Pháp rất hay. Lúc đóng kịch Molière, chị đóng vai chánh; tôi khôn hồn lựa vai phụ mà xuất hiện ngắn, đóng cho qua. Vả lại tôi chỉ quen chị duy nhứt, chị coi tôi như em. Sau năm học, mất liên lạc tới năm 2005, tình cờ liên lạc qua email, nghe tin tôi bình, chị tức tốc qua Brisbane thăm tôi đầu tháng 1/2007: 45 năm, hai chị em tâm sự chuyện cũ cả tuần chưa chán. Chính chị dạy tôi chơi correspondent (tìm bạn thư tín), bạn thư, và tôi quen những Kazuko, Annette Fricker..., viết thư say sưa. Suốt năm, không thu thập gì, toán lý hoá quá kém. May là tôi mua sách học thêm sinh ngữ. Ở Châu Đốc lay quay bài chép trên bảng. Ở SG nhiều thư viện và tiệm sách; có được cuốn nào, tôi học ngẫu nhiên cuốn đó. Bây giờ nhớ lại thấy mình ngu, tôi học các bài toán 'tử', vô thi trật tử thì chịu chết. Đọc được cuốn Grand Coeur (Tâm hồn cao thượng), Vô Gia Đình (Sans famille) say sưa, có khi cảm động ngậm ngùi. Sau khi học thuộc lòng cuốn Les Mots Anglais, tôi ôm tự điển học; rồi dành trọn buổi học thêm ở Centre Culturel Fransais gần Sở thú, học thêm chương trình Anh ở trường Mỹ chung với con cháu dân ngoại quốc thường.

Năm 1960, lại rớt Trung học thêm hai keo, hết chuyện nói. Tôi ít về Tri Tôn sống trong địa ngục gia đình có đứa con thi rớt, hàng đêm nghe chửi, rớt thì học cours luyện thi. May mà gặp trường tư thực Hàn Thuyên có Đề nghị ban C, ban C khó đậu, học sinh quá ít, mở lớp không có lời, sau năm đó trường dẹp ban C, hú vía. Giáo sư dạy cho có, giảng lang bang: Ông Nguyễn D. D. có tiếng là nhà văn, không tốt nghiệp Đại học nào, vào ngâm thơ Hàn mặc Tử, dạy không hết chương trình. Giáo sư Sử Địa cũng tà tà, không biết chương trình theo, miễn học sinh vui, không phá phách là được. Giáo sư Pháp văn thì cà kê chuyện cá nhân mình. Mỗi năm thi hai kỳ cho có, lúc vào thi thật thì phú thác cho trời. Giám khảo chấm thì hà tiện điểm, vào oral thì được dịp mắng thí sinh để tỏ uy quyền. Chỉ có hai ban A, B, trúng toán lý hoá là xong. Năm đó cả lớp tôi đậu Tú Tài đúng ba đứa. Thời đó, miễn còn đi học là còn hoãn dịch. Tránh được toán lý hoá là yên thân, tôi không trông cậy giáo sư trường, chỉ chuyên lo học thêm, tới đâu hay tới đó. Những bài toán lý hoá không còn ám ảnh. Ban C thi chỉ có bốn môn viết: Việt, Anh, Pháp, Sử Địa. Tôi tìm an vui trong những lá thư ngoại quốc, ước mơ lãng mạn.

Năm 1961, xách gói lo thi thêm kỳ thi Trung học đã bỏ oral, hy vọng tìm được niềm vui, bớt áp lực gia đình chòm xóm. Năm thứ ba, nghĩa là lần thứ năm lại rớt. Tôi không về quê, viện lý do thi Tú Tài. Lại chuẩn bị hồ sơ thi Trung học kỳ hai, lần thứ sáu, hết đường vô Quốc gia Sư phạm, thất thần như chết chưa chôn, mặt ngơ ngáo ngáo. Đang ngồi ăn cơm, ông già tôi ở quê lên, hầm hầm, trước mặt mọi người, 'Mặt gà mở cửa mả, sao không nhào vô xe lửa chết đi'. Nghe chửi đã quen, thêm nữa tôi có biết xe lửa chạy đường nào mà tự tử. Ông nói với bà già tôi, 'Tao xài nó trước mặt thằng H. con H. cho nó nhục.' Tôi chịu nhục đã quen suốt ba năm, vết thương bây giờ còn hằn trong đầu, không cách gì xoá được. Về An Giang nộp đơn xong trở lên SG thì tôi có kết quả đậu Tú Tài, vậy là không cần bằng Trung học. Nhưng tôi cũng cứ về thi cho vừa lòng nhà, mà không theo dõi kết quả vì biết chắc là rớt.

Năm đó, cả SG chỉ có bốn trường có Đề Nhứt C: Gia Long, Petrus Ký, Chu văn An,

Trung Vương. Trường tư không đủ học sinh, may là Hồ ngọc Cẩn Gia Định có ban C, dành cho dân lục tỉnh lên, hình như năm sau lại đẹp. Lớp không có nữ sinh, 2/3 học sinh gốc Bắc. Thi viết có ba môn: Triết, Anh, Pháp . Oral ( thi vấn đáp) cũng có môn Triết - Anh - Pháp, ba môn này đủ đập sang bù các môn toán lý hoá vạn vật thiếu điểm. Năm này vui vì không bị áp lực toán lý hoá, ít thấy đứa nào lo lắng thi cử, thế nào cũng đậu. Thầy Huỳnh Hoà, giáo sư Pháp văn lớp tôi lại là Chánh chủ khảo của Trung tâm duy nhứt ở trường Gia Long. Bọn tôi hầu hết vào Văn khoa, Sư phạm và Hành chánh, một số du học. Hơn nửa lớp ở Mỹ. Vài bản nhạc thịnh hành, như ' *Tiếng hát Mừng lòng, Kiếp nghèo, Em ơi nếu mộng không thành thì sao..*'

Thời thế bắt đầu thay đổi, cuộc sống vội vã hơn, xe gắn máy nhiều hơn, bắt đầu thành nhu cầu. Xe bus bị dẹp. Xe gắn máy khan hiếm, command lâu, phải quen biết. Giá xe tăng khá nhiều. Không khí chánh trị ngột ngạt, rất sợ mật vụ. Anh em chỉ chơi với bạn học cũ từ Trung học lên, thấy người lạ là lã vã nói chuyện khác. Nữ sinh viên rất ít, hình như héo hắt, chỉ vài đứa gái học từ chương trình Pháp còn khá tươi tắn. Sinh viên gốc Bắc nhiều hơn. Tôi gặp lại thầy đã dạy học ở Hồ ngọc Cẩn cũng ghi danh học chung. Đi đâu cũng nghe than phiền bà Ngô đình Nhu, con bà là Lê Thủy không hiểu sao ghi danh học Văn khoa, mật vụ vào giữ an ninh và chỗ ngồi cho cô. Trường cách dinh Gia Long con đường, dinh được rào kẽm gai . Tôi ghi danh học Dự bị Anh; nhưng khi lên chứng chỉ, tôi lại đổi qua Việt Hán, dễ học và dễ đậu vì tôi gốc Hoa.

Rạp hát Đại Nam có máy lạnh đầu tiên, rồi dần dần nhiều rạp hát quanh khu quận Nhứt có máy lạnh. Công chức hay vào xem buổi trưa tránh nóng. Đây là một hiện tượng, lần đầu ngồi phòng lạnh sướng lắm. Thông thường, chỉ có quạt máy, nóng bức, khán giả đã quen chịu nóng. Nhiều rạp bình dân chiếu hai phim, permanent ( thường trực), xem đi xem lại suốt ngày cũng được. Phim nói tiếng Pháp, phụ đề Việt ngữ, dù là phim Cowboy. Rạp Long Phụng chiếu phim Ấn Độ thường xuyên, nhiều khán giả ghiền nhạc Ấn Độ du dương. Phim VN biến đâu hết. Lúc còn ở Châu Đốc, có một loạt phim VN: Thoại Khanh Châu Tuấn, Lâm Sanh Xuân Nương, Quan Âm Thị Kính, Ngưu Lang Chức Nữ. Hồi đó Kim Cương, Thẩm Thúy Hằng còn trẻ đẹp lắm. Trước khi bắt đầu, khán giả phải đứng lên chào cờ, sau đó là bài ' *Suy tôn Ngô Tổng thống* ' ( sau tháng 11/1963 thì không còn bài suy tôn nữa. ) Chợ Lớn thì tuồng Tàu, hát tiếng Quảng tôi không nghe được. Còn Đại nhạc hội càng phổ thông, Trần văn Trạch, Tùng Lâm, Vân Hùng, Thanh Thúy, Tuý Phượng...,thấy quảng cáo ở rạp Thanh Bình. Đài phát thanh, chưa có TV, ban Thăng Long và ban kịch Dân Nam phổ thông nhứt. Khán giả đông, cải lương thịnh hành, dù là gánh Kim Chung, Bắc di cư. Thời của Thanh Nga, Thành Được, Út trà Ôn.

\*\*\*

SG thanh bình khá lâu, từ 1954, ngưng chiến. Tháng 11/61, nghe tin đảo chánh, dân chúng sợ, ùn ùn mua gạo, than, nước mắm, dầu lửa dự trữ. Tiệm mấy cậu tôi ở đường Triệu Đà và Lê văn Duyệt bán lên giá, hễ có tin gì bất an, dân SG mua thực phẩm. Than củi có thời khan hiếm, chưa xài điện, nhà nghèo xài củi. Than được Cà mau, than sẫm, than tạp. Tôi nhớ có chỗ bán tạ than cho nhà người Pháp ở villa sang trọng đường Hồ xuân Hương. Mỗi lần có tin đồn về biến cố nào đó, tiệm than gạo bán không kịp. Tủ lạnh

chưa phổ thông. Sau đó, có hai chiếc phi cơ ném bom dinh Độc Lập, than gạo lại lên giá. Cố vấn Mỹ bắt đầu khá nhiều ở SG: Năm 1961 họ đã vô Tri Tôn cất đồn Châu Lăng, khuynh hướng học tiếng Anh phát triển mau, Hội Việt Mỹ rất đông học viên. Các cơ quan Mỹ tuyển mộ nhân viên, thấy người bạn học mặc đầm phấn son, đứng trong đám đông chờ trước cơ sở Mỹ, tôi thấy bất ổn, lo lo.

Chắc người già còn nhớ và than phiền về bộ luật Gia đình của bà Nhu cấm ly dị. Dân biểu Châu Đốc là Trần tấn Phát hay ghé nhà chơi, hơi tưng vì phải nuôi hai vợ, hỏi sao không nghe ông tuyên bố gì, ông thú nhận, *'Trời ơi, nó bơi tên tôi rồi sao ?'* Mỗi lần lễ lớn, SG tràn ngập bộ đồng phục xanh dương của Thanh niên Cộng Hoà của ông Nhu và Thanh nữ Cộng Hoà của bà Nhu. Bắt đầu kiểm tra trung bình, ngoài thẻ căn cước, thanh niên phải có thêm giấy *'Tình trạng hợp lệ quân dịch'* và thẻ cử tri đi bầu. Xin giấy chứng chỉ này không phải dễ, chầu chực ở bên Chuông Dương, sắp hàng dài, nộp hồ sơ, đủ thứ giấy tờ, giấy về trễ, đi đường dễ bị Cảnh sát hốt vì giấy cũ hết hạn. Ngày nay, người ta không cảm được cái sợ sệt về giấy tờ. Trước 1/11/63, đảo chánh ông Diệm, nghe lệnh *'Giới nghiêm trên toàn lãnh thổ VN'* mà rợn cả người, đi đâu cũng như mật vụ theo dõi, bọn tôi ít liên lạc nhau, sợ sợ. Ngày nay chúng ta quên cảm giác đó trong xã hội thanh bình là điều phước.

Nhớ năm còn du học ở New Zealand (NZ), tối thứ bảy hay có party ở Đại học, bọn nó chơi tới sáng. Độ gần 11 giờ đêm, bọn tôi bồn chồn muốn về, dù biết không có giới nghiêm. Trong những năm Philippine khủng hoảng Tổng thống Marcos, ra đường giờ giới nghiêm chết như chơi. Nhóm ca sĩ Phi đến Chrischurch NZ tham dự trình diễn South Pacific Contest. Mấy anh ca sĩ Phi lần đầu xuất ngoại, đứng thập thò trước cửa hotel, nôn nóng thèm đi chơi cho biết Chrischurch về đêm. Họ chờ cảnh sát hỏi, *'Mấy giờ chúng tôi phải về hotel ?'*, lập đi lập lại nhiều lần mà mấy anh Cảnh sát NZ không hiểu ý câu hỏi. *'Việc gì ông hỏi tôi ?'* Ông trưởng đoàn Phi phải mất thì giờ giảng nghĩa chữ *'curfew'*, cho ví dụ ở Phi, nếu đi quá giờ giới nghiêm thì bị bắn. Anh Cảnh sát NZ cười xòa, chữ *curfew* nó chỉ là ngôn ngữ thời Trung cổ, quả là anh ta quên từ ngữ này, *'Cám ơn ông dạy tôi chữ curfew. Ở NZ không có giới nghiêm, ông đi về giờ nào mặc ông.'* Người Phi dạy Anh ngữ cho người Anh, kể thật lý thú.

\*\*\*

Sau cuộc đảo chánh 11/63, không khí nhẹ thở hơn. Sinh viên hoạt động rầm rộ, hội thảo, biểu tình chống trung lập của De Gaulle Pháp. Rồi Nguyễn Khánh đảo chánh nữa, than, gạo lên giá, lên thì khó xuống. Tổng hội Sinh viên được bầu lên, các lãnh tụ hầu hết gốc Bắc và Trung. Tôi cũng chạy theo đuôi cho vui, thường hoạt động ở các Cô nhi viện, tránh chánh trị.

Mỹ đổ quân vào, nhân viên cơ sở Mỹ nhiều quyền lợi hơn, quân nhân Mỹ đi đầy đường, xích lô đạp, xích lô máy, taxi làm ăn lên, không rước khách VN, báo chí lên tiếng nhưng không thay đổi gì được. Hệ thống xe bus đã đẹp, phương tiện di chuyển là xe gắn máy, các tiệm buôn xe giầu hàng để bán chợ đen. Xe Mobilette xanh đã có từ 1961. Vật giá bắt đầu leo thang dần dần, công chức hạng thấp bắt đầu thấy khó khăn.

Khoảng năm 1965, đợt Honda dame 50cc đầu tiên nhập cảng cho quân nhân, xe rất đẹp

so với xe Pháp. Tin đồn là hàng Nhựt không bền, sẽ bán kị lô như thời thế chiến, giá xe Honda xuống giá thê thảm vài tháng đầu, ai bán được thì bán, bán không được thì để xài tạm, xe vẫn chưa có vấn đề. Chừng năm sau, Honda đàn ông và Suzuki, Yamaha, thêm radio cassette ào ạt chiếm thị trường VN, thay thế hoàn toàn hàng hoá và lối suy nghĩ thời thuộc địa, nghĩa là hàng Pháp chưa hẳn tốt nhất thế giới. Lúc thi vào Đệ Thất, rất ít học sinh chọn Pháp vẫn làm sinh ngữ một, cứ 4 lớp Anh vẫn mới có một lớp Pháp văn. Ngày nay, Pháp vẫn không còn trong chương trình Trung học, thời đã qua, thế hệ trường Tây thuộc địa đã già, ở các trường Đại học, uy thế nằm trong tay mấy ông cố vấn Mỹ. Sau năm 1963, văn học nghệ thuật vẫn còn trong vòng ảnh hưởng người Bắc, tuy những bài hát nhớ đất Bắc không còn nghe hát thường xuyên trên đài SG như trước, khuynh hướng nhạc chuyển sang tình yêu, rồi nhạc mới của lính. Sinh viên gốc Bắc bị Nam hóa dần, nói giọng Bắc lai Nam, số sinh viên Nam tăng dần, hiểu và thân nhau hơn. Cuốn ' Hương rừng Cà mau ' làm sinh khí văn chương miền Nam bừng dậy, tác phẩm này được đón nhận nồng nhiệt, Sơn Nam nổi tiếng từ đó. Trước đó có nhà văn Bình nguyên Lộc nhưng còn chìm, ít ai biết. Các nhà văn gốc bắc thường viết quanh đề tài SG.

' Honda ôm ' xuất hiện năm nào? Chắc phải sau khi nhập cảng đợt xe Nhựt, khoảng năm 1967. Dân công chức lương thấp nghĩ cách kiếm sống, dùng xe mình đưa khách kiếm thêm. Hình như giới xe ôm cũng có luật riêng giúp đỡ lẫn nhau khi có trường hợp bị khách giựt xe. Khi đưa khách trả tiền đến vùng đáng sợ, anh xe ôm đưa tay ra một hai dấu hiệu gì đó cho đồng nghiệp, một hay hai người sẽ chạy theo kín đáo bảo vệ nhau, tiền chia chác sau đó. Lần đầu tiên, nhóm Taxi, xích lô máy, xích lô đạp xô xát với nhóm xe ôm vì quyền lợi. Lúc đó tương đối còn sống được, sau này đời sống chật vật, cả đến quân nhân, cảnh sát ngạch thấp lẫn công an chìm cũng chạy xe ôm. Rõ ràng là chỉ có xe Nhựt, yên liền rộng, thấp, vừa tầm người Á Châu, chỗ gác chân thoải mái mới sử dụng được trong việc kiếm ăn này. Xe Nhựt lại hết sức bền bỉ, ít hao xăng chạy suốt từ SG ra Vũng Tàu không nằm đường. Xe Pháp như Mobilette, Sach, Puch chạy không nổi, yên xe nhỏ, chông chênh. Năm 1970, chiếc Honda cũ chừng \$70 000. Tôi mua chiếc xe Puch \$25 000, thay đồ lô, gậy cãm, nổ vỏ, đứt thắng, đứt dây số đều đều. Chủ là ông Đặng đình Đáng đầu cơ sai, giấu cả kho xe chờ lên giá bán cắt cổ. Trước đó chiếc xe Puch ba đèn trên \$50 000, chưa dễ mua được. Ông sập tiệm, để họa cho ai mua xe ông. Tôi chỉ chạy đi học, chạy thêm năm đi làm, chiếc xe Puch lết như rùa, sửa rồi cũng vậy. Ở Thái Lan cũng có xe hai bánh chở khách, không biết nước nào có trước.

Khi quân đội Mỹ đổ vào VN, bar mọc lên theo nhu cầu chung quanh khu Mỹ đóng. Dân liên hệ đến Mỹ kiếm tiền dễ dàng nên họ xài rộng rãi, hàng hoá Mỹ mua đi bán lại, đổi dollars, rác Mỹ cũng phải thầu. Lương công chức VN không theo kịp thời giá, lóp ngóp. Họ nuôi gà trong nhà lấy trứng bán, tạm ổn ngắn hạn.

Khoảng năm 1969, có phong trào nuôi chim cú rằm rộ khắp SG. Con sót chim cú lạ lùng, giá lên hàng ngày, tin đồn lan ra. Trước đó, trong báo Hương Quê, báo Nông nghiệp viết về cái lợi nuôi cú, chất dinh dưỡng của trứng cú...Chủ cái ở đâu không biết, tung chim cú ra bán, rồi cho người đi mua với giá cao hơn, lại cho người khác mang ra

bán với giá cao hơn nữa, cứ thế tiếp tục. Khi giá hết lên, cặp cút dăm lên \$16 000, ( hơn 2 tháng lương giáo sư Đệ nhị cấp ) họ bán ra hết và không mua lại. Người nuôi cút chờ kẻ mua ngày này qua ngày nọ, bày cút vô dụng, sạt nghiệp; có người biết ngưng đúng lúc thì có lời. Lúc đó, công chức bị mắc lừa nhiều nhứt. Tôi tự hỏi, gia đình công chức muốn ăn con gà \$700 còn ngại ngừng, mâm cơm công chức đông con, cơm và rau muống làm chuẩn, chim cút dù bỏ như sâm cũng không mắc tới vậy. Mấy ông kinh tế gia, tiến sĩ báo chí đâu đâu không đặt vấn đề, lên tiếng giải thích đúng lúc cho bà con nghèo nhờ.

Khi Việt Nam hoá chiến tranh, quân đội và nhân viên Mỹ rút đi, giới bán bar quen xài hào phóng bị thất nghiệp ngang, việc làm không dễ tìm, họ xoay sang nghề beer ôm, họ uống và dụ cho khách uống càng nhiều càng tốt, ăn tiền huê hồng chủ, nghề không cần vốn, chủ cũng khỏi trả tiền mướn các cô, độc lập. Tôi chưa được thưởng thức thú beer ôm, không phải tôi tốt, vì chưa tới giờ. Thời đi học, lo quân dịch, đi làm, lo kiếm tiền và học bổng. Thường đêm, sau giờ dạy kèm hay học thêm, tôi chỉ ghé khu Ngã Bảy Phan thanh Giản ăn tối. Đêm nào cũng như đêm nào, tô phở xe đẩy, khúc bánh mì fromage và ly sinh tố. Cô bán sinh tố, da trắng, đoan trang, chưa bao giờ thấy cô đùa cợt. Nét mặt vui nhưng không lơ đãng, đoá hoa huệ cao sang sao lại xuất hiện nơi tầm thường vất vả này? Hai người đã quen mặt nhau, xa thấy nhớ. Đêm mưa tầm tã, cô đẩy xe sinh tố, ngồi trên ghế, dựa hiên trường Phan sào Nam, hai đứa nhìn mưa. Hai tâm sự khác nhau. Tôi vừa ở Goethe Institut ra, lão Dr Hol lười như quý: Lão chưa giảng hết bài thơ Heidenroeslein ( hoa hồng trong đầm lầy ) thì có điện thoại, lão biến mất luôn cả buổi học. Tôi nao lòng nhớ mấy câu thơ, "*Sah ein knabe ein Roeslein steln, Roeslein auf der Heiden . War so jung und morgenschoen,..*" Anh là thằng bé thấy hoa hồng nhỏ trong đầm lầy, tươi đẹp như buổi sáng , Em là đoá hoa hồng nhỏ. Tình yêu là đoá hoa hồng nhỏ có gai trên đầm lầy, thằng bé say tình bị gai hồng đâm. Mưa vẫn ray rứt, không ai rời nhau được, mong cho mưa suốt đêm. Sáng sau đó , tôi nhận giấy nhập ngũ. Chợt em nhìn tôi ngập ngừng : '*Hôm nay chạy khá không anh ?*' Thì ra tôi giống anh Honda ôm, vậy là quý hơn. Cả năm sau, mặc quân phục về thăm, mắt em sáng lên, bắt giắc đỏ mặt, '*Anh bỏ...đi lâu quá vậy?*' mà quên xay cho anh ly sinh tố .. Có nhớ anh thích mùi gì không, Tuyết?

Cùng lúc, chiến tranh khốc liệt sau Mậu thân, nhạc Trịnh công Sơn đáp đúng nhu cầu chán chiến tranh, quán cà phê mọc lên. Chỉ cần đàn âm thanh, căn phòng trong hẻm cũng không sao. Thanh niên vào ngồi quán nghe nhạc uống cà phê quên đời, cho đời quên họ.

*Brisbane, ngày 15/1/2007*



## Hàng Quà Trước Cổng Trường Nguyễn thị Hàm Anh

Trước cổng trường học từ xưa đến nay, bao giờ cũng có hàng quà. Tùy theo trường, hàng quà mang những đặc điểm riêng của nó, phù hợp với từng loại khách hàng. Trước cổng đại học đương nhiên toàn cà phê cóc, xe bánh mì và hủ tíu mì bình dân đáp ứng thiết thực nhu cầu bao tử của sinh viên. Những hàng này cũng có mặt đến tận bảy giờ rưỡi tối ngoài cổng trường “tại chức”, nhằm lót dạ cho thành phần sinh viên già, sau giờ tan sở đã lao thẳng đến trường mà không kịp dùng bữa tối. Kiểu giải trí của sinh viên thường là chui vào ngồi đồng các quán cà phê, vào tiệm computer để chat. Trước Cao Đăng Kỹ Nghệ nhìn ra kênh Bến Nghé có một tiệm vi tính, sinh viên ngồi lẩn với con nít miệt mài chơi games cả buổi không biết chán. Chủ tiệm vô cùng sành tâm lý bằng cách thỉnh thoảng mở ra cuộc thi có giải thưởng khiến ai nấy càng mê mải luyện games hơn luyện bài. Thôi kệ, học tài thi phận, lúc nào bước vào phòng thi cứ ếm “bùa” cho kỹ khắp người thì cũng đạt được một tỷ lệ đẹp là năm ăn năm... thua! Ngồi còn dai hơn cả đám trẻ con bờ sông vì thời gian muốn phí phạm bao lâu tùy ý, đâu có sợ bị phụ huynh xách roi mây ra quát tháo điệu về. Các tiệm computer quanh đường Nguyễn văn Cừ (Cộng Hòa), nơi tập trung một loạt trường Lê Hồng Phong (Petrus Ký), đại học Khoa Học, đại học Sư Phạm, cao đẳng Sư Phạm (Bác Ái), mở cửa đủ 24/ 24 tiếng một ngày, cũng chỉ toàn dân chat chuyên nghiệp, hiếm thấy sinh viên nào vào đây tìm tài liệu học tập trên Net.

Sinh viên ít ăn quà vặt chứ chẳng phải không ăn. Những vỉa hè quá chật hẹp ở trường Nha Y Dược, con đường Đinh Tiên Hoàng (Cường Để) quá đẹp mà trường Khoa Học Xã Hội tọa lạc, hàng quà cũng khó léo hánh, chỉ có thể hiện diện một quán nước dễ thương với bảng hiệu thơ mộng đầy nhớ nhung là cà phê Văn Khoa, nhắc ngay đến câu hát xa xưa: Hỡi người tình Văn khoa, bóng người trên hè phố... gọi lên trong nhiều người những kỷ niệm khó quên. Đường An Dương Vương, nối tiếp với Nguyễn văn Cừ luôn rải rác sinh viên, nhất là Cao Đăng Sư Phạm, đậu đầy xe bò bía, nước mía, bắp hạt xào... Con đường này vắng vẻ, cây dài bóng mát, vỉa hè lại rộng rãi nên các cô tha hồ ngồi vừa nhâm nhi, vừa tán dóc, không ngại bàn dân thiên hạ dòm ngó, không sợ người quen bắt gặp đang lê la ăn hàng ngoài đường.

Lê đường dạo này bị dọn dẹp kỹ lưỡng để chào mừng SEA games nên hàng quà của trường Lê Quý Đôn trôi dạt ra vỉa hè đối diện cổng sau, cứ tới giờ tan học mấy bà bán hàng không kịp trở tay với các món thường có mặt ở trường cấp III: bột chiên, bò bía, gỏi đu đủ khô bò, xe chè với đủ thứ chè đá: chè đậu xanh, đậu đỏ, chè huế, sâm bảo lượng, phục linh, thạch dừa... Học sinh khá lớn nên cửa trường không có nhiều hàng quà lật vặt, thường chỉ có các tiệm sách bán văn phòng phẩm với thiệp và các món quà lưu niệm xinh xẻo. Cấp III không còn nhỏ nhít để ăn quà lật vặt, cũng chưa đủ lớn để la cà quán xá. Lũ Mây Hồng, Hoa Tím này tâm hồn đang bót hào hứng chuyện ăn uống để hướng về các tiết mục gửi hương cho gió, bắt đầu ngắm nghía lại chân dung, chỉnh đốn tóc tai, mụn trứng cá, lo sưu tầm “ranh ngôn” tình yêu và dành thời gian để đứng ngắm trông vờ áo tiểu thư...

Mẫu giáo và nhà trẻ bé quá, không biết tiêu tiền, mẹ chưa cho tiền dần túi nên chưa bị hàng quà ăn dỡ, tập trung ở đây chỉ toàn bong bóng và chong chóng thôi. Bong bóng ngoại quốc lộng lẫy, buộc que chỉ ở trung tâm Saigon, thường có mặt ở các công viên gần khách sạn Rex và Nhà Hát thành phố. Còn bong bóng VN, hàng bao nhiêu năm nay không thay đổi nhiều màu sắc và hình dáng, cột thành chùm trên chiếc xe đạp được ông bán hàng đạp chân bơm từng cái. Bong bóng là món đồ chơi vô cùng gần gũi quen thuộc với thế giới trẻ thơ. Bé con nhiều khi ngo ngẩn ngược mãi lên trời khi sơ ý phút chốc, chiếc bong bóng bỗng mang niềm vui bay xa. Trong rất nhiều mất mát suốt cuộc đời trải dài, không biết có ai còn nhớ đến cảm giác mát mát đầu tiên của thời thơ ấu, khi chiếc bong bóng màu vượt khỏi tay, thoát bay tít lên cao, nhỏ dần rồi mất hút, chỉ còn lại trời xanh bao la trống không.

Thế nên, tiêu biểu cho hàng quà trước cổng trường phải kể đến trường cấp II và cấp I. Nhất là đám học sinh cấp II là ăn quà như điên: kem ống, tức là kem làm theo cách cổ truyền cách đây hàng nhiều chục năm, được để đông trong thùng muối bột; bánh kẹp, bánh bông lan nướng lò than tại chỗ tỏa mùi va-ni thơm ơi là thơm; sữa tươi và sữa đậu nành bị báo chí la lối là pha nước cơm với bột, vẫn được tiêu thụ mạnh mẽ; các ghim trái cây ướp lạnh hoặc ngâm nước đường: cóc, ổi, mận, xoài xanh...; nước si-rô và nước ngọt bỏ bịch; dừa tắc, tức là nước dừa nạo cả cơm dừa, vắt thêm tắc, cho đá đập nhỏ, trời nóng uống khá ngon; me trái và me ngào mới nhìn thôi đã chảy nước miếng, cá viên chiên và chả giò to bằng ngón tay cái chằm tương ớt ngọt ngọt cay cay ...

Tùy theo vị trí, mỗi trường có vài loại quà đặc biệt. Trường Đồng Khởi (Bồ Đề) nằm ngay chợ Cầu Muối, gần các vựa trái cây nên học sinh lớp 9 hùn cả nhóm lại mua một lúc vài trái sầu riêng loại 3000\$/kg. Sầu riêng không bao ăn thường bán ngoài chợ đã hai chục ngàn nên chẳng biết đám láo nháo này nhăm nháp ra sao được mấy trái sầu riêng hột to, cơm vừa mỏng vừa sượng. Trường Nguyễn Du (quận 10) có bánh mì chiên tôm; trường Lương Văn Can bán chuối nường và chuối bọc nếp chan nước dừa, đậu phộng rang áo đường... Các trường trong quận 5 chẳng thể thiếu xí mại, cà na, cốm chỉ... Lờ lóm từ con nít đâu có bao nhiêu. Nhiều hôm mưa dầm ế thảm thiết, các chủ hàng quà thờ dài sườn sượt. Đôi khi cũng giúp nhau, người này ăn hộ người kia một chút cho vui. Trước trường Đinh Công Tráng, anh gỏi khô bò ăn bánh bao không nhân của chị bánh kẹo, chị lịch sự đáp lễ bằng mấy đĩa gỏi vô bụng. Cứ xơi mãi rồi đâm ra có cảm tình hồi nào không hay. Cho đến một ngày đẹp trời, hai anh chị nên “duyên Tàn Tấn”, dĩ nhiên toàn bộ cư dân gánh, mẹt, xe đẩy... chung quanh đều hân hoan chung vui. Chỉ có điều từ khi thành vợ chồng, anh chị chẳng ai ăn quà của nhau nữa. Lấy nhau rồi là hết chuyện, cứ ăn hoài cụt vốn làm sao, còn để dành tiền nuôi con nữa chứ.

Trường cấp I không hề thua kém chuyện quà vặt, có lẽ ở độ tuổi ấy còn ảnh hưởng của thói quen trong ngày phải ăn nhiều bữa, nên mấy cái miệng trẻ con này lúc nào cũng có nhu cầu đút một thức gì đó vào. Mặc dù trường nào cũng có cantine nhưng quà trước cổng bao giờ cũng phong phú, hấp dẫn hơn rất nhiều. Vào giờ ra chơi, thế nào cũng có vài bậc phụ huynh cầm gói bánh, bịch sữa luồn tay qua song cổng tiếp tế cho những cô cậu chưa kịp ăn sáng. Còn không thì lúc nào cũng sẵn vài bà hàng cung ứng kịp thời. Máy bàn tay bé bỏng thò tiền ra, được nhét ngay vào nửa ổ bánh mì trứng, xôi vò, mì gói bẻ vụn, bánh tằm khoai mì... Trước trường Trần Bội Cơ (Phước Đức) hạp hẳn hoi một

chợ quà trên dải cỏ phân cách hai chiều đường xe chạy với đủ thứ thập cẩm: Ngoài những thức quà thông thường là bò bía ngọt, xôi ống nấu tại chỗ bay mùi lá dứa thơm điếc mũi, bánh tráng phồng kéo mạch nha rắc dừa nạo, súp bóng cá 1000/ly; đá bào đậu còn “nhận” đơn giản trong ly như xưa nữa mà được nắn thành hình quả bầu, ngôi sao, trái tim... cắm que, cho si-rô đủ màu xanh đỏ vàng, vừa liếm mát, vừa ngắm nghĩa thật vui mắt.

\*\*\*

Mấy năm gần đây, trước trường Thanh Đa cũng như các trường ven đô khác còn xuất hiện một món có tên là “bánh tráng muối”, nay đã lan vào nội thành. Món ăn lắm cẩm này gồm nhiều thành phần rắc rối như sau: Đầu tiên, bánh tráng cắt sợi bỏ bịch, sau đó lần lượt cho vào mỡ hành, tép khô hoặc xá bầu băm nhỏ rang, hành tím phi, rồi đến tương đen, tương đỏ, ai ăn cay được thì thêm sa-tê, cuối cùng gài vào một đôi đũa tre nhỏ đang hoàng. Nhóm học sinh cấp III tan trường đi ngang qua, thế nào cũng ghé vào làm cả chục bịch vừa đi vừa ăn.

Đặc biệt một thứ thức ăn có mặt thường trực ở các trường phổ thông, luôn được chiếu cố tận tình chẳng bao giờ sợ ế là phá lẩu. Hình ảnh quen thuộc là một bà mập mạp mặc áo bà ba ngồi chồm hồm dưới đất, với chiếc thau nhôm méo đặt trên xô đựng phá lẩu nóng hổi trước mặt. Đông khách gạt ra chẳng hết vì bà cho ăn thiếu, cứ tha hồ lai rai cho tới khi nào có tiền trả sau. Bà cầm cây kéo cắt nhỏ miếng tai, miếng lưỡi... đủ cả, xiên que tre, đặt vào chiếc chén sành nông, chế thêm ít nước xốt. Con nít vừa ăn vừa húp xì xà xì xụp. Ngay trước cổng, bao giờ cũng đầy nhóc xe phụ huynh đợi đón học sinh chen chúc cùng các xe trái cây, cháo huyết, xe hồng trà... nên bà phá lẩu dạt ra những chỗ ngồi cũng rất quen thuộc là rìa đồng xà bần để đồng vài năm nay chưa dọn, cạnh thùng rác có... đậy nắp của công ty hàng xóm, bên miệng cổng của nhà trường!

\*\*\*

Tuy nhiên quà ở trường học không có nghĩa chỉ là thức ăn, mà còn bao gồm cả đồ chơi. Các trường nghèo bên quận Tư, quận Tám ngoài mấy cuốn truyện tranh cũ, ít có đồ chơi. Ngay cả quà ăn nhiều khi cũng chỉ để no hơn là kiêu cộ lạ miệng. Trường Minh Quang bán hủ tíu xào, lá hoành thánh nấu tôm khô, cà-rem cây đựng trong thùng mốp trắng, nước ngọt uống xong môi mấp dính màu đỏ hoét...

Vào trong nội thành, đứng nhìn các cổng trường mới hay Việt Nam mình đã bỏ quên thị trường khá to lớn này. Hàng Trung-quốc tung hoành như chỗ không người: gà ảo, radio chạy pin, móc chìa khóa có đèn... Mỗi thứ từ mười mấy cho đến hai ba chục ngàn đồng chứ có ít đâu. Cha mẹ kiếm khá, mỗi nhà lại chỉ có một hay hai con nên nhiều học sinh thường có trong túi vài chục ngàn tiêu vặt. Các trường quý tộc như Colette, Marie Curie... ngoài tử kem Wall, nước ngọt, rất hiếm có hàng rong vì học sinh nơi này thường giải khát trong quán và sắm quà ở các shop hay siêu thị. Cả dãy quán nước được mở ở đường Cao Bá Nhạ với bàn ghế đẹp đẽ, cũng đèn mờ xanh đỏ, cũng nhạc ồn ào, chỉ toàn học sinh cấp III lui tới.

Học cụ bày trên kệ cạnh tranh ngang ngửa với các cửa hàng. Một cô lớp 7 trường Minh Đức tậu cục gồm hình con chó màu hồng với vẻ hài lòng. Lý do là khi làm bài, mặc dù đã khum tay, thêm một quyển vở dựng lên che chắn, thế mà tên lớp phó trật tự đeo kính cận thị hai độ ngồi bên cạnh vẫn phóng mắt xuyên qua được “bức tường Bá Linh” đó ể

copy. Cô nàng để cục gôm gác chính giữa, dọa còn liếc nữa là “xịt” chó cắn. Quả nhiên hiệu nghiệm, chẳng biết sợ chó cắn thiệt hay sợ cái mỏ của cô mà anh chàng lớp phó nọ đành đưa mắt hết nhìn lên trần nhà lại ngắm bảng đen cho qua thời giờ.

Chỉ trên một chiếc xe đạp dưới bóng mát tàng cây trước trường là cả một tiệm tạp hóa nho nhỏ: bài magic, sticker, hình xăm dán lên người, giấy màu để xếp sao và chim hạc... Trái dưới đất là truyện tranh: Pokemon, nữ hoàng Ai Cập, thám tử Conan... Cấp I thì đầy rẫy loại chuyện “chú Thòong” nguệch ngoạc, tràn lan lỗi chính tả. Rồi còn các loại mặt nạ, kiếm, súng nhựa... Trường Trần Hưng Đạo khá giàu nên có riêng một hàng bán hoa tai, nhẫn inox, mặt dây chuyền giả cẩm thạch, sợi đủ màu để thắt dây đeo tay và đeo cổ, kim tuyến rắc lên mặt, bông giấy... Lạc vào thế giới này mới thấy thật muôn màu, đủ vẻ. Học sinh cấp I không có nhiều tiền, chắc vì vẫn đang đếm que tính, đếm ngón tay ngón chân để học số và học cộng trừ nhân chia, nên tất cả hàng đều bán những thức quà lí tí. Năm trăm đồng là số tiền khó mua được thứ gì ngoài hành tỏi ngoài chợ, nhưng trước cửa trường vẫn có thể sắm được khối thứ: bi, kẹo bột đủ màu, áo búp bê... Sau khi sở hữu một con búp bê hai ngàn đồng khá xinh là bắt đầu dài dài công việc muôn thuở của phụ nữ là “shopping”. Bởi ngoài đồ hàng, võng, nệm, ghế... có thể sắm một lần, quần áo búp bê sao cứ ra kiêu mới liền liền, người lớn “mô-đen” gì, búp bê có ngay kiêu đó. Trên vỉa hè trường Chương Dương, vài cô lớp Ba, lớp Bốn ngồi thụp xuống đất xúm xít bàn cãi để chọn: áo dài nguyên bộ hay dạ hội, quần jean hay đầm xòe, nón lá hay mũ rộng vành kết hoa... Có cô cẩn thận còn lôi búp bê trong cặp ra để ướm thử. Không khỏi mỉm cười khi nhìn thấy thiên chức làm mẹ thể hiện rõ ràng nơi các bà nội trợ tí hon này. Một chú lớp Hai tròn như con cún bông, hai má phúng phính cũng len vào cầm lên, lựa xuống, tìm các kiểu áo đẹp nhất cho búp bê của cô chị lớp Sáu nhờ mua dùm. Hàng quà thay đổi theo thời gian. Trước 75, cổng trường thường đậu xe khô bò bày trong khay nhôm, bong bóng chứa nước xoắn thành chùm nho, lá bồ đề nhuộm màu xanh đỏ có người ép trong tập với nhánh thuốc bài vẫn còn giữ mãi tới lớn... Không biết một mai đây rồi hàng quà sẽ còn thay đổi như thế nào, nhưng chắc chắn chúng đã tạo nên một sinh hoạt đặc biệt mà nếu bị dọn sạch, cổng trường và học sinh sẽ buồn tẻ biết bao nhiêu.

## **Sài Gòn Có Gì Lạ Không Em...**

### **Hoàng Hải Thủy**

Nhớ thương thì phải nhớ thương Paris, sông thì phải là sông Seine, sông Danube, sông Dương Tử, chia ly thì phải ở bến Tầm Dương - Canh khuya đưa khách, lời gieo ngọc. Mơ gái Tầm Dương thoáng áo xiêm... ở ga Lyons đèn vàng, chia ly ở bến đò Thủ Thiêm, ở ga Nancy coi bộ không thơ mộng, không có chất Thơ, không phải là Thơ! - Nancy này không phải là Nancy ở bên Tây mà là Nancy ở Sài Gòn. Em nhớ không em? Năm chúng ta hai mươi tuổi, Sài Gòn-Chợ Lớn có đường xe điện, có ga Nancy ở ngã tư Trần Hưng Đạo-Cộng Hòa; đường Trần Hưng Đạo thời chúng ta hai mươi tuổi mang tên Tây Gallieni, đường Cộng Hòa năm xưa ấy là đường Nancy - Ga Nancy tối mò..Đưa Em vào Chợ lớn... Để Em lên xe đò.... Về quê mẹ Mỹ Tho... Nghe không cử động chút nào. Thời

gian ấy, cách nay đã ba mươi, bốn mươi năm, ca sĩ Sài Gòn hát Sóng trong lòng người đẹp Tô Châu... Hay là chết bên dòng sông Danube..., Vũ Hoàng Chương nằm mơ thấy đàn bà, nhưng đàn bà trong mơ, trong Thơ ấy phải là đàn bà Tàu: Em nghìn thu cũ gái Giang Nam.

Tô Châu lóp lóp phù kiều. Trăng đêm Dương Tử, mây chiều Giang Nam..Thơ Hồ Dzếnh. Tôi vừa không ưa vừa thương hại Hồ Dzếnh. Ông này là Tàu lai. Có lẽ vì là Tàu lai sinh sống ở nước ngoài không được hưởng những hạnh phúc do Mao Chủ Tịch đem lại cho nhân dân Tàu nên ông có cảm tình với cộng sản Tàu, từ cảm tình với Tàu Cộng ông đi đến chỗ khoái Việt Cộng. Những năm 1952, 1953 Hồ Dzếnh ở Sài Gòn, làm nhân viên tòa soạn nhật báo Thần Chung; cuối năm 1954, sau Hiệp Định Geneve, ông bỏ Sài Gòn về Hà nội. Đầu năm 1955, khi phe quốc gia - đúng hơn là phe Pháp - hãy còn ở Hải phòng - người Hải phòng lên Hà nội đi về không cần giấy phép, ngược lại người Hà nội xuống Hải phòng cũng vậy; từ Sài Gòn tôi bay ra Hải phòng rồi về Hà nội xem cảnh Hà nội sau khi Việt Minh tiếp thu. Buổi sáng tôi đến hiệu sách Bình Minh ở phố Huế tìm ông Hồ Dzếnh để đưa cho ông mấy bức thư vài người quen ông ở Sài Gòn nhờ tôi chuyển. Tôi gặp ông ở cửa hiệu sách, ông nói tôi đến chậm năm phút là không gặp ông, giờ này ông lên đường đi tham quan đường xe lửa Hà Nội-Ái Nam Quan.

Hơn hai mươi năm sau một đêm mưa ở Sài Gòn tôi nghe nói đến ông Hồ Dzếnh. Cháu tôi là giáo viên ở Hà nội, vào Sài Gòn dạy học, đến thăm tôi, nó kể:

-- Cháu có tên bạn trong Hội Nhà Văn. Một tối cháu với nó đang ngồi nói chuyện trong nhà nó, có ông già tóc bạc đến. Nó ra tiếp. Ông già đưa cho nó tập giấy, nó lấy tiền đưa ông già. Trở vào nó hỏi cháu: Biết ai đấy không? Hồ Dzếnh. Lính viết thuê của tao đây...

Hồ Dzếnh, Lính Viết Thuê! Có nhiều anh nhà báo miền Bắc mỗi tháng phải, và chỉ phải, viết theo chỉ tiêu một số bài, nộp bài cho thủ trưởng, bài có được đăng hay không không cần biết, những anh này ăn lương tháng; nhiều anh có tiền nhờ làm những việc khác nên không viết mà mua bài của người khác làm bài của mình. Hồ Dzếnh là một trong những người viết bài mướn kiếm tiền. Nghe chuyện tôi buồn ngủi thương hại ông. Từ năm 1954 đến ngày chết ở cái gọi là miền Bắc xã hội chủ nghĩa mạt rệp Hồ Dzếnh không sáng tác được gì cả, một câu thơ tình cũng không thấy có, ông không bị bọn Bắc Cộng cho đi tù là may. Đúng hơn, bọn cộng sản Hà Nội coi khinh Hồ Dzếnh, chúng không thèm lý gì đến ông và ông cũng câm miệng không làm gì, không nói gì để có thể bị bắt.

Không phải khi bánh xe lạng tử đến xứ người tôi mới buồn ngủi về chuyện Sài Gòn không được các ông thi sĩ, nhạc sĩ nhớ thương, quý mến trong tác phẩm của mấy ông. Nói rõ hơn, tôi buồn vì có ít nhạc sĩ, thi sĩ ta làm nhạc, làm thơ ca tụng, thương mến Sài Gòn. Tôi đã có cảm giác buồn ngủi ấy từ những năm 1980 khi tôi đang sống trong lòng thành phố Sài Gòn quần quai dưới bóng cờ công sản xâm lược. Trong một băng video những văn nghệ sĩ miền Bắc làm về chủ đề Hà nội của họ có đến 40 bản nhạc ca tụng Hà nội. Tôi

ngiệp. Sài Gòn của tôi có nhiều lắm là năm, bảy bài, nổi nhất là bài Sài Gòn Đẹp lắm, Sài Gòn ơi.. của Y Vân.

Không ai nhớ thì mình nhớ vậy. Ít người thương, mình thương càng quý chứ sao.

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Mai Anh về Anh có còn Em?  
Anh về giữa sắc cờ pha máu,  
Là máu quân thù hay máu Em?*

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Tháng Tư buồn thành phố mưa đêm.  
Anh về giọt lệ vương trên má,  
Là lệ trời hay lệ của Em?*

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Nước triều dâng tràn bến sông đêm.  
Anh về nghe tiếng ca hờn tủi,  
Là tiếng ma buồn hay tiếng Em?*

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Mùa hạ vàng thành phố trăng đêm.  
Nhìn Anh về trước hiên nhà cũ,  
Là mắt sao trời hay mắt Em?*

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Nghĩa trang buồn nấm mộ không tên.  
Tình Em trọn kiếp thơm hương cốm,  
Áp ủ hồn Anh như lá sen.*

*Sài Gòn có gì lạ không Em?  
Nếu mai về Anh chẳng còn Em?  
Ngàn năm hai đứa mình xa cách,  
Anh vẫn ngàn năm thương nhớ Em!*

Tháng Mười 2000 trước tin Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton đến Hà nội tôi viết một bài về nỗi đau thương, tủi nhục của Vua Lê Chiêu Thống và những người Việt theo ông vua mất ngôi ấy chạy sang Tàu. Ở Yên Kinh có lần Vua Lê Chiêu Thống bị bọn lính Thanh bắt giam nên tôi viết Vua Lê Chiêu Thống là ông Vua Việt duy nhất bị ngoại nhân bắt giam.. Bài viết gửi đi rồi đêm đến mở sách lịch sử ra đọc lại tôi thấy tôi viết sai. Có thể nói dân tộc ta có nhiều ông vua bị ngoại nhân bắt tù, bắt đi đày nhất trong lịch sử nhân loại, ít nhất cũng là nhiều nhất trong các quốc gia vùng Đông Nam Á Châu.

Lịch sử ta ghi hai ông vua thứ nhất, thứ nhì của ta bị quân Minh Tàu bắt sống, đưa sang Tàu, chết ở đất Tàu là cha con Vua Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương. Trên những trang sử vong quốc thê thảm đời nhà Trần, nhà Hồ tôi gặp lại các ông Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Chân. Hai ông này có tên trên đường phố Sài Gòn.

Chuyện tên hai ông Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Chân được đặt tên đường làm tôi nhớ đến chuyện năm 1956 - sau khi ông Ngô đình Diệm lên làm Tổng Thống - thành phố Sài Gòn đổi tên đường. Phải có một ủy ban chọn, đặt tên đường được lập ở Tòa Đô Chính năm xưa ấy để làm công việc đó. Những vị trong ban này đã làm việc thật hay, những tên đường được chọn, được đặt thật đúng, gần như không thể chê trách gì được.

Trước 1956 tất cả những đường phố Sài Gòn đều mang tên Tây; tất cả - trừ một số rất ít ông như Yersin, Pasteur, Genibrel hay Miss Cawell.. -- những ông Tây có tên được đặt tên đường ở Sài Gòn đều là những ông có tham dự vào việc quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và Nam Kỳ lục tỉnh những năm 1860; đa số là tướng và sĩ quan cao cấp: 3 Hải Quân Thiếu Tướng De Lagrandière, Charner, Bonnard - đến đời tôi là những đường Gia Long, Lê Lợi, Nguyễn Huệ -- một Tướng Bộ Binh: Général Lizé: đường Phan Thanh Giản, hai Cô-lô-nen: Colonel Boudonnet - Lê Lai - Colonel Grimaud - Phạm Ngũ Lão - hai ông linh mục Taberd, Pellerin, hai ông tu sĩ: Frère Louis - Võ Tánh - Frère Denis - Ngô Đức Kế, một ông cố đạo Legrand de la Liraye, sau 1956 đường Lơ Găng Le Nhe là đường Trương Minh Giảng..vv.

Tôi thán phục sự làm việc của những ông trong ban chọn tên đường cho thành phố Sài Gòn năm 1956. Không biết những ông nào là thành viên của ban ấy? Những vị anh hùng của ta: Hai Bà Trưng, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ được đặt tên cho những đường phố đẹp nhất, lớn nhất ở trung tâm thủ đô, tất cả những ông Vua nhà Nguyễn đều có tên đường, trừ ông Bảo Đại.

Tôi chỉ không hiểu vì sao Sài Gòn lại có tên đường Hiền Vương - Mayer trước 1956, Võ thị Sáu sau 1975 - Hiền Vương là ông Nguyễn phúc Tần, một trong bảy, tám ông chúa nhà Nguyễn ở Gia Định trước đời Vua Gia Long; tại sao riêng tên ông Nguyễn phúc Tần lại được đặt ở một con đường tương đối lớn như thế?

Sài Gòn có nhiều đường phố mang tên các vị danh tướng đời Trần: Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão. Nhà Trần có hai ông vua chết vì nước, một trong hai ông vua đó không được con cháu nhớ để đặt tên đường. Đó là Vua Trần Duệ Tông.

Khi Hồ Quý Ly sắp cướp ngôi, nhà Trần có vua Trần Duệ Tông, cùng thời Chiêm Thành có vua Chế Bông Nga. Thời ấy nước ta yếu, nước Chiêm mạnh, Chế Bông Nga nhiều lần đưa quân Chiêm sang đánh phá nước ta, có lần quân Chiêm vào tận thành Thăng Long, quan quân ta chạy như chuột. Chế Bông Thọ năm 1975 là hậu duệ 12 đời của Chế

Bồng Nga; có người nói Chế Bồng Thạo là Chế Bồng Nga lộn kiếp, tái đầu thai để trả thù dân Việt Nam. Năm Đinh Tị - 1377 - Vua Trần Duệ Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Chế Bồng Nga cho người trá hàng, sang báo tin Y đã bỏ thành Đồ Bàn chạy trốn. Vua Trần Duệ Tông tin thật, tiến vào thành Đồ Bàn. Chế Bồng Nga cho phục binh đồ ra đánh, Vua Duệ Tông chết tại trận. Trận này quân ta mười phần chết đến bảy, tám. Trong suốt lịch sử ta tôi thấy chỉ có một Vua Trần Duệ Tông là chết cùng với quân sĩ trên chiến trường khi Vua thân chinh mang quân đi mở cõi.

Nhưng tên Vua Trần Duệ Tông đã không được đặt tên đường trong thủ đô Sài Gòn, tên ông Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần lại được chọn. Đây là sự bất công tôi thấy khi tôi nhớ lại những tên đường phố Sài Gòn. Ông vua Nhà Trần thứ hai chết vì nước là Vua Trần Quý Khoách. Năm 1413 Vua bị Tướng Trương Phụ nhà Minh bắt sống cùng với các ông Đặng Dung, Nguyễn Sứ. Sử ta ghi cả ba ông đều tự sát. Ở khu Trần Quang Khải, Tân Định, ta có những đường Trần Quý Khoách, Đặng Tất, Đặng Dung nằm liền nhau.

Đường Paul Blanchy đổi thành đường Hai Bà Trưng, chạy dài từ cầu Tân Định đến sông Sài Gòn; ông Thi Sách, nhờ có liên hệ gia đình với Hai Bà, được có tên trên con đường nhỏ ở khu Bệnh Viện Đồn Đất, tức Nhà Thương Grall, đường Charner thành đường Nguyễn Huệ, đường Bonnard thành đường Lê Lợi, tên ông Lê Lai có công liều mình cứu chúa thay thế tên Colonel Boudonnet, đường Norodom Sihanouk thành đường Thống Nhất, đường D'Espagne - bà con ta thường đọc là đường Đét Banh - trở thành đường Lê Thánh Tôn, đường La Răng Nhe - Lagrandière, Thiếu tướng Hải Quân Pháp, -- thành đường Gia Long, đường Lor-răng Le Nhe - Legrand de la Lyrae-thành đường Trương Minh Giảng, đường Général Lizé thành đường Phan Thanh Giản.

Đường Phan Thanh Giản là một đường lớn, chạy dài từ Ngã Bảy đến cầu Thị Nghè. Trong số các vị quan nhà Nguyễn tên ông Phan Thanh Giản được dùng để đặt tên cho con đường lớn nhất. Đêm buồn ở Rừng Phong, tôi đọc tiểu sử của ông.

Viết theo Khoa Cử Việt Nam, tác giả Đỗ Bằng Đoàn.

Tháng Giêng năm 1861, Tướng Pháp Charnier đem 3.500 lính Pháp và Y-pha-nho, chiếm Gia Định, rồi tiến quân đánh đồn Kỳ Hòa. Ngày 26-2-1861 đồn Kỳ Hòa thất thủ; Thống Đốc Nam Kỳ Quân Vụ Nguyễn Tri Phuront bị thương nặng, Tán Lý Nguyễn Duy và Tán Trương Tôn Thất Trí tử trận. Lấy xong đồn Kỳ Hòa, địch thừa thắng kéo lên đánh hai tỉnh Biên Hòa, Định Tường. Chỉ trong mấy ngày ba tỉnh miền Đông mất về tay người Pháp.

Tin bại trận báo về kinh, Vua Tự Đức họp đại thần bàn định (□) Vua cử Thượng Thư Phan Thanh Giản làm Toàn quyền đại thần, Tham tri Lâm Duy Hiệp làm Phó, vào Gia Định nghị hòa. Vua căn dặn hai ông:

-- Nam Kỳ không những là đất khai sơ của liệt thánh, lại còn là quê hương của Đức Bà Từ Dũ. Các khanh chớ khinh xuất cắt đất cho người Pháp.

Cuộc nghị hòa đưa tới hòa ước năm Nhâm Tuất - 1862 - do Phan Thành Giản, Lâm Duy Hiệp ký với Bonard: Ta nhường cho Pháp ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, bồi thường binh phí cho Pháp 4 triệu quan, trả làm 10 năm.

Sĩ dân Nam Kỳ nhiều người nổi lên chống Pháp, đứng đầu là nhóm các ông Trương Công Định, Trương Công An, Võ Duy Dương, Thủ Khoa Huân vv, nhóm ông Trương dựng cờ Bình Tây Nguyễn Soái, cờ thêu tám chữ: Triều đình khi dân, Phan, Lâm mãi quốc.

Năm 1863 Vua Tự Đức cử Phan Thanh Giản làm Chánh Sứ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đàm làm Phó sứ, sang Pháp đệ quốc thư xin chuộc ba tỉnh Nam Kỳ. Ngày 4-7-1863 sứ bộ xuống tàu biển của Pháp ở Gia Định, ngày 10-9 tới Pháp, ngày 5-11 được gặp Pháp Hoàng. Chuyến đi sứ thất bại hoàn toàn. Năm 1864 chính phủ Pháp cho Đại Tá Aubaret làm Toàn quyền sang Việt Nam. Triều đình thấy ông Phan Thanh Giản từng gặp Aubaret ở Pháp nên cử ông làm Toàn Quyền cùng hai ông Trần Tiến Thành, Phan Huy Vịnh vào Nam Kỳ thương thuyết với Aubaret để chuộc lại ba tỉnh. Đang thương thuyết thì Tổng Đốc Vĩnh Long Trương Văn Uyển cấp báo quân Pháp tiến đánh thành Vĩnh Long. Vua Tự Đức phong ông Phan Thanh Giản làm Kinh Lược Sứ, đại dinh đóng ở Vĩnh Long. Sáng sớm ngày 20-6-1867 Thiếu Tướng De Lagrandière đem một tàu chiến và 1.000 binh sĩ đến Vĩnh Long, cho Linh mục Legrand de la Lyrae vào thành hạ tối hậu thư bắt phải đầu hàng. Ông Phan đề nghị gặp Tướng Pháp điều đình. De Lagrandière mời ông và Án sát Vũ Duy Thanh lên tàu nói chuyện. Cuộc nói chuyện chẳng đi đến đâu nhưng khi hai ông Đại sứ ta trở về thành, De Lagrandière cho lính võ trang ào ào đi theo, xông vào thành, chiếm luôn thành Vĩnh Long. Hai, ba ngày sau quân Pháp chiếm An Giang, Hà Tiên.

Quân Pháp chiếm Vĩnh Long, giam lỏng ông Phan trong một căn nhà nhỏ. Ông viết sớ tâu rõ việc mất thành, tự nhận mình bất lực, để sớ với mũ áo triều phục, cùng 23 đạo sắc phong, cho người đưa về kinh đô, rồi tuyệt thực. Ông tuyệt thực 17 ngày vẫn không chết, cuối cùng ông uống thuốc độc tự tử.

Vua Tự Đức giận ông không làm tròn nhiệm vụ, lại có ý chết để tránh tội, giáng chiếu kết ông tội trảm giam hậu, truy đoạt hết quan chức của ông, đục tên ông trong bia Tiến sĩ. Năm 1886 Vua Đồng Khánh ban chiếu hủy tội và phục chức cho ông.

Hai con trai ông là Phan Thanh Tôn, Phan Thanh Liêm chỉ huy nghĩa quân chống Pháp ở Bến Tre, Vĩnh Long, Sađéc, Trà Vinh; cả hai ông cùng tử trận.

\*\*\*

*Trời không chớp bể  
chẳng mưa nguồn,  
Đêm nào, đêm nào  
tớ cũng buồn...*

Thơ Tú Xương. Sài Gòn có đường Tú Xương. Ông Tú sống ở trong nước mà đêm đêm ông còn buồn đến thế, không biết nếu ông sống lưu vong xa quê hương ông nữa vòng trái đất đêm đêm ông còn buồn đến đâu. Những đêm buồn ở Rừng Phong, người vong quốc đã buồn lại càng thêm buồn khi đọc những trang sử vong quốc của dân tộc mình. Nhiều đời ông cha tôi chịu cảnh mất nước, dân tộc tôi bị ba ngoại nhân thay phiên nhau đô hộ: Tàu, Tây, Nhật, trong khi dân tộc Cao Ly chỉ bị hai đời ngoại nhân đô hộ là Tàu và Nhật.

Trích Khoa Cử Việt Nam,  
Tập 2, trang 100:

Sứ bộ Việt Nam mặc triều phục, chấp tay ngang trán, cúi đầu xá ba xá, Pháp Hoàng và Hoàng Hậu cúi đầu đáp lễ. Chánh sứ Phan Thanh Giản dâng quốc thư, Pháp Hoàng đứng dậy tiếp nhận. Cuộc đàm phán bắt đầu: Bên sứ bộ ta thống thiết đòi hỏi công lý, bên người Pháp im lặng ngồi nghe. Cuối cùng Pháp Hoàng nói:

-- La France est bienveillante pour toutes les nations et protéger des faibles, mais ceux qui l'entravent dans sa marche ont à craindre sa sévérité!

Đại tá Aubaret thông dịch ra tiếng Việt:

-- Nước Pháp từ ái với tất cả các dân tộc và sẵn sàng bảo vệ những kẻ yếu, nhưng những ai cản đường tiến thủ của nước Pháp sẽ được biết sự nghiêm khắc của nó! Ngưng trích.

Anh Vua Phú Lang Sa tuyên bố hung hăng con bọ xít nghe dễ ghét, anh đe dọa trừng phạt những ai dám ngăn cản việc đi chiếm thuộc địa của dân anh; một trăm năm sau lũ con cháu thực dân của anh bị phụt a la poóc trên khắp thế giới!

Kể cũng lạ. Lần nào Đại sứ Phan Thanh Giản đi gặp người Pháp để điều đình ông cũng làm mất đất. Lần thứ nhất Vua Tự Đức sai ông vào Gia Định để đòi lại ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Mỹ Tho, thay vì đòi đất ông lại ký hiệp ước xác nhận người Pháp được quyền làm chủ ba tỉnh. Vua Tự Đức vẫn không ngán, Vua cử ông làm Đại Sứ sang Pháp, chuyển đi ngoại giao đạt thành quả là con số Không to tổ bố. Cũng vẫn không ngán Vua lại cử ông làm Toàn Quyền vào giữ tỉnh Vĩnh Long. Tôi tưởng tượng thảm cảnh các quan ta mặt mũi xanh sạm, ngẩn ngơ từ trên tàu chiến bằng sắt có súng thần công của Pháp đi xuống, léch thếch, thất thủ đi bộ về thành, bọn lính Tây hung hãn mang súng đi hai bên như áp giải tù nhân, cảnh quan quân ta ngơ ngáo khi quân địch ngang xương ủa vào chiếm thành, bắt giam các quan ta. De Lagrandière chiếm thành Vĩnh Long không tốn một viên đạn, dễ hơn hấn ăn bí-tết.

Ông Phan Thanh Giản là Đại sứ đi sang Âu châu thứ nhất của ta. Đọc sử tôi thắc mắc muốn hỏi ông Đại sứ: Tại sao trước khi đi Vua đã dặn ông không được cắt đất cho Pháp,

ông cứ ký vào hiệp ước cắt đất? Ông không ký với nó thì đã sao? Tại sao ông phải ký?  
Tôi muốn nói với ông:

-- Thưa ông.. Cái chết tuyệt thực tạ tội của ông làm chúng tôi thương ông, chúng tôi để tên ông trên con đường lớn của thủ đô chúng tôi, chúng tôi để tên Vua Tự Đức trên con đường nhỏ chỉ bằng một phần mười con đường mang tên ông.

Chúng tôi vinh danh hai ông con ông chết vì nước, khu Dakao trong Sài Gòn, thành phố thủ đô của chúng tôi - Xin lỗi, thủ đô của chúng ta -- có hai đường Phan Tôn, Phan Liêm. Hai đường ấy ở cạnh đường mang tên ông. Không có nhiều nhà cha và con cùng có tên trên đường phố Sài Gòn: tôi nhớ chỉ có các ông Nguyễn phi Khanh-Nguyễn Trãi, Đặng Tất-Đặng Dung, riêng họ Phan của ông có ba người: Phan Thanh Giản- Phan Tôn-Phan Liêm. Chúng tôi hèn yếu nên đã không giữ được thủ đô của chúng ta. Bọn xâm lược hiện bỏ tên ông, chúng thay tên ông bằng cái tên Điện Biên Phủ. Chúng tôi mơ một ngày chúng tôi sẽ đặt lại bảng đường mang tên ông trên con đường lớn ấy.

*Tạo hóa gây chi cuộc hí trường,  
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương.  
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...*

Mòn mỏi kiếp lưu đày, vất vưởng quê người, những đêm buồn chợt nghe từ đáy hồn thương tích, vắng tiếng kèn trù điệu nước xưa, trái tim muốn vỡ vì trăm hận, ngàn đau nào sánh nổi, tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương. Ôi người bạn đọc ở cuối chân trời, tôi thương nhớ Sài Gòn, tôi thả hồn tôi trở về những đường phố Sài Gòn xanh xưa - Sài Gòn..nơi bạn và tôi đã trưởng thành, đã gặp tình yêu, đã sống, đã bỏ, đã phụ, Sài Gòn đã yêu thương chúng ta - nay chúng ta sống xa Sài Gòn, bạn có bao giờ thương nhớ Sài Gòn không?

Tôi kể chuyện Sài Gòn bạn nghe nhé..!

đường Nguyễn Huệ  
tranh họa sĩ Chóc – Nguyễn Hải Chí



## Saigon Ngày Tháng Cũ Hà Nguyên Phổ

Tôi sinh ra ở Huế, “người miền giữa”, vì lêu lổng ham chơi nên bị “lưu đày” vào nội trú ở trường trung-học Yersin, Đà Lạt từ năm 12 đến năm 18 tuổi. Tôi chỉ được sống ở Saigon vốn vẹn 8 năm khi theo học “trường thuốc” ở đây (sinh-viên Y khoa chỉ cần bảy năm là tốt nghiệp thành đốc- tờ rồi, nhưng vì tôi muốn học cho kỹ nên mới phải tốn đến tám năm.). Tám năm trôi qua nhanh, thấm thoát như thoi đưa. Và cùng với tôi, Saigon trải qua bao nhiêu biến động, từ những vụ biểu tình xuống đường của sinh viên-học sinh, những lần đảo chánh thành công hay thất bại, những vụ tự thiêu, những đêm giới nghiêm thiết quân luật. Saigon bị bóp mũi, bịt miệng, chỉ ú ớ tiếng xe tuần của cảnh sát và quân đội, chỉ nghe trong không gian uất nghẹn ấy tiếng đại bác vọng về từ ngoại ô...

Chiến tranh thì càng ngày càng khốc liệt, vây quanh chúng tôi đến nghẹt thở. Vậy mà Saigon vẫn “phây phây”, vẫn “vô tư”, vẫn mini jupe trên đường Tự Do, vẫn “lá đồ để đưa đường cho người tình Trung Vương”, vẫn “cây dài bóng mát con đường Duy Tân”, vẫn chợt mưa chợt nắng bất thường như tâm tình người con gái Saigon, vẫn chen chúc ồn ào chợ Vườn Chuối, vẫn tấp nập “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” quanh bồn binh chợ Bến Thành, vẫn cyclo đập tà tà, vẫn cyclo máy khói bay mù mịt phụ họa với tiếng máy ồn ào, vẫn xe ba bánh đi vào tận trung tâm thành phố, vẫn những bà mệnh phụ, những cô tiểu thư con nhà giàu bận đồ bà ba bước xuống từ những xe hơi Peugeot 404, DS 19 bóng loáng có “chauffeur” đàng hoàng, sà vào một gánh bò bía, một xe khô bò, hay uống một ly nước mía Viễn Đông, “vô tư và hồn nhiên”...

Còn bao nhiêu nét đặc trưng, đặc thù, đặc biệt của Saigon, kể sao cho hết, nói sao cho vừa. Cứ mỗi lần tôi về thăm lại Saigon, hình như tôi nhận thấy và cảm thấy Saigon lại mất đi một mảnh hồn, thay đổi một phần cơ-thể. Tôi hoang mang lo sợ một ngày nào đó, khi tôi về, tôi sẽ nghẹn ngào hát thảm: “Saigon ơi, tôi đã mất Người trong cuộc đời, Saigon ơi, thôi đã hết thời gian tuyệt vời”, và Saigon không còn là Saigon ngày tháng cũ của tôi, tôi đứng giữa Saigon mà cảm thấy xa lạ, cô đơn và hụt hẫng, như đang đứng giữa lòng Paris, London, New York, hay San Francisco, và xót xa nghĩ rằng “một nửa hồn tôi bỗng dại khờ”, dại khờ vì những mất mát, thay đổi đó. Trong niềm suy tư đó, tôi phải vội vã ghi lại tất cả những gì tôi nhớ về Saigon ngày tháng cũ, như một lời tạ tội với Saigon, như một níu kéo quá khứ cho tôi, cho ban bè tôi, để hoài niệm, để hồi tưởng, để thương nhớ. Nhà văn Văn Quang, cũng có cùng một tâm sự như tôi, khi viết “Saigon, 25 năm nhìn lại”, nhưng với một cái “nhìn” và cái “cảm nhận” của một người đang “được” sống giữa lòng Saigon, của một người “lưu lạc” trong chính đất nước của mình, viết chuyện hiện tại mà nghe vương vất những chập chờn của quá khứ (chữ nghĩa của Nguyễn Mạnh Trinh). Xin được trích một đoạn trong bài Lắm cảm Saigon thiên hạ sự, của Văn Quang, số 233, ngày 5 tháng 11 năm 2007: ... trên những con đường Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Mạc Đĩnh Chi mà “hồi xưa” chúng tôi gọi là “phố tây”, vắng ngắt chỉ còn hai hàng cây lim dim ngủ, bỗng cảm khái lạ lùng. Nhớ nhưng ở đâu tràn về mà chẳng thể xác định được mình nhớ cái gì. Nhớ “Saigon muôn năm cũ”, nhớ lung tung, nhớ bạn bè, nhớ

người tình, khung cảnh bác xích lô cô đơn trong bóng đêm, cô gái ăn sương đứng dưới bóng đêm, thằng bé đánh giày ngủ trong mái hiên... Tất cả đều thấm thiết từ trong đáy lòng nhưng lại nhạt nhòa lẫn lộn. Không gian và thời gian này là “Saigòn của chúng tôi”. Nó chỉ là thật sự của chúng tôi vào khoảnh khắc bất chợt đêm đó và nó chỉ sống lại trong những giây phút hiếm hoi như thế này. Ai còn, ai mất, ai ở đâu, lãng đãng rất xa, rất lưu lạc, mà lại rất gần. Dường như anh em còn ở quanh đây, hồn họ vẫn còn ở đây. Tôi cố đánh lừa cảm giác mình, nhưng không thoát được tiếng thở dài. Đây là tâm tình của một người Saigon hôm nay “lắm cảm” nhớ về Saigon xưa, nhớ cả tình, cả cảnh, nhớ tất cả, chẳng thiếu thứ gì...

### **Những con đường xưa.**

Saigon có trên mười đại lộ, trên trăm con đường lớn, trên ngàn con đường nhỏ, và cả vạn con hẻm và ngõ ngách của những khu Bàn Cờ, Phú Nhuận, những xóm Trương Minh Giảng, Tân Định... Nghe “Xóm đêm” của Phạm Đình Chương: ”Qua phen vênh có bao mái đầu, hắt hiu vàng ánh điện khâu“ mà nào nùng hình dung những khu phố chật chội, nghèo nàn đó. Địa chỉ nhà của em mà có đến 3 hay 4 cái “sur”- phụ đề Việt ngữ là “trên”- (sau gần nửa thế kỷ, tôi nhớ hình như là 192 sur 74 sur 2B, khu chợ Vườn Chuối) thì anh “biết mô mà tìm, thì mần răng mà anh đến nhà của em để ra mắt Ba Mạ được”.

Trong khuôn khổ hạn hẹp của bài viết này, tôi chỉ có thể nhớ về và nhắc lại một vài con đường mà tôi có nhiều kỷ niệm, những dấu ấn của một thời niên thiếu. Tôi biết rằng những con đường không được nêu tên trong bài này sẽ ghét tôi, sẽ giận tôi, và biết đâu sẽ tìm cách “trả thù vật” khi tôi trở lại Saigon.

### **Đường Catinat.**

Đường Catinat, hay đường Tự Do (từ năm 1954), và bây giờ tên là Đồng Khởi (từ năm 1975). Sự thay tên đổi họ này đã được dân gian đặt câu về: Đồng Khởi ra đời mất Tự Do. Catinat là một con đường rất ngắn nối một đầu từ bờ sông Thủ Thiêm Saigon, khách sạn Majestic đến cuối đường là nhà thờ lớn Saigon tức Vương Cung Thánh Đường và khu Buru điện. Sau lưng nhà thờ, bên kia đường Thống Nhất là đường Duy Tân. Đối với tôi, Catinat của Saigon tuy ngắn hơn nhưng đẹp hơn Champ Elysées của Paris, tuy nhỏ hơn nhưng xinh hơn Ramblas của Barcelona, tuy không náo nhiệt nhưng có tình hơn Nanjing của Thượng Hải...

Bây giờ, tôi xin mời các bạn cùng tôi đi “tham quan” con đường Catinat, bắt đầu từ phía nhà thờ. Đi được trên 100 mét, bên phía tay mặt, ở góc đường Lê Thánh Tôn, là quán café La Pagode, nơi hò hẹn của giới văn nghệ sĩ. Ở đó, ngày ngày ta bắt gặp những Mai Thảo, Thanh Nam, Nguyễn Đình Toàn, Thái Thủy, những Hoài Bắc, Cung Tiến... Một nhân vật đặc biệt cần được nhắc đến là thi sĩ Đinh Hùng của “Đường vào tình sử “. Theo anh Văn Quang thì trong những năm 55-67, thi sĩ Đinh Hùng hàng ngày thường có mặt tại La Pagode để gặp bạn bè “trong làng” và tại nhà hàng Givral (cách đó chừng 50 mét) để “hẹn hò” với các độc giả, thính giả, nhất là “nữ độc giả và nữ sinh” hâm mộ yêu mến thơ của ông. Ở đó La Pagode), chỉ cần gọi một ly cà phê là ta có thể ngồi từ sáng đến

chiều mà không ai thèm để ý và làm phiền đến mình (nếu ta không có việc gì làm ngoài chuyện ngồi tán phét và ngắm nhìn thiên hạ dạo phố). Quán La Pagode đặc biệt không có cửa, không có kính, không có màn, nên nếu ngồi ở những bàn gần đường, hay ở những bàn còn kê dài dài ở ngoài hè phố, ta có thể thoáng cảm nhận phát phơ tà áo đi ngang qua, hay thoáng ngửi mùi nước hoa sang trọng Chanel Number 5 từ những cô gái con nhà giàu hay mùi nước hoa quyến rũ Tabou từ những em cave. Tuy được gọi là nhà hàng, nhưng hình như La Pagode không có món ăn nào, hoặc “thực khách” chỉ là những “âm khách”, chỉ biết order một ly cà phê hay một chai bia 33, bia Larue con cộp, rồi thơ thới hân hoan mà nhìn đời, mà ngắm người (theo “thổ ngữ” người Huế là “nghề” đàn bà con gái).

Bên kia đường, nhìn chênh vênh về phía trái là một công viên, không thấy bóng dáng những “homeless” hay những cặp tình nhân ôm nhau mùi mẫn, không có “lá đổ, không chờ mong em chín đỏ trái sầu”. Cũng ở bên kia đường, hơi xa về phía tay phải là Café Terrasse của Hotel Continental, nơi đó là chỗ đóng đô của mấy ông tây bà đầm, và của giới truyền thông ký giả ngoại quốc trú ngụ tại hotel Continental. Sáng sáng, họ ngồi đó để ăn “petit déjeuner”, đọc báo, viết bài, săn lùng tin tức.

Rời La Pagode, ta gặp nhà sách Xuân Thu, tức Albert Portail. Có hai cửa vào, một từ đường Tự Do, một từ hông passage Eden. Đây là một nhà sách không lớn nhất Saigon, nhưng có đầy đủ sách báo, từ báo Le Figaro, Equipe đến Paris Match, Le Monde, Cinémond, Ciné Revue, từ Time, Newsweek, Reader’s Digest đến Washington Post, Times of London, Daily Telegraph; từ những sách về văn học nghệ thuật, đến những cuốn sách truyện trinh thám mới ra lò. Sinh viên đói rách như chúng tôi tha hồ đến đây mà đọc “cộp”, đọc “ké”, nhân viên bán hàng biết tình cảnh “kinh tế tài chánh” của chúng tôi nên cũng “tha tào”, để chúng tôi “cứ vô tu” mà tra dồi kiến thức.

Bên hông nhà sách Xuân Thu là passage Eden, có hình chữ Y, ăn thông từ đường Tự Do sang đường Lê Lợi và đường Nguyễn Huệ. Trong đó chiếm một diện tích lớn là rạp ciné Eden của gia đình họ Huỳnh Phú.

Tiếp đó là nhà hàng Givral, nằm ở góc đường Lê Lợi. Nhà hàng có cửa kính, có máy lạnh, và cũng có cà phê, sữa tươi, bánh ngọt, paté chaud, oeuf sur plat đẳng hoàng. Givral là quán café được giới trẻ “con nhà giàu”, “tây con và đầm non” như dân học sinh Marie Curie, Chasseloup Laubat ưa thích. Và nhất là giới nhà báo, tình báo điệp viên (tôi chỉ đoán mò thôi vì làm sao mà nhận diện được họ) vì địa điểm quan sát rất thuận lợi. Từ Givral, ta có thể nhìn trước mặt là Hạ viện (nhà Hát Lớn ngày xưa), phía đường Lê Lợi là một công viên nhỏ, ở đó thường xảy ra những vụ xuống đường của sinh viên, và những cuộc họp báo “đột xuất” của những chính khách đối lập. Hai “nhân vật” nổi tiếng thường trực ở Givral là một ông tướng, có tài, có đức, nhưng “cứng đầu” nên không được trọng dụng, rồi bất mãn, coi đời như vung, say sưa chửi thề suốt ngày- hay suốt đời. Ông tướng này đặt bản doanh tại hai nhà hàng Givral và Brodard, chỉ cách nhau chừng 50 mét. Và một ông nhà báo-tình báo có tên Phạm Xuân Ân, trước làm cho hãng Reuters và từ năm

1965, làm cho tờ báo Time. Ông đeo lon đại tá “ngầm” trước 75 và thiếu tướng sau 75. Bỏ qua một bên chính trị, chính kiến, giới tuyến, quốc gia-cộng sản, con người Phạm Xuân Ân là một con người bộc trực, có lòng và có tình với bạn bè, hết mình với đồng nghiệp, không hại “anh em khác giới tuyến” vào những ngày cuối tháng tư, 1975, có lẽ vì lòng nhân hậu (cha mẹ sanh ra) và sự tôn trọng tự do cá nhân (hấp thụ từ Mỹ). Ông Ân đã qua đời vào tháng 9, 2006 sau 31 năm ngồi chơi xơi nước.

Từ trong quán Givral, ta tha hồ ngắm nhìn những mini jupe, những áo Montagut kiểu mới nhất từ Paris, những “tà áo lụa Hà Đông em đi mà chột mắt”. Và những anh thợ chụp hình dạo, thường hành nghề trước Nhà Hát Lớn, sau khi “du dỗ” được một du khách rồi mới cười ruồi xin “chụp lại một pô nữa cho chắc ăn” vì “pô” trước chỉ là chụp vờ.

Nhà hát lớn Saigon, hay nhà Quốc hội, là một kiến trúc nguy nga, đồ sộ, được xây lên từ thời Pháp- thuộc, có một hệ thống âm thanh không thua kém những rạp hát trú danh ở Paris hay London, nằm giữa hai khách sạn lớn nhất Saigon thời xưa là Continental và Caravelle. Một bên Caravelle là trụ sở của hãng Air France, ở đó những cô nhân viên nói tiếng tây hay hơn đám. Trong khuôn viên của Hotel Caravelle, có phòng trà ca nhạc Caravelle, do ca sĩ Jo Marcel bao sân thời gian đầu. Kế đó là tiệm bán máy hình và chụp ảnh Long Biên, có công tử Dz. Long Biên hào hoa phong nhã.

Qua khỏi đường Lê Lợi, đi dăm ba bước là ta gặp nhà hàng Brodard. Brodard cũng tương tự như Givral, nhưng có vẻ kín đáo hơn, và thức ăn có thể ngon hơn, và ít ồn ào xô bồ hơn Givral. Brodard có hai tầng, ngồi ở tầng trên thì tha hồ mà “gỡ gạc”, tha hồ bàn chuyện “áp phe” và chuyện chính trị. Trước khi đến Brodard là rạp cinéma Catinat, nơi đóng đô của mấy anh tây “pê đê”, rạp vừa nhỏ, vừa hôi, vừa bẩn.

Bên kia đường, xế về phía tay phải, một góc là tiệm Alimentation generale Thái Thạch, bán đủ loại thực phẩm của Pháp như beurre Bretel, paté foie d’Alsace, rượu chát Bordeaux, fromage Camembert, Roquefort... Đối diện với Thái Thạch, bên kia góc đường là dancing La croix du Sud - sau này là vũ trường Tự Do của ông chủ tên Cường, có ban nhạc Phi Luật Tân do nhạc trưởng tên Tanning, người Phi Luật tân, có những ca sĩ như Lệ Thu, Bích Chiêu, Bạch Yến,... và nhất là có những em cave nổi tiếng một thời như Tâm điệu, Tuyết điệu, Cúc, Mỹ, Thơm, Dung 45, Thanh Thúy “tàu”(nổi tiếng nhờ một sắc đẹp sang trọng diễm kiều, lại có cái tên trùng hợp với một ca sĩ hàng đầu thời đó). Dancing này có một thời phải đổi thành phòng trà ca nhạc Tự Do, vì thời đó “nhảy đầm là phạm thuần phong mỹ tục”.

Gần đó là tiệm may nổi tiếng Aux Ciseaux d’Or - sau này là nhà may Tân Tân. Và hình như ở gần đâu đó là tiệm cà rem bánh ngọt Aux Delices của cụ Đốc T.. Kế bên là tiệm La Mode, bán đồ gốm, đồ cổ của bà cụ Phán N., trong gia đình có cậu “ám” tên L., tự L. Ph, hào hoa phong nhã, lè phè đúng tác phong của một con nhà giàu, học không giỏi, không đẹp trai nhưng lại có tội “đông bạc”, và chịu chơi hết mình.

Tiếp tục đi về phía bờ sông, sát một bên hotel Majestic, những năm đầu thập niên 70 mọc lên một tiệm rất đặc biệt: đó là tiệm đánh “tilt” - máy chơi bi điện - của một anh tây rất “văng” tiếng tây là anh Francois, mê mắt tôm hơn mê fromage. Dân đến tiệm “tilt” này là dân ăn chơi thời thượng, sang trọng đúng mốt, đi giày Santiago đóng ở tiệm Gia tặn bên Khánh Hội, mặc áo quần của nhà may Văn Quân hay Tân Tân, hót tóc ở tiệm Đàm đường Hiền Vương (tay thợ tên Đàm dân Bắc kỳ chính hiệu, chỉ hót tóc bằng kéo, vừa hót vừa đầu lảo về đủ mọi đề tài, từ chính trị, thể thao, văn học nghệ thuật...)

Và cuối đường Catinat là khách sạn Majestic, không sang trọng bằng Continental và Caravelle, nhưng được lợi thế nằm gần bờ sông Saigon nên có gió mát và phong cảnh hữu tình. Bên cạnh khách sạn là phòng trà ca nhạc Maxim’s do Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và vũ sư Trịnh Toàn điều khiển, đêm đêm có vũ dân tộc và vũ trống. Nơi đây là chỗ hò hẹn của dân làm áp phe, và những ông chủ già hay những ông quan lớn đi du hí với đào nhí.

Bên kia đường Bạch Đằng là bờ sông Saigon, ở đây không còn cái “không khí, bộ mặt” của Catinat nữa. Tôi không nhớ gì ở đây ngoài hình ảnh những cặp tình nhân muốn tránh cái “nóng nung người của Saigon” ra đây để tình tự và hóng gió mát từ sông Saigon; và những người bán hàng rong, bán đủ thứ từ mía ghim, hột vịt lộn đến bắp nướng... Hằng đêm, vô tình ngắm nhìn những hình ảnh quen thuộc này là bức tượng đức Thánh Trần Hưng Đạo. Xa xa về phía tay mặt là nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, có “gió mát” và có “sóng nước”, đi vào thì nặng mà đi ra thì nhẹ, “túi tiền nhẹ tênh”. Và cách đó chừng 100 mét là nhà hàng Tây “Pointe des blagueurs”, mà ông Vương Hồng Xên dịch là “mũi đất của những tay nói phét”, trước là cột cờ thủ phủ, sau đổi thành một nhà hàng “tây”, mấy anh tây bà đầm, mấy anh “marine marchande” thường đến đó để “boire un coup” và lẽ dĩ nhiên là để “blaguer” - đầu lảo tán dóc. Tôi nhớ một hôm, bàn bên cạnh chúng tôi có ba bốn anh tây, có lẽ là dân “tàu buôn-marine marchande, sau khi “dô” dăm bảy ly Cognac, Hennessy, cũng đã gần “ngoắc cần câu” rồi, một anh bỗng lè nhè phát ngôn: “Je sens un mal de mer” - tao cảm thấy say sóng - cứ như là đang lênh đênh trên biển cả. Say rượu mà nói là say sóng, tán phét như vậy là số một rồi.

Con đường Catinat có rất nhiều tiệm vàng và hột xoàn, nhưng nổi tiếng và sang trọng nhất là tiệm hột xoàn Đức Âm, có mặt ở Saigon từ năm 1954, sau khi di cư từ phố Tràng Thi ở Hà Nội vào. Có nhiều tiệm vải, những tiệm tơ lụa Tô Châu có nhiều mặt hàng nhập cảng từ Tô Châu bên Tàu và lụa tơ tằm từ miền Bắc. Và ta cũng không quên tiệm bán tranh sơn mài Thành Lễ, với những sản phẩm sơn mài và đồ gốm rất có giá trị về mỹ thuật và thủ công nghệ, tuy hơi đắt tiền nhưng lại được du khách ưa chuộng. Và sau 1965, mọc lên rất nhiều quán bar quán rượu. Và từ đó, đêm đêm không còn vắng vẻ như trong bài hát của Trần Văn Trạch: “Đêm đêm một mình lang thang trên đường Catinat”.

## Khu Chợ Đũi Nguyễn Quốc Trụ

Hồi mới tới Sài-gòn, nơi chốn đầu tiên mà tôi làm quen, là khu chợ Vườn Chuối.

Chuyến đó ở trên tàu Rắn Biển, Marine Serpent hơi lâu, vì phải đợi ngài Hồng Y Spellman ghé thăm và ban phước lành cho đồng bào di cư. Trong khi chờ đợi, chẳng biết làm gì, họ kéo nhau lên boong, ăn hột vịt lộn từ mấy chiếc ghe nhỏ chèo lên, ngắm thành phố, làm con tàu khổng lồ nghiêng hẳn sang một bên. Xưa quá rồi Diễm ơi, nhưng sao thỉnh thoảng vẫn mơ thấy những con sóng đuổi theo con tàu như có nứu kéo, mấy bà Bắc-kỳ hè nhau mở cánh cửa khoang tàu thay vì nhẹ nhàng vịn vô lẵng, mấy đấng đàn ông đứng ngay trên boong "mở cửa sổ ngó xuống biển", gió tạt vào mấy anh lính thủy hạm đội 7 ở phía dưới. (A, thì ra đó là lý do tại sao nước biển mặn. Cả triệu con người chứ ít ỏi gì! Nhân vật Nguyễn của nhà văn thềm giang hồ, nhân một chuyến đi xa, đành soi gương, vuốt tóc, bằng bãi nước anh ta vừa thải, đám di cư còn "ơ may" tới được Miền Nam, đâu có suốt đời phải "phóng uế" nơi đất người; phải có "căn phần" mới được như Tôn Ngộ Không đi khắp ta bà, tận cùng thế giới, tè một "phát" mà vẫn chưa ra khỏi bàn tay của quê nhà, ôi cái thú ăn, ngủ nơi quê hương, dân lưu vong để gì có được!) Dải đất hình chữ S xa xa, dọc theo con tàu, lúc ẩn lúc hiện...

Chuyến đó đi một mình. Bà cụ cố vớt vát được đồng nào hay đồng đó, ở những phiên chợ Trời mọc lênh khênh suốt thành phố Cảng. Chúng mới được di cư từ Hà-nội xuống. Thủ đô lúc này đã được tiếp quản, nhưng Hải-phòng còn chút ân huệ 300 ngày.

Chả là, ông anh rể lấy bà chị họ, làm nhân viên Nha Thông Tin, sở làm ngay kế bên Bờ Hồ; khi xảy ra vụ di cư, ông nhảy qua quân đội, lãnh chức sĩ quan đồng hóa, và lo việc tiếp rước đồng bào tại đầu cầu Hải-phòng. Bà mẹ và đứa em ở lại đi chuyến chót, cùng ông anh. Cho thằng em vào trước lo việc học.

Rời con tàu, mỗi người được phát 300 đồng. Những chuyến trước, tiền di cư "tính liền", nhưng chuyến đó, chỉ nhận được một mẫu biên nhận, mấy ngày sau tới Tổng Ủy Di Cư, ở đường Trần Hưng Đạo đổi lấy tiền mặt. Nếu không đến nhà bà chị ở khu Vườn Chuối, biết đâu lại có dịp tái ngộ người bạn Hà-nội, Đỗ Tiến Đức ở Nhà Hát Lớn thành phố, hoặc quen Viên Linh ở khu lều di cư Phú Thọ, ngay khúc trường đua. Xưa quá rồi Diễm ơi.

Trường Nguyễn Trãi khi đó bị xóa sổ. Đây là nói về trường Nguyễn Trãi di cư, như Chu Văn An di cư, không phải trường Nguyễn Trãi sau này, ở miệt Khánh Hội. Mò đến Hồ Ngọc Cẩn; thầy giám thị phán, "mê Hà-nội vào trễ, học lại lớp cũ." Tiếc một năm đèn sách, đành nhảy ra trường tư. Ngày ngày lãnh trách nhiệm xách một thùng nước cho bà chị có sạp bún chả tại chợ Vườn Chuối, rồi băng con hẻm cắt ngang Phan Đình Phùng, Trần Cao Vân, Hồng Thập Tự. Trường Văn Lang của thầy Nguyễn Khắc Kham nằm trong một con hẻm ở đường Ngô Tùng Châu, kế nhà thờ Huyện Sĩ. Nhà của Huỳnh Phan

Anh nằm ngay đầu con hẻm ăn ra đường Hồng Thập Tự, Khu Chợ Đũi. Nhà "cô bé" cũng kế đó. Gần ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng. Trường học của cô bé, trường Kiến Thiết cũng kế đó, cách con hẻm "Huỳnh Phan Anh" vài chục bước chân. Khu này vốn nổi tiếng vì mấy tiệm sách cũ, Huỳnh Phan Anh và tôi đã từng lục lọi những số báo nrfA, những cuốn tiểu thuyết đen, série noire. Ít người Sài-gòn quên được món cơm xá xíu ngay đầu con hẻm Kiến Thiết. Mấy đứa em của Huỳnh Phan Anh có đứa học chung với cô bé. Đó là những chuyện sau này.

Tôi ở khu chợ Vườn Chuối tới năm học Đệ Nhị, rồi qua Thủ Thiêm trọ học, nhờ bà cô mỗi tháng từ Pháp gửi tiền về, cộng thêm tiền làm nghề "trợ giáo". Mãi sau này, khi quen cô bé, tôi mới lại lảng vảng ở khu đầu đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng. Rồi khi quen Huỳnh Phan Anh, mới trở lại con hẻm cũ.

Tôi "biết" Sài-gòn, phần lớn là qua "ông thầy" Huỳnh Phan Anh. "Thằng chả" dạy tôi chơi banh bàn, bi da. Quán bi da nổi tiếng mà lâu ngày tôi quên mất tên, ở khu Ngô Tùng Châu, gần trường Nguyễn Bá Tòng, là nơi hai đứa nhiều ngày đứng suốt buổi, khi ra khỏi quán hai chân rã rời, kéo nhau băng qua đường, leo lên gác xếp ngủ. Nhà Huỳnh Phan Anh là nơi lần đầu tiên tôi nhìn thấy cái bàn ăn "dã chiến", khi ăn mở ra, ăn xong xếp lại. Đứa em trai nói ngọt. Mấy chị em là nguồn kinh tế của hai đứa chúng tôi. Rồi thằng chả dạy tôi "xóm" nghĩa là gì.

Sau này học trò vượt ông thầy. Tôi sa xuống mãi đáy Sài-gòn, những nơi chón mà bạn tôi đã từng căn dặn chớ mò tới. Cái trò đọc sách trong một quán chệt, chỉ cần một ly cà phê túi, hoặc ly hồng xà (hồng trà), rồi cứ thế ngồi suốt buổi, là cũng do anh truyền cho tôi.

Và hai đứa chia nhau kinh nghiệm đọc, nhờ nó. Có lần anh kể cho tôi nghe, bữa trước đọc Buồn Nôn, La Nausée, tới đoạn Roquentin đi trong thành phố Bouville, "một mình mà như cả một đoàn quân đang xuống phố"; "đọc tới đây, thú quá tao cũng bỏ ra ngoài đường lang thang một hồi...", và có lần cũng cảm thấy, như Roquentin, "trông lai đang chờ đợi ở một ngã tư đầu đường". Tôi cũng có những kinh nghiệm y hệt như vậy.

Qua anh tôi có được quá nhiều bạn: Dương Văn Ba, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đồng, Hoàng Ngọc Biên, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Nhật Duật... Có thời gian tôi "cộng tác" với báo Điện Tín, là do anh. Thân nhất, có lẽ là lúc anh đang học Sư Phạm Đà Lạt. Tuần nào tôi cũng nhận được thư. Anh vốn là một con người rất cứng rắn, "dur", ít khi bộc lộ tình cảm. Những lá thư là một Huỳnh Phan Anh "đích thực", đối với tôi.

Lần đầu tiên tôi biết Đà Lạt là lần lên thăm anh. Đứng vào dịp Giáng Sinh, với một người bạn. Cả ba đi lang thang ngoài đường đến gần sáng, say, hát, la, rống dọc theo những con dốc. Lần đó, tôi có cảm tưởng sống lại Hà-nội, và mơ hồ hiểu được tâm trạng của những người lính lê dương nhớ nhà, say sưa giữa thành phố, giữa cuộc chiến "không phải của họ".

Với Huỳnh Phan Anh, tôi chỉ ân hận một điều, anh dạy tôi nhiều quá, còn tôi, chỉ có một bài học, đúng ra là một kinh nghiệm, mà không làm sao nói lại cho anh hiểu: tại sao bỏ vào Nam.

Nhưng câu hỏi đó, cho đến nay tôi cũng vẫn chưa trả lời được, cho chính tôi.

Cuốn truyện đầu tay của tôi là cuốn mở đầu nhà xuất bản Đêm Trắng do anh chủ trương. Thoạt tiên "gạ" ông Nguyễn Đình Vượng, nhưng gặp Trần Phong Giao cản đường. Của

đáng tội, thư ký tòa soạn báo Văn không tin cuốn sách sẽ bán được. Tác giả cuốn sách cũng nghĩ vậy. Huỳnh Phan Anh "xúi", thì bỏ tiền ra in, tao làm nhà xuất bản. Anh nhờ Nguyễn Đồng làm bìa. In 2000, đến nhà phát hành Sống Mới, gặp ngay Nguyễn Vũ. Anh nói vô, ông chủ mua cho 300 cuốn. Còn lại bán lai rai, cũng thu đủ vốn. Khi đọc tên tác giả, tác phẩm: đứng hàng thứ bảy, trong danh sách 12 nhà văn phản động đòi truy, trên báo Tin Sáng, ngay sau khi Việt Cộng vào Sài-gòn, (đây là danh sách đầu tiên, sau được bổ sung thêm, thành 19, rồi cả Miền Nam, trừ mấy anh nằm vùng, tất nhiên), tôi sợ, (có), hãnh diện, (có), nhưng thật sự ngạc nhiên. Bởi vì tôi không thể tin, cuốn sách được mấy ông chiếu cố kỹ đến như vậy. Tôi không tin cuốn sách còn, nếu có chẳng, may ra ở trong thư viện.

Đã bao lần tôi cầu mong nó quên tôi, như tôi quên đã quên nó.

## **Tản Mạn Sài-Gòn** **NQH**

*Đây là một bài SàiGòn Ngày Xưa thời của thanh thiếu niên sau 75 đến cuối 1980*

Sài Gòn đối với đa số dân Sài Gòn chính hiệu không phải là 'thành phố 10 mùa hoa,' 'thành phố mang tên 'Bác,' ' hay thành phố 'tôi mất người như người đã mất tên...' Sài Gòn hiền lành hơn thế nhiều, và dân Sài Gòn vốn vẫn thờ ơ với chính trị, nhất là thứ chính trị "salon" vô bổ nhiều lời lẽ thiếu tính thực tế.

Dân Sài Gòn chính hiệu 'con nai vàng' chẳng bao giờ gọi Sài Gòn là thành phố Hồ Chí Minh. Không nhất thiết là vì lý do chính trị. Thằng Tí thằng Tèo trong mắt bà ngoại trăm năm vẫn là thằng Tí thằng Tèo, bất kể địa vị xã hội của nó là gì. Tôi có nói chuyện với vài bạn trẻ ở miền Bắc mới sang Mỹ, nghe họ dùng 'thành phố Hồ Chí Minh' để nói đến Sài Gòn, thấy ngơ ngẩn thế nào ấy, dù tôi chẳng có lý do gì chính đáng.

\*\*\*

Sài Gòn, dù trong thời buổi khó khăn nhất, vẫn như một cô tiểu thư đài các, đông đánh đôi chút mà dễ thương thiệt nhiều. Nhắc đến Sài Gòn người ta hay nhắc đến mưa, nhưng tôi lại nhớ dai dẳng cái nắng gay gắt của Sài Gòn.

Nhà tôi ở một con đường nhỏ, trưa hè đặt cái 'lưng dài vai rộng' xuống nền gạch bông mát lịm ngắm bầu trời xanh ngắt, gió nhẹ hiu hiu, thì không có nơi nào trên quả đất này cho cảm giác thanh bình hơn.

'Một ngõ vắng xôn xao

Nằm trong lòng phố lớn...'

Khác với Hà Nội, không gian Sài Gòn rất thoáng, chí ít là cách đây hơn 15 năm. Không gian của một buổi trưa hè hiu gió còn thoáng hơn vạn lần. Tôi luôn có cảm giác mình có thể bay bổng lên, thò tay với cụm mây bông bành trên người.

Tuy thế, cái không gian ấy không bao giờ làm ta cảm thấy lạc lõng. Thỉnh thoảng những tiếng rao của người bán dạo nghe nao nao, cuộn cả buổi trưa hè thành một miếng bột bánh bèo trắng phau với ít đậu xanh, mỡ hành, nước mắm đường ngọt lịm.

Từ ve chai, bánh bao chỉ, chè đậu xanh bột báng nước dừa, kẹo kéo, tàu hủ, đến mì gõ đều có người mang đến tận cửa. Có rất nhiều tiếng rao mà đến bây giờ tôi vẫn không hiểu nghĩa, nhưng nghe cái cung nhạc ấy thì biết ngay là họ bán cái gì.

Người Sài Gòn cũng thoáng như không gian Sài Gòn vậy... Không đâu có thể dễ có nhiều bạn, và bạn không tôi, như ở Sài Gòn. Không chỗ nào trên đất Việt Nam người ta sống năng động và khoáng đạt hơn ở Sài Gòn.

\*\*\*

Trước khi bàn chuyện 'người lớn' này, xin mạn phép quay lại chuyện thằng Tí thằng Tèo: Đối với một thằng Tèo Sài Gòn chính gốc con nhà nòi thì Sài Gòn dĩ nhiên là 'bự' hơn một buổi trưa hè.

Sài Gòn là những chiều tụ tập bấm chuông nhà người ta, cho đến khi nghe chửi: “ĐM. tụi bai con cái nhà ai mất đại bấm chuông wai dzậy” thì mới chịu vất giò lên cổ chạy.

Sài Gòn là các hồ bơi Lao Động, Chi Lăng, Nguyễn Bình Khiêm..., là mấy củ khoai mì nóng hôi với dừa nạo, là nước mía lạnh, là ốc dích ốc tắng, là bắn bi ca-de với những câu đồng dao khó hiểu như thần chú: 'lang cang báng dôi ăn tiền'. Nói sai hay nói thiếu một chữ là đánh nhau chí tử để rồi ngày mai lại càu nhàu chơi tiếp.

Sài Gòn là những buổi tối cúp điện, tụ họp ca hát hay vừa hồi hộp vừa thích thú nghe và kể chuyện ma như chính mắt mình thấy hôm qua. Sài Gòn là những con điều làm đi làm lại, treo thêm cả cái móc câu để cắt dây điều khác; là đế hộp quẹt thổi phù phù 'đá bắt xác'; là chùm ruột chua ngọt, những cùi thơm, cóc ổi ngâm cắm que cà rem 'đa năng' không biết đã được dùng lại bao nhiêu lần.

Lớn lên một tí, Sài Gòn là cô bé hồi hộp chờ thằng Tèo hái cho cả cành phượng về ép làm bướm; là hàng điệp trái thắm vàng rực trên cao và dưới đất ở trường phổ thông; là quán cà phê từng buổi đón em về.

Xin trích đoạn một bài hát tôi viết đã lâu, đặt tên (rất tự nhiên) là 'Lâu Lâu'

*'Lâu lâu ngòi nhớ hồi xưa*

*Buổi trưa thường hái trộm me*

*Thằng leo, thằng đứng làm thang...*

*Lâu lâu ngòi nhớ hồi xưa*

*Phượng cao mấy cũng trèo lên*

*Chỉ vì cô bé mắt tròn xoe... mắt tròn xoe'*

Sài Gòn đáng yêu lắm! Nó đơn giản và khoáng đạt, không bao giờ cần cái văn vẻ 'màu mè ba lá hệ', không cần các suy nghĩ tự tôn ra vẻ triết gia hướng nội, để phải miệt thị kẻ khác quan điểm. Sài Gòn nhìn cuộc sống trong veo như cái không gian bao la, phóng khoáng đang bảo bọc nó hàng ngày

\*\*\*

Sài Gòn còn là thành phố của sự đối lập: giữa những biệt thự kín cổng cao tường và đám nhà ổ chuột trên kênh hôi hám; giữa văn minh đô thị và những tiếng chửi thề; giữa sự ồn ào bụi bặm và không gian im lắng thanh tao. Nổi bật hơn tất cả là sự đa dạng vô cùng của con người Sài Gòn. Đặc biệt là họ không sống 'như đã từng được sống', mà luôn 'sống như chưa được sống bao giờ':

Ăn mình sau các hàng bông giấy, dây thủy tiên chói đỏ, là những ngôi biệt thự lúc nào cũng kín cổng. Không ai biết những người sống trong đó làm gì, là ai, và cũng chẳng ai thật sự quan tâm... ngoại trừ bọn thằng Tí thằng Tèo. Bọn nhóc chúng tôi thường có rất nhiều các truyền thuyết, về những người sống trong mấy ngôi nhà ấy.

Ở đầu ngõ nhà tôi cách đây khoảng 20 năm có một ngôi nhà như thế, chỉ hơi khác là hai cánh cửa sắt to đùng lại thấp lè tè. Mỗi chiều có một anh chàng vác ghế đầu cao ngồi tì tay lên cửa trông ra đường. Gã chẳng bao giờ cạo râu cắt tóc. Mặc dù nắng chiều rạng rỡ xóa bớt phần nào sự ma quái, bọn tôi vẫn chẳng dám đến gần gã. Người ta có rất nhiều 'lý thuyết' khác nhau về gã: nào là người yêu bỏ đi Mỹ, bị công an lấy mất gia tài, vân vân và vân vân. Cuối cùng hình như hẳn chỉ giả điên để trốn nghĩa vụ quân sự: đến khi hết tuổi, người ta thấy hẳn cạo râu, cắt tóc ngắn chờ ngày xuất cảnh.

Dù gì thì gì, những ngôi biệt thự vẫn là nguồn cảm hứng vô tận cho hàng tỉ câu chuyện mê li rùng rợn bọn tôi truyền miệng mỗi tối cúp điện.

Chỉ cách những tòa lâu đài ấy vài trăm mét là một xóm lao động nghèo với những 'truyền thuyết' kiểu khác hẳn: truyền thuyết về các 'anh hùng' du đảng như trong tiểu thuyết Duyên Anh. Có lần một trong những anh hùng nổi tiếng nhất 'xóm Chùa' mang dao đứng giữa ngã Năm thách đấu công an phường. Cuối cùng một anh công an nhảy vào đánh tay đôi với hắn và buộc phải dùng súng hạ hắn.

Đi thêm khoảng trăm mét nữa là đến con rạch thú hơn cầu tiêu công cộng ở Đại Học Bách Khoa tí lân. Vậy mà tôi vẫn từng đi câu cá bóng, vớt trùng chỉ với lũ bạn. Câu cả ngày được 2 con cá nhỏ hơn ngón tay út. Chỉ có trùng chỉ là lần nào cũng vớt được rất nhiều, làm mấy con cá Tàu nhà tôi ăn sinh bụng bơi lạch lè kéo theo dây phân dài cả thước.

'Xóm' tôi có khá nhiều nhà có "piano." Chiều chiều nghe lũ nhỏ tập từ "Methode Rose," "Hannon" đến "Classic 3," từ "sòn đô sòn" đến "Tempest." Lẫn vào trong đó luôn là tiếng chửi thề của bà Tư nhà bên cạnh. Có lẽ chẳng có món 'xí quách' nào... xí quách hơn sự pha tạp của hai loại âm thanh ấy.

Buổi chiều ở Sài Gòn đối lập hẳn với buổi trưa yên tĩnh. Dường như cái dịu dịu của nắng ấm làm người ta có nhiều năng lượng hơn. Chỉ ít là bà Tư lúc nào cũng có thừa năng lượng vào buổi chiều. Bà chửi từ ông Tư tới thằng con mất dạy. Ông Tư thì chẳng nói lại nhiều lời, trừ khi mới nhậu xong: Chai rượu để gò đen (chứ hồng phải ổng) vác dao bừa củi dí vào cổ bà vợ to béo, gã con trai thì vừa can vừa... đực luôn ông già, trong lúc đó tiếng "Tempest" vẫn vang vang ngắt quãng.

Điểm lạ (!?) nhất là tiếng "Tempest" vài năm sau biến mất, còn vợ chồng ông bà Tư vẫn sống 'vui vẻ' với nhau như thế...

\*\*\*

Tính đối lập của Sài Gòn rõ nét nhất là vào buổi tối. Người ta đã viết rất nhiều về 'Hòn Ngọc Viễn Đông' và tính phân chia giai cấp khắc nghiệt của nó. Đó là trước 75. Sau ngày 30 tháng 4, cái danh hiệu "Hòn Ngọc Viễn Đông" bị Bangkok cướp mất, nhưng tính đối lập của Sài Gòn chẳng ai cướp nổi.

Sài Gòn không bao giờ ngủ. Khoảng 9, 10 giờ đêm là các vũ trường bắt đầu hoạt động. Bọn con nhà giàu tí tởn hẹn hò Dream, LA, SU 100, quần xê, váy cao, phóng vù vù qua các đường Nguyễn Huệ, Đồng Khởi, Hàm Nghi... sau đó vọt đi mấy cái Discoteques vang bóng một thời như Thái Sơn, Cadillac, Queen Bees... (nay thì Thái Sơn không còn nữa).

Phong trào đua xe thì Sài Gòn luôn đi đầu: Thửa chưa có nhiều xe gắn máy thì bọn choai choai đã biểu diễn đi xe đạp một bánh xoay vòng vòng hàng đêm trước nhà hát lớn. Đến khi có xe gắn máy nhiều rồi thì cả đội 'Bò Câu Trắng' cũng chẳng bị ai ngăn. Hơn nữa bị giam xe thì một bữa chân gà rút xương ở Hàm Nghi là lấy xe ra cái rụp. Khuya hơn nữa thì gái 'Ca Ve' tràn về các quán cơm tấm, mì xe để 'đá đèn' (ăn đêm). Bọn 'dân quậy' bao gồm lũ nhóc mới lớn lẫn dân giang hồ thứ thiệt cũng tham gia đá đèn la hét đến 3, 4 giờ sáng.

Cùng khi đó, các em nhỏ bán vé số cũng hoạt động cật lực. May mà vợ phải dân chơi trúng quả nó mua cả cọc thì ngày mai không phải lo tiền ăn. Cựu chiến binh, thương phé binh thì vác đàn hát 'Phố Đêm,' cay đắng xin từng đồng của lũ nhỏ mặt búng ra sữa chưa bao giờ hiểu hai chữ 'mất mát' nghĩa là gì.

Đến 3, 4 giờ sáng, khi lũ dân chơi đã hoàn toàn mệt lử lử lướt ra về, thì dân lao động bắt đầu một ngày mới. Xích lô, ba gác chở rau thịt ra chợ bán. Các lò bánh mì bắt đầu xay bột, trét bơ, nướng bánh thơm lừng. Mấy chị bán cà phê vỉa hè cũng bắt đầu đun nước, pha cà phê vọt cho gã xích lô mới tỉnh ngủ mắt vừa nhắm vừa mở vừa tán tỉnh.

Mùi mồ hôi lẫn với mùi bơ, mùi men, mùi khói SU 100 dần biến, lẫn với mùi không khí ẩm mát tinh sương tạo ra 'mùi Sài Gòn' buổi sáng ở các khu phố chợ rất đặc trưng.

\*\*\*

Dân Sài Gòn 'quái chiêu' lắm, lúc nào cũng than thiếu tiền, nhưng không sống tằn tiện bao giờ! Họ hào hiệp với bản thân và bè bạn; và họ luôn tìm được cách kiếm tiền. Nhiều người bảo tôi rằng dân Nam Bộ được thiên nhiên ưu đãi, sống hôm nay khỏi lo ngày mai nên họ sống rộng rãi hơn dân miền Trung và miền Bắc.

Có lẽ đúng. Nhưng còn cái gì đó hơn thế nữa! Kiểu ăn xài 'xả láng sáng dậy sớm,' dù nghèo rớt mồng tơi, dường như ăn vào máu của dân Sài Gòn, ăn vào không khí họ thở hàng ngày, ăn cả vào cái văn hóa hổ lốn cấu xục của họ. Dĩ nhiên để ăn xài thì đầu tiên phải kiếm ra tiền.

Kiểm tiền thì có lẽ không đâu có nhiều cách như Sài Gòn. Trong thời còn ăn bo bo, gạo tổ đở lòm, thời dân Hà Nội còn ganh nhau từng cái khung Chiến Thắng, lớp Phụng Hoàng, hộp sữa cân đường 'tiêu chuẩn' thì dân Sài Gòn đã bắt đầu nuôi heo lậu, quán thuốc lá Lạng Sơn pha lá dừa, làm pháo giả, bán thuốc Tây 'bột năng' đầy ngoài chợ... hiển nhiên một phần là do ưu thế xa 'trung ương,' nhưng phần chính là do dân Sài Gòn sống rất 'năng động'.

Những năm 79, 80 mà thấy anh nào bị cối kẹp nách, mặt mũi lấm lét ở chợ Nguyễn Hữu Cầu thì biết ngay là hấn buôn thuốc Tây. Sau khi chợ thuốc Tây bị dẹp thì đường Nguyễn Hữu Cầu biến thành cái chợ trời đầu tiên của Sài Gòn sau 75. Ôi thôi thì quần “zin” áo “pun,” đồ Mỹ lẫn đồ chợ Lớn, bếp điện Liên Xô dây Gò Vấp... Ở Sài Gòn cái gì bán được là có người bán. Đứng hòng mà mua được đồ xin nếu mà không quen biết hay hiểu biết. Nhiều người tự thị là 'rành' nhất bị lừa mà vẫn còn hí hửng. Đó là chưa nói đến giá cả trời ơi. Tôi thường tự hỏi, ai cũng bán hết thì lấy ai ra mà mua? Tiền đâu ra mà mua? Thế mà chợ lúc nào cũng đông. Đứng là Sài Gòn!

Nếu không thích cảnh chợ búa 'gần mực' thì người ta quán thuốc lá, nuôi heo với com thừa canh cặn pha cám lậu ở ngay trong nhà. Chuồng heo phải lau rửa ít nhất một ngày hai lần, sợ hôi thì ít mà sợ công an phát hiện thì nhiều. Lái heo bốn rưởi sáng đã mang xe ba gác đến chợ. Bọn lái heo lậu giết heo còn giỏi hơn công nhân chuyên nuôi heo ở Cầu Tre sau này: Chích điện con heo chỉ kêu cái 'éc' là chết ngoẻo tò te, xẻ làm bốn mắt độ mười phút, sáng hôm sau bà con có thịt heo tươi bán ở chợ

Khi xí nghiệp nước đá Sài Gòn chưa ra đời thì nhà nhà làm đá, người người bán nước đá. 'Cho con 2 cục đi đi ơi!' là câu cửa miệng vào trưa hè của dân Sài Gòn. Tiền điện thì vừa đất cửa cô vừa phải có tiêu chuẩn. Mua cả cái tủ lạnh chuyên làm đá bỏ mỗi tháng cho các quán cà phê vỉa hè cũng chỉ đủ tiền ăn trưa cho gia đình là giỏi.

Người ta còn buôn cả những thứ tưởng chừng như chẳng có người mua vào thời đó như pho mai Liên Xô thú hoắc, bánh kẹo Vinabico, rượu XO pha rượu lúa, nước lã và còn... Đến giữa và cuối thập niên 80, cơ hội kiếm tiền còn nhiều gấp bội: Sinh viên học sinh nghèo thì đi dạy thêm, quen biết hơn tí nữa thì đánh hàng Viễn Dương, hàng Đông Âu, buôn thuốc lá Campuchia, mua bán xe gắn máy kiếm vài chỉ dẫn 'ghệ' đi chơi, dễ như bỡn. Bọn Tèo kinh doanh còn buôn cả đất đai, làm xây dựng kiếm tiền tí khi còn chưa ra trường. Không nhất thiết phải chú đầu vào học kiếm suất đi Tây. Sống cái đã, ngày mai là chuyện của tương lai!

Kể cả các thầy dạy luyện thi đại học cũng biết làm ăn ra trò: xây thêm nhà mở lớp học, có cả lớp học máy lạnh cho con nhà giàu học riêng một lớp năm bảy đứa. Các thầy nổi tiếng rất biết “marketing,” dạy cả lớp giỏi lấy tiền ít để bọn nó thi thủ khoa mang danh tiếng cho thầy, chia lớp ra làm cả chục tầng tùy trình độ.

Các chị các cô khéo tay thì làm bánh, làm hoa giả, pha nước hoa bán đầy đường Đồng Khởi, làm kem dừa, kem chuối tặng thu nhập gia đình.

Đừng tưởng dân Sài Gòn chỉ lo làm ăn, không đọc sách. Sài Gòn có vài trăm tiệm sách cũ mà dân nghiền sách nhẩn mặt: Từ sách Giải Tích Hàm của Lê Hải Châu, sách Tuổi Hoa trước 75, chương Kim Dung đến hình ảnh sách báo khiêu dâm của Mỹ, Hong Kong hay báo Toán Học Tuổi Trẻ, Kvant đều có cả.

Nhân chuyện buôn thuốc, tôi có thằng bạn đi Tây Ninh buôn 2 cây thuốc Zet bị bắt tịch thu luôn cả cái xe Dream. Rõ là ngu! Thằng cu phá phách kinh khủng, nhưng cũng vui tính ra phết. Có lần ngồi uống cà phê, hấn bảo cô bán hàng: 'Liên ơi cho anh mượn sợi dây thun.' - 'Chi dzậy anh?' Liên hỏi. Nó bảo: 'để anh thắt ông dẫn tinh.' Cô bé mặt đỏ lừ, không biết có bỏ cái gì vào ly cà phê của nó không.

\*\*\*

Sài Gòn là thế đấy, muôn người muôn mặt, đa dạng vô cùng!  
Dù phần nào bị cuộc sống sôi nổi cuốn trôi, Sài Gòn vẫn có nhiều thằng Tèo mộng mơ làm thơ viết truyện dễ thương khôn tả: làm ăn tay phải, văn nghệ tay trái. Hình ảnh con Thơm cái Thắm hàng me gốc điệp không bao giờ phai nhạt trong mắt bọn Tèo Sài Gòn. Tôi vẫn còn nhớ Tèo Nguyễn Nhật Ánh với 'cô gái đến từ hôm qua', 'còn chút gì để nhớ', 'truyện cổ tích dành cho người lớn'...

*'Lòng em như chiếc lá khoai  
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu...'  
Hay Tèo Bùi Chí Vinh:  
'Cô gái ơi anh nhớ em,  
Như con nít nhớ cà rem vậy mà  
Như con đé trống đi xa,  
Lâu lâu lại nhớ quê nhà gáy chơi  
Con đé thường gáy một hơi,  
Còn anh gáy hết... một thời con trai...'*

Đến đây tôi chợt nhận ra rằng viết về 'một thời để nhớ,' về những kỷ niệm êm đềm của tuổi thơ thì rất dễ, dễ đến mức cái thằng văn dốt chữ nát như tôi cũng 'xỏ nhơ' được vài dòng. Khi viết cái gì ít vô thưởng vô phạt hơn một chút thì phải bắt đầu nhìn trước ngó sau, câu chữ trúc trắc, ý vẫn tràn nhưng sợ hiểu sai hiểu lệch, lại phải tránh chính trị chính em...

Tôi đã định dừng ở đây vì câu chuyện đã nhạt dần đi, cái hào hứng ban đầu của bạn đọc chắc cũng không còn nồng nhiệt nữa. Thế nhưng chẳng thể để lại trong lòng bạn đọc “ấn tượng” về một Sài Gòn với 2 cây thuốc Zet, tôi lại phải tìm cách khác để kết thúc. Chỉ sợ rằng cũng chẳng khác hơn 2 cây thuốc Zet là mấy.

\*\*\*

Nếu phải so sánh Sài Gòn với Hà Nội chẳng hạn, thì ta có thể so sánh ngay hai loại ổi của hai xứ: Ổi đào Hà Nội thơm lừng, ngọt ngay, ruột đỏ tươi rất đẹp, nhưng cùi mỏng, hạt to, vừa khó nhá vừa chỉ nhắm được tí là hết. Ổi Sài Gòn to hơn nắm tay, cùi dày, không ngọt và thơm như ổi đào nhưng giòn tan, cắn một miếng là mát lịm, lại có thể chia cho nhiều người ăn, chấm muối ớt..Đấy, nghe qua là chảy nước miếng.

Con gái Sài Gòn cũng vậy, nghe qua là chảy nước miếng.

Con gái Sài Gòn dễ thương lắm! Họ có cái nhìn trong trẻo về cuộc sống, lại chẳng giận dai vùng vằng vô lý bao giờ. Đi đón trễ thì: 'anh để em chờ nãy giờ đó, coi có được hông? Ghét dễ sợ luôn hà!' Cộng với một cái lườm, hai cái nguýt thì bọn Tèo Sài Gòn hồi hận quá cả 2 tháng sau mới... trở lần nữa.

Con gái Sài Gòn còn biết ăn mặc, đi đứng, nhất nước. Tiền có thể thiếu chứ phong cách tiểu thư thì chẳng thiếu bao giờ. Tiểu thư Sài Gòn không ưỡn ẹo mè nheo mà phóng xe vèo vèo, đứng tim Tèo.

Giọng gái Sài Gòn thì ngọt hơn mía lùi. Cái câu 'hồng chịu đâu' mà nghe dân xứ khác nói thì ngứa lỗ nhĩ, nghe con gái Sài Gòn nói thì bọn Tèo Sài Gòn như bong bóng xì hơi, biểu cái gì cũng nghe ráo trội. Con gái Sài Gòn lãng mạn chẳng kém ai, nhưng cũng rất thực tế. 'Được thì được, hồng được thì thôi, làm chi mà dzũ dzậy!'

Sài Gòn là vậy đó, ít nhất là từ cái nhìn của Tèo tôi. Sài Gòn dễ thương khôn tả, khoáng đạt và bao dung, rộng rãi và hào phóng. Người Sài Gòn sống nhanh nhất nước, không sợ cái mới, ghét cái lỗi thời, sống rất thực tế.

Còn ti ti nhiều đề tài thú vị về Sài Gòn mà tôi không muốn đề cập vì lười là chính: cuộc sống sinh viên học sinh Sài Gòn, các trò ma mãnh 'cua ghê' của bọn Tèo Sài Gòn, con trai Sài Gòn, bạn bè Sài Gòn... Tôi đã nghe rất nhiều những lời nhận xét kiểu vợ đũa cả nắm: con trai Sài Gòn thế này, con gái Sài Gòn thế kia, dân Sài Gòn thế nọ... Càng nghe càng thấy buồn cười vì đa số những người nói mấy câu đó chưa bao giờ thật sự sống ở Sài Gòn.

Không hiểu ai đó đọc bài này xong thì có thay đổi cái nọ cái kia trong nhận thức của họ không? Hy vọng nhỏ nhoi của tôi là những thay đổi, nếu có, là theo hướng tốt hơn.

Riêng tôi thì tôi vẫn nhớ day dứt cái ngõ nhỏ xôn xao ấy...

## **Những Con Hẻm Nhỏ Sài Gòn Khuyết Danh**

Đi đâu xa tôi vẫn nhớ những con hẻm nhỏ của Sài-gòn. Tôi đã may mắn được đi hết năm châu bốn biển, nhưng chưa thấy quốc gia nào có những con hẻm nhỏ như ở Sài Gòn. Ở Hồng Kông chỉ có những tòa nhà chọc trời, những đường xe điện ngầm "xuyên bang", với hàng quán shopping tấp nập như một thành phố bên dưới một thành phố, không cách chi tìm được một con hẻm nhỏ.

Ở Thái Lan có những đêm tôi tò mò thả bộ suốt đêm để tìm hiểu dân tình và... đường xá. Những con hẻm ở Băng-Cốc so với Sài Gòn là những con hẻm lớn. Ở Cam-pu-chia có thể là có những con hẻm gần giống với Sài Gòn, nhưng vẫn khó tìm ra được những con hẻm nhỏ. Nói "có thể" vì tôi chưa sống qua một thời gian lâu dài ở nước này, nơi mà ngay cả nhiều người Cam-bốt kiều (?) cũng không dám về, do tình hình bất an với me xanh me đỏ - Khờ Me xanh, Khờ Me đỏ - cộng thêm sự tranh chấp dữ dội giữa chánh quyền Hunsen và Shihanouk. Tôi cũng tò mò tìm vào những xóm nhỏ, nhưng tựu trung chúng vẫn là những con hẻm lớn hơn so với những con hẻm Sài-gòn, dù là rất dơ bẩn, nước sinh bùn chảy dài trong khi dân cư họp chợ ngồi chồm hổm lỏng lỏng nhổng nhổng trên mặt nước. Ở Băng Cốc cũng có những khu chợ sinh ngập đến gần mắt cá, mang dép bước vào là hai bàn chân ngập sinh đen ngòm. Nhưng vẫn không tìm được những con hẻm nhỏ.

Khi trước nhà tôi ở quận Ba, trong hẻm Niệm Phật Đường Huệ Quang ngó ra đường Phan Đình Phùng, sau này đổi tên thành đường Nguyễn Đình Chiểu. Hẻm này thông ra một cái chợ gần trường tiểu học Bàn Cờ. Cái chợ này sáng sớm đã ồn ào, với những hàng xôi, chè, bánh mì, chè, cháo, bánh xèo, bánh cuốn, bánh mì hấp, bánh bèo v.v... Mỗi sáng

tôi thường ra đây làm gói xôi hoặc khúc bánh mì. Gọi là khúc chứ không phải ổ, vì ổ bánh mì rất dài và ốm, được cắt thành từng khúc bán cho người ăn sáng. Hôm nào có tiền thì ăn bánh mì ba-tê, thiếu tiền thì chỉ mua khúc bánh mì chan nước cá cũng xong bữa điếm tâm. Gần chợ là trường tiểu học Bàn Cờ. Từ đây đi bọc ra sau là khu Cư xá Đô Thành dẫn ra đường Phan thanh Giản, gần đó là bệnh viện Bình Dân, bên kia đường xích về phía Lê văn Duyệt là trường Văn Học của nhà thơ Nguyễn Sa. Hầu hết những con hẻm này là những đường hẻm cỡ trung bình, đủ cho xe ba gác đi lọt . Nhưng nối liền những con hẻm trong khu Niệm Phật Đường Huệ Quang là những đường hẻm rất nhỏ, có khi chỉ một xe Honda đi vừa, hoặc chỉ vừa đủ cho hai xe đạp đi ngược chiều nhau .

Lại có những đường hẻm rất nhỏ chỉ đủ cho một xe đạp hay một người đi .

Từ hẻm Niệm Phật Đường Huệ Quang, có một hẻm nằm ngang, thông ra đến ngoài đường Phan Đình Phùng gần trường "Ô-Ro", cái tên chúng tôi vẫn dùng để gọi một trường tiểu học khá nổi tiếng gần ngã tư Phan Đình Phùng - Cao Thắng. Hẻm này khá nhỏ và lắt léo, cong cong queo queo . Đầu hẻm chỗ đâm ra đường Phan Đình Phùng có một nhà thuốc Tây, nơi tôi vẫn thường đến mua thuốc trụ sinh để trị bệnh mũi kinh niên của mình, mua riết đến nỗi bà dược sĩ quen nhãn mặt. Khúc đầu hẻm bề ngang chỉ đủ cho 2 xe Honda đi ngược chiều nhau. Nhìn xéo qua bên kia đường là nhà sách Thanh Bình. Đi xích xuống về phía đường Cao Thắng là nhà bảo sanh Hồng Đức. Cạnh nhà bảo sanh lại có một con hẻm nhỏ, bề ngang chỉ vừa đủ cho 2 chiếc Honda đi song song, hoặc đi ngược chiều một cách chật vật. Ở đầu hẻm, một bên là nhà bảo sanh Hồng Đức, một bên là Nhà vẽ Văn Phong, cũng là nhà của Quy, một thằng bạn từ tiểu học.

Con hẻm này đi suốt vào đến tận cùng là nhà của Mai, một thằng bạn tiểu học khác. Thời tiểu học, tôi vẫn thường đi suốt con hẻm này vào nhà Mai, trước nhà có một cái sân xi măng vừa đủ chơi, phía trên là một cái cây lớn có tàn che mát những hôm trời nắng.

Từ con hẻm này, lại có con hẻm nhỏ đâm ngang, thông ra một con đường không tên. Trên giấy tờ đường này cũng là một con hẻm, nhưng lại khá lớn, đủ rộng cho xe chạy hai chiều, kể cả xe hơi và xe ba gác, nên chúng tôi vẫn kêu nó là con đường. Đầu đường mé Phan đình Phùng có tiệm giò chả Thanh Hương. Giữa đường là nhà mướn của nhà văn Nguyễn Đình Thiều, đầu đường mé Trần Quý Cáp là một đồn lính Đại Hàn. Con đường này nối liền hai đường Phan Đình Phùng và Trần Quý Cáp. Mé đầu đường gần đồn lính Đại Hàn lại có một con hẻm nằm ngang, đầu hẻm trông như cái hầm, trong hầm có xe bán thức ăn. Hẻm này thông ra một con đường khác cũng nối liền Phan Đình Phùng và Trần Quý Cáp. Đầu đường chỗ Trần quý Cáp là tiệm cá hấp Tám Lọ, đối diện là trường tiểu học Minh Chánh. Cái hẻm ngang này khá "lớn", bề ngang đủ cho ba xe Honda đi song song, hoặc hai xe đi ngược chiều thoải mái, nhưng khúc giữa tộp lại, chỉ đủ cho một xe đi lọt. Tôi và Mai thường hay đi xuyên con hẻm này, vì gần chỗ Tám Lọ là một tiệm đá banh bàn, bề ngang tiệm chỉ vừa đủ đặt một bàn banh và đủ chỗ cho một thằng học trò ốm yếu như tụi tôi đi lách qua, lưng ép sát vào tường. Chiều dọc tiệm banh đủ đặt bốn cái bàn. Ở cuối tiệm lúc nào cũng có bà chủ người Trung mặc bộ đồ bà ba ngồi đối tiền giấy

ra tiền các cho chúng tôi đá banh. Tôi và Mai đã từng say mê đóng đô tại đây trong suốt những năm tiểu học. Về sau, khi Mai sắp qua đời, tôi và nó còn đến đây đá thêm một trận nữa. Năm đó chúng tôi học lớp 10. Sau cơn bạo bệnh, Mai bỗng nhiên tỉnh dậy mạnh khỏe như thường, đến tìm tôi và chúng tôi lại rủ nhau đến đây đá banh, có lẽ để hồi tưởng lại những ngày tiểu học, vì khi đó chúng tôi tự coi mình như đã "lớn", không thèm chơi banh bàn nữa, mà chỉ thích ngồi quán cà phê nghe nhạc tiền chiến, nhạc phản chiến hoặc nhạc kích động của Mỹ, nhạc nào cũng mở lớn đến điếc con ráy, nói chuyện phải hét vào tai nhau mới nghe rõ. Chỉ sau hai tuần đi thăm hết bạn bè, Mai bỗng nhiên bị cảm trở lại rồi qua đời. Năm lớp mười tôi đi chôn nó. Theo người ta nói, có lẽ nó "hồi dương", tỉnh dậy đi thăm bạn bè lần chót. Tôi và Hoàng, thằng bạn chung xóm thi vô Đệ Thất ba năm không đậu, cuối cùng phải đi học trường tư, cùng với chị Lèo chung xóm đi đưa đám Mai. Gọi Lèo là chị vì cô ta hơn tôi một tuổi, hình như cũng hơn một lớp, học lớp 11 hay gì đó. Còn thằng Hoàng, dù hơn tôi hai tuổi mà vẫn xưng hô mày tao, vì nó với tôi chơi chung như bạn, hai đứa cùng thi vào Đệ Thất chung một năm với em gái nó, vì nó thi rớt hai năm nên em nó bắt kịp. Cuối cùng nó xui xẻo vẫn rớt, còn tôi thì đậu gần cuối sổ, nhưng cũng may mắn vào được trường công. Lèo hồi đó vừa sang vừa đẹp, lại hơn một tuổi, nên tôi không dám tán. Sau ra nước ngoài, nghe tin thằng cháu kém tôi hơn mười tuổi đang cặp với.... "con Lèo", thật là hậu sinh khả ô!

Tuy đã đi qua nhiều hẻm nhỏ, nhưng có lẽ chưa con hẻm nào nhỏ cho bằng con hẻm cạnh chùa Tam Tông Miếu đường Cao Thắng. Đây là một con hẻm dài, khá dài so với những con hẻm khác. Hẻm này ăn thông từ đường Cao Thắng ra đến khu Cư xá Đô Thành, khúc đi ra bệnh viện Bình Dân. Con hẻm này nhỏ đến nỗi chỉ có một xe đi lọt. Xe đạp thì đỡ hơn, còn Honda thì đi khá chật vật. Đặc biệt là có một khúc cua, xe nào cũng phải lách tới lách lui mới qua được. Trước khi vào, người đi xe phải nhìn suốt con hẻm xem có xe đi ngược chiều không, nếu có thì phải chờ xe kia ra khỏi, rồi mới vào hẻm. Nếu không cả hai xe sẽ kẹt trong hẻm, một xe phải lùi lại cho xe kia tiến lên. Tôi rất thích đi xe đạp, và còn thích đi bộ hơn nữa trong con hẻm này, không hiểu tại sao, có lẽ tính tôi hay tìm những ngõ ngách lắt léo của cuộc đời. Vì vậy nên đã có lần tôi đứng chờ em suốt ba ngày dưới mưa cạnh con hẻm này. Em không thèm đến, nên tôi bỏ cuộc. Về sau em trở lại theo, tôi giận không thèm, đi tìm em khác! Lúc trở về thăm xóm cũ thì cả hai đã trờm trờm bốn mươi, em vẫn còn nói với tôi, em luôn luôn là người đi sau một bước. A! Phải chi em chịu gặp tôi dưới mưa!...

Đúng vậy, có lẽ tôi là người đi sớm, quá sớm, nên phải đứng dầm mưa tầm tã suốt ba ngày ướt nhẹp! Nhưng tôi biết, tôi đứng dưới mưa vì thích thế, chứ chưa chắc là tôi cần em đến!??

Nói về hẻm thì kể mãi tới chiều cũng không hết. Có những con hẻm trong chợ Bàn Cờ gần cuối đường Phan Đình Phùng thông ra hông chợ ở đường Nguyễn Thiện Thuật. Lại còn khu Vườn Bả Lớn trước Tết Mậu Thân, trong Tết bị chiến tranh cháy rụi, về sau xây lại thành khu chung cư Nguyễn thiện Thuật, tiếp giáp với đường Phan thanh Giản, đầu đường có trạm xăng và Viện Bài Lao, gần đó là nhà của nữ tài tử cải lương Lệ Thủy.

Trước Tết Mậu Thân năm 68, tôi có lần vào Vườn Bà Lớn mượn xe đạp đi chơi, bị mưa phải dắt xe đi bộ nước ngập đến đầu gối, vừa đi vừa khóc vì lạc trong ma trận đầy đầy những con hẻm nhỏ ngoắt ngoéo không tìm được lối ra. Sau phải nhờ con nhỏ thua mình đến mấy tuổi dẫn đường mới biết ngõ ra. Cũng lạ, nghĩ lại sao hồi đó người cho mượn xe không sợ, mà người mượn là tôi cứ sợ không tìm được nhà người cho mượn để trả xe!

Lại còn những con hẻm trong khu trường tiểu học Phan Đình Phùng, gần chùa Kỳ Viên Tự ở góc đường Phan Đình Phùng và Bàn cờ. Sát bên là trường tiểu học tư thục Bình Dân Học Hội và chùa Phước Hòa. Trong khu này có những con hẻm thông ra Hồng Thập Tự, có những "hẻm hầm", đi như đi trong hầm bên dưới núi, thông ra nhà thờ Đức Bà hay gì đó (không phải là Nhà thờ Đức Bà hay Vương Cung Thánh Đường gần Bru Điện). Những đường hẻm này dẫn ra đến công viên đường Hồng Thập Tự và công viên "Đại Hàn" đối diện trường Petrus Ký, gần bùng binh góc đường Lý Thái Tổ và Hồng thập Tự. Nằm gần đó trên con đường nhỏ ăn thông từ Nguyễn thiện Thuật ra Lý thái Tổ là tiệm cà phê Nam Dưỡng, đối diện tiệm cà phê trong một con hẻm nhỏ là nhà của nghệ sĩ Hùng Cường. Có lần đi ngang cà phê Nam Dưỡng, tôi được thấy Hùng Cường tướng thật đẹp trai từ trong nhà đi ra, cả khu phố nhìn theo với ánh mắt triu mến và ngưỡng mộ.

Những con hẻm này cũng là khu tôi từng mài đũng quần những năm tiểu học, buổi sáng học trường Phan Đình Phùng, buổi trưa học thêm trường Cô Hạnh. Nhiều buổi tối rủ nhau ra công viên bắt dế cơm, dế trổng, gắp mấy đũa lạ đến làm quen rủ chơi năm mười tôi tự xưng tên Vũ, tới khi nó gọi tên cũng không nhớ là nó gọi mình. Không hiểu sao nó lại nhớ tên, trong khi chính mình cũng không nhớ. Nhưng mãi đến giờ mấy chục năm sau tôi vẫn còn dùng tên này làm bút hiệu.

Những con hẻm nhỏ thân thương của Sài Gòn, tôi nghĩ một ngày nào đó có lẽ cũng không còn, theo đà tiến bộ của hệ thống giao thông và phát triển đô thị. Nhưng tôi mong rằng chúng sẽ không thay đổi. Thật ra, đối với tôi, chúng không bao giờ thay đổi. Ở Mỹ hơn hai mươi năm, nhiều khi tôi vẫn cảm thấy mình như người khách lạ. Nhưng sau hai mươi năm trở về khu xóm cũ, những người quen vẫn tay bắt mặt mừng, những con hẻm thân thương vẫn hân hoan chào đón. Tôi chợt hiểu ra! Đường xá dù thay tên đổi họ, những con hẻm và lối đi quen thuộc vẫn mãi mãi thuộc về tôi. Thành phố vẫn thuộc về Lê Thủy, Hùng Cường. Nó mãi mãi vẫn là nắng Sài Gòn anh đi chọt mát của Nguyên Sa, vẫn là khu phố quen thuộc với các vũ trường ăn chơi nhảy nhót của Nguyễn Đình Thiều. Vẫn là thành phố vang vọng tiếng hát cải lương của Thanh Nga, Bạch Tuyết và gánh Dạ Lý Hương. Những con hẻm nhỏ vẫn mãi mãi là của Mai, của Lèo, của Hoàng và của tôi. Nhà cửa dù xây lên, đập xuống, khu phố dù kẻ đi người ở, vẫn mang một linh hồn thủy chung không thay đổi. Cô gái Sài Gòn vẫn là người chinh phụ đi sau một bước, suốt hơn hai mươi năm vẫn ngày ngày tựa cửa đợi chồng. Những người mới dù vào Sài Gòn hơn hai mươi năm vẫn là khách lạ, sống cô đơn trong những khu phố đầy người tôi quen, những khu xóm quen thuộc mà tôi rành từng cành cây, khúc queo. Những con hẻm nhỏ ôm ấp nhiều kỷ niệm vẫn vui mừng chào đón tôi về. Những con hẻm thân thương đã cho

tôi sự giao thông cực kỳ tiện lợi và ẩm cúng, những đường đi lắt léo trong những ngõ ngách tế nhị của cuộc đời. Chúng vẫn mãi mãi thuộc về tôi!

## Sài Gòn Đêm Ba Mươi Tết Hoàng Hải Thủy

*“Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục!...”*

Đó là một câu tôi nhớ trong số những câu tôi nhớ của tiểu thuyết *Đồ Long Ý Thiên Kiếm* của Kim Dung, tác phẩm tiểu thuyết tôi đọc ở Sài Gòn những năm 1960, thời gian tôi ba mươi tuổi. Đó là câu Du Liên Châu nói với Trương Thúy Sơn trên chiếc thuyền lênh đênh giữa biển khi hai anh em đồng môn gặp lại nhau sau mười năm xa cách, khi Trương Thúy Sơn đưa vợ con: Hân Tô Tô và Vô Ky, từ Băng Hỏa Đảo trở về trung thổ, Thúy Sơn sợ Trương Tam Phong, sư phụ của chàng, không cho chàng kết hôn với con gái của Giáo Chủ Bạch Mi Giáo. Chàng được Du Liên Châu trấn tĩnh

*“Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục...!”*

Một câu nói rất thường trong một truyện kiếm hiệp – truyện kiếm hiệp hay nhất trong đời tôi – làm cho tôi xúc động mãi. Khi ngồi trong *Nhà Hàng Pagode* đêm cuối năm, quanh chúng tôi chỉ còn những chiếc ghế da nâu không người ngồi và nhà hàng sắp đóng cửa – lúc ấy là mười một giờ đêm 28 Tết, còn hai đêm nữa là đêm Giao Thừa – người ta, những người Sài Gòn đi chơi đêm, giờ này đến các tiệm nhậu, tôi và Quang còn ngồi buồn ở đây.

Nhìn nét mặt đăm chiêu và những nếp nhăn hằn trên trán Quang, tôi chợt nhớ đến lời Du Liên Châu nói với Trương Thúy Sơn – *“Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục”* và tôi xúc động. Tôi muốn nói một lời để an ủi Quang, nhưng tôi im lặng, vì tôi nghĩ trong lúc này, và trong nhiều trường hợp, nên yên lặng.

Tôi tuổi Dậu, Quang cũng tuổi Dậu, nhưng anh sinh trước tôi mười hai năm, tức là một giáp. Như vậy là tôi *“ẩn tuổi”* Quang; theo kinh nghiệm, các cụ ngày xưa cho rằng những người ẩn tuổi nhau thường hợp nhau, thương mến nhau. Các cụ nói đúng trong trường hợp *“ẩn tuổi nhau”* của Quang và tôi. Chúng tôi thân mến nhau, thông cảm nhau. Tôi thường đoán trước, biết trước được những điều Quang sắp nói, những việc Quang sắp làm. Ngược lại, Quang cũng biết trước về tôi như tôi biết về anh.

Quang là luật sư. Năm 1950, tôi từ Hà Nội vào Sài Gòn, tôi đi làm phóng viên nhà báo và tới ngụ tại nhà anh trong một thời gian. Ngày ấy, anh đang kiếm ra tiền. Gia đình anh sống trong một vi-la đường Mayer. Tôi sống nhờ trong nhà anh, với gia đình. Vợ chồng anh coi tôi như người trong gia đình. Anh đưa tôi đi ăn chơi, anh là người mở đầu cuộc sống “trăng hoa” của tôi tại Sài Gòn. Vợ anh là gái Hà Nội, hiền, khá đẹp nhưng không có gì xuất sắc. Chị là người không gây thiện cảm mà cũng không gây ác cảm. Năm đó

Ngọc lên năm tuổi. Cô bé xinh xắn, nước da hơi nâu, mạnh khỏe, thông minh, có đôi mắt tròn, đen láy, năm ấy cô bắt đầu cắp sách đi học mẫu giáo. Trường gần nhà, đi bộ qua một con phố. Có những buổi chiều tôi đến trường đón Ngọc về. Thanh niên chưa có vợ, chưa có con thường thích trẻ con và muốn gần bọn trẻ con kháu khỉnh, xinh xắn, sạch sẽ và thông minh. Ngọc là một đứa bé có đủ nét ấy.

Rồi thời gian qua, Quang thành công với nhiều “áp phe” lớn. Địa vị của anh ngày một vững, tên tuổi anh nổi sáng. Rồi chiến tranh Đông Dương kết thúc. Năm 1954, đất nước chia đôi, Quang trở thành một nhân vật lý tài quan trọng. Đó là những năm tôi sống trong quân ngũ. Xa Sài Gòn, tôi xa gia đình Quang, cho tới ngày tôi được tin anh gặp tai họa. Những nhân vật của chế độ mới, những người cộng tác mật thiết với ông Diệm, ông Nhu, đã giương một cái bẫy để hại Quang và bắt anh ra khỏi cái địa vị chuyên gia kinh tế tài chính quốc gia mà anh đang giữ. Quang bị tù hai năm. Ở tù ra, anh trắng tay. Họ phá không cho anh hành nghề luật sư. Anh phải kiếm sống bằng cách nhận làm riêng cho vài ông luật sư bạn. Những ông này giúp anh bằng cách giao việc cho anh đem về nhà làm.

Và những tai họa theo nhau đến với Quang. Vợ anh bỏ đi – người vợ hiền thực của anh – bỏ chồng con, bỏ nhà đi chung sống với một người đàn ông khác. Hai đứa con được để lại cho Quang nuôi. Đó là những tin, những chuyện về Quang và gia đình của anh tôi được biết trong những năm tôi sống trong quân ngũ. Rồi một người đàn bà khác xuất hiện trong đời Quang. Người đàn bà này đẹp – rất đẹp, nổi tiếng hoa khôi tại Sài Gòn và nàng có một tài sản đủ cho nàng sống phong lưu suốt đời.

Người đàn bà ấy yêu Quang, nàng chấm dứt cuộc sống cũ để chung sống với Quang, để làm vợ Quang. Họ yêu nhau, họ sống đầy đủ về vật chất nhưng không được hạnh phúc lắm về tinh thần. Quang bị cuộc sống cũ của vợ ám ảnh. Vợ Quang biết nỗi ám ảnh ấy của Quang. Nhưng cả hai người cùng cần có nhau để sống. Theo tôi, Quang là người cần vợ hơn và yếu thế hơn vợ. Người vợ thứ hai của anh – đẹp, sang là một bằng chứng thành công của anh. Ít nhất anh cũng còn thành công với đàn bà. Người vợ trước để lại cho Quang đứa con, đứa con gái lớn được anh gửi vào một trường nội trú.

- Tôi đang bối rối không biết phải làm sao thì cậu đến. Có cậu thay tôi lo cho nó mấy ngày Tết này tôi yên tâm. Chắc nó cũng buồn, cũng giận tôi, nhưng nhẹ thôi. Cậu cố giúp tôi. Nói cho nó hiểu.

Trước nét mặt khổ não của Quang tôi phải quay mặt đi. Quanh chúng tôi, nhà hàng vắng tanh chỉ còn một cặp Tây Đầm già đang ngồi như chờ đợi ai ở góc phòng. Tôi cảm thấy thương Quang và lại nhớ đến câu nói của Dư Liên Châu! “*Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục...*” Tôi hiểu nỗi khổ tâm của Quang. Anh thương con anh nhưng cùng một lúc, anh cũng yêu vợ. Tôi nhận lời giúp anh.

\*\*\*

Tôi đã được nghe nói về những nữ sinh của trường nữ trung học này, những chuyện được xếp vào loại “ly kỳ”. Đại khái cuộc sống của nhiều nữ sinh trong Internal trường này rất loạn, nhiều nàng chơi trò đồng tính ân ái, nhiều nàng đêm đêm vẫn trốn ra đi chơi, đi nhảy đầm.. v.v.. Tôi nghe qua những chuyện ấy rồi bỏ ra ngoài tai.

Chiều Ba Mươi Tết, tiếng xe ô tô ngoài đường làm ồn cả phòng đợi. Vào những ngày lễ

hội, ngày nghỉ, thủ đô Sài Gòn đông xe hơn ngày thường, đông nhất là buổi chiều gần tối. Ở đây, phụ huynh tập nập đến đón con ra trường. Nữ sinh người Pháp không còn là bao nhiêu. Nhìn quanh tôi chỉ thấy toàn người Việt Nam. Tôi trình giấy phép được nhân lãnh học sinh. Một bà đầm trung niên – có vẻ là giám thị – ghi mấy dòng chữ vào quyển sổ, rồi nhắc điện thoại gọi vào trong. Bà nói tiếng Pháp. Tôi ra hiên nhà, đứng hút thuốc lá. - Chú...!

Tôi quay lại. Năm năm đã qua:

“Chú gặp cháu lần cuối năm 1964. Bố cháu bị bắt... chú đang ở lính. Chắc chú đâu có nhớ cháu, gặp nhau ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu, phải không chú?”

Trong phòng lạnh của Restaurant Choeng Nam, trên bát “consommé chaud”, Ngọc mở rộng đôi mắt đen và trong, nói với tôi câu nói gọi lại kỷ niệm. Nàng hỏi:

“Chú có thấy cháu thay đổi nhiều không? Cháu chóng lớn quá, phải không chú...?”

Nàng dơ tay khoát nhẹ nửa vòng trong không khí, điệu bộ nhí nhảnh như cô đào điện ảnh Sandra Dee trong vai thiếu nữ dậy thì, con nhà giàu, ngây thơ, gọi tình. nàng nhắc l

“Chú gặp cháu ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu. Nếu có ngờ ngờ chắc chú không dám hỏi. Phải không chú? Nhưng cháu nhận ra chú ngay!”

Nàng nheo mắt nhìn tôi đăm đăm như cô giáo nhìn anh học trò quấy phá

“Cháu nhận ra chú ngay! Chú có già đi chút chút, nhưng khuôn mặt, nét mặt vẫn không khác”.

Ánh mắt nàng long lanh, vành môi nàng cười mỉm.

“Tóc chú bạc nhiều rồi.” Tôi nói.

Trong năm năm, Ngọc thay đổi nhiều. Lần tôi đến nhà Ngọc lần cuối, Quang đang nằm trong khám Chí Hòa. Cho tới nay cô cháu ngồi trước mặt tôi giờ đây là một thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi, tóc để theo kiểu tóc Jacqueline Kennedy, mặt trái soan, mắt to và sáng, môi hồng mỏng và hai bên mép sa xuống. Đôi khi, tôi thoáng thấy Ngọc có vẻ chán đời, ngạo đời – vì đôi môi sa xuống hai bên mép. Những người phụ nữ có đôi môi hai bên mép sếch lên, cũng như đuôi mắt sếch lên, thường có vẻ tươi vui – Ngọc bận đầm, đúng thời trang, không hoa hòe, hoa sói mà đẹp, trang trọng và gọn. Áo sơ mi trắng dài tay, váy Tergal xám, có hai dây vắt qua vai,..Nàng ngược lên:

“Tại tóc chú bạc sớm chớ có phải tại nhiều tuổi đâu? Phải không chú? “

“Chú không thích nhuộm. Chú thích tóc trắng?”

“Sao thế?”

Tôi nhún vai:

“Tại chú thích.”

Nàng cười thành tiếng:

“Tóc bạc như Jeff Chandler...! Cháu biết tại sao chú lại thích rồi!”

“Tại sao?”

” Chú muốn cho các cô phải để ý đến chú vì mái tóc của chú chứ gì? Chú khôn lắm. Cô nào thấy chú hãy còn trẻ măng mà tóc đã bạc trắng thì cũng phải để ý! Chú thấy không... Đến cháu quen với chú là thế mà vẫn còn phải hỏi nữa là.”.

Tôi làm bộ ngượng vì bị nói trúng tim đen, nàng cười sung sướng.

” Đã có cô nào nói với chú là... yêu chú vì mái tóc của chú chưa!”

Tôi cau mày:

” Đừng hỏi bậy!”

” Cháu có hỏi gì quá lộ đâu?

Mặt nàng cũng nghiêm lại.

” Chú vẫn... cho là cháu còn con nít? Chú là văn sĩ mà chú chẳng biết tâm lý chút nào! “ Tôi muốn khuyên nàng vài câu. Tôi biết những điều mà nàng biết về tình yêu đó chỉ là những điều nàng đọc được trong tiểu thuyết, nàng nhìn thấy trên màn bạc xi-nê và nàng nghe vài cô bạn thuật lại. Nhưng tôi chưa kịp mở miệng. Nàng đã tiếp:

” Cháu học hết năm nay thôi. Sang năm, chú sẽ không còn gặp cháu ở Sài Gòn nữa đâu.”

“Ngọc đi đâu?”

” Cháu đi xa.”

” Xa là tận đâu?”

” Bên kia biển.”

Đôi mắt nàng mơ màng. Tôi thấy sợ – tôi biết là nàng nói thật – tôi hỏi:

” Ba cháu có biết chuyện cháu sắp đi xa không?”

Nàng lắc đầu:

” Ba cháu chưa biết. Nhưng có biết, cháu tin rằng ba cháu sẽ không ngăn cháu đâu..”

” Ngọc đừng có dại!”

Bữa ăn trôi qua trong tẻ nhạt. Chúng tôi trao đổi với nhau những câu hỏi đáp thông thường. Tôi thắc mắc muốn biết rõ về chuyện sắp đi xa của nàng. Nàng sẽ đi đâu? Đi với ai? Nói thật hay quan trọng hóa một sự việc chưa có gì là quan trọng cả? Nàng buồn và ủ dột một cách lạ thường. Ăn xong, tôi cảm thấy hối hận nên vui vẻ:

” Cháu muốn đi đâu, chú đưa đi.”

” Cháu muốn chú cho cháu đi coi xi nê, rồi cho vào Dancing nghe nhạc...!”

” Cũng được. Nhưng đi Dancing thì khuya quá. Sau đó, cháu về trên bà nội có tiện không?”

” Được chú. Nếu không đi quá nửa đêm sao gọi là đi chơi đêm giao thừa được! Với lại... cháu thỉnh thoảng vẫn về bà nội cháu khuya quá nửa đêm, không sao đâu. Nhất là có chú đưa về, “suya” quá rồi!”

Nàng tươi lên khi tôi nhận lời. Ngồi trong rạp xi-nê, nàng chăm chú theo dõi những hình ảnh trên màn bạc, thỉnh thoảng mới thốt ra một câu phê bình truyện phim và lỗi đóng của các diễn viên.

Vào dancing, nàng đòi uống champagne. Đêm tất niên, Grand Monde chật người, hết bàn, không khí thật vui. Tiếng nhạc và người nhảy thật hào hứng. Nhìn quanh thấy những bộ mặt thỏa mãn ẩn hiện trong bóng tối lơ mờ, tôi chợt nghĩ lắm cảm rằng trong số những người ở đây, chắc không có một ai nhớ rằng đất nước này đang có chiến tranh, đang bị tấn công ngày đêm, giờ này, đang có những đồng bào của họ đổ máu và chết.

Tôi gọi champagne. Chị cai gà thấy tôi vào, nhân lúc bồi đến mời uống, chị ghé đến bàn chúng tôi. Chị tùm tùm cười, ra cái điều thông cảm và ngậm nói với tôi :”Đêm nay ông anh đưa trẻ đi ăn, đi chơi”, chị kín đáo hỏi nhỏ tôi:

“Anh có cần em nào ngồi bàn, để gọi?”

Tôi lắc đầu:

” Đêm nay tôi đi với cô cháu, chỉ đến nghe nhạc thôi, cảm ơn chị.”

Chị ta nhắc lại:

” Dạ... anh đi mí cô cháu...!”

Không nhìn theo, chị Cai Gà, Ngọc hỏi tôi:

” Bà nào đấy chú? Có phải bà “chef-taxi-girl” không chú?”

Tôi gật đầu.

” Bà ấy có vẻ... bỏ với chú lắm? Chắc là chú đi nhảy nhiều nên bà ấy biết chú chứ gì?”

Thời gian càng trôi qua, đêm cuối cùng của năm nay càng gần giờ giao thừa, tôi càng thấy khó khăn trong việc trò chuyện với Ngọc. Nàng không còn trẻ con, nhưng cũng chưa hẳn là người lớn Nàng không thuộc loại Nymphet, nữ nhân vật Lolita của Vladimi Nabokov. Tiểu thuyết Lolita của Vladimir Nabokov được người đọc khắp thế giới nhắc đến và đọc từ năm ngoái, năm kia nhưng qua đến giữa năm nay, một vài cuốn tiểu thuyết này mới lọt vào Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm giữa thời cực thịnh, kiểm soát và cấm đoán gắt gao các loại sách báo và phim ảnh ngoại quốc bị mang tiếng là khiêu dâm. Ngọc không giống Lolita vì thân thể nàng nảy nở, tròn và đầy hơn là Lolita thon và dài.

Khi nhận lời đến trường đón Ngọc cho đến lúc gặp Ngọc trong trường, tôi vẫn nghĩ rằng Ngọc hãy còn nhỏ, hãy còn là một đứa con gái sợ sệt mà tôi có thể đưa đi ăn kem, đi mua sách vở, mua quà con búp bê. Tôi nghĩ việc tôi đưa cô cháu ấy đi chơi sẽ không gây ra một sự hiểu lầm nào, kể cả những tên bạn lưu manh nhất của tôi cũng không có lý do để nghĩ bậy khi thấy tôi đi với cô cháu. Nhưng trong bữa ăn ở Choeng-Nam tôi thấy tôi nghĩ lầm. Nhìn tôi với Ngọc, chắc không ai cho rằng nàng là cháu tôi.

Và giờ đây, trong vầng ánh sáng mờ mờ của dancing, rượu champagne làm đôi mắt Ngọc sáng long lanh, tôi thấy nàng hoàn toàn khác hẳn với cái hình ảnh cháu Ngọc mà tôi vẫn có. Nhìn nàng, tôi hiểu tại sao cõi đời này có những người con gái thích lấy chồng già và chỉ có thể lấy – hoặc chung sống – được với những người đàn ông gấp đôi – hoặc gần gấp đôi tuổi các nàng – như người thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi đang ngồi trước mặt tôi đây chẳng hạn.

Thấy tôi không trả lời câu nàng hỏi về chị Cai gà, nàng mỉm cười.

” Chú có muốn gọi cave thì cứ gọi, chú nhé – Nhưng nếu chú gọi thì chú gọi cô nào trông “élégante” một chút, nghe chú. Và chú phải nhảy với cô ấy. Chia ra, với cháu một bàn, với người ta một bàn..

Tiếng trống vang rền, đèn điện mờ dần rồi tắt. Giờ Giao Thừa. Năm mới đã đến. Trong bóng tối người ta ôm nhau, hôn nhau, chúc tụng nhau năm mới. Tiếng cười, tiếng í e xen tiếng trống rền. Sau một phút như vậy, đèn sáng trở lại; Ngọc lấy được một trái bong bóng màu xanh. Nàng buộc dây bóng vào thành ghế rồi vỗ nhẹ hai bàn tay vào nhau: “Vui quá. Năm nay, cháu sẽ được sống những ngày thật đẹp và có nhiều thay đổi.”

Tôi đứng dậy đưa nàng ra “pít”.

” Cháu chúc chú năm nay viết được truyện hay, kiếm được nhiều tiền và... chú gặp một người đàn bà yêu chú đủ để chú yêu lại và lấy làm vợ.”

Ban nhạc trình tấu bốn bản liền. Tango rồi Rumba rồi Mambo và Cha Cha Cha. Nhiều cặp phải bỏ cuộc đi vào lúc tiếng nhạc chưa ngừng. Ngọc nhảy giỏi và đẹp như một vũ nữ nhà nghề. Nàng học nhảy từ bao giờ? Nàng học nhảy ở đâu? Với ai? Những câu hỏi ấy chỉ thoáng đến với tôi rồi biến đi ngay. Tôi không còn ngạc nhiên nữa. Tôi biết Ngọc còn dành cho tôi nhiều ngạc nhiên khác nếu tôi muốn tìm ngạc nhiên và việc tập nhảy đầm không phải là một việc làm lén lút của nàng. Có lẽ trong cái trường nội trú nữ học nổi tiếng ấy, chỉ có dì Phước và những nữ sinh thọt chân mới không biết nhảy đầm. Hai nữa, chất rượu đã bắt đầu ngấm trong cơ thể tôi. Tôi chưa say, nhưng tôi đã nhìn đời bằng một đôi mắt khác.

” Chú với cháu đẹp đôi nhất dancing đêm nay. “.

Nàng nói bằng một giọng nghiêm trang, đôi mắt nàng nhìn vào mắt tôi. Nếu lúc đó, tôi mỉm cười và gật đầu đồng ý cũng chẳng sao nhưng vì một mặc cảm, tôi nhú mày:

” Đừng nói bậy! “

Như người đàn bà trưởng thành nói chuyện với tất cả sự bình tĩnh, nàng tiếp:

” Cháu không thích những người con trai ngang tuổi cháu hoặc hơn cháu chút ít, cả tụi bạn của cháu cũng vậy. Cháu chỉ có thể yêu được những người đàn ông nhiều tuổi hơn cháu. “

Tôi hỏi:

” Cháu đã yêu bao giờ chưa? “

Nàng cười, đôi mắt sáng lộ rõ vẻ tinh nghịch, hàm răng trắng lấp lánh. Trong bóng tối tôi chỉ trông thấy rõ đôi mắt và hàm răng của nàng:

” Nếu chú thấy cháu có thể nói chuyện với chú về truyền tình của cháu, người sắp mang cháu đi... đi xa, là một người bằng tuổi chú... “

Tôi nhớ lời nàng nói với tôi khi chúng tôi ăn ở Nhà Hàng Choeng Nam – “Cháu chỉ học hết năm nay thôi. Sang năm cháu sẽ đi xa...” Bây giờ nàng không nói hết lời tôi cũng biết người đàn ông bằng tuổi tôi mà nàng nói là người sẽ mang nàng đi đó là một người Hoa Kỳ.

Tôi gọi chuyện:

” Chú đoán người đàn ông bằng tuổi chú Ngọc nói đó là một người Mỹ? “

Nàng gật đầu:

” Chú nói đúng. “

” Cháu yêu người đó? “

” Cháu chưa biết. “

” Tên hắn là gì? “

” Chú cũng chẳng nên biết sớm. “

Tôi cười:

” Ngọc quên là Ngọc mới mười bảy tuổi... “

\*\*\*

Hai giờ sáng, chúng tôi ra khỏi Grand Monde. Nàng say và yêu cầu tôi lái xe đưa nàng ra Cáp. Tôi không thể đưa nàng về nhà bà nội nàng trong lúc nàng say rượu. Đêm trên xa lộ,

trời tối om. Đêm Ba Mươi Tết. Nhiều chiếc xe, cũng như xe chúng tôi, vun vút chạy xa Sài Gòn. Trên xe nào cũng có một cặp nhân tình.

Gần hết xa lộ, tôi dừng xe gần một vườn cao su. Tôi xuống xe theo nàng, sương đêm xuống lạnh hai vai áo. Nàng đi vài bước trên con đường vắng, rộng thênh thang. Nàng đứng nghiêng nghiêng, trong chiếc áo lạnh màu trắng sữa, ngửa mặt nhìn lên trời cao.

*Viết cuối năm 1969 ở Sài Gòn.*

## **Một Chút Sài Gòn Trong Thơ Nguyễn Sa Nguyễn Mạnh Trinh**

*Paris có gì lạ không em  
Mai anh về em có còn ngoan*

Những điệp khúc "Paris có gì lạ không em" đặt ra những câu hỏi để dẫn về những nơi chốn mới đây gần gũi mà bây giờ xa biệt. Hoa lá để nhớ đến cánh chim, dòng sông mù sương trắng nhớ đến áo em huyền ảo cũng như vàng trắng in dưới dòng nước nhắc nhở đến gương tượng em trong bóng trăng. Thiên nhiên là của kỷ niệm nhắc nhở, mỗi khi nhớ là tìm lại được những hình ảnh mới của Em, của người tình của một thành phố như đã thành cổ tích...

Một bài thơ khác, của một thành phố khác, của đất nước Việt Nam, mà bây giờ lại xa cách trong cảm giác lãng đãng của những câu thơ bình bông. Sài Gòn, thành phố mà trong bộ nhớ nhiều người đầy ắp những kỷ niệm. Có khi là của lúc xôn xao thời mới lớn, có khi là của những ngày chiến tranh, của những ngày phép của người lính trẻ, của một thời của một đời người. Ông làm bài thơ "Tám phố Sài Gòn" trong cái khí hậu văn học của một thời nhiều sôi động.

Thi sĩ đã viết về một trường hợp sáng tác:

"... Nguyễn Đình Vượng nói tôi muốn Nguyễn Sa cho Văn một bài thơ, tôi hỏi thơ hay văn xuôi, anh Vượng nói rõ thơ, tôi ngập ngừng rồi nêu lên câu hỏi:

- Thơ Xuân?

Nguyễn Đình Vượng gật đầu vững chắc:

- Thơ Xuân.

Anh chỉ khẳng định chính xác như thế trong một giây ngắn, anh mau chóng đưa ra chọn lựa thoải mái hơn:

- Thơ Xuân... Hay thơ gì cũng được.

Tôi vui vẻ nhận lời, mấy hôm sau tôi mang tới tòa soạn Văn bài "Tám phố Sài Gòn".."  
Tám Phố Sài Gòn, là những câu thơ của bồi hồi về một thánh địa tình yêu, của những xúc cảm thoáng qua, của những hình ảnh đẹp khó quên trong bộ nhớ. Tôi yêu Sài Gòn nên yêu những câu thơ mang đến cho tôi một thời gian, không gian của cả một thời thơ ấu và trưởng thành riêng tôi. Và, rất lạ lùng, nhiều người đọc thơ cũng cùng chung những xúc cảm những suy nghĩ như thế. Thơ của một người nhưng hình như là của riêng

nhiều người. Khi nhắc lại, là một trùng trùng đại dương xao động. Sài Gòn. Vẫn còn, nhưng như đã mất. Trong tôi...

Đọc những bài thơ như Tám Phố Sài Gòn, như Áo Lụa Hà Đông, trong khi lái xe, lúc ở sở làm hay mơ mộng một mình trong phòng đọc sách ở nhà nhìn ra biển và bầu trời, lúc nào cũng như lúc nào, thấy mình sống lại những phận đời, hồi sinh lại những nỗi nhớ trong cái xúc cảm mơ hồ của một người đi phiêu du ở một chốn nào mà suy nghĩ mãi ngân vang như những sợi đàn căng rung rung những âm vận trùng trùng nhưng nhớ.

Viết về thơ của mình, thi sĩ Nguyễn Sa tâm sự:

"... Tôi không muốn đi, tôi muốn ở lại, tôi gọi trở về quê hương là đi, tôi gọi tới Paris là về. Tình yêu của tôi ở đó, phần đời có trọng lượng của toàn thể của tôi ở đó. Cảm xúc lớn lao, giao động cực mạnh mang lại hàng loạt những bài thơ về biệt ly. *Paris có gì lạ không em, Tiễn biệt, Paris. Tôi khởi sự thơ với chủ đề ly biệt.* Tôi bắt đầu cùng lúc những bài tình ái và những bài biệt ly. Cũng có thể nói được như thế. Thơ chủ đề biệt ly và thơ chủ đề tình yêu đến gần như trong cùng một thời gian. Xen kẽ. Hỗ trợ. Trong thơ tình có khắc khoải chia xa. Trong *Tiễn biệt, Paris có gì lạ không em, Paris có gục đầu trên vai nhau. Nga đây ấp Paris là bài thơ tình đầu tiên*, sau đó là Tuổi Mười Ba, của thời kỳ Paris gục đầu trên vai nhau. Paris tiễn nhau ở gare De Lyon, ở phi trường Orly, Áo Lụa Hà Đông, Tháng Sáu trời Mưa, *Cần Thiết của Sài Gòn 1956 và những năm kế tiếp, Nga 1955, Tiễn biệt đầu tiên. 1953, hai bài Paris 54 và 55.* Thơ tình của những ngày tháng hôn nhân đến trước thơ tình của tuổi học trò. Áo Lụa Hà Đông, Tuổi Mười Ba, *Tháng Sáu Trời Mưa trình làng ở Sáng Tạo, khi đã trở về Việt Nam, làm khoảng thời gian 56-57.* Nga in trên tờ thiệp báo hỷ, bài thơ tương đối dài làm cho người bạn ấn loát in tặng phải chọn lựa tờ giấy lớn hơn thiệp báo hỷ rồi gấp lại làm ba. Tờ thiệp báo hỷ của tôi in trên khổ giấy năm ruỡi tám ruỡi, giấy bảy chục gam, loại láng, in chữ nghiêng, tới chữ O của "môi em tròn như chữ O" câu thơ in nghiêng, anh bạn ấn công chỉ cho tôi thấy chữ O anh đã chọn kiểu chữ thẳng, rất tượng hình thơ..."

\*\*\*

Nguyễn Sa là một nhà thơ của tình yêu. Điều đó hẳn nhiên. Hơn thế nữa ông là người mang những địa danh như Paris, Sài Gòn, thành thánh địa của thi ca. Với ông, những thành phố ấy đã mang tất cả tính chất lãng mạn thơ mộng của một thời yêu đương trẻ trung, của tuổi tác không bao giờ già và tuổi thanh xuân mãi mãi.

Khi trả lời một câu phỏng vấn, Nhà thơ đã nói về thành phố ấy, thành phố của một thời yêu đương, thành phố của tràn đầy kỷ niệm:

".. Thực sự đời sống lúc ấy thật đẹp. Thành phố Sài Gòn không có xe hơi nhiều, loại xe hơi như 2CV là đẹp là chiến rồi. Tôi đi dạy học bằng xe đạp, 6 tháng sau khi trở về nước tôi mua được chiếc xe gắn máy hiệu Capri. Một hôm trời mưa to tôi đi ngang qua bưu điện ở đường Hai Bà Trưng, tôi trú mưa leo lên cửa sổ đứng. Cửa sổ cao lắm không có chấn, hồi trẻ tôi còn khỏe nên nhảy vọt lên được và đứng ngắm cảnh vật thật thú vị. Hoặc khi trời mưa xe gắn máy bị chết máy, tôi đẩy xe thật nhanh để nổ máy rồi đi, những kỷ niệm ấy làm tôi vẫn nhớ Sài Gòn.

Cuộc đời lúc ấy thật đẹp đối với một người từ hải ngoại về. Tôi nhìn mọi sự việc rất lạc quan vì cuộc sống không có gì gay go. Buổi sau giờ học, lúc ra chơi, tôi ra sân đá bóng với học trò và bị cụ hiệu trưởng trường Chu văn An Vũ Ngô Xán gọi lên cảnh cáo. Giờ chơi phải ngồi trong phòng giáo sư không được ra sân đá bóng “ lung tung beng “ như thế. Tôi ăn thịt bò khô ở ngoài sân trường , rất khoái nhưng cũng bị cảnh cáo. Tôi sống một cuộc sống tự do như thế, học trò rất thích nhưng bị phê bình là đi quá khoảng cách cần thiết giữa học trò và thầy giáo , như khoảng cách cần thiết giữa sĩ quan và hạ sĩ quan. Nhà trường cũng quan niệm y hệt như quân đội, phải có sự phân biệt đâu ra đó mới dễ chỉ huy . nhưng tôi thì không quen như thế và thích sống hòa mình vô tư như vậy...”.

Viết về Sài Gòn , Nguyễn Sa đã có những câu thơ mà người đọc đã cảm qua ngôn ngữ những xúc động tuyệt vời của một người thật nhiều mơ mộng :

*“ Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng.  
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh  
Linh hồn anh vội vã về chân dung  
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa ..”*

Bài thơ ấy đã được Ngô Thụy Miên thắp cánh âm nhạc để thành một tình khúc để đời. Từ nhạc , từ lời , là tha thiết kỷ niệm , là mở rộng ra những phương trời lãng mạn của những người thèm khát bước phiêu du. Cũng là nắng , cũng là mưa của một thành phố miền nhiệt đới , nhưng sao trong những hạt mưa ấy, những sợi nắng kia , biết bao nhiêu là hồi tưởng về kỷ niệm chẳng thể nào quên của một đời người.

Thành phố ấy, không gian ấy , phong cảnh ấy, có phải là “ cần thiết “ cho những cặp tình nhân . Có những câu hỏi, trong băng khuâng. Có những giả sử, như một bồi hồi. Những người yêu nhau, thường có khi hỏi nhau những câu hơi lẩn thẩn , nhưng là cái lẩn thẩn đáng yêu:

*“ Không có anh lấy ai đưa em đi học về.  
Lấy ai viết thư cho anh mang vào lớp học  
Ai lau mắt cho em ngồi khóc  
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa  
Những lúc em cười trong đêm khuya  
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng  
Đôi mắt sáng là hành tinh lánh lánh  
Lúc sương mù ai thổi để sương tan  
Ai cầm tay cho đỡ má hồng em*

*Ai thử nhẹ cho mây vào trong tóc..”*

Hỏi, để như một gợi ý. Hỏi, nhưng không chờ đợi sự trả lời. Hỏi, để thấy người tình cần thiết biết là bao nhiêu trong cuộc sống hôm nay. Làm sứ giả của tình yêu, Nguyễn Sa đã mang vào thi ca hàng ngàn câu hỏi. Như , trong một bài thơ khác “ Mùa xuân này buồn lắm em ơi!”:

*“ anh cần gì hoa thơm và chim cười trong lá biếc  
cũng chẳng cần cỏ thêu xanh cánh đồng xa biển biệt  
nhưng làm sao không có bóng hai người đề lên cỏ úa  
để anh nghe em cười mà thấy cả mùa xuân  
kèm sao chỉ có một mình anh  
vừa đạp xe vừa ngâm thơ(mà đường vẫn dài)  
ngửa mặt lên cao trời xanh biêng biếc  
làm sao em không ngó xuống linh hồn?..  
sao mùa xuân mà chẳng có mưa bay  
chẳng có Người đi bên cạnh cầm tay  
anh chẳng được hôn lên trán ái tình  
và nói năng những lời vô nghĩa..”*

Có một bài thơ, chữ nghĩa như xôn xao những xúc cảm , Sài Gòn được nhắc đến với tất cả nét tuyệt vời thơ mộng. “*Tám phố Sài Gòn* “. Tại sao tám phố ? mà không là con số nào khác , như 10 hay 36 chẳng hạn?Hay là bởi bài thơ có tám đoạn như thủ đô Sài Gòn có tám phố ?Bài thơ ấy mà theo nhiều người là một bài thơ xuất sắc nhất của thành phố , của những cô gái điệu dàng , của những giờ thư viện nhìn nhau , của tối đi học về khuya dưới bóng trăng , của “ mai gọi nhau bằng cung” nồng nàn , trẻ trung “

*“ Sài Gòn đi rất chậm buổi chiều  
cánh tay tà áo sát vòng eo  
có nghe đôi mắt vòng quanh áo  
năm ngón thơ buồn đứng ngó theo  
Sài Gòn phóng solex rất nhanh  
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants  
Có nghe hơi thở cài vương miện  
Lên tóc đen mềm nhung rất nhung  
Sài Gòn ngồi thư viện rất nghiêm  
Tờ hoa trang sách cũng nằm im  
Đầu thư và cuối cùng trang giấy  
Những chữ y dài trông rất ngoan  
Sài Gòn tối đi học một mình  
Cột đèn theo gót bóng lung linh  
Mặt trăng theo ánh đèn trăng sáng  
Đôi mắt trông vời theo ánh trăng*

Sài Gòn cười đôi môi rất tròn  
Vòng cung màu đỏ nét thu cong  
Cầu vồng bắt giữa mưa và nắng  
Hay đã đưa dân sang nhớ mong  
Sài Gòn gói đầu trên cánh tay  
Những năm mười sáu mắt nhìn mây  
Chiếc tay tròn ánh trắng mười bốn  
Tiếng nhạc đang về dang cánh bay  
Sài Gòn nắng hay Sài Gòn mưa  
Thứ bảy Sài Gòn đi Bonard  
Guốc cao gót nhỏ mây vào gót  
Ào lùa trăng mềm bay xuống thơ  
Sài Gòn mai gọi nhau bằng cung  
Vành môi nghiêng cánh xuống phân vân  
Lưng trời không có lầy chim én  
Thành phố đi về cũng đã xuân”

Nhà văn Tạ Ty, trong tác phẩm phê bình văn học “ Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ” đã có những nhận định khá chính xác về thi ca của Nguyên Sa như sau :

“.. Trong thơ Nguyên Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyên Sa đã biến thành cái đẹp, do đó, chả cứ gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan của đồ vỡ , chia lìa, với từng ngón hoài nghi đang len lách , phá hoại , hủy diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người, chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh, Nguyên Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn, Nguyên Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt thi ca vào đúng vị trí của nó trong môi trường vĩnh cửu ...

Ngôn ngữ tình yêu trong thơ Nguyên Sa chẳng riêng có những Kiều ,những Thu,những Loan , những Đạm , đã cho thi ca trời xanh và những nụ cười “ thơm mùi tội lỗi”, ngôn ngữ ấy cũng chẳng phải để làm vui cho một “ giải trí trường” mà đích thực “ để dâng người lấy nửa dòng nước ngọt” cũng như thi sĩ” đến đây không ai mời. Đi cũng đừng ai giữ. Nếu có tạc tượng bằng đá trắng đồng đen, cũng đừng bày ở sân trường Đại Học, đừng bày ở Công trường, xin nhớ để giùm ở một góc Công viên. Để những đêm khuya (rất khuya) thi sĩ có thể nhìn mặt trăng soi gương và ngắm những người yêu nhau tình tự..”



tranh họa sĩ Chóc  
Nguyễn Hải Chí

## Hồn Ma Cũ Bình Nguyên Lộc

*Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa  
Thổ ngại thơm phức; hồn ma cũ...*

Kỳ đẩy xe đạp qua các bờ đất, ra tới ngã ba Cầu Kinh, thì mặt nhựt mới tô lợt son Tàu lên tâm nên trời dựng sau những ngọn dừa nước ở hướng Đông.

Từ đó mà ra Sài Gòn, vào giờ đường vắng, chỉ mất mười lăm phút là cùng; Kỳ cũng chẳng có công chuyện gì cần phải làm sớm. Thế mà chàng cũng cứ dậy khuya mà đi như mọi ngày.

Qua đường Hàng Sanh, qua đường Hàng Bàng, qua đại lộ Hai Bà Trưng, xuống “Một Hình”, rồi đổ ra Chợ Cũ. Kỳ đi thật là lòng vòng, do các nẻo xa nhứt để đi tới đích.

Chợ Cũ còn dụi mắt, trừ các tiệm cà-phê. Kỳ sung sướng như về quê nhà và vào ngay tiệm nước ở hai góc phố bên đường.

Chàng ngồi trước chiếc bàn con đặt sát vách, không nhìn ai hết, cốt tránh thấy. Chàng muốn nghe nhiều và nghĩ sâu. Ở đây có những tiếng động, những âm thanh, những mùi vị quen thuộc và rất thân yêu mà chàng mến thích.

Ngoài sau bếp, người thợ xiu-mại băm thịt bằng hai con dao Tàu, mà hấn hạ lưỡi dao xuống thớt theo một nhịp điệu kỳ lạ, nghe như một khúc nhạc man rợ nhưng vẫn êm tai. Những anh phở ky hô món ăn hoặc hô số tiền, mà khách phải trả, không phải bằng văn xuôi, mà bằng lời hát có ca, có kệ đàng hoàng. Khi một người khách đứng lên, hấn hát to cho anh thủ quỹ nghe: “*A ...a... người đội nón ni đen á...à...à...sáu đồng lẻ bảy các a...a...*”. Lẽ cố nhiên, hấn hát bằng tiếng Tàu, thổ ngữ Quảng Đông, nên câu hát thành dài lê thê, vì những á...a, á...à, nghe rất thú vị. Có một câu ngắn: *bạc tẩy tẩy tổng mùl* mà hấn làm được một bài hát nhỏ, nghe nga đến lúc tách sữa trứng gà bung ra tới bàn khách, bài hát mới dứt.

Mùi bánh bao hấp từ các xừng dưới lò bốc lên, mùi cà-phê rịn ra từ những chiếc vợt đầu tiên trong ngày, tất cả những tiếng và hơi ấy tạo thành một không khí, mà Kỳ rất thích.

Ngày nay, các tiệm cà-phê các-chú, phần đông đã đổi mới, không ca hát lảnh nhặng nữa, không băm dao trên thớt theo một nhịp điệu riêng nữa, nên Kỳ chỉ vào tiệm này thôi. Chàng đã ghiền không khí ở đây, ghiền cả thời gian nữa; phải ngồi tiệm vào lúc thật sớm, như bây giờ, mới hưởng đầy đủ không khí một tiệm cà-phê các-chú ngày xưa.

Cho đến cái dờ bản trong tiệm này, chàng cũng yêu, vì đặc tính ấy là yếu tố không khí kia, thiếu nó không xong. Những anh phở ky lên cảnh sát, cởi trần ra, chàng thấy là ngồ ngộ, hợp với toàn thể của tiệm nước bình dân này. Ăn mặc đàng hoàng và sạch sẽ, họ sẽ giống những lọ sứ cổ bày trong nhà tranh.

Kỳ còn ghiền một yếu tố nữa, mà không phải lúc nào cũng đòi hỏi được. Đó là những buổi sáng sớm mưa dầm. Bên ngoài, mưa gió lạnh, mà ngồi được trước một tách cà-phê lên hơi, bên cạnh cái lò chụm trâu, thì thú tuyệt vời. Càng thú hơn, khi nghe một anh phở ky đối đáp với khách hàng:

- Nị không lạnh sao, mà ở trần?

- Hà cái lầy pên Tàu lạng lẩn (lạnh lẩm) qua pên lầy lực lẩn (nực lẩm), khoong pết (không biết) lạng mà...

Nghe câu nói ấy, không khỏi nghĩ đến một xứ rét run, và mình càng cảm thấy ấm hơn trong tiệm này.

Kỳ ngồi làm thinh, không kêu món uống. Thế mà anh phở ky lại hát lên: “*Vách bên trái, cà phê không thật đậm, nhớ lược bằng vợt mới, nghe không*”. Rồi người thủ quỹ kiêm nhơn viên rót cà-phê, nhìn chàng một cái, đoạn thi hành y theo lời phở ky dặn dò.

Đó là yếu tố quan trọng nhất của không khí tiệm này. Đây là một tiệm cà-phê lâu đời và nhất là một tiệm cà-phê giữ truyền thống của họ, nên họ có những người khách lâu năm, rất lâu năm. Họ thuộc lòng từ ý muốn nhỏ của mỗi người khách: người này ba muống đường; người kia một muống rươi thôi. Còn khách thì không thốt ra lời nào cũng có kẻ dung tới tay món uống vừa ý.

Kỳ lấy muống nhỏ dò đáy ly cà-phê đen như thuốc Bắc: chỉ có độ một muống đường cát ở dưới ấy thôi, thật là đúng sở thích của chàng. Chàng gá muống lên miệng đĩa, cúi xuống hóp một hóp cà-phê, chấp chấp lưỡi để lắng nghe mùi thơm của nó, đoạn ngược lên, tay giỡn với mấy cái đĩa giò-cháo-quẩy và bánh bao.

Chàng ngồi đây tới chín giờ mới gặp bạn được, thì mặc sức tiêu phí thời giờ. Gặp bạn? Ừ, hôm nay Kỳ bị mấy thằng bạn văn ép phải gặp mặt chúng nó tại nhà một đứa. Để làm gì? Để quyết định thái độ về hai chữ ph và f. Nghĩ tới đây, chàng bật cười. Quanח chàng, không ai thềm chú ý tới cử chỉ đó. Khách hàng thức giấc thật sớm, đều kỳ dị như thế cả. Đó là những anh hàng phở, uống vội vàng để còn phải về lo hàng mình; những anh Ấn Độ gác đêm cho các hãng Tây bận ả ra, ả ra với nhau; những anh soát vé ô-tô-buýt vừa uống, vừa xem chừng đồng hồ tay. Người nào cũng sống riêng với nội tâm của mình, vui riêng, cười lẻ, khóc thầm.

Kỳ bật cười, vì thấy vấn đề chữ f không làm chết ai, không bỏ đói ai bao giờ, thế mà bọn nhà văn ấy ăn ngủ không được, vì nó. Lý lẽ của lũ ấy đưa ra là như thế này: phải viết ph thì đúng với giọng đọc của người Việt xưa. Nhưng người Việt ngày nay phát âm sai, đọc ph y hết như f, vậy nên viết f cho đúng theo giọng đọc thời bây giờ và cho gọn. Cần phải họp cho đông đủ, thảo luận rồi biểu quyết, rồi thực hành để thiên hạ bắt chước theo.

Kỳ không thể từ chối gặp bạn. Nhưng chàng đã nhứt quyết chống lại chữ f. Nghĩ tới quyết định này, chàng lại bật cười lần nữa. Thật là quan trọng hóa con tép. Tưởng chống lại lý thuyết nào, ai ngờ chống lại...chữ f tí hon.

Tại sao chàng chống lại chữ f, chàng cũng không hiểu cho rõ lắm. Nhưng trực giác của chàng nói thầm cho chàng biết rằng, viết như thế không ổn.

Soát lại công việc hôm đó, chàng nghe yên lòng. Chỉ có bấy nhiêu rắc rối đó thôi, rồi an tâm được tới chiều để viết lách.

Kỳ nâng ly lên uống một ngụm cà-phê còn quá nóng, chưa nốc được một hơi dài. Và, chàng lại mong cho nó nóng mãi như thế này, uống chầm chút mới ngon. Cà phê uống ở nhà thật vô vị, uống nơi tiệm khác lại nhạt phèo. Ngồi đây mà tận hưởng cà-phê và các thứ khác dính líu chặt chẽ vào cà-phê này, hay biết bao !

Ngày nào cũng thế, chàng ngồi đó như một vị tiên bất tử. Khách hàng, hết lớp này đến lớp kia ra vào, y như các thế hệ người kế tiếp nhau mà tàn mọc trên dương thế, còn chàng thì ở ngoài càn khôn mà nhìn những kiếp sống phù du này.

Ngộ quá, mỗi giờ khác, một hạng người khác nhau. Sau chàng là những người làm công các tiệm chung quanh; hết họ, đến những kẻ đi làm; hạng sau cùng là những người không nghề nghiệp, hoặc không thời dụng biểu nhứt định.

Khi mà không khí ưa thích lần tan cùng một lượt với đèn tắt, ngày lên. Kỳ mới chú ý nhìn người và vật chung quanh. Những gương mặt của thầy thợ quen mọi ngày, nhìn mãi không thấy gì lạ, mà không có thì không xong. Cây cối quanh làng ta, có khi vương mắt ta lắm. Nhưng nếu có một hỏa hoạn xảy ra trong làng, mọi vật đều bị thiêu hủy, thì ta tiếc những gốc cây quen thuộc biết bao nhiêu! Nó là những nét cảnh trí, những vật ở chân trời cũ, thiếu đi, nghe buồn làm sao.

Hôm nay, một thầy lại đem theo một thằng con nhỏ. Thằng bé độ mười tuổi, tay cấp cấp da, chừng như đi học đâu đó mà hôm ấy không người nhà đưa, nên người cha mới phải bận bịu như thế, lúc đi làm.

Hai cha con ngồi lại bàn. Người cha kêu cà-phê cho mình và sữa cho con, nhưng kêu bằng thổ ngữ Quảng Đông, nên thằng bé không hay biết. Chừng phở ky đem món uống lại, nó mới nói:

- Ba ơi, con muốn uống cà-phê như ba!

- Ê, trẻ con không nên uống cà-phê.

Người cha vừa nói, vừa xé cái bánh tiêu, nhét xiu mại vào để làm nhum, rồi trao cho con.

Kỳ, bỗng nhiên giựt mình, ngó dáo dác như nghe ngóng cái gì. Không, không có gì cả! Nhưng chàng không an lòng, có cảm giác là tiếng động gì, hình ảnh gì vừa thoáng hiện, lại trốn đi và đang lẩn lút đâu đây. Tiếng động ấy, hình ảnh ấy ra sao, chàng không rõ, nhưng cứ tin là nó dễ yêu lắm.

Liên đó, một cuộc săn đuổi ráo riết. Kỳ rượt theo một ấn tượng, một cái gì vô hình, lấp ló đâu đây. Có lúc chàng suýt chụp được nó, nhưng nó lại vượt đi. Những gì xảy ra quanh chàng, bỗng giờ phút này, sao mà nghe thấy rất xa xôi, như đã nghe thấy đâu từ kiếp tiền thân.

Thình lình Kỳ ngậy người ra: chàng vừa thấy người cha đưa bé rót cà-phê ra đĩa cho mau nguội, rồi nâng đĩa lên mà uống.

Cảnh này, chàng đã thấy rồi...trời ơi...lâu lắm...những hai mươi năm về trước. Đó là lối uống trong đĩa của ông ngoại chàng, một ông cụ nhà quê, thỉnh thoảng dắt cháu ra chợ để hưởng thú thị thành.

Hình ảnh uống cà-phê bằng đĩa này, như bám vào nút điện, và cả một bộ máy được huy động. Những người của dĩ vãng như hồn ma, lũ lượt kéo qua trước mặt chàng.

Hồn ma cũ ấy chỉ hiện về trong cảnh náo nhiệt này, là vì có cuộc trùng phùng cơ hội như hôm nay: thời gian, nơi chốn, màu sắc, hình ảnh, mùi vị, tiếng động, âm thanh; tất cả những thứ ấy, khi đủ mặt, họp nhau để huy động ký ức của chàng.

Bấy giờ, Kỳ mới hiểu, tại sao chàng lại ưa thích tiệm cà phê này. Hồn ma cũ ngủ yên nơi tiềm thức của chàng. Đó là những hồn ma thương mến. Tiệm cà-phê này có gần đủ điều kiện để kêu gọi hồn ma. Gần đủ nhưng chưa bao giờ đầy đủ, nên tiềm thức chàng ngủ quên luôn. Ngủ quên, nhưng vẫn giục chàng đến đó, mà chàng không biết tại sao, chỉ hôm nay mới hiểu rõ.

Thì ra, tiềm thức đã chủ động nhiều việc trong đời người, trong đời chàng; những việc ta làm, mà cũng không hiểu vì sao mà làm.

Kỳ lần thân tìm xem coi do đâu mà chàng ghét chữ f, một tình cảm chàng đang có, mà không biết nguyên nhân.

Ngộ! Khi này không tìm mà hồn ma tìm đến. Bây giờ đọc thần chú, nó cũng chẳng về. Phương trình còn thiếu rất nhiều yếu tố

Ký ức = thời gian + nơi chốn + màu sắc + tiếng động + âm thanh + mùi vị + hình ảnh.

Chữ f đã dính líu với những hình ảnh nào, chàng thật mù tịt. Nên chi Kỳ thôi không thèm tìm biết nữa. Ngày kia, có một cuộc qui tụ yếu tố, tự nhiên chàng sẽ nhớ về chữ f ấy.

Bây giờ theo dõi những hồn ma yêu dấu thú hơn. Chàng thường theo ông ngoại ra chợ uống cà-phê...Chàng ra tỉnh học ... Chàng lên Sài Gòn...Ma nhiều lắm! Ôi ! Mến yêu là những con ma tóc còn đường rẽ, áo quần còn hôi mùi ruộng bùn, cùng nhau ngo ngác giữa đô thành! Ôi! Bụi ngùi là những con ma giáo sư tóc muối tiêu mà bây giờ, hấn, đã đi đầu thai kiếp khác rồi.

Ôi ! Bối rối là những con ma...Kỳ nghe tê tái nơi lòng, mắt ứa lệ. Bối rối là nhưng con ma thiếu nữ gặp nơi nhà quen, khi ra chơi chúa nhật, những con ma, nó làm cậu học sinh lưu trú ngo ngẩn suốt tuần. Ôi! dịu dàng là những con ma áo tím..., mà trời ơi!...

Kỳ nhớ lại, ngày chàng được bức thư tay cuối cùng của người bạn tình đầu tiên ấy, Thiếu niên, bao giờ, cũng đại về tình. Chàng đã toan tự tử, nghĩ thật buồn cười. Hình như là chàng thuộc lòng bức thư ấy. Đâu nào...à. *“Anh không phải là người lý tưởng của em, vậy ta dứt nơi đây là hơn. Dầu sao, em cũng đã thành thật yêu anh trong một thời gian, thì anh không thể nói là em thờ ơ hay phụ bạc được...”*.

Kỳ ngược lên, cười khà. Chàng đã bắt được kẻ trốn tránh, khi đọc lại đoạn thư ấy. Chàng nắm lấy chóp nó và la thầm trong bụng:

- Nó đây rồi!

Phải, nó đây; nó viết ph bằng chữ f. Chàng ghét, giận nó, và giận luôn cả chữ của nó tự bao lâu rồi. Kỳ lại cười lớn lên một giây nữa và lẩm bầm:

- Tụi nó mà biết sự thật về chữ f, chắc tụi nó cười mình dữ lắm.



## Không Còn Gặp Lại Nơi Đã Đi Qua... Đỗ Trung Quân



Quán cà phê *Trieste* ở San Francisco cứ ám ảnh tôi mãi. Nó chỉ là cái quán nhỏ nằm ở góc phố Vallejo/Grant được mở từ năm 1956, bởi một người Ý nhập cư, nhưng từ đây lịch sử một địa chỉ văn hoá lừng lẫy được hình thành. Nó là nơi lui tới của nhiều nhà thơ, nghệ sĩ danh tiếng, là “phòng khách” của Jack Kerouac, Allen Ginsberg và những nhà thơ Beatniks bạn bè. Nơi thi sĩ gốc Nga giải Nobel văn chương Joseph Brodsky gạch gạch xoá xoá những vần thơ của mình... Còn nữa. Tại một chiếc bàn gỗ nhỏ ở góc phòng còn phảng phất bóng dáng của Francis Ford Coppola ngồi gọt giữa kịch bản “The Godfather” những năm 70... Chính họ, những ẩm khách mà hoạt động nghệ thuật và danh tiếng đã biến *Caffe Trieste* trở thành một địa điểm văn hoá bất cứ du khách nào quan

tâm đến nghệ thuật đều mong muốn bước vào.

Về Sài Gòn, tôi bỗng nhớ khôn nguôi những quán cà phê của mình, những nơi lẽ ra cũng phải trở thành địa chỉ văn hoá, phải được gìn giữ và bảo tồn cho một thành phố thu hút du khách mọi nơi không chỉ vì cái danh xưng cố tình bị thu nhỏ – thành phố “kinh tế” – mà còn ẩn hiện, nhưng là ẩn hiện tràn lan, đây ẩn tượng trong cuộc sống tinh thần của nhiều thế hệ thanh niên, những cánh cửa văn hoá tưởng như không toan tính nào có đủ sức niêm phong, hay xoá mờ.



### *La Pagode*

Quán cà phê “Cái chùa” từng nằm trên góc ngã tư Lê Thánh Tôn – Tự Do (trước là Rue d’Espagne và Rue Catinat, nay được «vinh danh» là Đồng Khởi) đã mất đi từ lâu. Nó chính là nơi nhiều gương mặt danh tiếng nhất về văn chương, thơ ca, hội hoạ,

Saigon, Salon de thé « La Pagode », Rue Catinat.

âm nhạc, cũng như những tên tuổi lớn trong các hoạt động văn hoá xã hội của Sài Gòn một thời thường có mặt. Hòa bình đã 35 năm, những ngộ nhận ấu trĩ – hay giả vờ nhìn nhận là ấu trĩ – có lẽ đã đi qua, hay ít nhiều không còn nặng nề như thời tiếp quản thành phố. Tiếc thay, *La Pagode* đã biến mất, biến mất vĩnh viễn.



### ***Brodard***

Một quán kiêu Pháp danh tiếng khác của Sài Gòn cũng không còn là *Brodard* nguyên trạng của nó: nó đã thay tên và thay cả kiến trúc. Trong “bộ ba” danh tiếng ấy, (bộ ba, nếu không kể một địa điểm danh tiếng khác của Sài Gòn mà chính tôi sau này chỉ nghe nói chứ chưa hề có dịp đặt chân tới vì còn quá nhỏ: *La Croix du Sud*, cũng trên đường Catinat) cái còn lại là *Givral*, nơi khi chọn làm bối cảnh một trường đoạn của bộ phim *Người Mỹ trầm lặng*, đoàn làm phim đã không ngại tốn kém, bắt buộc phải dựng lại đúng màu sơn, đúng hình dáng của nó ở thập niên 60-70. Ngay cả khách sạn phía đối diện, là Hotel Continental, một địa điểm khác xuất hiện trong bộ phim dựa theo tác phẩm văn học của Graham Greene, cũng phải trở lại kiến trúc thời ấy.



### *Đường Catianat*

Thật dễ hiểu: các nơi này vừa là địa điểm văn hoá vừa là những địa chỉ có thật trong bước đi của lịch sử. Nhà báo và tình báo Phạm Xuân Ẩn ở Sài Gòn từng chọn *Givral* làm chỗ ngồi thường xuyên, cũng như vô số nhà báo trong và ngoài nước những năm chiến tranh Việt Nam: họ chọn địa điểm này để nhâm nhi, quan sát và thu thập tin tức báo chí mỗi ngày, muốn gặp nhau thường khi khởi phải hẹn trước...

Những ngày *Givral* chuẩn bị lên máy chém, tôi thường ra kéo ghế ngồi một mình, ngần ngại không tin cái chuyện dự án xoá sổ *Givral* chung với toàn bộ khu thương xá Eden là chuyện có thật. Quy hoạch một thành phố, chỉnh trang một thành phố, phát triển một thành phố tất nhiên là việc cần thiết, nhưng người ta hoàn toàn không được tự cho phép làm những công việc ấy với một tầm nhìn thiếu sâu sắc, chỉ tính đến đường đi của một thứ lịch sử bị ép mỏng không quá một thế kỷ mà quên mất công việc bảo tồn những cái cần bảo tồn, là những nơi chốn có thể được coi là trở thành di sản tinh thần.

*Trieste* giờ đây đã là một chuỗi quán cà phê danh tiếng trên đất Mỹ. Khởi đầu tên tuổi, thương hiệu của mình từ cái quán nhỏ bé ở góc phố Vallejo/Grand kia (từ một người Ý nhập cư làm nghề lau chùi cửa kính) vào những năm 1956, ngày nay nhắc đến *Caffe Trieste* không phải là ghi nhận những thành tích kinh doanh của hệ thống *Trieste*, mà trước tiên là nhắc tên một địa chỉ văn hoá và nghệ thuật không chỉ của riêng người Ý, mà của cả người Mỹ.

Đất nước Cuba trải qua nhiều năm chiến tranh khốc liệt, đã khoác lên mình nhiều chiến bào khác biệt, đã kinh qua nhiều cuộc cải cách đầy “khí thế cách mạng” triệt để. Người

Cuba, ngay cả giữa thủ đô La Habana, nghe nói là cuộc sống hãy còn nhiều thiếu thốn vất vả, với hình ảnh “án tượng” là những chiếc xe bò chạy thay cho xe tải, nhưng những người yêu mến Cuba còn may mắn có quyền hi vọng, bởi lẽ không một địa chỉ văn hoá nào trên đất nước này bị cuốn theo con lối đời mới kiểu quê mùa giả tạo, và những ai thiết tha với không khí văn hoá Cuba vẫn sẽ hoàn toàn có cơ may tìm lại nó dễ dàng, và chẳng cần phải qua những lễ hội trống kèn nhang khói, mà chính trong cuộc sống ngày thường.

Hãy tưởng tượng một người Paris một buổi sáng ra phố, bỗng thấy ở cái chỗ bao nhiêu năm là nơi có cái bảng hiệu *Café des Deux Magots*, hay *Café de Flore*, nay chỉ là những đồng gạch vụn, sau đó thấy dựng lên một thứ Mỹ không ra Mỹ, Tàu không ra Tàu, Ấn-độ không ra Ấn-độ...



### *Givral*

Cũng như *La Pagode*, *Brodard*, hay *La Croix du Sud* trên đường Catinat ngày nào, là một trong những địa điểm mà vô tình, một cách nào đó, lịch sử đã đóng dấu ấn lên cả những chiếc ghế ngồi.

*Givral*. Vĩnh biệt cái quán góc phố nơi những ngày ai đấy đã từng đi qua trên hè phố Sài Gòn...

## Phụ đính:

### Xe Xích-lô với dòng lịch sử Trần Thắng

Chiếc xích-lô chạy chậm dần và dừng bên một quán nhỏ, người lao phu bước xuống vươn mình như mình như vút bỏ tất cả những sự uể oải sau một ngày lao động. Chốt lát, người lao phu và chiếc xích-lô chậm rãi tiến về phía trước và khuất dần trong bóng đêm. Và cứ như thế, mỗi buổi sáng sớm con người ấy và chiếc xích-lô lại phải quần quật làm việc cho đến tận khuya. Vòng bánh xe xích-lô lăn tròn theo chiều dài của đất nước từ Nam ra Bắc, theo chiều dài của lịch sử Việt Nam từ ngày người Pháp đặt ách thống trị cho đến nay. Hình ảnh xe xích-lô đã đi vào tâm trí, vào cuộc sống hàng ngày của người Việt.

Với kỹ thuật hiện đại vận chuyển bằng cơ giới ngày nay, người ta dường như hồi tưởng thời xa xưa khi con người ta dùng ngựa hoặc xe kéo (xe lôi) cho sự đi lại. Xe kéo có dáng dấp nhỏ duyên dáng và thẩm mỹ. Chiếc xe lướt đi nhẹ nhàng bởi một người Nhật Bản lực lưỡng. Người lao phu này mặc những bộ đồ bông hoa thoe phong cách cổ truyền và vừa chạy vừa nhảy theo một điệu nhạc du dương trong gió. Xe kéo là loại phương tiện duy nhất người xưa dùng tại Viễn Đông. Nó xuất xứ từ Nhật, xe có tên nguyên thủy là "Jinriekishaw" nghĩa là người-sức-mạnh-xe. Có nhiều giả thuyết khác nhau về người đầu tiên phát minh. Có một nguồn tin cho rằng, chiếc xe kéo được chế tạo bởi ông già người Nhật bị liệt chân vào khoảng năm 1868. Một giả thuyết khác cho rằng, ông Akika Daicouke ở Tokyo chế tạo vào năm 1970. Một giả thuyết nữa được thuật lại bởi một người Anh nói rằng ông mục sư người Mỹ tên là Goble chế tạo vào năm 1867. Cho dù giả thuyết nào đi nữa, một thời gian ngắn sau có khoảng 42,000 xe kéo lưu hành tại Tokyo.

Sự phát minh xe kéo như là một cuộc cách mạng về vận chuyển thời bấy giờ. Vài năm sau nó được du nhập vào Tàu, bán đảo Đông Dương, Mã Lai và được người dân bản xứ các nước này ưa chuộng. Từ ngày có sự xuất hiện xe kéo, những người nghèo có thêm việc làm và xe kéo hoạt động từ thành thị đến thôn quê. Theo thời gian, chiếc xe kéo được cải tiến về cấu tạo như bánh xe được bọc vỏ cao su, đặt lò xo giữa bánh xe và ghế ngồi, trang trí cho dáng dấp thêm sang trọng...

Trong khi xe kéo lưu hành phổ biến thì vào khoảng 1934 có sự đột biến trong phương tiện di chuyển; đó là sự xuất hiện của xe xích-lô tại Sài Gòn và số lượng xe tăng nhanh vào khoảng năm 1939; còn tại Hà Nội xe xích-lô vẫn chưa thông dụng. Xe xích-lô từ Nam Vang (Campuchia) du nhập vào Sài Gòn. Xe xích-lô được chế tạo bởi một người Pháp tên P.Coupeaid và lưu hành đầu tiên tại thủ đô Campuchia. Có lẽ xe xích-lô là tổng hợp về cơ học vận chuyển giữa xe kéo và xe đạp. Chiếc xích-lô có 3 bánh xe, hai bánh trước và một bánh sau. Vị trí của 3 bánh xe tạo nên một thể vững chắc trên mặt đất khi di chuyển. Hai bánh trước có chức năng chịu trọng lượng khách ngồi và điều khiển xe dễ

dàng khi quẹo sang trái hoặc sang phải. Với sự áp dụng kỹ thuật của xe đạp đã góp rất nhiều vào sự tiết kiệm sức lực dùng xe cũng như tăng tốc độ xe chạy. Về mặt cơ học vẫn chuyên, xe xích-lô được thiết kế như mô hình xe đạp với 2 vòng bánh răng và dây xích, tại giữa những vòng bánh xe có ổ bi. Với những kỹ thuật mới này xe xích-lô chạy qua mặt xe kéo và người thì dùng sức ít hơn.

Thời gian đầu lưu hành, người khách sợ nguy hiểm vì họ phải ngồi phía trước gánh tất cả mọi sự rủi ro. Sau đó người ta lại ưu chuộng vì độ an toàn và xe có thể chở hai người cùng với hành lý. Xe xích-lô nó không gây ồn ào như các loại xe có động cơ, nó giữ môi trường trong sạch so với xe ngựa cùng thời. Xe được phổ biến rộng rãi và lan truyền ra các tỉnh phía bắc. Người Việt Nam sử dụng xe xích-lô nhiều hơn xe kéo bởi lẽ với xe kéo người lao phu đứng phía trước, bao nhiêu sự khổ nhọc hành khách đều được chứng kiến. Đối với xe xích-lô, người lao phu ngồi sau đạp, hành khách không cảm giác tội lỗi khi người lao động nghèo khổ bỏ sức lực ra đổi lấy sự sống.

Một thời gian sau, xe xích-lô máy xuất hiện do hãng Peugeot của Pháp chế tạo để chạy ở Sài Gòn, và sau đó tràn ngập qua Lào và Campuchia. Xe xích-lô máy được cải tiến mọi mặt và được trang bị động cơ. Người điều khiển loại xe này mang kính đen và đội nón. Họ là những người tương đối có địa vị trong xã hội bởi vì họ trực tiếp làm việc với kỹ nguyên máy móc. Khi đó người chạy xe xích-lô đạp bị khinh chê coi như là cu-li!

Trở lại với hiện tại ngày nay, nghề đạp xích-lô vẫn còn lưu hành. Người đạp xe xích-lô ắt phải chịu nhiều đắng cay hàng ngày, phải dầm mưa phơi nắng, lướt qua gió bụi đêm ngày. Người đạp xích-lô chắc cũng từng tận chuyện phố chuyện phường, giá gạo lên xuống, công ty làm ăn thua lỗ, chủ hụi giựt nợ... Người đạp xích-lô như thế cái nhìn cái nghe trung thực trong một xã hội đầy những xáo trộn. Nghề đạp xích-lô là nghề không có địa vị và còn bị xã hội coi như là những người thấp kém. Nhưng cái nghề ấy vẫn mem theo lẽ của xã hội mà sinh tồn. Trong hoàn cảnh nghèo túng, lắm người đi vào nghề đạp xích-lô để lo cái ăn, cái mặc đang ủa đến. Tại thành phố Sài Gòn vào những năm khó khăn 80-82, đội ngũ chạy xe xích-lô gồm mọi thành phần trong xã hội từ trí thức đến công nhân, nông dân hay người nghèo. Những ai không có việc làm chỉ cần bỏ ra một ít vốn nho nhỏ mua xe và đạp qua ngày. Có nhiều người đã chạy xe xích-lô trên 10 năm ròng rã. Thấy thế, tôi mới ngạc nhiên và hỏi "Có phải bác yêu nghề chạy xích-lô không?" Bác cao niên cười để lộ một xã hội thực trạng trên khuôn mặt và nói: "Những người như tui không học hành, không kiến thức thì sao chen chân vào nơi nhà máy. Nhà chúng tui nghèo không có tiền nhiều để mà nghĩ đến chuyện buôn bán, vậy chỉ có thể đạp xích-lô mà thôi". Tuy câu trả lời mang ý niệm "nghèo" nhưng nó đảm bảo được cuộc sống của người đạp xích-lô. Thời gian hiện nay, trung bình người chạy xích-lô tìm được 1,000,000 đồng VN (tương đương 91 USD) trong một tháng, so với một người công nhân bình thường là 700,000 - 800,000 đồng trong một tháng.

Theo báo Tuổi Trẻ số ra ngày 18 tháng 7, 1996 có đăng, "Sau khi cấm xích-lô vào 34 tuyến đường trung tâm, cùng với sự phát triển của xe buýt, taxi, số lượng xích-lô ở

TP.HCM có chiều hướng giảm. Nghiệp đoàn xích-lô quận 1 giảm 400 người, quận 3 và quận 4 giảm khoảng 400 người. Thu nhập của anh em từ 30,000 - 40,000 đồng/ngày nay chỉ còn lại 10,000 - 15,000 đồng/ngày và phải chạy tuyến đường xa. Được biết, tuy UBNDTP đã giao cho sở GTCC và công an TP nghiên cứu đề xuất chính sách xã hội nhằm giải quyết việc chuyển đổi nghề nghiệp, nhưng cho đến nay vẫn chưa có biện pháp giải quyết căn cơ nào - Phạm Oanh".

Nhu cầu xã hội ngày càng cao về thời gian cũng như về phương thức vận chuyển. Xe xích-lô không thể đáp ứng những yêu cầu này. Hơn nữa mỗi gia đình tại thành phố ít nhất cũng có một xe Honda và những dịch vụ xe taxi và xe buýt lần lượt ra đời. Có lẽ nghề đạp xích-lô đã bắt đầu đi vào một ngõ cụt mới - có tồn tại trong xã hội được hay không? Câu trả lời cũng khó mà đoán được vì cũng nhiều người thích cái nhẹ nhàng khoan dung của chiếc xích-lô.

Xe xích-lô có mặt mọi nơi, mọi thời gian, chứng kiến bao nổi thăng trầm của đất nước trong giai đoạn lịch sử Việt Nam hiện đại. Bóng dáng xe xích-lô giản dị tựa người Việt, xe xích-lô như hiện thân của cuộc sống người Việt hay đồng nghĩa với sự nghèo túng. Sự tiến hóa của xã hội đòi hỏi phải thay đổi xe xích-lô để xe hóa thân thành những phương tiện cực nhanh lao vào phục vụ xã hội, để người ta quên lãng "hình tượng" xe xích-lô kéo lê phía sau cái thực tế xã hội Việt Nam chậm chạp.

**Đọc cuốn “Sài Gòn Năm Xưa”  
của học giả Vương Hồng Sển  
Nguyễn Hiến Lê**

Đọc cuốn “Sài Gòn Năm Xưa” của học giả Vương Hồng Sển, ta có cảm giác thoải mái, dễ chịu quá. Tôi nhớ những buổi ngả lưng vào ghế tràng kỷ trong ngôi nhà cổ chung bà toàn đồ cổ của tác giả mà nghe tác giả kể chuyện “đời xưa”, từ chuyện các chánh tham biện, chuyện các cụ đường cộ tới chuyện tản cư, chuyện con voi sở thú... Lời rất bình dị, tự nhiên, có duyên: cứ mê đi mà nghe và mỉm cười cho tới khi nào thấy làm mất thì giờ của chủ nhân quá rồi thì cáo từ mà ra về.

Tác giả kể chuyện làm sao thì chép lại thành sách như vậy.

Đây xin đọc giả nghe ông vào chuyện:

*Bởi thấy tôi là người trong Nam, đầu pha hai thứ tóc, làm việc trong một cơ quan chuyên môn, thêm có tánh ham chơi cổ ngoạn, tom góp giấy má cũ đầy nhà, rồi tiếng đồn truyền ra: tôi sành sỏi chuyện xưa, tôi giỏi kể cừu điển cổ, báo hại phần đông văn hữu Bắc và Trung, ông nào quen một đôi lần, gặp nhau, hết năm ba câu lẩy lẹ, làm gì cũng hỏi vặn tôi về:*

*“gốc tích hai chữ “SÀI GÒN”.*

Thật là thân mật, tự nhiên, xuề xòa.

Rồi ít hàng như sau:

*Đối với các bạn nhỏ hiếu học, tôi xin nói lớn:*

*1) - Chỗ nào các bạn thấy mới, đừng sợ: ấy tôi đã cân nhắc kỹ càng, cứ tin cứ dùng: “coi vậy mà xài được!”*

*2) - Chỗ nào chưa “êm”, nhờ các bạn chỉ giùm, nếu tìm cách bỏ khuyết càng tốt, gọi giúp lẫn nhau: già thua trẻ không xấu, mắc cỡ bậy, hay gì?*

Chắc độc giả đã được mỉm cười rồi chứ?

Suốt hai trăm trang in chữ nhỏ, toàn là một giọng như vậy. Thỉnh thoảng điểm những tiếng cổ mà chúng ta chỉ thấy trong các sách báo in từ đầu thế kỷ, hoặc nghe ở những chốn quê mùa, do những cụ tám, chín chục tuổi thốt ra. Chẳng hạn:

*- Tôi không dám chắc đúng cả, nhưng “ăn trâu gặm mà nghe” bây giờ không nói còn đợi lúc nào?*

*- Lâm cảnh lưỡng đầu thọ địch...*

*- ... hện hậu nhựt tri*

*- ... chết ba mươi đời vương*

*- ... trở sanh nghề lạ*

*- ... trời kệ*

Lại thêm những tiếng rất tự nhiên chỉ dùng trong một vài giới:

*- ... đi la mát nơi đây.*

*- ... chiều chiều thả “xích-phê” đường Catinat, giày “ăn phón”...*

*- ... dện1[1] áo “u-hoe”, tay lo le điếu xì gà tàn, thì duy có mấy cô máy ý đời ấy biết cho.*

- ... xa tít mù tè.

Có chỗ tác giả như mời người ta cởi áo ngoài ra cho thoáng hơn nữa để nghe ông kể tiếp:

*“Đền nhá nhem, người bu đông đến mức cháo không kịp, thêm tuổi vừa đôi mươi, “ăn sắt cũng tiêu”, ghế bàn không có, mỗi người tự biện lấy, đứng húp ngon lành, ngó mặt nhau vẫn quen quen: Cô Ba Trà, ông cò mi Kính và tớ đây, kể còn người mát, đưa bạc đầu!”.*

Vé trong câu thường ngắn - năm sáu tiếng một - ít dùng liên từ lại gần đối nhau, bằng trắc nhịp nhàng, làm cho ta sực nhớ rằng tác giả là người rất mê hát bội:

*“Xưa người thừa đất rộng, xây nhà đếm căn, nay đất ít nhà đông, cất nhà kể từng...”*

*“Trước còn bánh đặc, phân đường sá gồ ghề, mê sức chạy mau mà quên đau... sau có bánh bông, nhưng xe nổ vô thì có lấy tay mà bùm!”*

Cuối câu thường hạ tiếng trắc y như nói lói.

Không biết cảm tưởng của độc giả ra sao chứ tôi thì thấy vui vui, nhớ lại những ông già búi tóc mà đội nón Tây và những bà già ngoáy trầu trên những bộ ngựa. Nhưng tôi phải thú thực rằng mặc dầu bút pháp đó gọi cho ta cái không khí của thời xưa, mà thời này dùng nhiều quá thì cũng ít người thưởng thức.

Sách chia làm tám phần.

- Phần thứ nhất tựa như đoạn mở đầu, nhắc qua lại cuộc Nam tiến của tổ tiên từ thế kỷ thứ XI đến năm 1780, Mạc Thiên Tứ mất, đất Hà Tiên sát nhập vào cơ đồ chúa Nguyễn. Tác giả nhấn mạnh vào sự bình định và khai phá cõi Nam, vào công lao của các chúa Nguyễn, của Nguyễn Hữu Kính, Nguyễn Cư Trinh, và họ Mạc ở Hà Tiên.

Nữ sĩ Mộng Tuyết và học giả Vương Hồng Sển, mỗi người dùng một thể tài, một nhà viết truyện, một nhà viết sử, hai nhà cùng một lúc nhắc nhở công lao tổ tiên một cách cảm động, sự không hện mà gặp đó cho ta thấy rằng phong trào ôn cố lúc này đang lên.<sup>2[2]</sup>

Trong phần này, Vương quân đưa ra một nhận xét rất xác đáng là tổ tiên chúng ta đã không chiếm đất Nam này của người Miên vì hai lẽ:

- Đất này trước kia không phải của người Miên mà của người Phù Nam.

- Khi tổ tiên ta tới đây thế kỷ 17 thì tuy đã có người Miên, nhưng dân thừa đất rộng, Việt

Miền tha hồ khai phá không hề xảy ra những sự xung đột để có thể nói rằng dân tộc này tranh của dân tộc khác.

- Qua phần thứ nhì, tác giả bắt đầu nói về Sài Gòn. Ông xét vết tích những dân tộc đã ở trên khu đất mà ngày nay là Sài Gòn, tức là người Phù Nam, người Miên, người Trung Hoa, và tổ tiên ta, để tìm xem danh từ Sài Gòn từ đâu mà ra. Ông kết luận rằng Sài Gòn thời Miên là Prei No\*\*r<sup>3</sup> (nghĩa là xứ ở giữa rừng); Trung Hoa tới lập một khu buôn bán gọi là Đề Ngạn (Chợ Lớn ngày nay), và người Việt tới lập một khu khác, gọi là Bến Thành (Sài Gòn ngày nay).

Đề Ngạn mà phát âm theo giọng Quảng Đông thì nghe ra “Thầy Ngòn” hay “Thì ngòn” hay “Tài ngòn”. Sài Gòn có lẽ do đó mà ra, chứ không phải do Prei No\*\*r.

Tôi không biết các sử cũ có viết là Đề Ngạn hay không, chỉ thường thấy ngày nay nhiều người viết chữ Hán chữ Đề Ngạn với Đề: bộ thổ, nghĩa là cái đề, còn Đề Ngạn với Đề: bộ thủ, nghĩa là nắm lấy<sup>4</sup>[4]. Nhưng chắc là Vương quân biết rõ hơn tôi.

- Trong phần thứ ba, tác giả nghiên cứu vị trí ba thành xây ở Sài Gòn hồi xưa và ghi lại những lễ nghi phong tục thời Quan Lớn Thượng, tức Quan Tả Quân Lê Văn Duyệt. Dinh Tả quân nay không còn gì, chỉ còn lại cái tên Vườn Ông Thượng (Hoa viên Tao Đàn).

- Qua phần thứ tư, tác giả trở lại tìm vị trí của Prei No\*\*r, Đề Ngạn, và Bến Nghé. Đoạn này giá đưa lên phần thứ nhì thì gọn hơn.

Rồi ông dắt ta đi dạo xem phố phường Sài Gòn ngày xưa, bắt đầu từ Cơ Thủy Xưởng, Cột Cờ Thủ Ngự, tới Khánh Hội, vô Chợ Lớn, trở về Chợ Quán, phủ Tổng Thống, qua Thị Nghè...

Đoạn này khá dài trên bốn mươi trang. Tới mỗi nơi ông chỉ cho ta hồi xưa tại đó có dinh thự, chùa chiền, chợ búa nào, ông lại giảng cho ta nguồn gốc những tên như Ba Sơn, nhà Rông..., kể những chuyện thuộc về ngoại sử, giải nghĩa những chữ như bắc thảo, tàu kê, gùi đội..., chép những bài thơ cổ, chẳng hạn bài thơ vịnh Mai Sơn Tự, dẫn những câu ca dao...

Những ai ở Sài Gòn đã lâu đọc đoạn đó chắc rung động một niềm hoài cổ man mác nửa vui nửa buồn.

Riêng tôi, tôi nhớ lại lần đọc đoạn hai ông đồ rủ nhau đi thăm thành Thăng Long trong một tiểu thuyết của Nguyễn Triệu Luật. Kỹ thuật của họ Nguyễn và họ Vương khác nhau xa, mà cảm xúc gây trong tâm hồn tôi thì cũng vậy.

Khi dắt ta tới Chợ Quán, tác giả ngừng trước một nhà cổ và kể cho ta nghe chuyện một

bà cụ chơi đồ cổ. Chuyện xảy ra đầu thế chiến vừa rồi. Tác giả lúc đó mới ngoài ba chục tuổi mà bà cụ đó đã trên tám mươi, mới gặp nhau lần đầu, mà đã hiểu nhau, trẻ thì kính già mà già thì mến trẻ, chỉ do hai bên cùng là những người sành đồ cổ cả. Đoạn đó tác giả viết cảm động nhất và cho ta thấy rõ cái sở thích và sở trường của ông.

- Trong phần thứ năm, Vương quân tiếp tục tả và kể lai lịch các cổ tích chung quanh Sài Gòn Chợ Lớn, các chùa chiền, các giáo khu và cho ta hiểu sơ sơ sự bành trướng của Thiên Chúa Giáo tại địa phận Sài Gòn.

Đầu phần có tả một vụ bóc mà khá cảm động và tác giả đề nghị nhà nước nên sớm thảo điều lệ bảo vệ lăng cũ, mộ xưa nếu không thì miền Nam này sẽ chẳng còn gì về mỹ thuật và cổ tích.

- Ba phần cuối, phần thứ sáu, thứ bảy, và thứ tám, gồm 50 trang, đọc vui nhất. Đời sống nhân vật “bản xứ” và Tây, Tàu, hoặc thanh cao, hoặc lộ lăng, đê tiện, tàn nhẫn, quý quyết từ hồi Tây đến tới hồi Tây đi, hiện lên rõ ràng trước mắt chúng ta.

Ông mĩa mai bọn “hầu cận các quan Tây”, bọn: Tiếng Tây không biết, tưởng vinh trong đời.

Tây đã đi, nhưng bọn này thì vẫn còn và chung quanh ta vẫn nhan nhản một lũ tự hào rằng nói tiếng Pháp như người Pháp mà không mặc cỡ rằng nói tiếng Việt không thông.

Ông oán giận “bọn mãi quốc cầu vinh” - vinh hay nhục nhỉ? - tàn sát đồng bào hồi Tây “bình định” xứ này; ông còn nhân từ không vạch mặt chỉ tên họ ra, nhưng đọc giả nào mà không nhận ra được chúng.

Ông khâm phục các học giả như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, những vị “chỉ say đạo lý và học hỏi, sống đất Tào mà lòng giữ Hán” rồi ông kết:

“Nghĩ theo tay dao tay súng làm nên sự nghiệp như những nhà kia (tức là bọn bán nước), nhưng khi nhắm mắt, sự nghiệp hoen ố lụn bại, sao bằng một ngòi bút, một nghiên mực, sự nghiệp văn chương truyền cửu của ba ông tiền bối này mới thật quý và thơm”.

Còn vô số nhân vật nữa, từ các nhà giàu (nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định), đến các nhà báo (Diệp Văn Cương, Nguyễn Chánh Sắt...) đến huê khô Cô Ba con thầy thông Chánh mà ba chục năm trước, hồi còn ở Hà Nội tôi đã được trông thấy hình trên các con tem và các giấy thấm rao hàng xà bông, song không biết là của ai, đến bọn làm giàu nhờ buôn bán hoặc cờ bạc, bọn chỉ học được hai tiếng “ùy” và “no” mà bỗng nhiên phát triệu phú. Trong phần này còn những tài liệu tuy vắn tắt mà quý về các vụ Phan Xích Long năm 1913, và vụ Khâm Lớn Sài Gòn năm 1916. Trang nào cũng đầy những tài liệu đáng tin cho những nhà sau này viết sử hoặc lịch sử ký sự.

Đoạn kết hơi ngắn (chỉ một trang) nhắc lại những điều kiện mà Sài Gòn có đủ để thành

một đô thành tối tân.

\*\*\*

Như tôi đã thưa với độc giả sự hiểu biết của tôi về sử miền Nam không đủ cho tôi phê bình tài liệu của Vương quân. Tôi chỉ xin góp ít ý nhỏ ở dưới đây:

Tác giả cho rằng danh từ du côn có lẽ do bọn anh chị ở Sài Gòn hồi xưa mà có, vì họ hay dùng những đoản côn bằng sắt hay bằng đồng để hộ thân. Tôi tưởng danh từ đó đã có từ trước nữa, mà bọn anh chị đó không phải là bọn đầu tiên ở nước ta và nước Trung Hoa thường dùng đoản côn để tự vệ.

Tác giả bảo cây gòn ngoài Bắc gọi là cây “bông gạo”. Hai cây đó tuy cùng một loại, người Pháp cũng gọi một tên (kapokier hoặc faux cotonier), nhưng thực ra khác nhau: cây gạo rất cao lớn, cao như cây sao, gốc lớn có khi có thể đến hai ôm, hoa tuy giống hoa gòn nhưng cánh đỏ như máu và lớn hơn nhiều: lúc mãn khai để chắt một cái chén ăn cơm. Trên hai chục năm trước, tôi có thấy ở giữa châu thành Sóc Trăng gần bờ sông Sở Thủy lợi một hai gốc gạo cổ thụ, không biết nay còn sống không.

Vương quân đưa ra một thuyết để giải nghĩa tiếng trường tiền:

“Sở Công Chánh ngày nay, tục quen gọi “Trường Tiền” có phải là vì bộ Công khi xưa chuyên việc đúc tiền nên nay tên gọi tên làm vậy?”

Thuyết đó có thể đúng. Tôi được nghe một thuyết khác cũng không hoàn toàn vô lý, xin ghi lại đây. Trường Công Chánh Hà Nội là một trong những trường cao đẳng thành lập sớm nhất, chỉ sau trường Y Khoa. Hồi mới đầu các sinh viên toàn là nội trú và ở một ngôi nhà đường Paul Bert tại Hà Nội. Đường này gọi là đường Trường Tiền vì hồi xưa có sở đúc tiền ở gần đó. Nơi nội trú đó do vậy được người Nam gọi là trường Trường Tiền, và các sinh viên Trung Nam ra học thành tài trở về xứ thành các ông Trường Tiền, mà sở các ông ấy làm thành ra Sở Trường Tiền. Ta nên để ý rằng chỉ miền Nam mới gọi Sở Công Chánh là Sở Trường Tiền, còn miền Bắc gọi là Sở Lục Lộ.

Tác giả có ý bảo những nhân, địa danh miền Nam như Võ Tánh, Châu Thới, thì phải đọc theo giọng Nam chứ không được ra giọng Bắc: Vũ Tánh, Chu Thái. Điều đó rất hợp lý. Mượn xe hơi đi chơi núi Châu Thới mà nói là đi chơi núi Chu Thái thì tài xế làm sao hiểu được. Nhưng thế nào cũng có lúc ta phải thống nhất giọng nói Nam Bắc, lúc đó sẽ rắc rối đấy.

Còn tiếng Sài Gòn thì đúng như Vương quân đã nói, cổ nhân thiếu chữ gòn, phải mượn chữ côn thế tạm; vậy côn đó phải đọc là gòn tất nhiên rồi, nếu đọc là côn thì bậy lắm.

\*\*\*

Quả như lời Vương quân nói trong bài tựa: “Coi vậy mà xài được”. “Xài được” bọn kia đấy. Kể ít học như tôi còn thấy là có lẽ xài được gần trọn kia đấy. Chúng ta nên cảm ơn ông đã ghi lại - mặc dầu là hơi hấp tấp trong sự trình bày - vô số tài liệu mà trong mấy chục năm ông đã tốn công đập một chiếc xe máy<sup>5</sup> đi sưu tầm ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, và các vùng lân cận rồi về nhà cân nhắc lựa chọn với một tinh thần trân trọng đáng khen: chỗ nào chưa đủ chứng cứ thì tồn nghi.

Có đọc cuốn *Le Déchiffrement des Écritures* trong đó Ernsts Doblhofer kể cái công tìm tòi, suy luận, trong hàng chục năm của hàng chục nhà bác học để viết lại được một chương ngắn về cổ sử Ai Cập, Ba Tư, hay Mésopotamie... mới thấy được rằng phần ai biết được một tài liệu gì về sử cũng có bốn phận phải chép lại bằng cách nào cũng được, miễn thận trọng và thành tâm là quý rồi. Nếu không vậy thì thực khổ tâm cho những người sau muốn tìm hiểu những người trước...

### Sài Gòn Sau Hiệp Định Geneve Và Hiện Tại Nguyễn Lý Tường

Trước thế kỷ thứ 17, tại Miền Nam đã có các dân tộc Phù Nam, Bôn Man, Chăm, Chân Lạp (chúng ta thường gọi là người Miên hay Khmer) đến khai thác những chỗ đất cao như vùng Trà Vinh, Sóc Trăng, v.v... Đa số phần đất còn lại chưa có người ở là một vùng đất mênh mông, nhiều chỗ còn hoang vu, đồng lầy ngập nước với những cánh rừng tràm và cây đước mọc um tùm, muỗi mòng, rắn rết, cá sấu, cọp beo, thú dữ, đĩa đói... Qua các đợt Nam tiến, các chúa Nguyễn đã quy tụ những người dân có máu phiêu lưu mạo hiểm, có tinh thần tranh đấu, cho đi lập nghiệp ở đất mới. Họ đã phải đối đầu với quân thù, với ma thiêng nước độc, cọp beo thú dữ, cá sấu, rắn rết, muỗi mòng, đĩa đói... Bàn tay của họ đã dựng nên nhà cửa, ruộng vườn, lập thành làng mạc. Trên phần đất vô chủ này, ai có sức mạnh thì làm chủ, ai có công lao khó nhọc thì tạo nên ruộng vườn, nhà cửa, làng mạc.



Thời Hiền vương Nguyễn Phúc Tần (1649-1687) quân đội của chúa Nguyễn rất hùng mạnh, hai danh tướng Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đã đem quân đánh chiếm 7 huyện phía Nam sông Lam của vua Lê chúa Trịnh trong 06 năm và đã đốt cháy 03 chiếc tàu của Hòa Lan do Van Liestvel chỉ huy ở trên biển Đông, chỉ còn một người sống sót chạy về Batavia (Nam Dương), đã làm cho tất cả các nước trong vùng phải kiêng nể. Vua Chân Lạp đã chịu thần phục chúa Nguyễn và triều cống hàng năm. Năm 1692, đầu đời chúa Nguyễn Phúc Chu, toàn bộ lãnh thổ Chiêm Thành đã thuộc về chúa Nguyễn.

Để bảo vệ những nơi có người Việt đến khai khẩn đất hoang, chúa Nguyễn đã cho đóng

quân bên cạnh quân đội Chân Lạp. Tại những vùng đất mới, chúa Nguyễn đã cho tổ chức những lực lượng tự vệ gồm có binh sĩ và gia đình của họ kết hợp với dân đến định cư, lập nghiệp. Họ đã thành lập những làng gọi là “đồn điền”, thời bình thì làm ruộng, khi có chiến tranh thì họ là lực lượng chiến đấu tự vệ. Đó là chính sách “tĩnh vi nông, động vi binh” đã có từ thời Lý, Trần, Lê... ở nước ta.

Lợi dụng lúc chú cháu vua Miên là Nặc Ông Chân và Nặc Ông Đài tranh quyền, chúa Hiền lấy lý do bảo vệ người Việt nên ra lệnh cho Nguyễn Hữu Cảnh đem 3000 quân vào đóng ở Bà Rịa, bắt được Nặc Ông Chân, sau đó tha cho về và bắt phải triều cống nước ta. Sau khi Nặc Ông Chân chết, Nặc Ông Nộn và Nặc Ông Đài tranh nhau ngôi vua. Đài qua cầu viện vua Xiêm (Thái Lan), Nộn thì chạy sang cầu cứu với chúa Nguyễn. Quân chúa Nguyễn đánh Nặc Ông Đài tại Sài Gòn, Đài bỏ chạy qua Nam Vang và chết ở trong rừng. Chúa Nguyễn chia đôi nước Chân Lạp cho Nặc Ông Thu (là con dòng trưởng) làm vua một nửa nước và Nặc Ông Nộn làm vua phần còn lại. Hai vua Miên đều dưới quyền của chúa Nguyễn, hằng năm phải triều cống. Người Miên (Chân Lạp) dần dần suy yếu, cho đến thời chúa Nguyễn Phúc Ánh (1790-1800), thì còn lại 12 thủ lãnh người Miên chiếm cứ 12 vùng chung quanh Gia Định. Trước khi Nguyễn Phúc Ánh thắng Tây Sơn, thống nhất đất nước vào năm 1802, tất cả 12 thủ lãnh người Miên này đã theo về với ông.

Từ thời lập quốc đến thế kỷ thứ 10, biên giới nước ta mới đến Đèo Ngang (Hà Tĩnh sang Quảng Bình). Cuộc Nam tiến thời Lê Thánh Tông (thế kỷ 15,16) quân ta mới đến Đèo Cả (tỉnh Phú Yên). Bảo vệ và phát triển vùng đất mới từ Đèo Ngang trở vào là công lao của Nguyễn Hoàng và con cháu của ông. Cho đến đời Nguyễn Phúc Tần (1649-1687), Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725) thì người Việt mới có mặt ở vùng Đồng Nai, Cửu Long (Miền Nam ngày nay). Diện tích xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn và các vua nhà Nguyễn mở mang còn lớn hơn diện tích nước Việt Nam từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần và Hậu Lê. Nói lên điều đó để thấy rằng việc nhà nước CSVN hiện tại xóa bỏ tên Sài Gòn là phủ nhận công lao của tiền nhân đã ba trăm năm mở mang vùng Đồng Nai - Cửu Long tức Miền Nam nước Việt của chúng ta ngày nay.

Tổ tiên của những người Miền Nam chính là dân Ngũ Quảng vào (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Nam, Quảng Ngãi), những danh tướng như Nguyễn Hữu Cảnh (Quảng Bình), Nguyễn Cư Trinh (Thừa Thiên), Châu Văn Tiếp (Bình Định), Đỗ Thanh Nhân (Thừa Thiên), Nguyễn Văn Thành (Thừa Thiên), Lê Văn Duyệt (Quảng Ngãi), Nguyễn Văn Thoại (tức Thoại Ngọc Hầu, Quảng Nam), v.v...

Sự có mặt của người Hoa (Minh hương) dưới thời các chúa Nguyễn:

Dưới thời chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1649-1687) người Mãn Châu xâm lăng Trung Hoa, lật đổ nhà Minh, lập ra nhà Thanh. Những người trung thành với nhà Minh đã bỏ nước ra đi, đem quân đội và gia đình đến nước ta xin theo chúa Nguyễn. Sách “Đại Nam Thực Lục Tiền Biên” và “Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên” do Quốc Sử Quán nhà Nguyễn biên soạn (ghi chép công nghiệp các chúa và các công thần thời các chúa

Nguyễn) cho biết:

“Vào một ngày tháng Giêng năm Kỷ Mùi (1679) tức năm thứ 31 dưới triều đại chúa Hiền Vương, hai quan phòng giữ cửa biển Tư Hiền (Thừa Thiên) và Đà Nẵng (Quảng Nam) bỗng phát hiện một đoàn chiến thuyền của Trung Quốc kéo đến nước ta. Lệnh cấp báo được ngựa trạm trình về kinh đô Phú Xuân (Huế) và toàn bộ hải quân của xứ Đàng Trong được lệnh phải phòng giữ cửa biển thật nghiêm ngặt. Nhưng đoàn chiến thuyền kia đã dừng lại ở ngoài khơi và một chiếc thuyền nhỏ chở phái đoàn khách đã đáp vào bờ với những lễ vật và tờ tâu trình bày hoàn cảnh của họ: Đó là những quan quân nhà Minh, bị người Mãn Châu (Nhà Thanh) xâm lăng, không chịu khuất phục cường quyền và để tỏ lòng trung thành với nhà Minh nên họ đã bỏ nước ra đi, đến xứ Đàng Trong, xin được phục vụ và thề hứa tuyệt đối trung thành với chúa Nguyễn. Đạo quân thứ nhất do Dương Ngạn Địch (nguyên Tổng binh Long Môn) chỉ huy, với phó tướng Hoàng Tiến. Đạo quân thứ hai do Trần Thượng Xuyên, (nguyên Tổng binh ở Cao Lôi Liêm, tỉnh Quảng Đông) chỉ huy, với phó tướng Trần An Bình. Toàn bộ lực lượng của họ gồm có 50 chiến thuyền với 3.000 binh sĩ và gia đình”.

Chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (tức Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế của nhà Nguyễn), sinh năm 1620, lên nối nghiệp chúa cai trị xứ Đàng Trong từ năm 1648 đến 1687 là người anh hùng đã từng đem quân đánh chiếm 7 huyện phía Nam sông Lam (Nghệ An) của họ Trịnh trong 6 năm và cũng đã tiêu diệt Chiêm Thành và thôn tính đất Chân Lạp, biến xứ Đàng Trong thành một nước giàu có, hùng mạnh vào bậc nhất ở vùng Đông Nam Á thời bấy giờ, uy danh vang dội đến nhà Minh, nhà Thanh bên Trung quốc. Thương nhân người Hoa, Nhật Bản, Mã Lai, Thái Lan (Xiêm La), Phi Luật Tân và các nước Tây Phương như Hòa Lan, Tây ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, v.v... cũng đã vào ra buôn bán ở các cửa biển nước ta, đã làm cho Hội An (Quảng Nam) và các nơi khác ở xứ Đàng Trong trở thành những thành phố thương mại sầm uất.

Được tin cấp báo, Hiền Vương liền triệu tập một cuộc họp tại Huế để bàn về vấn đề này. Các quan trong triều đã nhận định rằng: “Phong tục tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dùng, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nở cự tuyệt” (Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, bản Hán văn, quyển 6 từ 14 b bản dịch của Trần Vinh Anh, Lê Ngọc Bích, Nguyễn Đức Cung, Nguyễn Lý-Tường, nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1974 và Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, bản dịch, Hà Nội, 1962, q.5 trang 125)

Với lập luận trên, triều đình chúa Nguyễn đã có hướng giải quyết là chấp thuận cho họ vào tỵ nạn ở nước ta và được làm dân của chúa Nguyễn, phục vụ xứ Đàng Trong. Tờ trình của các quan tâu lên chúa Nguyễn có đoạn viết như sau: “Nay đất Đông Phố, nước Chân Lạp, đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm. Triều đình chưa rồi mà kinh lý (khai thác, mở mang), chi bằng nhân lấy sức của họ cho đến khai thác để ở, làm một việc mà lợi ba điều” (Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, bản dịch, Hà Nội, 1962, q.5 tr.125). Chúa theo lời bàn, bèn đặt yến tiệc ủy lạo khen thưởng, trao cho quan chức, khiến đến ở đất Đông Phố.

Họ đã được chúa Nguyễn cho vào khai phá vùng Bến Tre, Mỹ Tho, Chợ Lớn, Biên Hòa... ngày nay. Họ lập chợ ở bờ sông, mở sòng bài, tổ chức hành chánh, kiểm tra dân số, thu thuế ruộng, đất, thuế bến đò, thuế buôn bán để nuôi quân và nộp cho chúa Nguyễn. Họ có công dẹp yên các cuộc nổi loạn của người Miên ở trong vùng. Thuyền buôn Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến đến buôn bán, bà con người Hoa nghe tin tìm đến lập nghiệp... đã biến vùng này thành một nơi trù phú. Về sau, phó tướng là Hoàng Tiến nổi loạn giết chủ tướng là Dương Ngạn Địch để tranh quyền. Chúa Nguyễn ra lệnh cho Nguyễn Hữu Cảnh, (Khâm Sai Kinh Lược ở Biên Hòa) đem quân bắt Hoàng Tiến giết đi, rồi đưa sĩ quan người Việt vào chỉ huy lính người Minh, cho lập ra những làng dành cho người Hoa gọi là Minh hương.

Trần Thượng Xuyên, là người có công lớn trong việc bình định nước Chân Lạp, vào sinh ra tử, nhiều trận đánh thắng người Miên, đem lại ổn định cho dân chúng. Sau khi qua đời, dân những nơi ông đã đóng quân trấn nhậm, lập đền thờ để nhớ ơn. Hiện nay tại Biên Hòa và Vĩnh Long đều có đền thờ Trần Thượng Xuyên. Con trai của ông là Trần Đại Định cũng đã phục vụ chúa Nguyễn và được phong làm Tổng binh, là người trung thành, ngay thẳng, lập được nhiều công và cũng được ghi tên vào sử sách.

Mạc Cửu ở Hà Tiên là người Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông, trung thành với nhà Minh, không chịu theo tập tục của nhà Thanh (Mãn Châu), đem gia đình theo đường biển chạy về phương Nam, đến đất Sài Mạt nước Chân Lạp (Kampuchia), chiêu dụ người Hoa, Mã Lai, Nam Dương, Ấn Độ, Chân Lạp (Miên)... đến tụ tập buôn bán, bèn mở sòng bạc kiếm lời; lại gặp được hầm chôn giấu tiền bạc nên chẳng bao lâu trở nên giàu có, bèn bỏ Sài Mạt đi đến xứ Phương Thành, chiêu dụ dân phiêu bạt các nơi đến Phú Quốc, Cần Bột, Giá Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mâu lập được 7 xã. Nghe đồn nơi ấy thường có tiên hiện ra trên sông nên đặt tên là Hà Tiên. Đất này dựa vào núi, dọc theo biển có thể tụ tập buôn bán làm giàu được.

Người nước Xiêm (Thái Lan) thường đến xâm phạm, dân Chân Lạp nghe giặc đến bèn bỏ chạy, Mạc Cửu bắt buộc phải xin hàng tướng Xiêm, được vua Xiêm cho ở tại núi Vạn Tuế. Nhân nước Xiêm có nội biến, ông liền bỏ núi Vạn Tuế về đất Lũng Kỳ, dân phiêu bạt về với ông mỗi ngày một đông. Nhận thấy đất Lũng Kỳ chật hẹp nên ông dời về Phương Thành, dân buôn bán theo về với ông càng ngày càng đông, chẳng mấy chốc đất Phương Thành càng ngày càng phồn thịnh.

Lúc bấy giờ chúa Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725) đang cai trị xứ Đàng Trong, là người văn võ kiêm toàn, tiếng tăm lừng lẫy đến tận nhà Thanh và các nước Đông Nam Á, người Trung Hoa, Nhật Bản và Âu Châu tới buôn bán tấp nập ở các cửa biển, nhất là Hội An. Người Hoa và người Việt tuy khác tiếng nói nhưng cùng chung một văn tự (chữ Hán) nên Mạc Cửu tuy ở xa mà cũng biết rõ tin tức. Nhân có người bạn là Tô Quân, khuyên Mạc Cửu: “Người Chân Lạp tính tình gian xảo, thiếu trung hậu, nên theo về với chúa Nguyễn để vạn nhất có điều gì còn có chỗ nhờ cậy lâu dài”. Mạc Cửu nghe theo. Tháng 8 năm Mậu Tý (1708) tức năm thứ 17 đời chúa Nguyễn Phúc Chu, Mạc Cửu cùng đàn em là

Trương Cầu, Lý Xá mang lễ vật đến Huế yết kiến chúa Nguyễn, dâng đất Hà Tiên. Nguyên đất này là do chính Mạc Cửu khai phá, xây dựng nên. Chúa Nguyễn không nhọc công chinh chiến mà có, lại thấy bọn họ tướng mạo oai hùng, tới lui cung kính và có lòng trung thành bèn thu nhận đất mới này, đặt tên là trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh. Mạc Cửu được chúa Nguyễn ban cho ấn kiếm, cờ hiệu, được quyền cai trị dân trên một dải đất bao gồm vùng Hà Tiên, Châu Đốc, Rạch Giá, Long Xuyên, Cà Mau... ngày nay. Chúa cho mở yến tiệc khoản đãi rồi tiễn chân ra về. Mọi người đều hoan hỷ vui mừng.

Với danh nghĩa quan Tổng Binh của chúa Nguyễn, danh chính ngôn thuận, Mạc Cửu cho xây thành quách, tổ chức quân đội, hành chánh, đặt quan cai trị tại địa phương, xây dựng cơ sở, kiểm tra dân số, chiêu hiền đãi sĩ, đón tiếp nhân tài, tổ chức làng mạc, khai khẩn đất hoang... dân chúng theo về mỗi ngày một đông, chẳng bao lâu Hà Tiên trở thành phố thị phồn hoa, đô hội. Ông mất năm 1735, hưởng thọ 80 tuổi. Ông là người đã đóng góp công lao rất lớn cho việc bình định mở mang vùng Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau ngày nay, được tặng chức Nhai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Võ nghị công, năm 1823 dưới thời vua Minh mạng, ông được phong Thuận Nghĩa Trung Đẳng Thần, cho phép dân xã Mỹ Đức ở Hà Tiên được thờ tự như cũ. Con ông là Mạc Thiên Tứ, một người văn võ song toàn vừa là danh tướng đánh Đông dẹp Bắc, giữ vững giang sơn, mở rộng bờ cõi; vừa là nhà thơ, nhà văn, đã lập ra Chiêu Anh các tiếp đãi nhân tài, có tác phẩm Hà Tiên Thập Vịnh để lại cho đời sau. Khi Tây Sơn nổi lên, chúa Nguyễn bị giết, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh lưu lạc qua Xiêm, bị người Xiêm bắt giam và chết trong tù.

Họ Mạc vì trung thành với nhà Minh, không chịu làm tôi người Mãn Châu (nhà Thanh), đã bỏ nước ra đi đến quy thuận chúa Nguyễn và trải qua nhiều đời trấn giữ vùng biên cương, vào sinh ra tử, mở mang bờ cõi, xây dựng phố chợ, làng mạc làm cho đất Hà Tiên trở nên phồn thịnh. Họ Mạc đã tận trung với chúa Nguyễn, một lòng chết sống với quê hương dân tộc Việt Nam.

Người Hoa đối với nước ta thời đó, tuy ngôn ngữ bất đồng nhưng cùng chung một văn tự (chữ Hán) nên việc giao thiệp giữa họ với ta không khó khăn lắm. Sống ở nước ta một thời gian, họ dần dần hiểu và nói được tiếng Việt, trải qua một hai thế hệ, con cháu của họ đã thực sự trở thành người Việt.

Trong cuộc Nam tiến, người Việt đã không đi sâu vào vùng Rừng Lát (là vùng đất dọc theo quốc lộ I từ Phan Thiết đến Long Khánh ngày nay) theo kiểu tầm ăn dâu, mà lại theo đường biển xâm nhập vùng Bà Rịa, Đồng Nai, Bến Tre, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên...

Sau khi Sài Gòn, Gia Định, Biên Hòa đã thuộc về người Việt thì vùng Rừng Lát đương nhiên là phần lãnh thổ của nước ta. Nhưng mãi cho đến giữa thế kỷ 19, khi người Pháp dòm ngó nước ta thì vùng này mới được khai thác. Đầu thế kỷ 20, khi thực dân Pháp mở

mang quốc lộ I nối liền Sài Gòn với Phan Thiết thì vùng này càng phát triển mạnh nhất là ngành khai thác gỗ và lập các đồn điền cao su, cà phê và trồng cây ăn trái... Sau 1954, dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã đưa dân từ miền Trung và miền Bắc vào và nhất là sau 1975, khi đất nước hòa bình toàn bộ vùng này, từ bờ biển cho đến tận rừng sâu đã tràn ngập người Việt đến định cư, sinh sống. Xin trích dẫn một vài sử liệu chứng minh sự quan trọng của Sài Gòn (Gia Định) đối với dân tộc Việt Nam:

Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ I Kỷ, 1963, trang 113 ghi lại công tác xây thành Gia Định vào năm Canh Tuất (1790) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Ánh như sau:

“Thành đắp theo kiểu bát quái, mở tám cửa, ở giữa là cung điện, bên tả dựng nhà Thái Miếu, phía sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt cục chế tạo, chung quanh là nhà tranh cho quân túc vệ ở. Giữa sân dựng kỳ đài ba tầng, trên làm toà vọng đầu bát giác, ban ngày kéo cờ, ban đêm thì kéo đèn làm hiệu cho các quân. Thành xây xong gọi tên là kinh thành Gia Định... Tám cửa thành đều xây bằng đá ong, phía Nam là cửa Cần Nguyên và cửa Ly Minh, phía Bắc là cửa Khôn Hậu và cửa Khảm Hiềm, phía Đông là cửa Chân Hanh và cửa Cần Chi, phía Tây là cửa Tôn Thuận và cửa Đoài Duyệt. Ngang dọc có tám đường, Đông sang Tây dài 131 trượng 2 thước. Nam sang Bắc cũng thế, cao 13 thước, chân dày 7 trượng 5 thước. Phía ngoài thành là hào, hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, có cầu treo bắc ngang. Chu vi ngoài thành là 794 trượng. Ở ngoài là đường phố chợ búa, dọc ngang la liệt đều có thứ tự. Hai bên đường quan đều trồng cây thích nghi, gọi là đường thiên lý” (chú thích: Toà vọng đầu bát giác là xây theo kiểu bát giác không có mái che. Có mái thì gọi là vọng lâu)

Năm 1822, một phái đoàn Anh Quốc do ông Crawford dẫn đầu có yết kiến Tả Quân Lê Văn Duyệt, Tổng Trấn Gia Định. Trong dịp này, Crawford đã có nhận xét như sau:

“Đây là lần đầu tiên tôi tới Saigon (Sài Gòn) và Pingeh (Bến Nghé). Và tôi bất ngờ thấy rằng nó không thua gì kinh đô nước Xiêm. Về nhiều mặt, trông nó còn sầm uất hơn, không khí mát mẻ hơn, hàng hoá phong phú hơn, giá cả hợp lý hơn và an ninh ở đây rất tốt, hơn nhiều kinh thành mà chúng tôi đã đi qua. Tôi có cảm giác như đây là một vương quốc lý tưởng” (trích Nguyễn Thanh Liêm: Tìm hiểu văn hoá Đồng Nai - Cửu Long, đăng trên Tập san Tìm Hiểu Văn Hoá Đồng Nai - Cửu Long, số 2, trang 31)  
Crawford cũng đã nhận xét về sinh hoạt của thành phố Sài Gòn dưới thời Lê Văn Duyệt, như sau:

“Thành phố Saigon (Sài Gòn) không xa biển, có lẽ cách độ 50 dặm; thành phố Pingeh (Bến Nghé) gần đó cách thành phố Saigon (Sài Gòn) độ 3 dặm. Dinh tổng trấn khá đồ sộ và uy nghiêm. Các thành trì nằm ở bờ sông An Thông Hà. Nơi đây buôn bán sầm uất. Dân xiêu tán tới đây được tổng trấn cho nhập hộ tịch, qua một hai đời đã trở thành người Gia Định. Đông nhất nơi đây là dân Trung Hoa. Các dân tộc nơi đây được nhà nước bảo hộ và họ đều có nghĩa vụ như nhau. Tất cả đều được sống trong bầu không khí an lành.

Trộm cướp không có. Người ăn mày rất hiếm. Tổng trấn rất nhân từ, tha thứ cả bọn giặc, bọn phi, bọn trộm cướp ăn năn. Nhưng ông lại rất tàn bạo với bọn cố tình không chịu quy phục triều đình. Chưa ở đâu kỷ cương phép nước được tôn trọng như ở đây. Một vị quan nhỏ ra đường gheo gải cũng bị cách chức lưu đày. Một đứa con vô lễ chửi mẹ, tổng trấn biết được cũng bị phạt rất nặng.

“Ở đây chúng tôi mua được rất nhiều lúa gạo, ngựa voi, sừng tê giác, các hàng tơ lụa, đủ thật đẹp. Từ các nơi, dân đi thuyền theo các kênh rạch lên bán cho chúng tôi. Nhìn dân chúng hân hoan vui vẻ, chúng tôi biết dân no đủ. Nhiều người rất kính trọng vị tổng trấn của họ.

“Con người này ít học. Nhưng lạ lùng thay là có được cái nhìn cởi mở hơn những đại thần và cả nhà vua học rộng, lâu kinh sử của Khổng Giáo. Ngài sống thanh liêm, muốn mở mang đất Gia Định này trù phú hơn mọi quốc gia khác ở trong vùng Biển Đông” (sđd, trang 32)

Năm 1863, Phạm Phú Thứ đi theo phái đoàn Phan Thanh Giản vào Sài Gòn để đi qua Pháp thương lượng chuộc lại 03 tỉnh miền Đông Nam Kỳ bị Pháp chiếm đóng dưới thời vua Tự Đức. Ông đã có nhận xét về thành phố Sài Gòn vào thời đó như sau:

“Trước dinh soái phủ, bên kia đường đi là nơi làm việc của tham biện (1). Bên tay mặt, cách vài trăm trượng, xây sở xem xét khí hậu (2); bên tay trái là nhà ở của các quan tham tán (3) và lãnh binh. Tiếp theo đó là kho thuốc súng. Cách chừng một dặm, ở phía trước và bên trái là bãi tập bắn súng tay (4). Sau dinh soái phủ, dựng một vọng gác, trên nhọn, dưới vuông, chân rộng vài trượng, cao đến năm thước, rỗng ở giữa và có xây bậc thoải thoải, giống hình kỳ đài. Xa một chút, bên tay mặt và bên tay trái dinh (5) là trụ sở của phủ Tân Bình. Phía Đông Bến Nghé là kho, gồm hơn mười dãy nhà lợp bằng lá “phạn cái” (6), chứa gỗ, sắt cùng mọi vật liệu kèn cang. Kế theo là trại lính và xưởng sửa chữa thuyền sắt và kế theo nữa là kho chứa than đá. Phía Tây Bến Nghé, là nhà ở của các quan bố chính, án sát Tây và nhà ở của sở cảng; ngoài chỗ ở của quân ra, tùy theo vùng đất, người ta chia ra từng khu, nơi này thì xây dựng phố xá, nhà tầng cho những người buôn bán và nơi kia thì vét cửa, đào mương hoặc làm đường, đắp lộ. Các thứ cơ xảo của phương Tây như máy luyện thép, máy xay bột máy điện lòi để truyền tin, đều đã được dùng.” (trích Nhật Ký Đi Tây của Phạm Phú Thứ, bản dịch của Quang Uyển, nhà xuất bản Đà Nẵng, 1999, trang 58)

\* Chú thích: (1) inspecteur des affaires indigènes (2) đài khí tượng (chiêm hậu sở) (3) tham mưu (4) pháo thủ trường (5) tức dinh soái phủ (6) tre hay dừa nước.

Năm 1894 (Thành Thái thứ 6), nhân dịp Toàn quyền De Lanessan về Pháp, Hoàng Cao Khải, đang giữ chức Phụ chính đại thần, Thái tử thiếu bảo, Võ hiền điện đại học sĩ, Khâm sai Bắc Kỳ kinh lược đại sứ tước Diên mật tử, hiệu Thái Xuyên... từ Huế vào Gia Định để trình bản dự thảo thỏa ước... lần đầu tiên được đặt chân lên đất Sài Gòn - Gia Định, đã

phải ngạc nhiên khâm phục sự trù phú, thịnh vượng của miền Nam:

“Đất Gia Định nguyên là đất của bản triều từ thời long hưng (thời dựng nghiệp của nhà Nguyễn), từ ngày thuộc quyền cai trị của nước Pháp, kể đã hơn 30 năm rồi, xe thuyền kéo đến như góp gió, bến đò, đường sá, quán chợ được mở mang mỗi ngày một đẹp đẽ, thấy được sự tươi tốt sầm uất” (trích văn bia của Lê Văn Duyệt do Hoàng Cao Khải lập ngày 1 tháng 8 năm 1894 tức 1 tháng 7 năm Giáp Ngọ, Thành Thái thứ 6, nguyên bản Hán văn, do Nguyễn Lý-Tường dịch ra quốc văn, đăng trong sách Nhà Bè Nước Cháy Chia Hai, 2003, trang 85)

Và đây, tâm tình của một học sinh từ Bắc di cư vào Sài Gòn năm 1954, đã so sánh Sài Gòn với các thành phố lớn của Miền Bắc như sau:

“Tôi vốn là một cậu bé Bắc Kỳ, ngây ngô, theo gia đình vào Nam năm 1954, người lớn gọi đó là cuộc di cư tránh nạn Cộng Sản, còn tôi, với tuổi 12 lúc đó, chỉ đơn thuần cho là một cuộc phiêu lưu hứa hẹn nhiều lý thú. Quê tôi là một làng ngoại ô thành phố Hải Phòng, hàng ngày tôi cuộc bộ khoảng 2 cây số lên tỉnh học, cuộc sống nửa, tỉnh nửa quê đã cho tôi được nhìn những văn minh của đời sống thời đó, nghĩa là không lạ lẫm gì với những máy móc, xe cộ, v.v.... nhưng khi biết được gia đình tôi sẽ di cư vào Nam, lòng tôi vẫn cứ nôn nao khi nghĩ rằng, mai kia tôi sẽ được đến Sài Gòn, lúc đó có mỹ danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông”, mà theo lời của một vị Linh Mục quen với gia đình tôi, đã có dịp ghé qua kể lại, thì Sài Gòn là một thành phố đèn điện sáng suốt đêm, xe taxi, xe xích lô máy chạy như mắc cửi, người bình dân thì có xe buýt, cứ năm mười phút lại có một chuyến, sự đi lại ngày đêm tấp nập. Đúng là nơi phồn hoa đô hội. Ngoài lòng háo hức muốn sớm biết một thành phố nổi tiếng ra, tôi không còn một ý nghĩ nào khác” (Nguyễn Văn Học, tập san Biệt Động Quân số 17, phát hành tại California Hoa Kỳ, tháng 4/2006, trang 10)

Không phải chỉ có thế hệ 1954 mới mơ ước được thấy tận mắt Thành phố Sài Gòn mà ngay sau 1975, biết bao thanh niên, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ở Miền Bắc cũng mơ ước được đi vào Nam một chuyến cho biết Sài Gòn. Người Miền Bắc được đặt chân đến Sài Gòn cũng như được đi ra ngoại quốc vậy!

Trước 1954, mặc dù đất nước đang ở trong tình trạng chiến tranh, nhưng Sài Gòn vẫn như hồi thái bình, không bị Việt Minh phá hoại. Từ 1954 trở về sau, dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng như thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nói chung là dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, Sài Gòn càng phát triển hơn nữa. Nếu kể từ thời các chúa Nguyễn cho đến 1975, trải qua hàng mấy trăm năm với hàng triệu triệu người đã góp công sức mồ hôi và cả xương máu của mình để mở mang, xây dựng Miền Nam, xây dựng Sài Gòn xứng với tên “Hòn Ngọc Viễn Đông”.

Sài Gòn là thành phố quan trọng nhất về kinh tế, văn hoá, chính trị của nước Việt Nam, là thành phố quốc tế, thành phố đa văn hoá gồm đủ mọi sắc dân, mọi ngôn ngữ; là nơi mọi

người được sống hạnh phúc, yên ổn làm ăn, nơi đất lành chim đậu, nơi mọi người mơ ước, tìm đến lập nghiệp... Sài Gòn là trục giao thông quốc tế, đường bộ, đường biển, đường hàng không đều thuận lợi. Trong thế kỷ thứ 18 (năm Canh Tuất, 1790) chúa Nguyễn Phúc Ánh gọi Gia Định là Kinh Thành; trong thế kỷ thứ 19, thời Lê Văn Duyệt làm Tổng Trấn, Sài Gòn được sánh ngang hàng với Bangkok, thủ đô nước Xiêm (Thái Lan), Sài Gòn được gọi là “hòn ngọc Viễn Đông”. Từ 1862 trở đi, sau khi ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ bị quân Pháp chiếm đóng, Sài Gòn đã đi tiên phong trong các cuộc cải cách giáo dục, các phong trào học chữ Quốc Ngữ (thay vì học chữ Hán, chữ Nôm) và viết sách báo, tiểu thuyết bằng tiếng Việt, dịch truyện Tàu bằng chữ Hán ra tiếng Việt... với các nhà trí thức tân học trẻ như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, v.v... trước các cuộc vận động tại miền Trung, miền Bắc hơn nửa thế kỷ! Tờ báo tiếng Việt đầu tiên ra đời tại Sài Gòn (Gia Định báo, 1865) do Trương Vĩnh Ký chủ trương, trước tờ Nam Phong (1917) do Phạm Quỳnh chủ trương tại Hà Nội 52 năm! Sài Gòn là đất mới nhưng đã được xây dựng và phát triển qua nhiều đợt để trở thành một thành phố lớn và quan trọng nhất Việt Nam.

Từ năm 1949, Sài Gòn đã trở thành Thủ Đô của Việt Nam

Năm 1802, sau khi thống nhất đất nước, lên ngôi Hoàng đế, vua Gia Long đã chọn Huế (Phú Xuân) làm Kinh đô của nước Việt Nam. Cuối thế kỷ 19, sau khi thôn tính toàn cõi Việt Nam, người Pháp đã đặt Phủ Toàn Quyền tại Sài Gòn (và một Văn Phòng tại Hà Nội) để cai trị toàn cõi Đông Dương gồm 5 xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao, Cao Mên và Quảng Châu Loan (nhượng địa của Pháp tại Trung Hoa). Từ đó địa vị của Huế lu mờ dần. Năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp tại Đông Dương, vua Bảo Đại tuyên bố độc lập ở trong khối Đại Đông Á của Nhật và xé bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Triều đình Huế đã ký với Pháp trong thế kỷ 19. Nhưng chính phủ Trần Trọng Kim lúc đó chưa kịp củng cố nền độc lập của Việt Nam thì Nhật đã đầu hàng Đồng Minh (8/1945) và Việt Minh (do Hồ Chí Minh lãnh đạo) đã tổ chức cướp chính quyền thành công tại Hà Nội (19/8/1945) và 01 tuần sau đó, vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị (25/8/1945) trao chính quyền cho Việt Minh.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập, ra mắt Tân Chính Phủ và đã chọn Hà Nội làm Thủ đô của Việt Nam. Nhưng chỉ ba tuần sau, quân Pháp đã trở lại thay thế quân Anh tại Sài Gòn, chiếm đóng và thiết lập bộ máy hành chính trên các tỉnh, thành phố Miền Nam, đồng thời tiến dần ra Trung, Bắc... Sau những cuộc thương thảo với Pháp thất bại, Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946). Từ 1947 đến 1949, hầu hết các thành phố, thị trấn Việt Nam đều bị Pháp chiếm đóng và thiết lập chính quyền lâm thời... Trước 1954, Hồ Chí Minh đã phải bỏ Thủ đô Hà Nội, bỏ thành phố, rút toàn bộ lực lượng ra miền quê hoặc vào chiến khu ở vùng rừng núi miền Trung và miền Bắc... Trên thực tế, Hà Nội không còn là thành phố thủ đô nữa.

Hoàn cảnh những người quốc gia, không Cộng Sản lúc đó phải “lưỡng đầu thọ địch”, vừa chống Pháp, vừa chống Cộng Sản, một số chạy theo quân Tưởng Giới Thạch qua Trung

Hoa, một số ở lại và đã bị Việt Minh bắt giam hoặc bị thủ tiêu. Có người theo Việt Minh để chống Pháp (gọi là thành phần kháng chiến) về sau đã bị nhuộm đỏ, trở thành Cộng Sản. Những ai không hợp tác với Việt Minh, chạy về thành phố thì bị mang tiếng Việt gian, theo Tây, chống lại tổ quốc, chống lại đồng bào... Người quốc gia, theo Việt Minh hay theo Pháp đều mất chính nghĩa. Nếu lập chiến khu tự vệ thì trước sau gì cũng sẽ bị tiêu diệt, không chết về tay Cộng Sản thì cũng sẽ chết về tay người Pháp. Chính vì thế mà các tôn giáo và đảng phái quốc gia nghĩ đến giải pháp Bảo Đại. Chỉ có Bảo Đại mới có đủ tư cách đoàn kết các tôn giáo, đảng phái và chỉ có Bảo Đại mới có đủ tư cách đại diện cho Việt Nam nói chuyện với Pháp.

Trong lúc đó, tại Sài Gòn, Bolaert, đại diện cho nước Pháp, kêu gọi những người “không Cộng Sản” trong hàng ngũ kháng chiến trở về hợp tác. Vì thế đại diện các tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ trí thức tại Sài Gòn, Huế, Hà Nội, v.v... đã qua Hồng Kông gặp cựu hoàng Bảo Đại, yêu cầu ông đứng ra vận động Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Với hậu thuẫn này, Bảo Đại đã lên tiếng tranh đấu đòi hỏi Pháp phải trả độc lập cho Việt Nam. Từ 1947 đến 1949, sau gần hai năm vận động ngoại giao, cựu hoàng Bảo Đại đã đạt được nhiều thắng lợi... Từ thông cáo chung ngày 5/6/1948 tại Vịnh Hạ Long đến thỏa ước ngày 8/3/1949, Bảo Đại đã trở thành Quốc Trưởng của nước Việt Nam độc lập, có chính phủ, có quân đội, có nền tài chánh và ngoại giao riêng, được quốc tế thừa nhận. Quân đội Pháp có nhiệm vụ bảo vệ cho chính quyền Việt Nam đang còn mới mẻ, đợi khi nào Việt Nam tổ chức được một Quân Đội hùng mạnh thì Pháp sẽ rút lui. Mỹ đã viện trợ cho quân Pháp tại Đông Dương với danh nghĩa bảo vệ thế giới tự do chống lại sự bành trướng của Cộng Sản. Việt Nam được độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp, xứ Nam Kỳ không còn là xứ thuộc địa của Pháp như trước nữa mà Việt Nam là một quốc gia độc lập, thống nhất với ba miền Trung, Nam, Bắc, mỗi miền có một bộ máy hành chánh do vị Thủ Hiến lãnh đạo trực thuộc Chính Phủ Trung Ương đặt tại Sài Gòn. Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành Sắc Lệnh bổ nhiệm Thủ Tướng và thành phần Chính Phủ. Sài Gòn là Thủ Đô của Quốc Gia Việt Nam.

Sau Hiệp Định Genève (20/7/1954), nhân tài cả nước tập trung vào Sài Gòn

Hiệp định Genève (20/7/1954) nước Việt Nam đã bị chia đôi: Từ vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải thuộc tỉnh Quảng Trị) trở ra Bắc gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà theo chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa (tức Cộng Sản) do Hồ Chí Minh lãnh đạo, đặt thủ đô tại Hà Nội. Từ vĩ tuyến 17 trở về Nam gọi là Việt Nam Cộng Hoà theo chế độ Tự Do (chủ nghĩa Quốc Gia) do Quốc Trưởng Bảo Đại uỷ quyền cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo, đặt thủ đô tại Sài Gòn. Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tranh đấu bắt buộc quân đội Pháp trú đóng tại miền Nam sau Hiệp định Genève phải rút về nước, giành lại chủ quyền cho người quốc gia và thành lập chế độ Cộng Hoà (1955), đối lập với Cộng Sản miền Bắc.

Mặc dù Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam Cộng Hoà (miền Nam) sau Hiệp định Genève (20/7/1954) nhưng từ 1949, Quốc Trưởng Bảo Đại đã chọn Sài Gòn làm Thủ đô của Quốc Gia Việt Nam. Ngoài ra, cũng sau ngày ký kết Hiệp định này, nhân tài của cả nước

đều quy tụ về đây. Cả triệu người đã bỏ nhà cửa, ruộng vườn, tài sản, cơ nghiệp, mồ mả tổ tiên, bỏ cả quê hương xứ sở, bỏ miền Bắc vào Nam tìm tự do, trốn thoát chế độ Cộng Sản Hà Nội. Các nhà trí thức, giáo sư đại học, văn nghệ sĩ, thương gia, nghệ nhân lành nghề, họa sĩ, nhạc sĩ nổi danh... ngay cả những nhà hàng ăn, những đầu bếp giỏi, những món ăn ngon... từ Bắc, Trung, Nam cũng đều tập trung về Sài Gòn...

Vào thời điểm đó, người ta không xem Sài Gòn là nơi dành riêng cho Nam Kỳ lục tỉnh nữa, mà là thủ đô của nước Việt Nam, vì nơi đây đã có mặt hầu hết dân Việt từ khắp mọi miền đất nước tụ hội. Tên Sài Gòn luôn luôn được mọi người nhắc nhở, sử sách ghi chép, nói đến Sài Gòn là nói đến miền Nam, là nói đến lịch sử của dân tộc Việt Nam, là nói đến công lao của hàng triệu triệu người, trải qua hơn ba trăm năm, với biết bao thế hệ đã đổ mồ hôi, xương máu, góp công khai phá miền Đông Nai-Cửu Long, xây dựng và bảo vệ Miền Nam. Vận mệnh của TP Sài Gòn đi liền với vận mệnh của dân tộc Việt Nam.

Hiện nay, Sài Gòn vẫn là thành phố lớn nhất, quan trọng nhất của Việt Nam, là thành phố phát triển, là trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, chính trị của cả nước, là nơi quy tụ nhân tài, là sức mạnh của tuổi trẻ. Sài Gòn đã làm lu mờ vai trò Thủ đô của Hà Nội, là hy vọng của dân tộc, có thể làm thay đổi tương lai của Việt Nam...

## **Nhớ Sài Gòn Ninh Kiều**

Đêm đầu tiên trở về nhà ở Paris, sau mấy tháng ở Sài Gòn, bỗng nửa khuya thức giấc ngồi dậy thảng thốt không biết mình hiện đang ở đâu. Mấy giây sau mới tỉnh hồn, lặng lẽ nằm xuống trần trở đến sáng, hoá ra mình nhớ Gài Gòn.

Nhớ buổi chiều trời đổ mưa, thấy có gánh bánh dứa núp trong một buồng điện thoại không cửa, bên lề đường. Gồng gánh không vào lọt bên trong song chị bán bánh ngồi chồm hóm nửa trong nửa ngoài, cho đỡ ướt. Một Euro hai chục cái bánh dứa, nhỏ bằng ngón út. Dây chuỗi cột bánh thành từng chùm treo lủng lẳng trên đòn gánh. Bút rời ra một đòn, tháo dây, bóc mỗi lá dứa trên đầu bánh hơi trũng xuống rồi xoay mỗi lá theo chiều ngược kim đồng hồ, thế là lộ ra đòn nếp trắng nhỏ xíu, nhai trong miệng, nếp trộn dứa thơm thơm. “Tui núp mà cô cũng thấy”. Thấy chớ, chị bán bánh ơi, thấy từ lâu lắm rồi, nhiều ngày và nhiều đêm, nay mới có dịp dừng lại, đứng dưới tàn cây me có giọt mưa rơi trên tóc theo kẽ lá, để thưởng thức và để thán phục bàn tay nào đó khéo quá, kiên nhẫn quá. Gói nếp bằng tấm lá dứa vàng tươi, quấn tỉ mỉ từng vòng từng vòng một, lớp lang, theo chiều kim đồng hồ. Rồi dần mỗi lá trên đầu bánh hơi trũng xuống để dễ cho người ăn tháo lá.

Nhớ buổi trời súp tối đón chuyên xe buýt cuối cùng ở trạm xe chật hẹp cạnh bùng binh trước cửa chợ Bến Thành, cửa chợ có cái đồng hồ hướng về phương Nam đó mà. Người và xe buýt đan nhau. Chỗ chật cứng, nhỏ xíu mà không thiếu thứ gì. Tôi mua vé buýt, một tập ba chục, hơn 3 Euro một chút cũng ở chỗ đó. Mua cái lược nhỏ, khăn giấy hỉ mũi cũng ở chỗ đó. Đi tiểu có nơi chôn đàng hoàng thì cũng ở chỗ đó. Cứ xuống tại đó rồi đổi

xe buýt để đi đến bất cứ nơi nào mình muốn trong Sài Gòn và luôn cả ngoại ô. Tấm bản đồ đường đi xe buýt cho không cũng ở đó mà hỏi xe buýt nào để đi cũng ở tại đó. Có nhân viên túc trực ngồi sau bàn giấy, đông không thua khách hàng, hỏi đâu chỉ đó như thuộc nằm lòng mọi ngõ ngách của thành phố. Chật như nêm mà từ sau đứng bóng vẫn có chỗ cho chiếc xe đẩy bốc khói từ bốn vun xôi bốn màu khác nhau trụ đó. Ngày nào có dịp đi xe buýt ngang qua cũng thấy xe xôi đứng đó, cũng tại chỗ đó. Xôi đen nếp than thiệt, xôi đỏ có màu đỏ của gấc, xôi đậu có đậu trắng và xôi vàng nhạt hơi giống xôi vò. Hôm ấy đang trả tiền mua mấy gói xôi thì chuyến xe buýt cuối cùng của tôi cũng vừa trờ tới. Vậy rồi sau tiếng kêu thất thanh “công an” không biết từ đâu đến, cậu bán xôi nói với tôi thiếu điều như ra lệnh “Cô đứng yên, đợi đó”. Xôi thì chưa lấy, tiền thì chưa kịp thôi, tôi đứng tần ngần nhìn cậu bán xôi đẩy chiếc xe băng băng ra giữa lộ, ngó dáo dác, quay xe qua quay xe lại, nửa như muốn chạy trốn nửa như muốn nán lại để xem động tĩnh. Xe cộ vẫn xoáy quanh bùng binh không ngừng, tránh chiếc xe xôi như nước chảy tránh hòn đá giữa dòng. Ngập ngừng, do dự giây lát rồi cậu bán xôi mạnh dạn quay xe trở về chỗ cũ và cũng là lúc chuyến xe buýt của tôi sắp chạy. Tôi chỉ còn kịp vồ lấy cái bao nóng hổi đưa vói phóng lên xe buýt qua cánh cửa đang từ từ khép lại. Ngồi yên chỗ rồi tôi mới mở bao để nhìn thấy bốn gói xôi và tiền thối đầy đủ.

Nhớ những ngày ngồi trên xe buýt, nghe Céline Dion hát, nghe nhạc nước ngoài, nghe những bài hát trữ tình xưa và nay, nghe kịch vui, nghe mục gở mỗi tơ lòng, nghe mục giáo dục thanh thiếu niên v.v. Bên ngoài có khi thì mưa như cầm chĩnh mà trút, có khi thì nắng đổ lửa, có khi thì kẹt xe, mà trong xe buýt vẫn mát lạnh, bình yên. Tha hồ cho tôi bấm điện thoại di động, trò chuyện, hẹn hò. Có thể bấm gọi cả tổng đài xe buýt để hỏi đường đi nước bước. Trong 45 phút nếu không kẹt xe, cùng một chuyến buýt mà tôi có thể đi từ quận 7 ở hướng đông-nam Sài Gòn qua tận chợ Bà Chiểu quận Bình Thạnh ở hướng đông-bắc, dọc theo bên cảng Gai Gòn trên đường Nguyễn Tất Thành, xuyên qua quận 4, vào quận 1 bởi đường Nguyễn Thái Học, ghé bùng binh chợ Bến Thành rước khách, qua dinh Thống nhất bằng đường Pasteur, đi ngang qua nhà Văn Hoá Thanh Niên rồi mới đến chợ Tân Định, chợ Phú Nhuận để cuối cùng tôi xuống cái trạm trước cửa nhà thương gần Lăng Ông Bà Chiểu.

Trong khoảng thời ấy, tôi nhìn thấy đường phố Sài Gòn sống như trong phim câm tô màu.

Ở chỗ ngã tư kia, dưới ngay cột đèn xanh đỏ, lúc nào cũng thấy một chị ngồi bảo bấp tươi, bình thân, nhiều thau bấp bảo rồi để dưới chân, hàng đồng bấp tươi ngồi chờ chung quanh.

Có một cô đi xe vespa, tóc xoã dài ngang lưng bay phát phối ven mang tai, áo hai dây hở hai cánh tay đeo găng dài lên tới vai, eo thon, cứ chạy chòn vòn trước xe buýt từ nãy giờ. Khi xe buýt qua mặt xe cô, tôi ngoái đầu nhìn lại để kịp thấy khẩu trang che kín mặt chỉ còn chừa đôi mắt của cô.

Có anh ngồi sau xe gắn máy dang hai tay ôm tấm kiếng rất to, cao khỏi đầu, không còn tay mà vịn.

Có cả nhà đèo nhau trên chiếc xe gắn máy, một cháu ngồi trong lòng bố phía trước, một cháu đứng trên yên sau trong vòng tay mẹ, hai tay để trên vai bố. Tóc cả nhà bay phát phối trong gió !

Có anh đạp xích lô, vừa đạp vừa cúi xuống phía trước nói chuyện với ông khách ngồi cở ra sau, chắc là Tây. Không biết họ nói với nhau bằng thứ tiếng gì. Xích lô càng ngày càng ít thấy, nhiều con đường xích lô không được chạy vào.

Có hai cô đứng đối diện nhau sau cửa kính ra vào khép kín của một hãng bán xe hơi mới, mặc đồng phục, áo trắng, váy xanh da trời. Tôi không kịp nhìn xem hai cô làm gì khi khách đến trước cửa nhưng tôi đoán rằng mỗi cô sẽ mở một cánh cửa, cúi đầu chào mời khách vào. Chắc là suốt ngày như vậy.

Xe đạp ít thấy, xe hơi xe gắn máy thì nhiều nhưng thỉnh thoảng vẫn còn thấy một xe đạp chở lu, lu sành cao cả thước. Chỉ thấy lu là lu, ngất ngưỡng như Kim Tự Tháp thu nhỏ, không còn thấy người.

Đâu cũng có quán giải khát, nhưng ít khi thấy phụ nữ ngồi.

Các cửa hiệu quần áo, bán toàn đồ đầm, loại đi dạ hội, hở ngực, hở vai. Đã có bán thì chắc có người mua. Mua rồi mặc vào thì chắc phải có chỗ để đi. Nhiều cửa hàng quần áo rộng thênh thang mà thấy vắng tanh. Đôi khi tôi lạc vào đó, thế nào cũng có một cô bán hàng thường rất trẻ tiếp đón và hay nói “cô mặc sang lắm”. Chắc là khách hàng thích sang. Mà hề đã sang thì ắt phải đẹp, chắc là vậy.

Nhớ buổi đi buýt lên thăm mộ ở Thủ Đức, bận về đi ngang qua một con đường hai bên có nhà hàng ăn san sát, trước mỗi công nhà hàng có hai hay ba cặp cô dâu chú rể đứng, tôi đếm sơ sơ dễ chừng có đến năm lần một chục cặp. Tôi không còn thấy những đám ma dài lê thê nữa mà lại thấy áo đầm cô dâu tô trắng cả con đường.

Nhớ buổi sáng nọ đi thăm bạn học cũ, thấy gánh tàu hủ trước cửa nhà bạn, mừng như tìm lại được một tấm ảnh cũ có cô bé thắt bím hao hao giống mình. Ăn liền ba bát, nóng hôi hổi, tốn 30 xu.

Sao mình hay nhớ chuyện ăn uống quá vậy, trời !

Có lẽ vì sau những cái vụn vụn đó, một bát tàu hủ nóng có gừng, một đĩa bánh bèo có tép mỡ, một đĩa bột chiên có đập trứng vịt, có cái gì đó thiết tha, gọi thương gọi nhớ với mảnh đất này. Và nhất là sau những cái ấy, hiện hữu không chối cãi được một người nào đó, ăn ít làm nhiều, nắng cũng phải ưa, mưa cũng phải chịu, ngày qua ngày, gồng gánh. Mà lạ lùng thay, những cơ nghiệp xem chừng nhỏ nhoi kia lại dường như tồn tại rất lâu, ít khi phá sản, ít khi bị thụt kết và cũng không phải bù lỗ. Mà những con người gồng gánh suốt đời như vậy có phải vạm vỡ gì cho cam. Họ đứng không quá vai tôi, họ lép kẹp như con tép khô vậy mà họ gánh cái gánh dễ chừng nặng ngàn cân đi bươn bươn. Khi tôi hỏi “anh còn đánh chị nữa không”. Chị trả lời “Đi miết lấy đâu mà đánh”. Đi miết là đi vô Sài Gòn bán tàu hủ, sữa đậu nành. Đó là chuyện chị tàu hủ gần Sở Thú, mấy năm về trước. Một giờ sáng chị thức dậy, đem đậu đã ngâm từ chiều đến chỗ xay, về nấu đến sáu giờ sáng để có mặt ở cái hẻm đối diện sau Sở Thú. Ngày giống ngày. Mỗi khi thấy tôi đứng đợi thì chị gánh bươn bả đi tới, xin lỗi rồi rút. Có hôm, đến ba giờ trưa, tôi vẫn còn thấy chị lẩn quẩn trong khu phố. Tôi tò mò hỏi chuyện đời chị thì chị kể bằng cái giọng miền trung trải trải, không gọn chút oán hờn về người chồng của mình “buồn, uống rượu, đau hoài”. Chị chỉ có một yêu cầu đối với tôi : cô nhớ mua mở hàng dùm.

Lần này về Sài Gòn tôi ở gần khu chế xuất Tân Thuận, vùng đô thị mới thuộc quận 7.

Trước nhà đại lộ sáu xe chạy được, rộng thênh thang. Sáng sáng hàng nghìn công nhân đổ về khu, hàng quán mọc lên như nấm. Ăn sáng gần công vào thì không thiếu món gì :

xôi bắp, bánh cuốn, bún riêu... Quán nhậu khang trang bên này đại lộ, gồng gánh lụp xụp bên kia, ăn đứng, ăn ngồi.

Ở Sài Gòn mấy tháng, tôi làm y như người Sài Gòn. Muốn qua đường là tôi cứ từ từ bước xuống, mắt nhìn thẳng vào xe cộ đang đổ về phía mình, rồi xe cộ né mình hết, rồi cũng bình yên, không sao cả. Có hôm băng qua bùng binh chợ Bến Thành cùng với một anh bạn Việt Kiều, hai đứa nắm tay nhau lúc nào không hay, mười ngón tay đan lại. Vượt xong hiểm nghèo, thả tay nhìn nhau cười... trù.

Rồi tôi cũng như họ, bình thân từ chối những người bán vé số và cả những người ăn xin. Họ đông lắm những người bán vé số. Người ăn xin thì ít hơn trước rất nhiều, không biết họ biến đi đâu.

Rồi tôi cũng phóng lên xe buýt đang chạy rà rà, vừa dọm ngừng đã bắt trốn chạy lại, đặc biệt dành cho khách chưa đến nỗi lụp xụp, như tôi, xui xẻo leo lên xe buýt một mình đúng lúc không có khách xuống xe. Một biện pháp thường được thi hành không nằm trong luật lệ nào nhằm đỡ mất thời giờ cho cả làng. Mà rồi tôi cũng bình an vô sự sau khi có cánh tay mạnh mẽ của cậu bán vé vừa hô to “lên đi, lên đi, chạy”, vừa kéo tôi bay lên mấy bậc thang và đẩy tôi ngồi trên một chỗ trống.

Về chuyện chạy rà rà, có lần tôi đi cáp treo núi Bà Đen, vòng lên bình yên vô sự, vòng xuống tróc một móng chân, ngón giữa thuộc bàn chân mặt vì bước xuống cabin bằng chân trái mà vướng bàn chân còn lại. Dây cáp vẫn kéo cabin chạy, không giảm tốc độ, mà người ta thì vẫn rần rần từ cabin ào lên hay tuột xuống. Bà già, con nít, thanh niên, trong vòng mười giây mà cứ trung bình bốn người một cabin, có khi lên tới sáu, nhảy lên hay tuôn xuống cửa mở toát hai bên hông, không ngừng. Cabin vừa tuôn người xuống bên này thì bóc người lên bên kia. Mỗi bên cửa cabin có một thanh niên mặc đồng phục chực sẵn, trẻ măng, mạnh mẽ xóc nách khách như điệu tù, không cục cựa gì được. Đến nước này thì khách không còn giải pháp nào khác là chui cho nhanh vào cái cabin đứng đưng đầu chòn vòn trước mặt. Chưa kịp hoàn hồn thì khách đã choáng ngợp thấy dưới chân mình là các ngọn cây xanh um cao cả chực thước và xa xa kia là non sông đất nước của mình từ trên cao nhìn xuống. Trở lại chuyện cái móng chân, tôi mới cúi xuống nhìn thấy cái móng chân sơn màu trắng bạc rất xí xọn của mình đang được viền thêm chung quanh màu máu đỏ thì đã có ngay một cô mặc đồng phục rất trẻ, ngồi phủ phục xuống, mở cái gói nhỏ kẹp nách, lấy ra bông gòn, băng keo. Chuyện nhỏ. Nghe nói cáp treo này do Trung Quốc làm. Việt Nam mình rút kinh nghiệm, sau này giao cho Úc làm, ở nhiều nơi đỡ lắm, có giảm tốc độ. Mang theo trên mình một vết thương, đi xa rồi tôi còn ngoái đầu nhìn lại để nhìn thấy trạm cáp treo vẫn đông vui, rần rần, thiên hạ lên xuống. Nhưng không còn tìm thấy đâu người em gái nhỏ đã băng bó cho tôi, có lẽ cô đang ngồi thụp xuống. Chẳng lẽ tróc có một cái móng chân mà đi thưa kiện, tôi đành vui vẻ ra xe đi chơi tiếp, như mọi người.

Sài Gòn có nhiều thay đổi, mỗi lần về tôi đều có thấy song những gánh bán tàu hủ, sữa đậu nành vẫn còn. Không hiểu sao mỗi lần nhớ Sài Gòn, tôi lại nhớ đến chị bán tàu hủ mà tôi quen, nhớ mảnh đời chị. Cũng có lúc tôi nổi máu Don Quichotte, muốn đánh nhau với cánh quạt cối xay gió, nhưng thôi.

Như đêm nay, tôi cứ nhớ hết chuyện này qua chuyện kia, không đầu không đuôi. Không hiểu sao tôi lại nhớ cô bán vé xe buýt, còn trẻ lắm, chắc độ đôi mươi, mặc áo sơ mi màu

xanh da trời nhạt, mặc váy ngắn màu xanh nước biển, mang vớ màu xám đục, bít cả mười ngón chân, một loại đồng phục. Tôi nhớ đến cô vì tôi đã nhờ cô báo cho tôi biết trạm xuống gần chùa Vĩnh Nghiêm mà khi tự tôi thấy mái chùa cong, rồi tự tôi nói to lên nhiều lần về hướng cô “có phải trạm chùa Vĩnh Nghiêm không em”, cô vẫn ngồi yên, quay lưng về phía tôi, làm thinh, không trả lời. Tôi để ý nhiều xe buýt không mấy khi thật đông khách, như chuyến buýt này đã qua mấy trạm rồi không thấy có người lên. Chắc cô không có việc gì làm, ngồi nghỉ rồi quên mất tôi.

Sáng thức dậy sau một đêm trần trọc, tôi mở máy trả lời mail cho cháu gái kêu bằng cô ruột năm nay hai mươi bốn tuổi, vừa tốt nghiệp một trường thương mại, đã qua hai cuộc phỏng vấn với hai hãng nước ngoài để xin việc làm, Hàn Quốc và Đài Loan, bằng tiếng Anh mà hai gò má mọc mụn dày cộm. Đang chờ kết quả. Tôi bắt đầu bằng “Má nhớ Xuân Anh lắm” và kết thúc “Ít bữa má về con chở má đi ăn hàng nữa ghen”.

(Mùa các thánh, 2007)

Năm 1861, khi Sài Gòn lọt vào tay quân Pháp thì con đường này đã có một quá trình dài góp mặt vào sinh hoạt của cư dân địa phương. Nó được biết đến nhiều vì ở đầu con đường, nơi giáp với bờ sông (sông Sài Gòn), từng là nơi vua nhà Nguyễn đến nghỉ ngơi và... tắm (Bến Ngự). Tuy nhiên, từ trước năm 1865, nó cùng 25 con đường khác chỉ mang số thứ tự kế tiếp nhau, từ 1 đến 26. Phải chờ đến ngày 1-2-1865, Đê đốc De La Grandière mới đặt tên cho từng con đường một và con đường số 16 lần đầu tiên mang tên Catinat. Nhiều người không rõ xuất xứ của tên này. Theo một số sử liệu, Catinat là tên một thống chế Pháp sinh năm 1637 và mất năm 1712, phục vụ dưới thời vua Louis XIV. Giữa thế kỷ XIX, Pháp lấy tên Catinat đặt cho một chiếc tàu chiến từng tham gia trận đánh Sài Gòn năm 1859 và dựa vào chi tiết này, De La Grandière đặt cho con đường số 16 tên Catinat (trường hợp tương tự cũng xảy ra với rạch Thị Nghè, được Pháp gọi là Arroyo d’Avalanche).

Một trong những tác giả Pháp đầu tiên là Pallu de la Barrière đã miêu tả con đường số 16 này vào năm 1861 như sau: "Du khách đến Sài Gòn nhìn thấy bên hữu ngạn con sông một loại đường phố mà hai bên bị đứt quãng bởi những khoảng trống lớn. Phần lớn nhà cửa làm bằng cây lợp lá cọ ngắn; số khác ít hơn, làm bằng đá. Mái nhà lợp bằng ngói đỏ làm vui mắt và tạo được cảm giác yên bình...". Tính cách quan trọng của con đường Catinat thể hiện ở chỗ nó được thực dân Pháp sử dụng làm trung tâm của bộ máy thuộc địa. Đầu tiên, vào năm 1863, ở vạt đất nằm giữa hai con đường Mossard và Gouverneur (sau là De La Grandière, Gia Long), họ dựng lên dinh Thủy sư Đê đốc, cơ quan đầu não của thực dân Pháp tại Viễn Đông, gần chiếc đồng hồ lên cái tháp trước dinh, từ đó, quảng đất trống phía trước (nay là khu đất trước mặt tiền Nhà thờ Đức Bà) được gọi là "Quảng trường Đồng hồ" (Place de l’Horloge). Ngày 15-8-1865, tại quảng trường này đã diễn ra một buổi lễ trong thể có duyệt binh do chính De La Grandière chủ trì nhằm tôn vinh Hoàng đế Pháp Napoléon III và Hoàng hậu.

Năm 1864, Nha Giám đốc Nội vụ (Direction de l’ Intérieur), người dân đương thời gọi là

"Dinh Thượng thơ", được xây dựng, nhìn ra đường Catinat, ở phía đối diện dinh Thủy sư Đề đốc. Viên chức lãnh đạo cơ quan này, xét về mặt cai trị, chỉ xếp sau Thống đốc Nam Kỳ, trực tiếp chỉ huy các tham biện Pháp và quan lại Việt Nam hàng Huyện, Phủ, Đốc phủ sứ. Đầu thập niên 1880, ngay trên lộ trình con đường chạy qua, mọc lên ngôi nhà thờ Notre Dame, về sau được cư dân Sài Gòn gọi là Nhà thờ Đức Bà hay Vương cung Thánh đường. Sau lưng nhà thờ là đường Norodom, lấy tên ông hoàng xứ Cambodge (Campuchia) đến thăm Sài Gòn vào đầu năm 1867, nhân cuộc đấu xảo canh nông đầu tiên tổ chức tại đây.

Năm 1886, Pháp khởi công xây trụ sở chính Sở Buu chính và Viễn thông trên khu đất đối diện với mặt tiền nhà thờ, nằm giữa con đường Catinat và đường Paul Blanchy. Cuối đường Catinat, người ta nhìn thấy một tháp nước cao được xây dựng năm 1878 nhằm cung cấp nước uống cho cư dân trong vùng. Tuy nhiên, đến năm 1921, với sự phát triển của dân cư, tháp nước này không còn đáp ứng được yêu cầu nên bị đập bỏ. Ngày 1-1-1900, nhà hát Tây được khánh thành trên giao lộ đường Bonard và Catinat, trở thành nơi biểu diễn thường xuyên của những đoàn hát từ phương Tây đến.

- Nhịp sống trên đường Catinat

Sinh hoạt của đường Catinat vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX được tác giả Nguyễn Liên Phong miêu tả sinh động trong Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca xuất bản tại Sài Gòn năm 1906:

Nhứt là đường Ca-ti-na,  
Hai bên lầu các, phố nhà phân minh.  
Bực thềm lót đá sạch tinh,  
Các cửa hàng bán lịch thanh tốt đều.  
Máy may mây chỗ quá nhiều,  
Các tiệm tủ ghế dập đều (sic) phô trương.  
Đồ sành, đồ cẩn, đồ đương,  
Đồ thêu, đồ chạm trổ thường thiếu chi.  
... Nhà in, nhà thuộc, nhà chà,  
Nhà hàng ăn ngủ với nhà lạc son (xoong).  
... Phong lưu cách điệu ai bằng,  
Đường đi trơn láng, đèn giăng sáng lò.  
Thứ năm, thứ bảy, thứ ba,  
Với đêm chúa nhứt hát nhà hát Tây...

Vào thời kỳ này, đường Catinat là bộ mặt sinh hoạt của cả Sài Gòn, thành phố thuộc địa đầu tiên ở vùng Viễn Đông với sự hiện diện của khoảng 3.000 người Pháp, hơn 3/4 trong số này là sĩ quan và viên chức. Lính Pháp ở trong các bungalow (loại nhà gỗ có hiên rộng) nằm khuất trong những vườn cây xanh. Để tiết kiệm chi phí và tìm sự đông vui hai, ba anh chung nhau tiền mướn một chỗ ở, có sự giúp việc của một anh bồi (boy) bán xú,

đi chợ, giặt giũ, nấu ăn... Sinh hoạt dân sự trên đường Catinat cũng được những người Pháp đương thời miêu tả đúng như Nguyễn Liên Phong. Hai bên đường, các thợ may, thợ đóng giày người Hoa hoạt động khá đông, sau đó đến các cửa hiệu tạp hóa, nơi du khách có thể tìm thấy thức ăn khô, mũ nón hay yên cương... Từ ngày 24-2-1897, đoạn đường Catinat từ phía sau nhà thờ Đức Bà đến tháp nước (nay là Hồ Con Rùa) mang một tên mới là đường Blancsubé. Về sau nữa, khi thành phố được mở rộng hơn, con đường được tiếp tục nối dài đến đường Mayer (sau là Hiền Vương) và khúc cuối này có tên là đường Garçerie.

Tiêu biểu cho sinh hoạt trên đường Catinat vào thời kỳ đầu Pháp thuộc là nhiều cơ sở dịch vụ thương mại được thành lập từ rất sớm. Sớm nhất có thể không đâu hơn Hãng Denis Frère mọc lên ở đầu đường, phía bờ sông, nay là khu vực của Grand Hotel, đối diện với Nhà hàng Majestic phía bên kia đường. Sau Denis Frère là hiệu thuốc Tây đầu tiên của cả Sài Gòn nằm ở góc Catinat và Bonard, khai trương năm 1865, chủ nhân là Lourdeau, sau làm Xã trưởng Sài Gòn (1870). Ít lâu sau, hiệu thuốc được giao lại cho Holbé, tiến sĩ dược khoa, một nhân vật khá nổi tiếng của đất Sài Gòn xưa, từng làm Phó Chủ tịch Phòng Thương mại Sài Gòn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản hạt Nam kỳ (Conseil colonial de la Cochinchine). Holbé từng điều chế ra một loại biệt dược có tên "Gouttes Holbé" dành cho những tay nghiện á phiện cai nghiện. Về sau, nhà thuốc Tây về tay Renoux, rồi Solirène và mang tên vị chủ nhân này trong một thời gian dài, trước khi bị thay thế bởi nhà hàng Givral còn hoạt động đến ngày nay.

- Những nhà hàng nổi tiếng xưa nay

Đề cập đến sinh hoạt của cư dân Sài Gòn trên đường Catinat, không thể không nói đến nhà hàng Continental, tuy sinh sau đẻ muộn hơn (năm 1880), nhưng bề dày lịch sử của nó thì không một cơ sở dịch vụ, thương mại nào sánh kịp. Trong khi nhà hát Tây ở cạnh đó mãi đến ngày 1-1-1900 mới được khánh thành và sinh hoạt diễn ra 4 ngày mỗi tuần thì từ đầu thập niên 1880, nhà hàng - khách sạn Continental là nơi dừng chân của các viên chức, sĩ quan cao cấp chính quốc trên đường công tác xứ thuộc địa, là chỗ tụ hội của những du khách trên đường hành hương sang Đệ Thiên - Đệ Thích của xứ chùa Tháp.

Chủ nhân đầu tiên của Continental là Pierre Cazeau, nhà sản xuất vật liệu xây dựng, sau bán lại cho Công tước De Montpensier. Người ta kể rằng chính vị công tước này là chủ nhân của Lầu Ông Hoàng ở Phan Thiết (nơi chứng kiến tình sử của thi nhân Hàn Mặc Tử và người bạn gái Mộng Cầm). Năm 1930, nhà hàng có chủ mới là Mathieu Francini, người đã điều hành thành công trong một thời gian dài, cho đến ngày quân đội Pháp rút về nước sau thảm bại Điện Biên Phủ.

Tuy nhiên sự nổi tiếng của Continental không xuất phát từ các chủ nhân của nó, mà từ nhiều tình cờ lịch sử diễn ra trên đất Sài Gòn xưa. Trước thế chiến thứ hai (1939-1945), nó từng được đón tiếp hai nhân vật sừng sỏ trong thế giới văn chương là thi hào Ấn Độ Rabindranath Tagore, giải thưởng Nobel văn chương năm 1913 và nhà văn Pháp lừng

danh André Malraux, tác giả của *La condition humaine* (Thân phận con người 1933), sau làm Bộ trưởng Văn hóa Pháp (1959-1969). Trong buổi "giao thời" Pháp đi, Mỹ đến, căn phòng số 214 của khách sạn Continental là nơi "ngự trị" của Graham Greene, người đã thai nghén và cho ra đời quyển tiểu thuyết nổi tiếng *The Quiet American* (Người Mỹ trầm lặng) ngay trong căn phòng này.

Thành tích của Continental không chỉ có thế, cho dù như thế là đã quá đủ để tự hào rồi. Về một lĩnh vực nào đó, như truyền thông chẳng hạn, nó còn tiêu biểu cho cả con đường Catinat. Cụm từ "Radio Catinat" hay "Radio Catinat một đèn" phổ biến trong giới báo chí Sài Gòn đầu thập niên 1950 xuất phát từ chính nhà hàng này. Nó chứng tỏ đây là nơi tụ hội của giới truyền thông nhất là báo giới và từ đó loan truyền đi những tin tức thời sự "nóng" nhất. Sở dĩ có từ một đèn là vì vào những thập niên 1940-1950, hầu hết máy thu thanh còn sử dụng đèn điện tử, ai có máy 2, 3 đèn trở lên là thuộc hạng sang, máy chỉ có một đèn điện tử thuộc về giới bình dân, vì thế từ này mang chút ý nghĩa châm biếm trong đó.

Nhà hàng kỳ cựu sau Continental là Majestic, thành lập năm 1925, nằm ở góc đường Catinat và Luro (sau là Cường Để) nhìn ra bờ sông Sài Gòn, do một thương nhân người Hoa giàu có và nổi tiếng nhất nhì Sài Gòn thời bấy giờ là Hui Bon Hoa (chú Hỏa) xây dựng theo đồ án thiết kế của một kiến trúc sư Pháp. Cạnh khách sạn Majestic là rạp hát cùng tên, ngó mặt ra đường Catinat. Ngược lên phía trên, và những thập niên trước ngày Pháp về nước, những người thuộc lớp trước 70 trở lên không quên hiệu bán đĩa hát Ménestrel, rạp Catinat (nằm trên một con hẻm đâm ra đường Catinat), nhà hàng Brodard... Qua bên kia đường Bonard, cạnh nhà thuốc Tây Soliréne (sau là nhà hàng Givral) là rạp hát Eden, tiệm sách Albert Portail, nhà thuốc Tây Pharmacie de France (sau là La Thành), nhà hàng La Pagodel, cũng từng là nơi gặp gỡ của báo giới Sài Gòn.

Gabrielle M. Vassal, một phụ nữ Pháp có chồng là bác sĩ, mấy tuần sau lễ cưới đã theo chồng sang Việt Nam, đến ở Nha Trang là nơi ông chồng làm việc trong ba năm. Trên lộ trình từ Pháp sang, bà đã dừng chân ở Sài Gòn một thời gian và bằng một nhận xét tinh tế, đã miêu tả nhịp sống Sài Gòn xưa trong quyển ký *Mes trois ans d' Annam* (Ba năm sống ở Việt Nam) do nhà Hachette (Paris) xuất bản năm 1912:

"Người ta nhìn thấy nhiều dân bản xứ đi trên phố. Ngày làm việc kết thúc, họ đi thành từng nhóm trên đường về nhà. Trong số họ, các thầy thông ngôn được phân biệt bởi mái tóc cắt ngắn, chiếc khăn đội đầu xếp nhiều lớp một cách hoàn hảo, quần dài trắng, giày cỏ thấp và vớ ngắn. Các nông dân (nguyên văn: *nhaqués*) mặc áo cánh màu xanh sẫm, có khi vá nhiều chỗ đến nỗi không còn thấy mảnh vải gốc nào nữa, và quần dài trắng. Họ đi một bên lề đường, chân để trần, người này đi sau người kia. Vài người cầm trên tay đôi giày Tàu dành sử dụng trong những dịp đặc biệt, tay kia cầm cây dù giương rộng che trên đầu... Những phụ nữ bản xứ có địa vị cao hơn thì ngồi xe kéo (*pousse - pousse*), người thì quấn khăn bằng lụa mỏng trên đầu, người thì cẩn thận cài chiếc trâm vàng trên búi tóc đen nhánh...

... Chúng tôi ngồi ăn tối trên sân thượng nhà hàng Continental. Dù đã khuya, những bàn ăn chất đầy rượu mạnh và thức uống lạnh vẫn còn đông khách. Con đường (Catinat) im ắng, nhưng đồng thời cũng rất náo nhiệt. Xe kéo chạy thật êm trên những chiếc bánh cao su, người phu xe nện đôi chân trần xuống đất mà không gây ra một tiếng động nhỏ nào..."/.

## **Vương Hồng Sển**

*Đọc Bình Nguyên Lộc, biết me hay mưa các cơ (gocnhin.net số 36). Đọc Vương Hồng Sển, biết thứ mưa đó có tên là “mưa me”.*

*Cây me biết mưa, còn cây điệp thì biết mưa mỗi khi gió dậy! Điệu “mưa nhảy giao liên, ba đào sóng bể (...) nên thơ” của những nhánh cây, gọi thử là mưa điệp.*

*Tác giả Sài Gòn tạp pín lù khiêm tốn viết: “... Mấy hàng lỗ mỗ không cần lưu tâm đến.” Ấy, không đọc sách ông, làm sao biết Sài Gòn có mưa điệp, mưa me.*

(Thu Tứ)

## **Cây lê đường S.G.**

ban đầu (...) trồng xoài, tiện lợi là xoài cho trái, sanh hoa lợi (...) lúc ấy (...) chỉ có xe (...) ngựa (...) trẻ nít ra lộ lượm xoài có thể tránh xe dẽ, sau này xe ô-tô thường cán trẻ lượm vì xe chạy quá mau (...) nên đón xoài, trồng me (vẫn chưa bỏ hoa lợi nhỏ nhặt) nhưng lá me động nước, gọi *mưa me*, tạnh đã lâu mà khách qua đường vẫn ướt đầu ướt áo, bèn thay me và chọn cây dầu, lá lớn, dễ quét hốt, và chọn cây sao, lá bền và gỗ, khi cây lớn nếu đón sẽ dùng làm ván cầu và sườn rui tiện lợi. Cây điệp, bông đỏ rất đẹp, lá rộng dài tua ra hai bên như đuôi phụng, nên cũng gọi cây phượng vĩ, điệp gỗ quá giòn, nhánh thường gãy khi có gió lớn, và nay trồng cây điệp Tây, có khi cũng gọi cây ô môi, và vẫn còn trong vòng lẫn lộn, vì lá nhỏ chứa nước mưa như me, thêm nhiều sâu bọ (...)

Sau (...) 30-4-1975 (...) nhà nước có sáng kiến trồng nhiều cây dầu gió (*eucalyptol*), cây này tiết ra chất dầu thơm nhẹ (...)

(...) đường Đinh Tiên Hoàng, khúc Văn khoa Đại học cũ, hai hàng cây (me) (...) chết khô, sở trồng tĩa sai búa rìu đến chặt hạ (...) hóa ra cảnh hoang vu bơ phờ y như có một luồng gió bão thổi qua (...)

(...) đại lộ nay mang tên ông Tôn Đức Thắng, trước đây (...) cây hai bên lề vẫn trồng điệp ta xen kẽ với điệp Tây, qua mùa trở hoa, bông trở nhúm đỏ liên kề nhúm vàng, và khi có

gió dậy, nhánh cây múa nhảy giao liên, ba đào sóng vỗ (...) cảnh ấy đã mất phần nên thơ, khi có cây nào chết, nay thay thế thấy cây dái ngựa, cây hàm bà lằng bắt chấp mọc thế nào, cũng xong. Cây dái ngựa, gốc to, mau lớn, lá xanh tươi tốt, như sao sến, là cây nên trồng theo lề đường vậy. Mấy hàng lỗ mỗ không cần lưu tâm đến.

*(Vương Hồng Sển, Sài Gòn tạp pín lù, nxb. Hội Nhà Văn, VN, 1992, tr. 67-72)*

+++

## **Bình Nguyên Lộc**

*Đã có nhiều thuyết về nguồn gốc địa danh Sài Gòn. Theo Bình Nguyên Lộc, tất cả những thuyết ấy đều có chỗ không ổn.*

*BNL cho rằng Sài Gòn là từ Sài Gòn, mà Sài Gòn là tên của một vùng trong tỉnh Quảng Đông bên Tàu. Đất Sài Gòn vốn là Gia Định kinh. Khi Gia Định kinh bị Pháp chiếm, người Việt bỏ đi nhiều, người Tàu từ Đê Ngạn (Chợ Lớn) ùa ra ở, đặt lại tên thành phố là Sài Gòn để tưởng nhớ quê hương bên Tàu của một số trong bọn họ.*

*Liệu đây có phải sự thực về cái tên đất này chưa?*

*Nếu quả vậy, thì nó mất đi là đáng!*

(Thu Tứ)

+++

## **Địa danh Sài Gòn**

Ngay từ đầu thế kỷ hai mươi, người Pháp đã nỗ lực để tìm biết nguồn gốc của địa danh Sài Gòn (...)

Vì thiếu tài liệu, tôi không thể trích dẫn tên của nhà học giả tiên phong đó, chỉ biết (...) Ông ấy cho rằng Sài Gòn, người Cao Miên, chủ đất cũ của miền Nam nước Việt, gọi là Prây Nokor. Prây là Rừng, Nokor là Quốc gia. Có thể Sài Gòn do âm của Prây Nokor mà ra chăng? (...) Prây cũng có thể biến thành Sài. Nhưng Nokor có hơi khó biến thành Gòn (...)

Riêng tôi thì tôi thấy giả thuyết này không đứng vững. Tôi biết cơ cấu của ngôn ngữ Cao Miên (...) Ta nói “ba con cá” thì họ nói cá ba con. Theo cơ cấu đó thì “Quốc gia Rừng” phải là “Nokor Prây”, chứ không thể là Prây Nokor được. Mặt khác, người Chăm gọi Sài Gòn của ta là Prây Kor, chứ không hề là Prây Nokor. Prây Kor, cũng cứ là tiếng Cao Miên mà người Chăm vay mượn, có nghĩa là Rừng Bò. Có lẽ xưa kia ở đó người ta nuôi bò nhiều, trong rừng, hoặc là ở đó nhiều bò rừng.

Một ông Tây thứ nhì, cũng biết cơ cấu ngôn ngữ Cam Bu Chia như tôi, xác nhận rằng địa danh phải là Prây Ko, hoặc Prây Kor, chứ không thể nào mà là Prây Nokor được hết. Rừng quốc gia là cái gì? Người Cao Miên xưa đâu có biết khoanh rừng để tạo ra những cái *National Forest* như người Mỹ ngày nay. Nhưng cũng có đưa vào thuyết một điều mới lạ. Ông ấy cho là Ko, hoặc Kor, không phải chỉ có nghĩa là Bò, mà là có nghĩa là cây gòn, một thứ cây có công dụng y hệt như cây gạo của Bắc Việt.

Cambuchia: Ko(r); Lào: Gòn; Phù Nam: Gòn; Nam Kỳ xưa nay: Gòn.

Và ông ấy kết luận rằng Sài Gòn do Prây Kor biến ra. Prây biến ra Sài thì có thể chấp nhận được, nhưng Kor, sao không biến ra Cò, mà biến ra Gòn. Dịch chằng? Khó lòng mà có lý. Nếu dịch, thì dịch cả hai từ, chứ sao lại chỉ lấy âm từ thứ nhứt thôi, còn từ thứ nhì thì lại dịch?

Thế nên thuở ấy các nhà học giả ta mới xía vào, cho rằng xưa kia ta chặt cây gòn ở đó để làm củi chum, mà Củi thì chữ nhỏ là Sài. Thuyết của ta là cố gắng giúp cho thuyết thứ nhì của Tây có lý mà thôi, tức ta dịch cả hai từ, từ đầu Rừng, gượng gọi củi dịch ra chữ nhỏ là Sài, còn từ sau Kor thì dịch ra tiếng Phù Nam là Gòn mà Nam Kỳ vay mượn.

Thiên hạ làm thinh sau thuyết của ta, vì không ai biết phải giải thích cách nào cho ổn hơn hai ông Tây và vài ông Việt nói trên. Nhưng nửa thế kỷ sau, sau năm 1954, thì có Vương Hồng Sển lên tiếng, không phải bằng một bài báo, mà bằng một quyển sách, quyển *Sài Gòn năm xưa*. Cụ Vương bác bỏ ba thuyết không vững trên kia. Theo cụ thì mọi việc xảy ra như sau, và có lấy tài liệu ở bộ sử địa *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức:

Trịnh Hoài Đức viết rằng sau khi Tây Sơn tàn phá thành phố lớn Nông Nại Đại Phố, ở Biên Hòa, thì người Tàu sống sót, trong đó có họ Trịnh, người Tàu lai, chỉ mới lên tám, chạy xuống phía dưới để lập ra một thành phố khác, nay truy ra là thành phố ấy là vùng Chợ Lớn ngày nay. Đa số người Tàu sống sót là người Quảng Đông. Họ đặt tên thành phố mới ấy là Đê Ngạn Thành. Đê Ngạn có nghĩa là “Năm (vững) Bờ sông”. Sông ở đây, chỉ là sông con, trở tả ngạn của con rạch Cầu ông Lãnh, đoạn nằm ở đại lộ Đồng Khánh ngày nay. Người Quảng Đông phát âm Đê Ngạn là Thầy Ngòl, và Thầy Ngòl bị Việt hoá ra là Sài Gòn.

Đây là thuyết hữu lý nhất, so với ba thuyết trên, nhưng mà rồi lại sai, khi ta nghiên ngẫm sâu vấn đề. Những gì mà cụ Vương Hồng Sển nói ra đều đúng cả, chứ không phải là nói liêu, bằng chứng là mãi cho đến ngày nay, người Tàu vẫn tiếp tục gọi Chợ Lớn là Thầy Ngòl, viết ra chữ là Đê Ngạn.

Nhưng tại sao rồi thì địa danh Sài Gòn, đáng lý gì chỉ trở Chợ Lớn thôi, mà lại trở Sài Gòn, chứ không trở Chợ Lớn bao giờ? Đồng hóa chằng vì hai thành phố đó chỉ là một? Không, không có vấn đề đồng hóa. Dưới đây là những gì mà kẻ viết bài này đã thấy vào năm 1928. Xin nhắc lại vài chi tiết về đời sống cá nhân riêng tư của người viết bài.

Cha mẹ tôi làm nghề buôn gỗ. Thế nên từ năm lên bảy (1920) tôi đã được dịp theo cha mẹ để đi chơi Sài Gòn. Nhưng chưa biết rõ Sài Gòn đâu. Mãi cho đến năm 1928 tôi mới rời làng, sống hẳn ở Sài Gòn để theo học Trung học (...)

Vào năm 1928 thì tôi đã lớn xác và biết thật rõ về Sài Gòn. Sài Gòn và Chợ Lớn là hai thành phố khác nhau, cách biệt nhau bằng một vùng đất gần như là hoang vu, bề rộng của vùng đất hoang ấy ước đến sáu miles chớ không phải ít. Sài Gòn chỉ tiến đến cái nơi mà nay là rạp hát Nguyễn Văn Hảo. Đại lộ Trần Hưng Đạo đã có rồi, tên cũ là đại lộ Gallieni. Có đường xe điện nối liền hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn. Từ rạp Nguyễn Văn Hảo (thuở ấy chưa xây cất) đi mãi cho tới chợ Hòa Bình (thuở ấy cũng chưa xây cất) là đồng không mông quạnh, thỉnh thoảng mới thấy một nhà gạch nằm giữa đồng. Trường Trương Vĩnh Ký mà tôi theo học, cũng cho (?) nằm giữa đồng trống mông mông.

Thế thì làm sao mà có sự đồng hóa hai thành phố làm một trước năm đó được, vì trước năm đó hằng trăm năm, Sài Gòn đã được gọi là Sài Gòn rồi, mà khoảng cách thì lại còn xa hơn là vào năm 1928 nữa.

(...)

Sau khi sách của cụ Vương Hồng Sển ra mắt độc giả thì một quyển sách khác được xuất bản, đó là quyển *Lịch sử xứ Đàng Trong* mà tên của tác giả tôi đã quên mất, nhưng còn nhớ khá nhiều những chương sách đó. Tác giả của quyển sử này bác bỏ thuyết Vương Hồng Sển bằng luận cứ sau đây, mà tôi chỉ nhớ đại khái thôi, và đây là nhắc lại chớ không phải là trích sách: Có người cho rằng địa danh Sài Gòn là do địa danh Đê Ngạn, đọc theo Tàu là Thầy Ngòl, biến ra. Nhưng tôi chỉ tin theo tài liệu cổ thôi là sử trào Nguyễn, sử này viết tên của Sài Gòn là Sài Côn vậy Sài Gòn do Sài Côn mà ra.

Thuyết này quá yếu về các điểm sau đây:

A) Nhưng còn Sài Côn thì do cái gì mà ra chớ? Sài Côn, chữ nho có nghĩa là Cây gậy bằng củi? Sao vua chúa ta lại đặt tên một thành phố kỳ khôi đến thế chớ?

B) Sử trào Nguyễn viết dưới thời Tự Đức, trong khi đó thì danh xưng Sài Gòn đã có rồi hằng trăm năm trước Tự Đức. Thế sao dùng Sài Côn thời Tự Đức để làm căn bản được? Còn Sài Gòn đã có rồi trước Tự Đức thì do cái gì mà ra? Ta nên nhớ rằng vua Tự Đức là một ông vua Việt Nam mê Tàu nhất nước. Ông vua ấy không bao giờ cho quan của ông đặt tên một thành phố là “cây gậy bằng củi” đâu, trừ phi tên đó là tên phiên âm mà ông vua ấy đành phải chấp nhận.

Thế thì Sài Côn chỉ là phiên âm của Sài Gòn, chớ không phải Sài Gòn là phiên âm của Sài Côn. Và lại Sài Côn đã có âm Hoa Việt là âm rất quen tai với dân ta, thì dân ta mắc chứng gì mà lại đi phiên âm Sài Côn ra là Sài Gòn?

\*

Ta đành chịu bí (chỉ tạm chịu bí thôi) và còn một điều khó hiểu nữa: Người Tàu gọi Sài Gòn của ta là Xi Cống viết ra chữ thì là Tây Cống. Tây Cống do cái gì mà ra đây? Có phải Sài Gòn bị Hoa hóa thành Xi Cống không? Nhứt định là không, vì Tàu Quảng Đông vẫn có âm Sài, họ không mắc chứng gì biến Sài ra là Xi. Nếu họ không có âm Gòn thì họ cũng gọi Sài Gòn là Sài Cống, mà không bao giờ là Xi Cống cả đâu.

Tôi (...) Sang tới đất Huê Kỳ này thì sự thật mới chịu lòi ra (...)

Trong một quyển sách nhỏ, nhan là *Cantonese Speaking Students* do California State Department of Education xuất bản, soạn giả cho biết rằng trong tỉnh Quảng Đông có đến sáu phương âm khác nhau. Mỗi phương âm ăn khớp vào với một vùng đất của tỉnh ấy, và có một vùng đất kia tên là Sài Gòn (có G cuối). Sách nói trên là sách tiếng Anh, nhưng có chua chữ Tàu. Sài Gòn được chua là Tây Giang. Tây Giang là một con sông khá lớn bắt nguồn từ xứ ta, nhưng chảy lên Quảng Đông đê rồi đổ ra biển, cũng trong tỉnh Quảng Đông.

(...) tôi xin trình ra một thuyết mới, mặc dầu sự phát hiện địa danh Sài Gòn (tên Tàu) cũng đã khá rõ ý nghĩa rồi, khá rõ đối với một số người, nhưng còn chưa rõ đối với đa số. Trước hết xin bác bỏ thuyết Vương Hồng Sển, không theo luận cứ của quyển *Lịch sử xứ Đàng Trong*, mà theo luận cứ khác. Thầy có thể biến thành Sài, nhưng Ngòl biến thành Gòn thật khả nghi (...)

Ta có thể nghĩ rằng Trịnh Hoài Đức không biết hết sự thật. Trịnh Hoài Đức đã thú nhận rằng ông chạy về vùng dưới sau khi Tây Sơn tàn phá vùng Biên Hòa. Nhưng rồi ông không sống với người Tàu, mà theo mẹ, vốn là người Việt, sống riêng ở làng Hòa Hưng (vùng khám Chí Hòa nay) và học với thầy Việt là cụ Võ Trường Toản (...) Năm chạy loạn, họ Trịnh chỉ mới lên tám, chưa biết gì cho thật rõ lắm. Ngày nay, đi từ khám Chí Hòa vào Chợ Lớn, chỉ tốn có một cuộc tắc-xi, nhưng vào (...) năm 1775 (...) thì hoàn toàn không phải như vậy.

Chắc bạn đọc ai cũng biết chợ Trương Minh Giảng, một vùng thương mãi trù mật. Ấy thế mà vào năm 1941 tôi lên đó chơi, để hóng mát, thì nơi đó đồng không mông quạnh. Tôi hỏi một ông cụ nông dân ở đó về đời của ông cụ, ông cụ kể rõ một việc, trong đó có chi tiết sau đây. Từ bé đến lớn, ông cụ chưa hề đi Sài Gòn hay đi Chợ Lớn, vì cái lẽ giản dị là con đường Trương Minh Giảng với cây cầu Trương Minh Giảng chỉ mới có từ cuối năm 1938. Trước đó, không đi đâu được hết. Hòa Hưng còn xa hơn chợ Trương Minh Giảng nữa, thì có thể chú bé Trịnh Hoài Đức chẳng biết gì về Đê Ngạn đâu.

Thuyết của tôi là như thế này. Cái tên đầu tiên mà người Tàu đặt ra cho cái thành phố mà nay ta gọi Chợ Lớn, không phải là Đê Ngạn mà là Sài Gòn. Tại sao họ lại đặt như vậy?

Là tại họ là người Quảng Đông gốc Sài Gòn (bên Tàu). Lối đặt tên đó giúp cho họ nhớ quê hương của họ. Ta lại không đặt tên cho khu Bolsa là Tiểu Sài Gòn hay sao? (...)

Và Đề Ngạn, chỉ là tên thứ nhì do người Quảng Đông đến sau, họ không có gốc Sài Gòn (bên Tàu) nên họ thấy Sài Gòn vô nghĩa, họ phải đặt tên lại vậy. Và họ rất có lý mà đặt tên lại, vì bấy giờ thành phố đó đã phân tỉnh phần nào rồi nên mới mang tên là “Năm Vũng Bờ Sông” chớ thuở mới lập, nó chỉ là vài trăm nếp nhà lá, có năm vũng gì đâu mà đặt là Thầy Ngòl.

Vậy địa danh đầu, bị bỏ mấy chục năm, không dùng tới, đến khi Trịnh Hoài Đức lớn lên thì ông chỉ còn biết Thầy Ngòl (Đề Ngạn) thôi nên không hề nói đến Sài Gòn bao giờ.

Sau đó non một trăm năm thì Pháp chiếm cái nơi mà nay là Sài Gòn, nhưng thuở ấy được gọi là Gia Định kinh, vì Nguyễn Ánh không chắc mình sẽ lấy lại được Huế, nên xây thành ở đó và xem nơi đó là kinh đô của miền Nam, và miền Nam thuở ấy mang tên là xứ Gia Định. Thế rồi người Tàu ở Thầy Ngòl tràn ra đó để hợp tác với Pháp và Pháp đang cần người mà dân ta thì bỏ đi (xin xem tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu, và các bạn sẽ thấy là dân ta bỏ Gia Định kinh mà đi nhiều lắm). Người Tàu tràn ra đó, họ có tật đặt tên, bất kể tên của người bản xứ. Sáng tác thì mất công lắm nên họ cứ lấy tên đầu tiên của Thầy Ngòl là Sài Gòn để gán cho thành phố thứ nhì mà họ tràn tới đông đảo và cũng thành công về sanh kế.

Tới đây thì ta cứ tưởng mọi việc đều xuôi chèo mát mái, vì thuyết này có vẻ ổn hơn thuyết Vương Hồng Sên.

Còn rắc rối ở cái điểm. Thế rồi tại sao Sài Gòn của ta không được Tàu Chợ Lớn gọi là Sài Gòn, mà sao lại gọi là Xi Cống?

Quá dễ hiểu. Khi Tàu ở Thầy Ngòl thành công rồi thì đồng bào của họ hay tin nên lại sang đây từng đợt, mà các đợt sau không đọc Tây Giang là Sài Gòn mà đọc khác, như quyển sách Hoa Kỳ đã cho ta biết khi nãy là ở tỉnh Quảng Đông có sáu phương âm (...) có thể nhóm sang đây đông đảo là cái nhóm đọc hai chữ Tây Giang là Xi Cống.

Nhưng vẫn chưa hết phiền đầu. Nay họ không còn viết ra chữ là Tây Giang nữa, mà là Tây Cống. Tại sao lại thế? Cũng dễ hiểu thôi. Cống là từ đồng âm dị nghĩa của họ. Cống là sông, mà cống cũng lại trở nhiều thứ khác nữa. Đối với người đến sau, không có gốc ở Tây Giang, thì nói về Cống tức là Sông là chuyện vô lý, nhưng nói đến những Cống khác thì hay. Chẳng hạn, đất đó là đất mà người Tây Phương “cống” cho họ để họ nhờ đó mà làm giàu. (Thật ra thì chữ Cống về sau cũng chẳng phải là Cống sứ đâu, và nếu không có biến cố 1975, có thể Cống sẽ bị viết khác nữa, vì có rất nhiều Cống.)

*(Trích từ bài "Nguồn gốc địa danh Sài Gòn",  
đăng trên trang binhnguyenloc.com)*

Lê Văn Đức v.v.

*Lớn lên ở Sài Gòn, ra bờ sông Sài Gòn mua mía ghim ăn hoài, mà giờ mới biết sông nằm ở phía đông của “Hòn ngọc Viễn Đông”!*

*Cái tên Sài Gòn “dầu do tiếng nào phiên âm ra” thì bây giờ cũng đã ra khỏi địa đê đi vào... cổ sử rồi.*

(Thu Tứ)

### **Địa danh Sài Gòn**

(...) gồm hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn nhập một từ năm 1956; đông giáp sông Bến Nghé (tức sông Sài Gòn), tây giáp rạch Lò Gốm, nam giáp kinh Bến Nghé và kinh Tàu Hủ, bắc giáp rạch Thị Nghè; diện tích: 52 cây số vuông; dân số: trên hai triệu người. Có nhiều giả thuyết về nguồn gốc địa danh này: (1) Trước tiên, có tên là Sài Côn, tiếng phiên âm của tiếng *Prei-kor* (rừng cây bông gòn) hoặc của tiếng *Prei-Nokor* (đô lâm, thành lâm hay hoàng lâm), nguyên là tư dinh của Phó vương Cao Mên, thuộc vùng Chợ Lớn, lối chùa Cây Mai. (2) Nơi đây, năm 1778, người Minh hương từ Cù lao Phố (Biên Hòa) rút về, xây bờ gạch cao dọc theo kinh Tàu Hủ để ngăn nước, nên được người Tàu gọi là *Thầy Ngòn* (tức Đê Ngạn); do tiếng *Thầy Ngòn* này, người Pháp phiên âm ra *Saigon*, lại gọi cách sát nhập cả phía Gia Định thành; còn chỗ có tên Sài Côn hay Thầy Ngòn (Đê Ngạn) lại gọi là Chợ Lớn. (3) Thuyết này cho Sài Côn hay Sài Gòn là tiếng phiên âm của chữ *Tây Cung* là vòng thành của Phó vương Cao Mên, đối chiếu với Đông Phố là tư dinh của quan kinh lược Việt Nam. (4) Sài Côn hay Sài Gòn cũng đều là tiếng phiên âm của hai chữ *Tây Cống*, có nghĩa là nơi nhận cống lễ của các đời vua Cao Mên dâng cho vua Việt Nam. Như vậy, dầu do tiếng nào phiên âm ra, Sài Gòn khi xưa là Chợ Lớn ngày nay. Còn Sài Gòn (ý nói chỗ sau này là Sài Gòn) từ năm 1789 tới 1861 là Gia Định thành (...) Tên Sài Gòn có từ năm 1861 là năm Pháp đặt nền hành chánh tại đó để khống chế cả miền Nam. Đến năm 1931, Pháp mới nhập thành phố Chợ Lớn về Sài Gòn và gọi chung là *Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn*; năm 1954, do dự Bảo Đại ngày 30 tháng 5, Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn đổi ra *Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn*; từ năm 1956, do sắc lệnh ngày 22 tháng 10 của Tổng thống (Ngô Đình Diệm), Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn được đổi lại là *Thủ đô Sài Gòn* (...)

(Việt Nam tự điển, Lê Văn Đức cùng một nhóm văn hữu soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1970)

## Những khoảng lặng Sài Gòn

### Nguyễn Thị Hậu

#### Sáng

Buổi sáng cuối năm trời mây mù, hơi lạnh tràn trên các con phố dài xao xác gió. Đi trên những con đường nắng sớm xiên xiên giữa hai hàng cây, vài cánh chim vụt bay từ vòm xanh cao, gác chuông Nhà Thờ như còn vương sương sớm... Dòng xe cộ trên đường giờ đi làm dường như cũng thong thả hơn, không vội vã cuống quýt chen lấn cáu kính như những ngày nắng nóng. Áo lạnh được dịp khoe trên phố: áo gió các màu, không hiếm những chiếc áo khoác dày có mũ trùm đầu, áo len các kiểu: tay dài tay lửng, kín cổ hở cổ... những chiếc khăn quàng nhẹ nhàng như làn mây... Vòm cây như xanh hơn, cao hơn. Những quán cà phê như ấm cúng hơn, người với người cũng như thân quen hơn. Sài Gòn như lạ hơn, đẹp hơn, và dịu dàng hơn.

Chợt nhận thấy khoảng lặng hiem hoi của Sài Gòn năng động. Sống ở Sài Gòn bạn hãy một lần sống chậm để tự mình tìm ra khoảng lặng trong lòng mình và trong lòng thành phố. Bạn sẽ yêu Sài Gòn hơn, thật đấy!

Một ngày nào ở một nơi nào, tôi đã ngồi bên bạn một buổi sáng như thế này. Và ở một góc nhỏ trong tôi, cái buổi sáng se lạnh ấy luôn ấm mãi...

#### Trưa

Vẫn phòng nhìn ra con đường có hai hàng cây dầu cao vút. Đầu mùa mưa vòm lá xanh ngăn ngắt, thi thoảng vút lên một bóng chim nhỏ nhoi... Ngày nắng gắt mà gió vẫn lộng... mùa nắng Sài Gòn đấy: có nắng, có gió nhưng không có cái ngọt ngọt hằm hập như chảo rang của ngày hè Hà Nội.

Cả buổi sáng lu bù công việc ngồi mãi trong phòng, trưa mới bước chân ra hành lang. Sững sờ, một thềm hoa dầu nâu vàng hai cánh xoay xoay trong gió trước khi đậu im trên mặt đất, giữa thảm cỏ xanh, trên mặt hồ bên những cánh bèo nhỏ nhoi xinh xắn. Một làn gió đến, hàng trăm cánh hoa lại nhẹ nhàng điệu luân vũ giữa không trung... Có bữa, trưa ngồi café dưới dàn bông giấy lốm đốm nắng xuyên qua mái lá xanh mượt. Ngoài kia, xe và người dường như cũng chậm lại, tránh đường cho những cánh hoa dầu cuống quýt xa xuống đuổi theo những bông giấy tím đỏ chạy giỡn chơi trên vỉa hè.

Bạn mail về, bảo, thềm được một lần đi giữa phố đưa tay nhặt cánh hoa dầu trên mái tóc ai. Mùa này nơi đó đâu có hoa dầu hai cánh, chong chóng của ngày xưa...

#### Chiều

Đường một chiều. Dòng người xe xuôi chảy. Giờ tan tầm, vội vã tất bật nhưng nhịp sống Sài Gòn dường như vẫn yên ả. Nắng đã dịu làm chiều chậm chậm hơn... Tôi ngồi ở cái bàn quen thuộc thường café một mình vào mỗi chiều như chiều nay, đọc một cái gì đấy, âm thanh hỗn độn của dòng xe chạy không dứt ngoài kia lướt qua, hình như thoáng một tiếng chim hót thật mảnh tựa như sợi nắng cuối chiều vương trên ngọn cây cao...

Cuộc sống cứ trôi đi... Thì vẫn công việc vẫn những mối quan hệ thân sơ trong đời thật trên mạng ảo. Bên dưới cái mặt phẳng đơn điệu của thời gian, ký ức vẫn ảm sâu, bé nhỏ mà sắc nhọn như gai trên thân bụi tầm xuân mọc đầy khu vườn nhà ai mà có lần đi qua tôi đã ước ao được bước vào.

Từng giọt cà phê ngọt và đắng thêm vào buổi chiều. Nhưng vẫn thiếu chút run rẩy lá, chút mơ hồ hương, chút xao xác gió, chút dè dặt nhìn, chút mong manh hơi thở, chút ngập ngừng chạm nhẹ... Vẫn thiếu, chỉ một chút thôi, vì chẳng thể nào quay ngược thời gian được nữa...

## **Tối**

Sáu bảy giờ chiều mới về, nhà mất điện. Con mưa sập xuống, trời đất tối mù mịt. Kiểm được cái đèn pin tìm đốt mấy cây nến. Ngoài kia mưa ào ào như trút mà trong nhà vẫn nóng. Lạ, hề mất điện thì bao giờ cũng có cảm giác như nóng hơn, ngọt ngào hơn, vào giữa ngày đông cũng vậy.

Lắc lư trên cái võng gần cửa sổ. Nghĩ, sao không mở cửa sổ cho mát nhỉ, mưa có tạt một chút cũng có sao đâu. Bèn mở tung cánh cửa... Gió lẫn hơi nước li ti hắt vào mang theo hơi ẩm mát của đất, của mưa tràn vào nhà. Thoang thoang mùi hoa ngọc lan rồi bỗng chốc hương thơm đậm trong căn phòng nhỏ. Nhìn ra, ô, cây ngọc lan trồng dạo nào giờ đã cao ngang cửa sổ. Không thể nhìn thấy những nụ hoa trắng như ngọc trốn trong kẽ lá, thế mà hương thơm cứ quẩn quýt chẳng thềm biết đến những giọt mưa đang ào ào rơi xuống. Hương ngọc lan nồng nàn làm ta muốn hít một hơi căng lồng ngực, để rồi khi ngửi hơi thở vẫn đậm hương thơm... Những ngọn nến chập chờn, mùi nến thơm dịu dàng. Cây nến hình bông hồng gắn trên đế gỗ này là quà sinh nhật của con gái lớn, cây nến trong chiếc ly có hình mèo Kitty xinh xắn là do con gái út mua vì “trông dễ thương quá”, hộp nến có hình những chiếc lá nhỏ là bạn tặng mình vào một lần gặp lại ở nơi xa...

Đêm, một mình, con mưa thơm và chập chờn ánh nến, đôi lúc không rõ tiếng tí tách của mưa hay là của nến. Tự hỏi, đã có lần nào trong đời mình là ngọn nến của riêng ai...?

## **Mưa**

Mưa Sài Gòn ào đến thật nhanh, thật lớn, rửa trôi bụi đường làm tan khói xe. Nhưng rồi bỗng chốc những vòm lá ánh lên tinh khôi trong nắng nhạt khi tạnh mưa, cũng bất ngờ như khi mưa đến. Và mặt trời dịu dàng tạm biệt phố. Sau vài phút dòng người và xe lại tập nập trên đường.

Bạn còn nhớ không, ngày bạn vào Sài Gòn. Tối đầu tiên Sài Gòn đón bạn bằng cơn mưa như muốn sập trời sập đất. Bạn bảo: lạ thật, mới hồi chiều nắng chói chang như thế, gió mát nhẹ như thế, Sài Gòn vẫn “thất thường” thế ư? Minh cười, Sài Gòn đang mùa mưa mà... Đường ào ạt nước, người và xe vẫn ào ạt chạy... Rồi cũng bất ngờ như khi bắt đầu, những hạt mưa nhẹ dần rồi tạnh hẳn. Không khí đầy hơi ẩm, mát lạnh, phố loang loáng nước, những vòm lá trên cao lấp lánh ánh đèn...

Bạn còn nhớ không, lần đầu tiên chúng mình gặp lại sau một thời gian dài xa nhau. Đường như giữa mình và bạn có chút gì như lạ lẫm. Ngồi bên nhau trong quán nhỏ, hơi ẩm bàn tay bạn, hơi ẩm bờ vai bạn, nhờ cơn mưa đã xóa nhòa cảm giác đó... Những cơn mưa Sài Gòn dễ thương biết nhường nào.

## **Nắng**

Tháng Ba ở Sài Gòn không thấy rõ cái rạo rức sinh sôi của “*mùa con ong đi lấy mật, mùa con voi xuống sông uống nước*” như tháng ba Tây Nguyên. Nhưng thoáng đâu đây sức sống bừng lên đỏ rục những chùm bông giấy trên phố ẩn hiện đâu đó trên gương mặt người thiếu nữ rạng ngời, trên đôi vai vũng chãi của chàng trai trẻ. Tháng Ba, mùa nắng đang chậm chậm nhường chỗ cho mùa mưa đến sớm. Nắng còn như tiếc nuối, sau những ngày nhạt nhòa của một mùa đông lạ lùng, tháng Ba này nắng chột bùng lên, gay gắt mà đắm đuối...

Một buổi chiều nào đó nắng vàng sánh như mật, ngồi trên tầng lầu cao nhất thành phố, bạn và tôi ngắm nhìn Sài Gòn của tôi. Sài Gòn không có những con đường nồng nàn hoa sữa, không có những con phố dài hun hút gió heo may, không có những mặt hồ biếc xanh giăng mờ sương sớm. Nhưng Sài Gòn có những con đường trưa nắng vàng hoa điệp, có hàng cây mỗi chiều thả những cánh hoa dầu xoay tí bay bay, có những đêm gió chướng thơm ngào ngạt thổi qua thành phố. Sài Gòn còn có quán cà phê nhỏ nơi chúng ta cùng bạn bè gặp gỡ. Dàn bông giấy vẫn nghiêng nghiêng che mát vỉa hè khắp khảnh từng viên gạch. Cánh hoa tím mỏng manh vẫn nhẹ nhàng đậu xuống bên ta. Những gương mặt lạ quen mỗi ngày dường như không bao giờ cũ, những con người thoát đến thoát đi mà sao bỗng thấy thân thiết lạ lùng...

Mưa Sài Gòn vẫn thế, nắng Sài Gòn vẫn thế, gió Sài Gòn vẫn thế. Chỉ có bạn hình như đã khác...

## **Ngõ hoàng anh**

*Nhiều lần, trên đường đi làm tôi rẽ vào 1 ngõ nhỏ, tránh con đường ào ào như cơn lũ ngoài kia. Ngõ nhỏ ngoằn ngoèo, tính ra xa hơn đi đường chính. Nhờ vậy nó vẫn giữ được nhịp thở bình thản thật đáng yêu. Con đường nhỏ được tráng xi măng bằng phẳng sạch sẽ. Những ngôi biệt thự nhỏ, vài căn nhà phố, một hai ngôi nhà cao tầng nhưng tất cả đều mang vẻ trầm lặng sau những bức tường cũ loang lổ vôi và những cánh cổng sắt tróc sơn mỗi lần đóng mở kêu kin kít. Ngõ yên tĩnh đến mức các số điện thoại quảng cáo dạy kèm học thêm khoan cắt bê tông... cũng buông tha không làm bản những bức tường, dường như không nở làm ngõ vắng giật mình.*

*Chiều về tôi thường đi xe chậm chậm trong ngõ ấy, dưới những bông hoàng anh rục rờ trên nền lá xanh mướt vươn ra từ sau song sắt trên cao. Có buổi trưa nắng thong thả một mình, mắt lơ đãng buông theo ngoằn ngoèo ngõ nhỏ, lòng bỗng bình yên...*

*Ngõ nhỏ còn có giàn bông giấy cành đan nhau rậm rạp, mỗi khi có cơn gió nhẹ thoảng qua bông trắng bông đỏ lại nhẹ nhàng đuối theo nhau. Nhưng, hình như có quá nhiều người đã viết về bông giấy, cả tôi cũng vậy...*

*Không hiểu sao ngõ hoàng anh hay làm tôi nhớ đến những truyện ngắn của A. Sêkhốp, như Ngôi nhà có căn gác nhỏ, Một chuyện đùa, và nhất là Người đàn bà có con chó nhỏ. Dù chẳng có mây may gì giống như trong tưởng tượng của tôi về những câu truyện ấy.*

## **Ta có thể gặp nhau bằng những cách nào?**

Dễ dàng nhất: E-mail

Kế đến: Chát, tin nhắn Y!M

Kế nữa: điện thoại, tin nhắn SMS

Bạn ở đâu kia trái đất, giờ lệch nhau nửa ngày, khi tôi thức dậy chuẩn bị một ngày mới thì bạn vừa qua một ngày mệt mỏi vì công việc. Gõ vội cho nhau vài chữ gửi e-mail, biết rằng bạn sẽ nhận được trước khi chìm vào giấc ngủ sâu không có nổi một giấc mơ. Biết rằng tôi sẽ nhận được trước khi bước ra khỏi nhà chìm trong dòng xe cộ như mưa lũ trên đường thành phố...

Ngày nào cũng thế, cảm giác đủ mà vẫn thiếu... nên thỉnh thoảng bạn và tôi còn gặp nhau trên Y!M, chát chít chỉ một lúc nhưng rồi chào nhau đến vài lần cũng chưa dứt được...

Blog của tôi đều đặn những entry, nhưng hiếm khi bạn có thời gian đọc và comment. Mailbox của tôi đầy tin nhắn nhưng chẳng mấy khi có tin nhắn từ bạn. Blog bạn thì bụi bặm mạng nhện giăng đầy... thỉnh thoảng tôi ghé qua, icon nhắn nhở cười để nhắn bạn ơi bạn hơi đi đâu về nhà...

Rồi hàng tuần bạn gọi về cho tôi. Khi dòng số dài hiện trên điện thoại, dù đang làm gì, đang ở đâu tôi cũng bỏ đấy, hồi hộp chờ giọng nói của bạn, như lần đầu được nghe... Có khi chỉ nói với nhau vài câu, vì bạn bận lắm, vì bạn biết tôi cũng đang bận lắm... nhưng vẫn gọi, chỉ vì muốn được thấy nhau, qua giọng nói ấm áp dành cho nhau...

Có cách nào có thể làm mình gần nhau hơn một chút, mình đều tận dụng.

Nếu một ngày không có NET ta không biết sẽ phải làm sao... Cảm giác cả hai đã chìm nghỉm đâu đó trong biển người hơn 6 tỷ trên trái đất này, mất tiêu, không tăm tích...

Những gì gửi cho nhau qua NET mà ta lưu lại trên máy tính đột nhiên trở nên vô hồn.

Cũng phải thôi. Máy tính cho ta những dòng chữ với kích cỡ, font chữ giống nhau, những Emoticons cười hay mếu, nhí nhảnh hay buồn rầu hay giận dữ giống nhau... Tiện lợi đến mức cảm xúc mà cũng còn có sẵn! Từ ngữ theo đó cũng ngắn gọn, vắn tắt, đầy đủ thông tin, nhưng khô khan, chẳng còn cảm xúc...

Giữa thế giới tràn ngập thông tin bằng những phương tiện hiện đại, thư viết tay với nét chữ quen thuộc gửi qua bưu điện, dù là Chuyển phát nhanh, bây giờ có còn là thói quen của ai không nhỉ?

Chợt nhớ, ngày xưa khi bạn mới xa tôi, hàng tháng trời mới nhận được tin nhau từ những tờ thư mỏng manh. Dòng chữ của bạn, như bạn, hiện diện rất thật bên tôi... Mỗi lần năm hết Tết đến, khi bạn nhận được một tấm thiệp vẽ nhánh mai vàng, cành đào thắm với

phong pháo đỏ và tấm bánh chưng xanh thì dường như bạn còn cảm nhận được hơi ấm từ bàn tay tôi...

Bạn à, Tết này nhất định bạn sẽ nhận được một lá thư như thế!

**Nguyễn Thị Hậu**

### **Cuộc sống ở một nơi nào khác**

**( la vie ailleurs)**

**Nguyễn Văn Lục**

Đặt chân đến Sài Gòn, tôi chỉ có một ý nghĩ là về : về với gia đình. Nhìn lại anh chị em mình còn ở lại. Gặp lại con cháu mình mà từ hơn 30 năm chưa gặp mặt. Đứa chưa gặp thì lạ hoắc. Nhìn nhau mà ngỡ ngàng, mà cười. Tất cả là hơn 60 đứa cháu lớn nhỏ. Tiền lì xì trong dịp tết phải có danh sách lần lượt mỗi nhà. Vui ơi là vui. Nhiều đứa đã lớn cái đầu, đã có dâu rề còn ty nạnh, mè nheo đòi cậu, đòi ông trẻ cho thêm. Thì cũng cho. Đứa gặp lúc thuở nhỏ thì nay cũng đã đứng tuổi hoặc chập chững bước vào tuổi già. Mừng vui lẫn lộn, cười chảy nước mắt. Lúc ra đi, cả một bầy vẫy tay la hét. Cứ nhón nháo cả lên. Ra đi mà lòng không đặng. Cuối cùng cái gì còn lại chỉ còn lại một cuộc nói lại khúc ruột mà nhiều năm nay đứt đoạn.

Phần tôi chỉ mới nói được khúc ruột máu mủ.

Phần còn lại, Việt Nam còn nhiều khúc ruột đứt như thế lắm. Cần phải nói. Trước mặt là khúc ruột 75 của 3 triệu người di tản. Họ về là về gia đình, là thăm quê hương. Những cái khác thì còn cần phải xét lại.. Và chỉ có chân tình may ra mới có cơ hy vọng nối lại những lỗi lầm quá độ. Thống nhất đất nước thì đã xong từ lâu, nhưng thống nhất lòng người thì hẳn là chưa. Và qua chuyện về này, tôi cũng thấy là chưa phải lúc, hay lúc chưa tới.

Như đã nói, tôi chỉ thấy an bình khi về nhà. Ra khỏi cái bầu khí đó tôi có cảm tưởng cuộc sống ở đây như thể một cuộc sống ở nơi nào khác. Cái gì cũng chồn rồn, lạ lẫm và không quen thuộc. Hoặc ló bịch, hoặc vô trách nhiệm, hoặc hỗn loạn xô bồ vô tội chực. Hoặc quen thuộc đến chẳng thấy có gì lạ. Vẫn đường phố ấy, với những sợi giầy trời giăng mắc chằng chịt bừa bãi, những đám đông người nhung nhúc, cứ như phải nhoi lên mà sống, nhoi lên mà thờ như thể lẽ sống còn.

### **Thời gian bất tận**

Ở nơi đây, nơi mà tôi đã lớn lên, đã trưởng thành, tôi có thể đong đếm mỗi năm cuộc đời bằng thời gian ngày, tháng, năm. Bằng thứ hai, thứ ba và thứ bảy, chủ nhật. Có thứ bảy

cuối tuần, có lúc hẹn hò, có lúc dong chơi cuộc đời. Có ngày làm, ngày nghỉ như hai nhịp bước chân, có nhịp đi thì có nhịp nghỉ. Tôi đã mất một cảm giác về thời gian như thế.

Thời gian bây giờ là thời gian miên tục, triền miên đến không còn ý niệm thời gian nữa. Việt Nam, đất nước tôi, Sài Gòn, Hà Nội. Thời gian lúc nào cũng là lúc không giờ. Thời gian chuyển động triền miên cũng là thời gian lúc nào cũng chỉ không giờ. Nó xoay chuyển liên tục, chóng mặt như một vòng xoáy, như một cơn lốc, như một cơn mê. Nó không có lúc nào bắt đầu nên cũng không có lúc nào dứt điểm. Người lao động các khu chế xuất làm từ sáng tới đêm, làm hùng hục, không còn thấy ánh sáng mặt trời. Và nay thì họ đã cất lên tiếng nói bằng đình công. Nhiều chỗ, nhiều nơi ở các khu chế xuất, nhất là Biên Hoà, Long An. Ít lắm đã có gần 20000 ngàn công nhân đình công.. Không làm thì ăn uống suốt từ sáng đến đêm. Lúc nào cũng là ăn, lúc nào cũng là uống và như thế không có công việc gì khác ngoài truyện ăn uống. Sáng trưa chiều tối. Đêm là ngày, ngày là đêm. Thứ hai, tư sáu, thứ bảy chủ nhật. Lúc nào là nghỉ, lúc nào là làm. Xe cộ như mắc cửi như thể không ai làm việc gì, ngoài việc phóng xe ngoài đường.

### **Tiếng động triền miên**

Sáng đêm chiều tối tiếng động không ngưng nghỉ. Mà ngưng nghỉ thì không còn là Hà Nội, Sài Gòn nữa.. Đó là cuộc sống liên tu bất tận. Tôi chỉ thực sự nhận ra Sài Gòn ngưng nghỉ có một lần. Đó là lúc 5, 6 chiều tối 30 tết.. nhưng chỉ độ 9 giờ tối, nó lại rơi vào cơn mê điên cuồng của tiếng Động.

Trong cơn mê điên cuồng của tiếng động, con người đánh mất bản thân mình, không còn là mình. Đó là cuộc vong thân trong tiếng động. Con người không có thì giờ để nghĩ, để yêu thương, để nhìn lại mình. Mất hẳn cuộc sống riêng tư một mình. Tiếng động nay len lỏi vào bất cứ căn ngõ hẻm nào, bất cứ chỗ nào gọi là đường. Cứ chỗ nào không có nhà thì chỗ đó là đường đi, xe cộ chen chúc, lách mà đi và chỗ đó sẽ có tiếng động. Tiếng động trấn áp tất cả. Đến gà không thể gáy, chó không thể sủa. Hết rồi tiếng chim hót trên cành. Hầu như, ngay ở Hà Nội, đường phố còn khá nhiều cây xanh mà tôi cứ tấm tắc khen mãi. Ít ra còn có mảng da trời, ít ra còn có cây xanh hai bên đường phố. Ít ra Hà Nội còn mang vóc dáng con người. Vậy mà tôi cũng chưa hề nghe tiếng hát của loài chim, dù là chim sẻ. Hãy chỉ cho tôi, có con chó nào dám ra đường sủa, hoặc dám tè một bãi, nhất là dám nghênh ngang đứng trước cửa nhà gâu gâu. Chó cụp đuôi, gà tắt tiếng, chim ngừng hót.

Ngay cả những loa thành phố, trong các ngõ hẻm mà trước đây 10 năm còn oang oang sáng, trưa, chiều tối cũng hầu như tắt tiếng. Không ai muốn nghe nữa vì nó cũng thuộc loại tiếng động trấn áp và bạo lực. Họa hiếm còn phải nghe tiếng loa bạo lực ở một vài tỉnh miền Tây. Nay bớt được bạo lực trấn áp của tiếng loa thì được thay thế bằng bạo lực tiếng động.

Cuộc sống trí tuệ và tình cảm con người đã bị khô chồi và tàn lụi vì tiếng động.. Tiếng động phá và làm rối loạn các cơ năng thần kinh não bộ. Người ta không thể tập trung tư tưởng được, không thể học được, không thể nhớ được, nói chi có thể sáng tạo được. Người ta cũng không thể yêu thương được, cùng lắm chỉ làm tình được. Và rồi trong cơn mê diên cuồng của tiếng động, nó sẽ đánh thức tiềm lực của bản năng, của những động lực vô thức, của bản năng sinh tồn, bản năng tình dục. Khi mà con người bị vong thân trong tiếng động thì tất cả cơ chế vận hành của con người sẽ là những bản năng tự tồn. Con người sẽ sống như những loài động vật hay như những bộ máy biết đi, biết ăn, biết ngủ, biết làm, biết kiếm tiền, biết làm tình. Trẻ con hùng hục đi học từ sáng tới tối, tới đêm. Bùng con mắt dạy là học. Học như nhét, như nhồi. Học như tống vào đầu mà đầu óc như một kho chứa. Rồi trí óc sẽ trì độn. Rồi đói thì vọc vào ăn. Ham muốn thì thỏa mãn trong công viên, trong quán cà phê, chỗ tối tăm. Còn người lớn. Các then máy tự động của đời sống sẽ vận hành, điều chỉnh, thúc đẩy con người. Hùng hục làm từ sáng tới đêm, hùng hục kiếm tiền, hùng hục mưu kế, hùng hục gian manh, hùng hục lừa gạt, hùng hục lương thiện mà không đủ sống, hùng hục ăn. Người ta tưởng là làm, nhưng thật ra chỉ là những vận hành cử động của một guồng máy xã hội đẩy người ta đi.

Việt Nam báo hiệu có sự thay đổi và phát triển với tiềm năng và hy vọng lớn. Nhưng nó cũng cảnh báo về một nguy cơ suy sụp toàn bộ giá trị làm người. Nhìn mà cảm thấy ngao ngán và lo ngại. Tình người khan hiếm, bạo lực có thừa, bản năng và thú tính ngự trị, lường gạt và dối trá là món hàng trao đổi. Việt Nam đang sống hay quay trở lại thời kỳ ngự trị của hoang dã, mất khả năng thực hiện làm người. Đó không phải là xã hội người biết tôn trọng pháp luật, biết để cái chung trên cái riêng, biết cho và nhận. Nó không còn là xã hội lý, cũng chẳng phải xã hội tình (Theo sự phân biệt của Paul Ricoeur) mà là xã hội ở thời kỳ hoang dã.

Một đất nước mà tôi xa lạ đến không hiểu được như cuộc sống ở một nơi nào khác. Đó là cái cảm tưởng mà tôi cần phải nhắc lại. Tôi như bị vấp vào một tình cầu nào đó, một cái gì đó mà tôi chưa rõ mặt. Tôi chưa thể hội nhập vào cái dòng chảy sự sống với tiếng động đêm ngày, với tốc độ, với thời gian vô tận, với tương giao con người không còn nữa trong những giao dịch.. Cùng lắm tôi chỉ còn thấy le lói nơi những người khó nghèo, nơi những người cùng khổ. Tôi gần gũi họ hơn, tôi dễ chia sẻ hơn. Xin từ từ để tôi còn có thể nhận ra quê hương mình. Bài viết này, không phải để nói xấu quê hương mình, nhưng muốn bày tỏ những điều tôi đã nghe, đã thấy và đã cảm nghiệm như thế nào với tư cách một người Việt.

### **Đi Hà Nội để tìm lại một phần của đời mình.**

Tôi đã ra Hà Nội và tôi đã thấy gì. Thăm Hà Nội là để tìm lại một phần đời mình, một chút kỷ niệm, một chút mảnh đời tuổi trẻ. Tôi còn nhớ lại trước đây vào những buổi sáng tinh mơ, mặt nước hồ Tây hay còn gọi là Dâm Đàm có nghĩa là đồng sương mù còn mờ hơi sương. Sương la đà mặt đất, phủ nhẹ trên các lá cây một lớp bụi trắng đọng lại thành từng giọt nước. Phải lâu lắm, ánh sáng mặt trời mới làm tan lớp sương mỏng. Trên cao, một

đàn chim sâm cầm lượn đi ăn sáng, chân duỗi thẳng ra đằng sau, thân mình nhọn dài, đâm chéo lên chân trời như trong một bức tranh. Tôi còn là một cậu bé Hà Nội co ro trong chiếc áo len nhiều màu chật đến muốn nứt ra, chân đất chân không tới trường. Hà Nội tôi thế đấy, nghèo mà thân thương. Nhớ từng bụi cỏ, từng tiếng ve sâu, tiếng rao phá xa, tiếng tục tặc, tiếng leng keng của đường tàu điện.

Cái cảnh đó không còn nữa. Cái kỷ niệm đó cũng không còn nữa.

Con đường Cỏ Ngưu, phía tay mặt, nay dựng lên những quán ăn che mắt mặt hồ. Tầm nhìn thu hẹp lại, chỉ còn ngửi thấy mùi thịt nướng từ quán ăn xông ra. Nếu đất nói được, nếu thiên nhiên biết nói tiếng người, nó sẽ nguyên rủa con người. Phía cuối đường là chùa Trấn Quốc nay bị những khối bê tông chần hết tầm nhìn. Sừng sững và trấn áp. Con người cũng chẳng được tôn trọng thì thiên nhiên xá gì.

Chỗ nào cũng quán ăn nhậu. Máy quán nhậu đó là cái bản mắt của thành phố do các quan chức bảo trợ đằng sau. Hà Nội không còn là Hà Nội nữa.

Bờ hồ Hoàn Kiếm thì nay chinh ỉnh việc xây cất một toà nhà lớn của công ty Bru điện. Bệnh xây cất tùy tiện là thứ bệnh dịch lan tràn khắp nơi.( *Maladie de la pierre* ).

Tôi đạp xe xuống phía Giám để về Hà đông vào thăm dinh Hoàng Cao Khải, nơi mà tôi đã từng học nhiều năm với biết bao kỷ niệm. Gần đây là Gò Đống Đa giống như một cái lúm đất mỗi ngày mỗi lùn đi, bị khuất lấp bởi những nhà xây cất phía trước mặt. Hỏi thăm mãi mới tìm ra được. Lên trên, ở phía tay trái, người ta lại tham lam làm một cái cái sân chơi với các cây đu cho trẻ con.. Sân chơi cho trẻ con là cần lắm, tốt lắm. Nhưng phải làm ở chỗ khác, không được đụng đến di tích lịch sử. Nếu đã đụng như thế thì nên dẹp gò Đống Đa đi cho rồi. Còn gì là di tích lịch sử nữa. Dinh Hoàng Cao Khải, thời trước 54, trước mặt là một cái hồ bán nguyệt, rộng mênh mông nay thật đến ngu xuẩn người ta làm hồ nuôi cá. Giữa hồ là cái bè nổi với các thùng phuy có cái bảng đề như sau : *Hồ thả cá. Cắm câu cá, đổ rác.* Công vào dinh thì nay trở thành : *Trụ sở tuần tra nhân dân quận 9.* Dinh này có thể biến thành khu di tích lịch sử nay trở thành hồ câu cá. Lấy cái lợi nhỏ, cục bộ quên cái lợi lớn. Óc tham lam địa phương che mờ cái nghĩa lớn. Buồn thay. Tôi vừa đọc tờ báo Khơi Nguồn, số mới nhất, số 5, có bài của ông Diệu Tần viết như sau :\* *Về kiến trúc cổ, chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột là một trường hợp điển hình có sự mâu thuẫn nặng nề giữa quyền lực chính trị và nhu cầu bảo tồn di sản quốc gia... Nguồn tin mới tiết lộ là khi xây chỗ cho ông Hồ, những người có trách nhiệm muốn phá bỏ ngôi chùa đặc biệt có một không hai trên thế giới cho rộng chỗ, cho vĩ đại hơn.. Rất may là \*chương ngại vật\* vẫn còn trợ trợ, nhưng người ta cho biết chùa nằm vào thế kẹt ngó rất khiêm nhường và thảm bại\*<sup>[1]</sup>*

Vậy mà đi đến đâu cũng nói bảo tồn văn hoá. Cả thành phố Sài Gòn, cứ mỗi công vào các phường khóm đều có cái bảng đề : khu văn hoá..

Trên đường về, tôi nhớ hai toa tàu điện kêu kính keng với cái sào điện trên nóc. Đã không còn nữa. Tôi thử đi tìm hiểu xem, đường tàu điện đã được gỡ bỏ từ năm nào..Tôi kiếm được tờ National geographic, nằm ở xó kẹt tủ sách của tôi, số tháng 11.1989, có bức hình xe điện chiếm toàn hai trang báo. Tôi ngắm đi ngắm lại. Dĩ nhiên nó không đẹp và rách rạc hơn thời 1950. Nhưng tàu điện vẫn còn đó. Nó như một cái mền rách. Nhưng chỉ cần nó còn đó, rách cũng được, sơn quét lại mấy hồi. Lớp vỏ bên hông tàu điện tróc sơn từng mảng, rách nát. Cửa sổ bằng then gỗ cái còn cái mất. Nó chỉ chạy có một toa. Và đằng trước toa, đứng ở bên ngoài, vẫn có một người mặc áo xanh, quần đen, đi dép, đang kéo một sợi giây hay cái gì đó để điều khiển cho tàu điện có thể chạy được. Cái kỷ lục của xe điện thành phố Hà Nội, trong hàng thế kỷ, theo ý nghĩ riêng tư của tôi, có lẽ nó chưa cán chết một người nào, chỉ vì nó đi chậm. Chậm đến độ, tôi có nhảy lên lúc nào tôi muốn và xuống bất cứ chỗ nào để khỏi trả vé. Cách nhảy lên cũng cần kỹ thuật lắm, phải chạy nhanh theo hướng xe điện, rồi thuận đà nhảy lên. Xuống cũng vậy, nếu không thì ngã dập mặt. Tôi đếm được tất cả hơn 20 chục chiếc xe đạp đi ngược đi xuôi chung quanh xe điện, sắp queo.. Chắc là Ngã Giám. Trong đó chỉ có một xe Honda.

Sau 14 năm thống nhất, qua chiếc tàu điện.. Hà Nội vẫn như một chiếc mền rách. Nghèo nàn và lạc hậu.

Vậy mà đến hôm nay, sau 16 năm, tôi về lại nó đã khác nhiều rồi. Xe máy chiếm trọn vẹn đường phố. Xe đạp hầu như rất hiếm. Nhờ có tôi và một người bạn mà Hà Nội có thêm được hai người đi xe đạp.

Chúng tôi thích thú và vui lại cái hồn nhiên tuổi trẻ. Mỗi lần lạc nhau, đứng chờ, sợ xanh mặt. Tôi cảm thấy mình trẻ ra như một người thanh niên hồi còn xanh tóc. Vui và phơi phới. Hai đứa đạp không biết mệt. Vừa đạp vừa ngó nhìn sợ lạc nhau. Có lẽ đây là những giây phút tôi cảm thấy đẹp nhất khi ở Hà Nội. Nhớ mãi. Sài Gòn thì không thể có những giây phút thư giãn bằng xe đạp được. Mỗi đoạn tôi lại dừng xe hỏi đường.

Hà Nội chỉ có hai nơi có thể hấp dẫn khách du lịch là khu phố cổ và đường tàu điện. Bỏ đường tàu điện là mất một nửa. Tàu điện làm nghẽn tắc lưu thông thì ta làm xe điện ngầm. Lấy nguồn lợi tức từ di tích lịch sử đường tàu điện để bù khuyết vào. Ai đến San Francisco cũng bắt buộc phải đi thăm cầu Golden Gate và đoàn xe điện. Đường có ùn tắc giao thông thì ta giải tỏa. Du lịch là nguồn vốn sẽ thu lại sau.

May mắn là khu phố đối diện nhà thờ cửa Bắc, xưa gọi là thành cổ Hà Nội, Bắc môn còn giữ lại được hai vết tích vết đạn đại bác của quân đội Pháp bắn vào thành Hà Nội. Dưới đó có ghi: thành cổ Hà Nội, Bắc môn 25 tháng tư, năm 1882. *Bombardet de la citadelle par les canonières surprise et fanfare*. Chỉ có hai lỗ đạn thị uy đủ làm khiếp đảm quân lính trong thành. Thật ra đạn đó có giết ai đâu. Dọc con đường Hoàng Diệu hay Nguyễn Tri Phương, trùng trùng điệp điệp, nay là dinh cơ của hàng trăm các cấp lãnh đạo lớn nhỏ, tướng lãnh..Đây là những đền đài dinh thự của các vua chúa mới thời Cộng Sản và có thể

nói ước mơ cuối đời của giai cấp lãnh đạo chỉ gồm có hai điều : Sống ở nơi đây trong các dinh cơ đồ sộ và tráng lệ, chết thì lưu danh với tên tuổi trên đường phố.

Tôi cũng thấy thiếu cái thi vị Hà Nội mà mỗi buổi sáng tinh mơ, từng đoàn người lũ lượt từ hướng làng Ngọc Hà, phía sau vườn Bách thảo, làng Nghi Tàm, khu vực cạnh Hồ Tây quang gánh những tinh hoa của trời đất với những bông hồng, bông sen trắng đỏ, những cụm sỏi bông trắng lá xanh, rồi những cành mai vàng, cụm quất đem vào thành phố. Ngược chiều là những người đi đồ thùng phân đi ra khỏi thành phố.

Hà Nội nay như thiếu vắng một cái gì xác lập nó là Hà Nội. Hàng Đào chẳng cần lụa nữa và hàng Bạc nay cũng chẳng cần vàng nữa.

### **Hà Nội với chả cá Lã Vọng.**

Như mọi người, tôi đã đến ăn chả cá Lã Vọng. Và đây là lần đầu tiên tôi ăn chả cá ấy. Thời tuổi trẻ có muốn ăn cũng không có tiền. Điều đó cho thấy rằng Chả cá Lã Vọng thời xa xưa là một món ăn xa xỉ phẩm, không phải ai muốn ăn cũng được. Năm thế hệ gia đình chả cá Lã Vọng đã đi qua rồi, kể từ năm 1871. Cái gì còn lại và cái gì không còn lại trong tiệm chả cá ấy. Người đã thay đổi, nhiều thế hệ người đã dội nón ra đi, nhưng huyết thống vẫn còn đó. Nó giống như tiệm trồng răng Minh Sinh Hà Nội, thời năm 1950. Đã hơn nửa thế kỷ mà nó vẫn còn đó. Nay đổi là Sinh Sinh. Tôi đã vui mừng vào tiệm để hỏi gốc gác.. Nay là một nha sĩ, con trai của bà vợ hai của ông Minh Sinh đứng làm chủ, ở số 172 Hàng Bông. Vẫn Chuyên khoa răng giả. Nay thì có thêm có thể gắn kim cương, nắn chỉnh hàm, vẩu, ngược, lệch lạc.. Điều mà thế hệ trước không làm được. Cũng vậy, hiệu thuốc cam Hàng Bạc thời 45 nay vẫn còn đó. Vẫn quảng cáo, đây là đời thứ ba. Thuốc cam chuyên trị trẻ em biếng ăn, biếng ngủ, gầy, xanh xao và hay ra mồ hôi trộm. Vẫn cao dán chữa nhọt mụn như trước. Gần như không có gì thay đổi, không thêm cũng không bớt.

Phần quán chả cá vẫn với căn nhà lụp xụp, cầu thang gỗ hẹp và ọp ẹp là có ý để như vậy, để câu khách hay chỉ là vô tình. Nhưng nó cho tôi có cảm tưởng là mọi sự vẫn như thế, không có gì thay đổi. Cái tòi tàn, cái dơ bẩn một chút, cái vớt bừa bãi giấy chùi miệng dưới sàn nhà cái nhếch nhác chỗ này chỗ kia, cái bức tường loang lổ không trang trí. Cái đó là như thế, là cố ý, là giữ gìn bản sắc hay là một nếp sống thiếu văn hóa. Có cái gì là cội nguồn, có thể trong cách pha nước mắm tô chanh, nhưng nó cũng chỉ cho thấy cái lụp sà lụp sụp. Vẫn địa chỉ ấy, 14 phố chả cá. Hơn 100 năm. Ăn xong vội vã cấp đít ra về, ăn không cầu no. No thì tốn tiền. Cái cảm giác là nó vẫn thế. Vẫn như thế mãi, thách đố với thời gian và mọi sự thay đổi chung quanh. Vẫn căn nhà đó, chỗ ngồi đó, cảnh đó, cá đó, vẫn mắm tôm chanh đó, những bàn, những ghế. Nó chả có gì thay đổi. Chỉ có thể giá cả lên vùn vụt.

Hà Nội như thế, phải chăng có thể thu gọn trong đĩa chả cá Lã Vọng, trong miếng ngon, miếng bù đi vào văn học với Nguyễn Tuân, trong cái nghèo nàn lẫn chút bản thủ dơ dáy,

là niềm hy vọng và hãnh diện của hàng trăm năm nay, mặc cho thời thế biến thiên thay đổi. Dù gì thì Hà Nội cũng hãnh diện về hàng chả cá .

Đã có nhiều những nhân vật nổi tiếng thế giới đã từng ghé qua nhà hàng này. Và như thế kể là quá đủ cho một chủ tiệm. Vừa làm kinh tế kiếm lời, vừa tác động nhiều mặt đến người cái nhìn của người ngoại quốc khi viếng thăm VN.

Chỉ có một điều tôi không nhớ là chẳng biết ngoài cửa có đặt tượng ông Lã Vọng, tay xách một cần câu và một xâu cá không.. Và cũng không biết xâu cá của ông là xâu cá gì. Vì chả cá Lã Vọng phải chọn một loại cá riêng, gọi là cá lăng, phải tươi và mua ở các miền biển.

Dù sao sự cầu kỳ, khó tính một chút cũng làm cho món chả cá trở thành món ăn Văn hoá, truyền thống của Hà Nội. Hay dở gì cũng phải đến ăn một lần.

Hà Nội chuyển mình.

Nếu mừng tượng trong tương lai Hà Nội sẽ có gì thay đổi.

Hãy bắt đầu bằng sông Hồng.

Khúc ruột già của Hà Nội. Tôi tự hỏi như thế và nghĩ rằng một ngày nào đó, rất có thể, chúng ta có thể sẽ đi bộ qua sông Hồng Hà. Chiều chiều chúng ta sẽ đi bộ dắt người yêu qua sông. Nước sẽ cạn kiệt vì sự khai thác các đập nước trên thượng nguồn với các nhà máy thủy điện. Không cần cầu. Vì sông không còn nước. Dòng dòng tưởng muôn đời lại hoá ra lại là nạn nhân đầu tiên bị biến chất trong nền kinh tế kích cầu.

Hết rồi những câu truyện của dòng sông.

Câu truyện *Anh Phải sống* của Khái Hưng dần đi vào câu chuyện huyền thoại dân gian. Câu truyện dòng sông thì thâm kể lại lịch sử cuộc đời của mỗi đời người với biết bao điều bí ẩn sẽ không còn nữa. Miền Bắc với Hà Nội mà thời xưa ta gọi là Kẻ Chợ, nơi mà mùa xuân năm ấy, Lý công Uẩn cùng với đại sư Vạn Hạnh, vị cố vấn của vua đã tự tay viết chiếu dời đô, chọn thành Đại La Hà Nội làm đô thành của nước ta, chọn thành \* *Đại La như một trung tâm bờ cõi đất nước, ở cái thế rồng cuộn hổ ngồi, vị trí ở giữa bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc.. tiện hình thế núi sông sau trước. Ở địa thế rộng mà bằng phẳng, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất phong phú tốt tươi.. Thật là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi đô thành bậc nhất của Đế Vương...Bệ hạ vì thiên hạ lập kế lâu dài, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế ai dám không theo* \* ( Đại Việt sử ký toàn thư ).

Bài chiếu dời đô ở thế kỷ thứ 11 nay nghe như còn vang vọng đâu đây. Cả cái nền văn minh sông Hồng được dựng lên, được hình thành và phát triển cho đến nay dựa trên cái

bài chiếu khôn ngoan, với cái nhìn xa trông rộng của Lý Công Uẩn và vị cố vấn Đại sư Vạn Hạnh. Một quyết định khôn ngoan, dựa trên cái thế sông núi đã tạo dần ra cái cơ ngơi của nền Văn Minh sông Hồng. Thản hoặc không có quyết định đó thì lịch sử miền đồng bằng sông Hồng đã hẳn là khác? Và nay sông Hồng cạn kiệt thì sẽ ra sao.

Thủ đô Hà Nội nằm gói đầu trên bờ đê sông Hồng, giắt ngang bằng một giải yếm là cầu Paul Doumer. Sông đó, cầu đó, biểu tượng cho sức mạnh của người Pháp. Nay đã không còn như thế nữa. Thời đó, người ta không khỏi thở dài thán phục : Les Francais font tout ce qu'ils veulent ( Người Pháp làm được bất cứ cái gì họ muốn ). Ai cũng nghĩ rằng, thật vô vọng để xây một cây cầu như vậy. Dòng sông Hồng, đúng như Pierre Gourou nhận xét ở trên: Đó là dòng nước đầy bất trắc và rủi ro. Nhưng nói như Gourou còn có vẻ văn chương quá. Thực tế, lòng sông Hồng về mùa khô, nước cạn, có nơi bề ngang chỉ còn 5,6 thước tây. Nhưng đến mùa nước lũ, khoảng tháng bảy trở đi, nước dâng cao ngập ngập bờ đê, diện tích lòng sông nay là 1980 thước. Từ 5 thước đến gần 2000 thước.. Dòng sông hiền lành bỗng chốc trở thành hung hãn, hoang dã. Chỉ tưởng tượng ra thôi cũng thấy đáng sợ rồi. Đứng trên bờ đê mùa lũ, nhìn nước chảy phẳng phẳng , cuốn theo bất cứ cái gì: đất phù sa màu đỏ gạch như hàng nghìn chiếc xe tải chở đất, cuốn theo nó nào cành cây, củi khô, củi mục, rác rưởi, bè lục bình và nếu cần cả xác người trôi sông nữa vào thời Việt Minh trước 1945. Nước sông màu đỏ ngầu như đang say máu, phẳng phẳng như chạy giặc.

Vậy mà P. Doumer đã khắc phục được tất cả, hoàn thành cây cầu sau 4 năm. Công của ông không nhỏ..

Phải nhìn nhận rằng, dưới thời Paul Doumer, thành phố Hà Nội đã đổi mình. Cây cầu Paul Doumer đã mở đường cho Hà Nội bước vào thế giới văn minh.

Nay không cần cây cầu Paul Doumer nữa thì cái gì sẽ là biểu tượng cho sự phát triển của thủ đô Hà Nội. Tôi không biết nữa.

Tôi mừng tượng những ngày quá khứ của dòng sông ấy khi nghĩ đến câu truyện *Anh Phải Sống* của Khải Hưng có thể hình dung ra dòng sông này như thế nào. Hai bờ đê sông, có những khúc, người dân đã biết dựng nhà trên bè nổi bồng bênh lên xuống tùy theo con nước. Những căn nhà nổi đó là nếp sống đặc biệt của một thiểu số dân miền Bắc. Thật là kỳ diệu. Một thứ Population flottante, dịch văn chương là sống bồng bênh trên sông nước. Nhưng chữ đắt nhất, cách gọi nguyên uỷ nhất là nếp sống Hạ Bạc. Một nếp sống văn hoá mà tất cả dựa vào nước, đến cái độ ăn, ngủ, làm ăn, sinh sống đều ở trên sông. Nhưng mai đây người Trung Quốc không còn có thể kéo quân sang nước ta bằng đường thủy được nữa. Những trận đánh trên sông Lô Giang, Bạch Đằng Giang sau này khó có cơ biện cãi. Khó Bởi vì dòng sông không còn. Trước đây cùng lắm, dòng sông bên lở bên bồi. Nay thì rất có thể tất cả đã là nhà. Nếu thế thì người Trung Quốc phải nghĩ cách khác để kéo quân sang đánh nước ta. Cách đó là chở hàng hóa ồ ạt sang giết chúng ta qua cửa khẩu Lao Cay vv..

Còn bờ đê Yên Phụ đã mất hút đi lúc nào không hay, nay có thể là điểm hẹn khởi điểm cho xa lộ Bắc Nam. Và sẽ không bao giờ còn câu ca dao :

Non cao ai đắp mà cao.  
Sông sâu ai bó, ai đào mà sâu.

Sẽ và đã không còn đê Yên Phụ (digne Yên Phụ) chạy dọc theo sông Hồng nữa, có lối rẽ vào các bãi Phúc xá, bãi An Dương. Không có nước thì cần gì đê đê. Nhớ lại cái hình ảnh năm 1946, tôi chạy loạn và leo lên gác chuông nhà thờ cửa Bắc sáng hôm sau. Tôi đã thấy gì. Thấy từng đoàn người lũ lượt lếch thếch, bồng bế chạy trên đê Yên Phụ, hướng về phía Hà Đông thay vì hướng về phía cầu Long Biên. Bóng những người chạy tản cư in dấu một vệt dài trên nền bầu trời trắng đục. Tất cả hình ảnh đó đã phai mờ về những ngày khởi đầu chiến tranh trong ký ức của tôi khi về thăm lại Hà Nội. Nhớ lại 4 câu thơ của Quang Dũng những ngày ấy :

Thôi chào Hà Nội lửa ngang trời  
Ta đi ngỗ gạch, tường đang đục  
Gạn từng giọt nước đánh cầm hơi.

Quả thực, lúc đó tự nhiên tôi biến thành thân phận loài chuột, chui rúc qua những căn nhà bỏ trống, chui qua những lỗ tường các nhà. Hà Nội đã tiêu thổ kháng chiến. Chỉ còn tôi ở lại, trôi nổi theo thân phận Hà Nội như một đứa trẻ mồ côi, lạc loài..

Và cũng sẽ không còn cái nỗi lo của một Bảo Ninh trong truyện Ngắn đọc đến ứa nước mắt , truyện *Bí ẩn của làn nước*. \* Năm ấy, nhằm trùng đỉnh lũ đêm rằm tháng bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi ầm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

*Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bén gót. Nước đã ngập làng....Trời ơi. Con tôi.. Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con. Tôi phóng mình theo nước. Nước lạnh, ngàu bún, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi... Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ đẹp nhất làng. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế... Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết... Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì không nguôi bởi ấy là một niềm đau không thể nói lên lời\*.*

Tất cả sẽ không còn nữa. Everything is different now.

### **Hà Nội và cuộc Nam tiến.**

Chả cá Lã Vọng có thể vẫn thế. Nhưng nhìn vào những gì đang và sắp xảy ra. Sẽ có một cuộc Nam tiến. Đã có rồi và có một cách không lường hết được. Cuộc Nam tiến không giống như thời tự chủ dưới đời Ngô, Đinh và tiền Lê. Cũng chẳng phải cuộc Nam tiến của 16 Ô Châu lục đất Thuận Hoá mà những người thân thương, hoặc những cặp tình nhân hứa với nhau rằng :

Ba phen quạ nói với dều  
Cù lao ông Chường còn nhiều cá tôm

Tôi nhắc lại đây như một điều chẳng nên nói như thế nữa. Từ Sài Gòn Giải Phóng, số 234 cho tin đến ngạc nhiên, không phải miền Nam mà chính miền Bắc cứu trợ miền Nam :\* *Hà Nội đã vắt ruột gửi vào Nam 1.600.000 triệu tấn vật liệu hàng hoá và lương thực như gạo, đường, xăng dầu, trang thiết bị và phân bón cũng như thuốc men. Thêm vào đó 32 triệu mét vải đủ loại cũng được gửi vào Nam cho dân chúng may mặc. Trong khi đó, miền Bắc chỉ nhận được một con số nhỏ nhoi là 80.000 tấn sản phẩm của miền Nam\*.*

Thời 75 mà nhiều người dân miền Nam có cái cảm tưởng cuộc thống nhất đất nước cuối cùng chỉ là một cuộc hôi của vô tiền khoáng hậu. Theo cái nghĩa một bên nhận Họ , một bên nhận Hàng.

Miền đất miền Nam nay không còn hứa hẹn những thứ đó nữa. Và người miền Bắc cũng không cần nhận những thứ đó nữa.

Mà Hà Nội cũng chẳng cần ai hứa những thứ đó nữa. Đất miền Nam, dưới mắt bác Hồ là cây vú sữa sẽ không còn là cây vú sữa nữa, mà sẽ là cây sung, cây vả, hay cây gì cũng được, nhưng không phải vú sữa nữa và sẽ không hứa hẹn đủ thứ như trước nữa. Trước đây, người ta nghĩ rằng so với các tỉnh phía Bắc và Trung phần thì đây là nơi dễ sống, vừa làm vừa chơi cũng đủ ăn. Đó là nhận xét của bà Li Tana <sup>[1]</sup> . *Thiên nhiên ưu đãi, thực phẩm có thừa. Đồng bằng sông Cửu Long quả là nơi lạc thú. Nhiều đĩa cá, cá nổi đầu lên như mù u chín rụng chẳng ai thèm bắt.* (Chữ của Sơn Nam). Những thứ mà cha ông thời xưa hứa hẹn thì nay đã xa rồi.

Người ta sẽ thấy trong tương lai, ngược lại miền bắc sẽ chở của vào miền Nam. Tiền bạc miền Bắc dư thừa mang vào mua nhà, mua đất, mua cửa tiệm, mua cổ phần công ty, có cái gì mua tất tần tật. Sài Gòn sẽ là hàng Ngang, hàng Cân, hàng Đường, hàng Giấy, khu phố Khâm Thiên. Mà chủ nhân ông là các mệnh phụ của các cấp lãnh đạo miền Bắc. Đi đâu cũng thấy thứ tiếng Bắc mà chính người Bắc 54 nghe cũng thấy khó nghe. Những hàng phố mới chỉ cần chuyển cái tên, nhãn hiệu từ Hà Nội vô. Chẳng hạn Hàng Giấy nay ở Sài Gòn sẽ là trung tâm quyền lực về tài chánh với các ngân hàng, dịch vụ mà mục đích là

bạch hoá và hợp thức hóa những khối lượng tiền tệ không có nguồn gốc. Tiếng thiên hạ thường nói là rửa tiền.. Đã đến lúc người ta nghĩ đến chuyện làm ăn đàng hoàng rồi. Phải không các đồng chí. Hàng giấy sẽ không bán giấy mà trao đổi các chi phiếu, lệnh phiếu với dịch vụ ngân hàng cho vay lãi, chuyển giao tiền bạc, chuyển tiền ra ngoại quốc, mua cổ phiếu, ký thác tiền do chợ đen, chợ đỏ. Cái này đã hẳn phải giao trách nhiệm cho Hải quan thành phố Hà Nội, đường Bà Triệu. Hoặc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đường Lý Thái Tổ quản lý mới được.

Hàng Hòm sẽ không bán hòm nữa mà sẽ mang vào bán đủ loại đồ cổ, từ đồ cổ thật đến đồ cổ dờm cho khách du lịch. Nào đồ gốm bát tràng. Nào bàn ghế, tủ, giường, tựa chung các đồ mộc theo lối cổ sản xuất từ các làng, thôn như Sở Như, thôn Khôn, trong tỉnh Hà Tây thuộc xã Minh Cường, Huyện Thường Tín. Mang vô, mang hết đi vì Sài Gòn sẽ là faifoo của cả nước. Vào mà làm giàu theo kiểu mới.

Nhưng đừng quên mang Hàng Cân vô nhé. Hàng Cân sẽ không bán cân, không bán công lý mà sẽ mở các dịch vụ pháp lý, các văn phòng luật sư, cứ theo hai bộ luật mới là luật sống chết mặc bay và luật Huê cả làng. Luật trên dành cho người dân nghèo, và luật dưới dành cho lãnh đạo hay người của đảng. Các lãnh đạo này sẽ biến các công ty quốc doanh nay chuyên ra cổ phần công ty, tư nhân hoá. Sẽ có các Tổng Giám đốc, giám đốc các công ty nhà nước trước đây đứng ra mua ráo chọi các cổ phần. Vẫn bình cũ mà rượu mới. Thế là một hình thức bạch hoá tiền bạc tham nhũng. Và viễn tượng tương lai sẽ để các cơ quan như quân đội, chính quyền trung ương đứng ra mở các công ty.. Lại một kiểu bạch hoá tiền bạc, hợp thức hóa tình trạng hối lộ tham nhũng.

Phố Khâm Thiên, dài 1700 mét. Nối các đường như Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng gặp lại nhau, một con phố có từ thời Pháp thuộc, nổi tiếng với những tiệm hút, tiệm cô đầu, sòng bạc nay được mang vào Sài Gòn biến thành khu phố du lịch cho khách Tây ba lô. Những khu này sẽ giao cho quý ông Tổng giám đốc Nhà Khách Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, đường Lý Thái tổ phụ trách. Nhà khách Ủy ban nhân dân thành phố, đường Nguyễn Đình Chiểu phối hợp. Nhà khách Ủy Ban kế hoạch nhà nước, đường Quan Thánh quản lý. Nhà khách Tổng Liên Đoàn lao động giám sát, ở đường Trần Bình Trọng và Nhà khách Trung Tâm dịch vụ và điều dưỡng năng lượng điều giải cũng ở đường Lý Thái Tổ.

Cứ như thế mà cuộc Nam tiến mang tầm vóc chiến lược quốc gia với khối lượng hàng tỷ tỷ bạc lên đường, phân tán và mất tăm dạng trong các tổ chức tài chánh ở miền Nam.. Trọng trách của miền Nam là một gánh nặng lịch sử, nơi mà sự tham nhũng sẽ không còn nữa hay được hệ thống và hợp thức hóa.

Phố Hà Nội ngắn đến không thể ngắn hơn được.

Nhân tiện nói đến Hà Nội mà không nói đến các con phố Hà Nội là không được. Tranh Bùi Xuân Phái đã một thời chuyên vẽ các căn nhà đường phố Hà Nội với một màu xám xanh

đục, với những căn phố siêu vẹo, trông rất ấn tượng và rất là buồn. Trong văn chương thì Thạch Lam đã đề thì giờ ra viết cuốn *Hà Nội 36 phố phường*. Trong đó, ở trang 92 ông viết rằng :\* *Người Pháp có Paris, Người Anh có Luân Đôn, người Tàu có Thượng Hải.. Ta phải nghe người Pháp nói đến Paris, người ở Paris mới hiểu được sự yêu quý ấy đến bậc nào. Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp thật, chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra\**.

Vẻ đẹp như thế nào, trong suốt cuốn sách không thấy ông nói ra.

Phần tôi có những ý nghĩ sau đây về đường phố Hà Nội. Lẽ thứ nhất là Hà Nội có những con đường ngắn quá. Ngắn đến nỗi chả ở đâu có. Ngắn đến không thể ngắn hơn được nữa. Có lẽ con đường Giải phóng là dài nhất với 4000 mét, Hoàng Hoa Thám kể là dài với 3320 mét. Hoàng Diệu còn 1340 mét, Lý Nam Đế với 1090 mét. Kim Liên chỉ còn 250 mét. Hàng gà tụt xuống còn 225 mét. Hàng Cân 104 mét và tụt nữa Hàng Hương còn 65 mét. Ngắn như thế, đi mấy chục nhà đã hết đường, muốn tìm đường cũng khó mà muốn chỉ đường cũng thật là gian nan. Chỉ còn mỗi cách hỏi đường từng đoạn một. Nhưng được cái, người Hà Nội nói chung, nhất là các người lái xe ô m lúc nào cũng sẵn sàng chỉ đường. Tại sao đường Hà Nội ngắn thế. Cái đó phải hỏi người Hà Nội. Nó có cái gì giống với người Hà Nội. Cái đó cũng phải hỏi người Hà Nội.

Nhận xét thứ hai là tôi thấy họ tôn trọng khu phố Cổ, ít đổi tên đường. Tên đường phố Sài Gòn thì người ta đã đổi hầu như toàn bộ, đổi cả những cái không cần đổi. Đường công lý thì có gì cần đổi. Đường Tự Do, Lê Thánh Tôn, Lê Văn Duyệt thì có gì cần đổi. Hay người ta lại sợ hai tiếng Tự Do. Vì thế thiên hạ mới có câu rằng : Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu công lý. Đường phố Hà Nội với nhiều tên đường từ thời Pháp thuộc thế nào thì nay vẫn để như vậy. Như các đường Hàng Cân, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng khay, Hàng Quạt vv.. Nghe quen và thân thương. Hoặc các phố Quan Thánh, Ngọc Hà, đường Cổ Ngư, Phủ Dỡn, Cầu Giấy, Thụy Khuê, Tràng Tiền, Ngọc Hà, Hoàn Kiếm, Khâm Thiên và chợ Đồng Xuân.

Thời xưa, người ta coi chợ Đồng Xuân là :

Hà Nội là Động tiên nga  
Sáu giờ tắt hết đèn xanh đèn gần  
Vui nhất là chợ Đồng Xuân.

Ba câu thơ trên bây giờ có thể đã không đúng nữa. Chợ Đồng Xuân cho dù đã được xây cất lại khang trang hơn. Ngày nay nó chỉ đóng vai trò trung gian vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh. Hàng hóa ở đây phần lớn lại là hàng buôn lậu buôn từ Trung Quốc về. Và mua bán thì cẩn thận trả giá, vì thế nào cũng có thể bị hớ. Không đâu nói thách bằng người Hà Nội, nói thách gấp đôi, gấp ba là chuyện thường. Và có lẽ chủ nghĩa Xã hội Cộng Sản nhập cảng từ nước Nga bị tha hóa, biến chất một phần cũng vì cái Văn hoá nói thách, từ VHNT biến thành cái Văn Hoá nói phét.

Nghĩ cho cùng, tôi thấy các khu phố cổ Hà Nội là khu đường phố phi chính trị. Cái ấy là hay lắm. Con người, đèn cái cây, cái tờ báo, cái miếng ăn, miếng mặc cái bảng quảng cáo, dĩ chí đến lúc lâm tình trên giường.. cái gì mà không có lập trường, không dính dáng đến chính trị. Vậy mà tôi khám phá ra rằng đường phố cổ Hà Nội là phi chính trị. Thật vậy. Thời nào đường phố đó cũng có mặt. Chế độ nào nó cũng vẫn nằm ở đó. Thời tiền Tây đến thời tây và hậu Tây, nó vẫn có ở đó.

Ngay cả các lãnh tụ cao cấp, hình như không có lãnh tụ cao cấp nào muốn dọn về khu phi chính trị này cả., vì sợ mất lập trường. Họ đã có khu biệt thự, đèn đài riêng rồi.. Chỉ còn sót lại chỗ này là của nhân dân. Vì thế, đây là các khu phố buôn bán tự do nhất. Cái tự do nay thành tự do quốc tế. Khách du lịch cũng tụ về đây, ăn ở đây, mua bán ở đây, đi chơi cũng ở đây. Ít ai héo lánh tới Ba Đình.

Phần tôi, đời sống ở Hà Nội cũng chỉ quanh quẩn trong khu này.

Có thể chỉ trừ một vài con đường như Tạ Hiền, dài 226 và con đường Thái Phiên, Bà Triệu, Lê Đại Hành là có hơi hướng chính trị. Tạ Hiền là phố rất quen thuộc đối với tôi, vì tôi thường thuê xe đạp của một cậu bé ở đây. Tạ Hiền là một anh hùng chống Pháp cùng với Nguyễn Thiện Thuật, lập chiến khu Đông Triều. Hà cơ gì, bằng cách nào, vì lý do gì, ông lại nằm chình ình ra ở đây. Cô độc và cô đơn một mình. Có lần đang đứng bên này phố, một anh đàn ông ở lầu 3 đối diện đã nhỏ toẹt một cái. May không trúng ai cả. Hà Nội có những cái bất ngờ đến như thế.

Những con đường khác, ở ngoại biên phố cổ thì chính trị đến 100%.. Ngoài những con đường với các danh nhân anh hùng thời chống Tàu như các đường Thi Sách, Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, danh tướng nhà Trần chứ không phải tên của nhà văn Khái Hưng, Nguyễn trãi, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Cảnh Chân và các anh hùng thời chống thực dân Pháp như Hoàng Diệu, Tôn Thất Thiệp, Nguyễn Thái Học, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Tôn Thất Đạm.. Người ta thấy điểm xuyên một số nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khắc Hiếu mà không phải Tản Đà, rồi Phạm Đình Hồ, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn văn Tố, Nguyễn Du. Sau đó đến một số các nhân vật chính trị như Tôn Thất Tùngvv Loại này khá là hiếm..

Nhưng điều đáng nói là tên các lãnh đạo Đảng và nhà nước đã chết đều có mặt hết.

Không thiếu một ai, và nếu thiếu một ai thì tại họ thôi như ông Trần Độ. Có người này thì phải có người kia, không lẽ bỏ. Gần như có đủ cả như Nguyễn Lương Bằng, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồngvv và nếu có thiếu ai thì chỉ thiếu đường Hồ Chí Minh. Tôi không thấy đường Hồ Chí Minh. Có nghĩa là lãng hơn đường.

Nhưng một nhà văn ở Hà Nội rỉ tai tôi nói rằng : *Ngày nay các bố lãnh đạo đảng, nhà nước sắp tịch, bố nào cũng có niềm mơ ước nho nhỏ là khi chết được để tên ở một đường*

*phố*. Nhưng cứ cung mực này thì dần sẽ có sự lạm phát tên các vị lãnh đạo đảng và nhà nước.

### **Ngõ Hà Nội.**

Phố và ngõ là hai đặc điểm sắc thái văn hoá của Hà Nội. Phố là đời sống bên ngoài, ngõ là đời sống bên trong. Cứ vài nhà lại có một ngõ. Ngõ sâu hun hút đến dài bằng một con đường phố nhỏ. Nơi ấy là nơi ra vào của hàng chục gia đình lớn nhỏ. Bề ngang chỉ chừng hơn nửa thước mà nếu có hoạ hoạn thì không biết sẽ ra sao. Bề dài có thể 50 đến 60 chục mét. Có ngõ chật như thế chỉ vừa một người đứng một tý mà trong đó có một cửa hàng bán đồ vàng bạc. Tủ kính dựa vào tường, thế là thành một cửa hàng. Có cái ngõ gì quên mất bán chè chí mào phù và trong tiệm có một con chó đá. Chắc xưa hẳn là cửa ngõ đi vào đền. Chúng tôi đã quên đường và đi hỏi bằng được tiệm bán chè chí mào phù có con chó đá. Vậy mà hơn một tiếng đồng hồ sau, tôi cũng tìm ra. Khá vất vả. Tôi vừa tức, vừa vui, vừa đùa, tôi ngồi lên lưng con chó đá nói : Vì Mày mà tao phải vất vả thế này. Người trong quán nhìn tôi trách móc : Đây là chó thờ đấy.. Tôi vội vàng tụt xuống xin lỗi mọi người vì vô lễ và cúi vái ông chó đá vài cái.. Quả thực trước mặt ông chó đá có bát nhang thờ.

Tín ngưỡng miền Bắc còn khá nhiều vương vất tính cách thờ vật tổ(Totem), chen lẫn mê tín và dị đoan lắm, khác hẳn trong Nam.

Ngõ như thế trở thành quen thuộc và nét văn hoá đặc thù của Hà Nội. Chỉ có ở Hà Nội mới có. Một nếp sống chung đụng hàng vài chục người. Và người Hà Nội đã sống như thế, thế hệ này qua thế hệ khác. Nhất là kể từ sau 1954, mỗi hộ thay vì một nhà có thể thêm cả chục nhà sống chen chúc nhau. Tôi có cô em họ ở 14 Hàng Cân. Tôi đã đến thăm cô vào một buổi trưa. Vào đến bên trong là vô số nhưng bếp lớn nhỏ ở dưới và trên lầu của mỗi gia đình. Hỏi thăm cô, cô cũng chẳng thích thú gì cái đời sống với ngõ ngách như thế. Có đứa con trai đã ra ở riêng. Và chắc sau này sẽ dần tan biến đi. Cô nói muốn bán cũng không phải dễ, phải tất cả những người trong căn hộ đều muốn bán. Chắc bên trong cũng có nhiều điều phức tạp. Gì chứ kèn cựa nhau từng tấc vuông đất, từng ly từng chút chịu đựng nhau, nhịn nhục nhau mà sống chung là không tránh được.. Đi ra đi vào chạm mặt, nhà này làm gì, mua bán, cãi nhau, con cái ra sao. Nhà kia biết hết. Khó mà có thể dung hợp hết mọi người trong mấy thước đất đó được. Khó mà có chỗ riêng tư. Đây là một bi kịch của đời sống kiểu *l'enfer c'est les autres*. Tranh dành, cãi cọ, dòm ngó, ghen tuông, đố kỵ, bon chen, giả dối, ác độc, thù hằn, khó tính khó nết. Có thể có hết. Có khi ở mấy chục năm không thêm ngó mặt nhau. Cô em tôi vốn là thừa kế gia sản của ông ngoại. Ông cụ vốn có 14 căn nhà. Nhưng sau 1954 bị tịch thu hết, chỉ còn giữ được căn nhà 16 Hàng Cân này.. Nhưng cũng chỉ được ở một phần, phần còn lại nhà nước chia cho người khác. Có lần, tôi gặp một bà cụ đi mua một quả trứng.. Tôi tò mò hỏi thăm cụ.. Thế là cụ dẫn tôi vào ngõ và lên lầu.. Cụ dặn tôi, con mẹ bán ngoài cửa hàng là khó chịu lắm. Đừng để nó biết lại lời thôi ra. Cụ nay ở một mình, trong nhà vương vất lối sống giàu có thời

xưa, cũng sập gu, tủ chè, ghế salông gu chạm trổ. Cúng ông cụ vồn vẹn có một quả trứng đi mua và một bát com.

Tình nghĩa vợ chồng của một người còn ở lại dương thế trong cái nghèo nàn cô quạnh như một vạt ruộng chờ ngày để về.

Căn nhà trong ngõ cũng là quãng đời của bà cụ và biết đâu cũng là quãng đời còn lại của ngõ. Và đến một lúc nào đó cũng là lúc chấm dứt một thứ văn hoá ngõ. Bao giờ người Hà Nội ra khỏi những quãng đời tăm tối của những căn nhà hút sâu trong các ngõ hẻm. Bao giờ. Chắc rồi cũng thay đổi. Và nếu thay đổi thì đây chẳng khác gì một biến cố lịch sử của ngõ mà cũng là lịch sử cuộc đời của vô số người Hà Nội. Thật khó mà quên.

### **Hà Nội với những gánh hàng rong.**

Xin đừng quên một điều là Hà Nội có những cửa hàng di động. Ấy là nói theo lối bây giờ. Ngay từ xưa đã có rất nhiều gánh hàng rong như thế. Phở gánh, xôi chè gánh, hoa quả gánh, bất cứ cái gì cũng gánh. Có khi một bên là cửa hàng, bên này là một chú nhỏ ngồi. Tôi còn nhớ những hàng phở gánh sớm đông, khói toả ra nghi ngút, mùi phở thơm đến sặc mũi trên đường phố cửa Bắc, xế con đường đôi, nay là đường Hoàng Diệu. Một bên gánh là tủ kính để bánh phở và đĩa thịt thái thơm tất. Bên kia nồi nước phở nghi ngút khói. Khó quên được mùi phở, thơm ơi là thơm, sao mà nó thềm thường đến chảy nước dãi ra được. Lại có những cửa hàng với hai tủ kính đằng hoàng, lịch sự và trang nhã bán cà phê, bánh mì. Mùi cà phê cũng thơm nức mũi.

### **Cả một nếp sống Hà Nội**

Hà Nội xưa và nay cũng không thay đổi mấy về cửa hàng di động này. Cửa hàng bán cam quýt thì dùng gánh, bán cháo, bán xôi, bán chè cũng dùng gánh. Nhưng bán bánh mì thì đội lên đầu. Tôi kể lại một điều để thấy những người bán bánh mì này khôn khổ biết bao nhiêu.. Họ ngồi thành lượt như xếp hàng, xế cửa chợ Đồng Xuân vào một buổi chiều tối. Chúng tôi đi qua như người đi dạo chơi chẳng có ý mua sắm gì. Tôi chỉ có chót dặt dừng lại ngắm những ổ bánh mì mà không mua. Thế là có màn năn nỉ. Tôi đành bỏ đi. Họ không thất vọng bỏ cuộc. Vậy là cả cái cửa hàng di động chợt nhóm dậy đi theo năn nỉ ỉ ôi đến không mua không được. Mua mà lòng thấy không vui. Chỉ vì một ổ bánh mì. Lờ lăm đến 500 đồng mà phải khôn đốn như thế.

Giá những ông bà tham nhùng nhìn được cái cảnh này thì lòng họ sẽ nghĩ gì.

Cạnh đó, có một số hàng rong dùng xe đạp. Cũng khá là đặc biệt. Bán cá cảnh thì dùng xe đạp. Có một khung tròn bằng sắt, có nhiều vòng. Những túi ni lông buộc cá chung quanh những khung sắt tròn đó. Ai mua cứ tự do lựa chọn. Trông cũng vui mắt lắm và tức cười. Như là một cuộc rong chơi chứ không phải buôn bán. Rồi có cửa hàng di động

bán các đồ chơi bằng nhựa lúc lắc đung đưa trên xe đạp. Chưa kể bán đồ hàng mã, trên đó cheo đủ thứ hăm bà lẳng.

Người Đức trong cái viện Goethe ở Hà Nội, với ông giám đốc Ô gus tin sang đây giao lưu văn hoá với VN cũng học và bắt chước cái Văn hoá bán hàng rong của VN và đã mở 3 cửa hàng bán bánh mì di động. Họ nướng một khúc thịt treo trước mặt, rồi ăn đến đâu sẻo đến đó, trông lạ mắt và hấp dẫn. Cứ 10 ngàn đồng một cái bánh mì thịt, có bỏ thêm gia vị. Kể ra giá cũng khá đắt. Giao lưu thì được rồi, nhưng cạnh tranh với mấy bà bán bánh mì thì kể cũng tội. Lại còn muốn bành trướng ra tới Huế. Cái này thì phải hỏi ai đây mới rõ nguồn cơn.

Các người bán hàng rong với các cửa hàng di động thật ra công an cũng nương tay với họ một chút. Có làm thiệt hại ai đâu. Các nước bên này cũng nói tay đôi với các xe bán kem, hot dog. Khách du lịch đôi khi thấy tiện, thấy lạ, cũng muốn ăn thử.

Các người buôn thúng bán mẹt đó, vì không có lối thoát nào khác đó mới phải bán hàng rong. Nên nói tay cho họ. Thay vì họ phải đi ăn xin, trông không đẹp mắt tý nào. Bán hàng rong nào có tội tình gì.

Người buôn bán như thế cũng có cái lợi là tránh được công an rượt bắt. Nếu cần, họ có thể chạy được mang theo cả cửa hàng. Chạy te tái đến sút quần.

Bán rong, cửa hàng di động là một nét văn hoá đẹp của Hà Nội ít ra cũng hơn hai hạng người : Người đi ăn xin, và người tham những hời lợt.

Phố Hàng mã.

Cách đây chừng 6 tháng, tôi được một người bạn thân ở bên Anh, gửi cho một tấm hình chụp khá ngộ nghĩnh do một người phóng viên ngoại quốc chụp : Hình một anh cyclo đạp ở Hà Nội đang chở một cái cyclo khác làm bằng giấy. Hình thật ngộ nghĩnh. Xích lô đạp chở xích lô giả. Ý nghĩ đó quần quanh lôi kéo tôi đến các phố Hàng Mã ở Hà Nội khi về Hà Nội.

Trước hết, tôi có nhận xét là trước 54, ở Hà Nội trước có bao nhiêu chùa thì nay vẫn thế. Hơn 50 năm mà vẫn thế có nghĩa là tụt dốc. Tụt dốc về số chùa không xây dựng mà còn tụt dốc về tín ngưỡng, đi dần sang cái hướng phiếm thần, mê tín .. Năm 1954, ta có các chùa sau đây : Chùa Bà Đá, Chùa Láng, chùa Hoè Nhài, chùa Kim Liên, chùa Liên Phái, chùa Một Cột, chùa Ngũ Xá, chùa Quán Sứ, chùa Trấn Quốc.<sup>[iii]</sup>

Bây giờ vẫn chừng ấy chùa. Còn lại là Đền. Như đền Quan Thánh, đền Voi Phục, đền Gióng, đền Mẫu, đền hai Bà Trưng, đền Sóc Sơn. Các chùa này không phải chỉ thờ Quan âm mà còn do nhiều tông phái khác nhau. Như chùa Bà Đá do phái Lâm Tế, chùa Hoè Nhài là của phái Tào động. Đã thế chẳng những thờ tượng Quan Âm, còn thờ thêm nhiều

tượng khác. Tại chùa Kim Liên, bên cạnh tượng Quan Âm còn có tượng chúa Trịnh, tượng Tôn Ngộ Không, tượng Văn Thù. Chùa Láng cũng vậy, ngoài tượng Phật còn có tượng Lý Thân Tông, Từ Đạo Hạnh và hai động thập điện Diên Vương. Chùa Ngũ Xá vừa thờ Phật, vừa thờ Nguyễn Minh Không, gọi là Lý Quốc Sư. Chùa Trấn Quốc trở thành một hành cung của nhà vua khi ra khỏi cung, tôi đã thấy ba bốn bàn thờ khác nhau.

Như thế thì nó pha nhiều đạo giáo và những tư tưởng phiếm thần, mang nhiều sắc thái có tính cách vụ lợi như cầu bình an và tiền tài phúc lợi.

Xuống một bậc nữa, theo chân người trung Hoa, người mình thờ thêm Quan Công, Tam đa Phúc Lộc Thọ, ông Địa, tượng tài thần Trần Huyền Đàn.

Xuống cấp nữa cho thấy người dân Hà Nội chỉ còn thứ tín ngưỡng dân gian với các tục thờ cúng, cầu đảo và đốt vàng mã. Hàng mã là một rừng, ở đó có hết không thiếu gì. Tục đốt vàng mã cũng chẳng mới lạ gì. Theo ông Lê Văn Lân trong một bài viết thì vào ngày 25-11-1925, người ta đã làm nguyên cả ngôi điện Kiến Trung bằng giấy thật lớn và nhiều thứ ngự dụng khác như ngự Liễn, Long xa, tàn kiệu vv... Sau đó thì đốt theo vua.

Bên Mỹ bây giờ, người ta còn đốt cả căn nhà phố trệt, phố lầu, biệt thự. Đốt quần áo thì phải đốt quần áo có nhãn hiệu như sơ mi polo, giày Adidas. Đốt đồ dùng thì đốt nữ trang, vòng xuyên, đồng hồ, bút máy, xe Honda, xe dream và nhớ đừng quên chiếc điện thoại di động. Và cũng đừng quên những xấp mỹ kim. Cho thấy ở dưới âm phủ nay thì người ta chỉ xài Mỹ kim mà thôi, trị giá phải là 10 ngàn đồng một tờ.

Cứ như thế, chẳng cần phải cảm đoán, hạn chế các tôn giáo.. Tự nó sẽ biến chất trở thành câu truyện buôn thần bán thánh, truyện cầu an, vụ lợi.

Ai hỏi miền Bắc có tự do tôn giáo không. Có chứ. Có Đạo Hàm Bà Lăng

### **Thay lời kết.**

Và chả nhẽ ra Hà Nội mà lại không nói một tiếng về người Hà Nội. Thật ra sau 50 xa cách, tôi không hình dung ra người Hà Nội qua ông A, ông B hay chị C nữa.

Và đó có lẽ là cái thay đổi lớn lao nhất trên toàn bộ sinh hoạt đời sống người Hà Nội. Tôi không có dịp tiếp xúc nhiều, phần đông những người trên đường phố thì đều là những người bình thường. Một thứ Mr tout le monde. Ở đâu cũng có, ở đâu cũng vậy, nhưng tiếp xúc rồi thì cũng ngại. Tại sao người Hà Nội ăn nói tục tĩu thế. Một cô gái trẻ, xinh đẹp có thể vắng tục không ngượng miệng. Nhiều người đi về đã nói với tôi như thế rồi. Nhưng lần đầu nghe vẫn thấy thế nào ấy. Đó không phải người Hà Nội trong mắt tôi nữa mà người Hà Nội nguyên con, nguyên hình. Cái nơi mà tôi có thể nhận ra người Hà Nội

chắc hẳn không phải nơi các cô chiêu đãi, các chị làm công trong khách sạn, hay các người bán hàng, hay mấy ông nhà văn, nhà báo.

Phải nhìn ra người Hà Nội qua đám trẻ từ 12-14-17 tuổi. Chỉ cần vào một tiệm Internet. Ta sẽ gặp, ta sẽ thấy.. Đây là sản phẩm nguyên gốc của xã hội người Hà Nội. Ta sẽ gặp những đứa trẻ ngỗ ngược, hỗn xược, nói tục tĩu hết chịu nổi. Những thanh thiếu niên, thiếu nữ này không biết con cái nhà ai, thuộc thành phần xã hội nào.. Thật tình tôi không biết. Nhưng từ cách ăn mặc, cử chỉ, ngồi trên ghế, nói to quát tháo, chửi thề, thái độ biểu tỏ một sự vô giáo dục ở mức độ báo động.

Tôi không nói ngoa cho người Hà Nội đâu nhé. Và sự khác biệt giữa lớp trẻ Hà Nội và lớp trẻ Sài Gòn làm tôi thay vì kinh dị thì ngạc nhiên. Lớp trẻ Sài Gòn, cũng chỉ trong tiệm Internet thôi nhé, biểu tỏ một nếp sống Văn hoá có giáo dục, có lễ độ trong một chừng mực có thể tin tưởng được.

Cái này những bậc làm cha mẹ, những nhà giáo dục phải nên nghĩ tới. Tại đâu.. tại cha mẹ, thầy giáo hay xã hội. Tại sao có sự khác biệt giữa lớp trẻ trong Nam, ngoài Bắc và nói rộng ra lớp trẻ hải ngoại.

Thật là không vui phải viết ra điều ấy. Cứ tình trạng này thì Hà Nội có phát triển đến đâu cũng báo hiệu những cơn lốc phá hoại, hủy diệt không ai lường trước được về mức độ hư hỏng và mức độ tội phạm.

Lời cảnh báo này chẳng biết có ai muốn nghe không. Nhưng cảnh báo vẫn phải cảnh báo.

Trong dịp ở Hà Nội, đôi khi một cách ngoài ý muốn, đôi khi tình cờ, đôi khi không hẹn mà gặp, tôi đã nhìn, đã gặp, đã nói chuyện, đã thấy trong một hai buổi hội thảo một số nhà văn, nhà báo, họa sĩ, nhà phê bình, chủ báo theo một thứ tự lộn xộn sau đây. Thật là mỗi người mỗi vẻ, có người để lại ấn tượng tốt, có người không. Nói chung họ ăn nói, phát biểu vung vít hơn Sài Gòn. Và cũng có vẻ họ nói nhiều hơn là làm. Nhưng người ta cũng nhủ tai cho biết rằng.. Nói thì cứ nói, nhưng đừng viết là được. Họ có tên là : Lý triệu Dũng, Lương Xuân Đoàn, Trần Thị Trường, Phạm Toàn ( Châu Diên). Đỗ Hoàng Diệu, Phạm Xuân Nguyên, Dương Thúy Hằng, Bùi Như Hương, Văn Thành, Nguyễn Bình Quân, Nguyễn Minh Khánh, Đào Anh Khánh, Soma Chakrabarti-Fezzardi, Nguyễn Ngọc, Lê Đạt và đặc biệt, ông Hoàng Chương, chủ bút báo Văn Hiến.

Và nói thêm một điều. Đời sống họ cao, đầy đủ hơn mấy nhà văn của Sài Gòn trước 1975. Cũng khó mà làm khác được. Hình như chỉ là nhà văn của hội nhà văn. Những Nguyễn Thị Hoàng của miền Nam trước 1975 nay họ sống bằng gì, như thế nào. Tôi gặp mà chả dám hỏi.

Người mà tôi ghi lại ấn tượng rất tốt khi biết ông là người đã hết lòng với Tây Nguyên, dịch sách về Tây Nguyên, hiểu Tây Nguyên và thương Tây Nguyên hơn ai hết. Người mà khi về đến Sài Gòn, bạn bè cho biết, ông đã từ chối một giải thưởng cao quý nhất. Ít ai đã làm được điều đó. Tôi chỉ có dịp nói chuyện chung với ông một lần. Đó là nhà văn Nguyễn Ngọc. Khen một người không có nghĩa là chê các người còn lại. Chỉ vì trong một tình huống nào đó, biết rõ người này hơn người khác.

Và cuối cùng, ấn tượng sâu sắc để lại trong tôi khi rời Hà Nội là ở nơi đây sẽ là trung tâm quyền lực của cả nước. Cái quyền uy đó nó lồ lộ ra khi đi qua những con đường như Hoàng Diệu. Bóng dáng quyền uy của những căn nhà, những biệt thự như chụp trên ta. Có cái gì thâm cung bí sử, có cái gì ghê sợ phát tiết ra ngoài. Nó bàng bạc trên không, trên mái nhà, trên những bức tường cao quá đầu người, trên những cây me, cây sấu già trăm tuổi, trên người lính gác hiền lành trước cửa. Không thể kiếm ra những người lính gác hiền hơn thế. Vậy mà tôi vẫn sợ anh, mà anh có làm gì tôi đâu. Tội sợ anh, hay sợ cái gì đằng sau anh. Tôi không biết. Không một bóng người, không một ai tới gần, không dám tới gần hay không muốn tới gần. Phần tôi, chỉ sợ anh lính gác chặn lại hỏi đi đâu vì lính kinh máy ảnh, sờ tay ghi chép. Anh mà đọc những thứ ấy, có thể tôi bị bắt giam.

Tôi cảm thấy mình nhỏ bé, yếu ớt quá, tôi cảm thấy mình như con dun, con dế. Mặc dầu tôi là người nước ngoài, mặc dầu tôi không làm gì, mặc dầu trong thâm tâm tôi cũng muốn nó khá lên, mặc dầu tôi cũng yêu đất nước này, đất nước đó cũng là của tôi.

Tôi cũng từng nhiều lần đi qua tòa Bạch ốc. Nó đồ sộ và uy nghi gấp nhiều lần. Lính canh và an ninh nghiêm ngặt gấp nhiều lần. Loạng quạng có thể nó bắn mình chết ngay. Cứ bề ngoài thì nó dễ sợ lắm. Vậy mà tôi không sợ. Vậy mà hằng trăm, hằng ngàn người đi qua đó cũng không sợ. Tôi thân nhiên đi lại như một người khách du lịch nhàn tản. Thấy cái gì thích thì chụp. Tôi có dám đứng lại mà chụp những tòa nhà có lính gác không ở Ba Đình, ở Hoàng Diệu. Chụp cái cổng trụ sở an ninh, dinh Hoàng Cao Khải mà tôi cũng sợ..len lét nhìn trước nhìn sau.

Tôi chỉ có thể nói được rằng, lúc nhỏ tôi sợ ma, về nước, nay tôi sợ người.

Ai có thể giải thích cho tôi điều này đây, tại sao lại như thế. Cái gì đã làm cho tôi sợ như thế. Tôi nhớ lại ông Tổng Giám Mục Bình khi gần chết được tờ Công Giáo và Dân tộc phỏng vấn có hỏi : Sau 20 năm thống nhất đất nước, điều gì đáng nói nhất. Trả lời : Sau 20 năm mà tôi vẫn còn sợ.

Nếu cứ nhìn sinh hoạt bề ngoài thì tôi thấy chả có gì để sợ. Vậy cái sợ đó đã cấy mầm từ bên trong tôi từ thừa nào. 30 năm trở lại mà cảm giác sợ vẫn còn. Tôi không biết những người dân Hà Nội đi qua những nơi ấy có cảm nghĩ như tôi không. Nhưng tôi còn nhớ như in cái cảm giác đi qua những quảng trường chiến sĩ, khu vực Ba Đình. Ở đây không phải cảm giác sợ mà lạnh tanh, cảm giác hoang vắng, cảm giác chơ chọi. Và tôi đã quay xe trở về không đi tiếp nữa.

Vì thế, tôi mới viết một câu rất là vô duyên : Mọi quyền uy đều xuất phát từ đây mà ra. Ai chả biết như vậy. Nhưng nguyên ủy làm tôi viết câu đó là do nỗi sợ hãi khi đi qua những khu vực này.

Rất may, Sàgòn của tôi sẽ là trung tâm tài chánh, thương mại của cả nước. Với các tỉnh vệ tinh phía đông như Vũng Tàu, Bình Dương và Biên Hoà. Ít ra là như thế.

Đồng bằng sông cửu long, vừa lúa miền Tây sẽ mõi mòn kiệt quệ.

Quay trở lại Huế thì đây là niềm thất vọng của cả nước, vì tính cách tụt hậu về kinh tế và phát triển. Chẳng có công ty ngoại quốc nào muốn đầu tư ở đây.. Nhưng Huế không có lối thoát và không có tí tiềm năng kinh tế nào mà người ta có thể trông chờ vào. Trái lại Đà Nẵng có cơ ngơi phát triển và còn có con đường đi lên như faifoo, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Và cuối cùng có thể nói ba cái trục chính của đất nước Việt Nam sẽ là : Hà Nội- Đà Nẵng- Sàigòn.

<sup>[i]</sup> Trích báo Khởi nguồn, số 5, tác giả Diệu Tần, trang 100

<sup>[ii]</sup> Xem thêm Từ điển đường phố Hà Nội, Nguyễn Loan và Nguyễn Hoài. Nxb Thế giới. 1994

## Giọng nói của người Sài-Gòn Lượm Lặt

Sinh sống và lớn lên ở Sài Gòn, trong đầu lúc nào cũng có một ý định là sẽ “thờ ờ” trên mảnh đất ồn ào này, ý định đó chắc sẽ giữ mãi cho đến lúc một ngày nào đó âm thầm không bút rút cắn tay áo mà mỉm cười xuống dưới ấy...

Gọi là yêu Sài Gòn thì có phần hơi quá ! Không dám gọi thứ tình cảm dành cho Sài Gòn là tình yêu, nó chưa thể đạt đến mức ấy. Cái tình với Sài Gòn là cái tình của một thằng ăn ở với Sài Gòn hơn 57 năm, cái tình của một thằng mà với nó, Sài Gòn còn quá nhiều điều níu kéo, quá nhiều chuyện để mỗi khi bất chợt nghĩ về Sài Gòn, lại thấy nhớ nhớ, gần gũi...

Hồi còn đi học, vẫn hay chọc mấy đứa bạn bằng 2 câu thơ nhại :

*Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ ,*

*Gái Sài Gòn cái mỏ cong cong .*

Chuyện con gái Sài Gòn "mỏ" có cong không thì hông có biết, chỉ biết con gái Sài Gòn có cái đầu môi cong cong dễ làm chết người lắm, nhất là khi cánh môi be bé ấy cong lên một chữ "hooooog..." khi đưa con trai rú rê đi đâu, năn nỉ gì đó. Lúc đó, đem gương hay kiến soi, chắc cái mặt của đứa con trai đó tội lắm.

Mà con gái Sài Gòn có điệu đà, ông ẹo chút thì mới đúng thiệt là con gái Sài Gòn. Ai mà chẳng biết vậy. Gọi đó là cái duyên ngầm của người con gái đất Gia Định cũng chẳng có gì sai. Ai hiểu được, người đó sẽ thấy sao mà yêu mà thương đến vậy...

Có dạo đọc trong một bài viết về Sài Gòn – Gia Định của nhà văn Sơn Nam , có thấy ông viết giọng Sài Gòn, cũng như văn hóa và con người Sài Gòn là một sự pha trộn và giao thoa đến hợp nhất của nhiều nơi. Đó là những người Chăm bản địa, những người khách trú (người Hoa hay chú ba tàu), những người miền Trung đầu tiên đến đất Gia Định... Từ đó hình thành một loại ngôn ngữ vừa bản địa, vừa vay mượn của những người đi mở đất...

Giọng người Sài Gòn được xem là giọng chuẩn của miền Nam, cũng như giọng người Hà Nội được xem là giọng chuẩn của người miền Bắc. Giọng chuẩn tức là giọng không pha trộn, không bị cải biến đi qua thời gian. Như nói về giọng chuẩn của người Hà Nội, người ta nói đến cái giọng ấm nhẹ, khi trầm khi bổng, khi sắc khi thanh, và chẳng ai phủ nhận người Hà Nội nói chuyện rất hay và “điều luyện”. Cái “điều luyện” ấy như thuộc về bản chất của người Hà Nội mà chỉ người Hà Nội mới có được. Nếu nói là người Việt Nam nói như hát, thì đúng ra chỉ có người Hà Nội là “nói như hát” mà thôi, họa chăng chỉ còn có giọng tha thiết của người con gái xứ Huế trầm tư mới cùng được ví von như thế...

Người Sài Gòn thì khác, giọng Sài Gòn cũng khác. Không ngọt ngào ...mía lúi như một số người dân Tây Nam Bộ ven vùng sông nước mênh mang chín rồng phù sa, không nặng nề cục mịch như người miền Đông Nam Bộ nóng cháy da thịt. Giọng người Sài Gòn cũng ngọt, nhưng là cái ngọt thanh hơn, nhẹ hơn. Đó là chất giọng “thành thị” đầy kiêu hãnh của người Sài Gòn, thứ giọng chẳng lẫn vào đâu được mà dù người khác có bắt chước cũng khó lòng. Dường như qua nhiều năm cùng với đất Gia Định – Sài Gòn phù hoa trong nhịp sống, trong đổi mới và phát triển, thì giọng nói của người Sài Gòn cũng trở nên “cao sang” hơn. Dù vậy, nó chính là cái “thanh” của một vùng đất một thời là thủ

phủ Nam Bộ, nhưng cũng chẳng mất đi đâu cái mộc mạc không bỏ được của cái gốc chung Nam Bộ.

Giọng người Sài Gòn nói lên nghe là biết liền. Ngồi nghe hai người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau ở một quán nước, bên đường hay qua điện thoại, dễ dàng nhận ra họ. Cái giọng không cao như người Hà Nội, không nặng như người Trung, mà cứ ngang ngang, sang sảng riêng...Mà điều đặc biệt trong cách người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau là mấy từ “nghen, hen, hén” ở cuối câu... Người miền khác có thích hay khoái, có yêu người Sài Gòn thì cũng vì cách dùng từ “nghen, hen” này.

Khách đến nhà chơi, chủ nhà tiếp. Khách về, cười rồi buông một câu “Thôi, tôi đi ghen!” - Chủ nhà cũng cười “Ừ, dzậy anh đi ghen!”.

Nói chuyện điện thoại đã đời, để kết câu chuyện và cúp máy, một người nói “Hồng còn gì nữa, dzậy thôi hen!”. “Thôi” ở đây nghĩa là dừng lại, kết thúc, chấm dứt gì đó. Hai đứa bạn nói chuyện cùng nhau, bắt gặp cái gì vui, quay đầu sang đứa kế bên lên tiếng “Hay hén mậy?” bằng giọng điệu thoải mái...

Giọng người Sài Gòn đôi khi diễn đạt cùng một câu nói, nhưng lại bằng nhiều cung bậc giọng điệu khác nhau, lại mang ý nghĩa khác nhau. Đám nhỏ quây, nghịch phá, người chỉ mắng, giọng hơi gằn lại và từng tiếng một, có chút hóm hỉnh trong đó “Dzui dzữ hen!”.

Đám bạn cùng tuổi, ngồi chơi chung, cười đùa, một người nói giọng cao cao vui vẻ “Dzui dzữ hen!”... Người Sài Gòn có thói quen hay “đãi” giọng ở chữ cuối làm câu nói mang một sắc thái khác khi hờn giận, khi đùa vui như “Hay dzữuuu”, “Giỏi dzữuru...!”

Nghe người Sài Gòn nói chuyện, trong cách nói, bắt gặp “Thôi à ghen” “Thôi à!” khá nhiều, như một thói quen, như cái “duyên” trong giọng Sài Gòn. Người Sài Gòn nói chuyện, không phát âm được một số chữ, và hay làm người nghe lẫn lộn giữa âm “d,v,gi” cũng như người Hà Nội phát âm lẫn các từ có phụ âm đầu “r” vậy.

Nói thì đúng là sai, nhưng viết và hiểu thì chẳng sai đâu, đó là giọng Sài Gòn mà, nghe là biết liền. Mà cũng chẳng biết có phải là do thật sự người Sài Gòn không phát âm được những chữ ấy không nữa, hay là do cách nói lẫn từ “d,v,gi” ấy là do quen miệng, thuận miệng và hợp với chất giọng Sài Gòn..

Ví như nói “Đi chơi dzui dzẻ hen mậy!” thì người Sài Gòn nói nó... thuận miệng và tự nhiên hơn nhiều so với nói “Đi chơi vui vẻ hen!”. Nói là “vui vẻ” vẫn được đấy chứ nhưng cảm giác nó ngượng ngượng miệng làm sao đó. Nghe một người Sài Gòn phát âm những chữ có phụ âm "v" như "về, vui, vườn, vông" có cảm giác sao sao ấy, không đúng là giọng Sài Gòn chút nào...

Nhìn lại một quãng thời gian hơn 300 năm hình thành và phát triển của Sài Gòn từ Phiên Trấn, Gia Định Trấn, Gia Định Thành, Phiên An, Gia Định Tỉnh...cho đến Sài Gòn, dân Sài Gòn đã là một tập hợp nhiều dân tộc sinh sống như Việt, Hoa, Kh'mer...Các sử sách xưa chép lại, khi người Việt bắt đầu đến Đồng Nai – Gia Định thì người Kh'mer đã sinh sống ở đây khá đông, rồi tiếp đó là khách trú (người Hoa), và một số dân tộc láng giềng như Malaysia, Indonesia (Java) cũng có mặt. Sự hợp tụ này dẫn đến nhiều sự giao thoa về mặt văn hóa như đàn ông không mặc quần mà quần sà rông, nhà giàu quê bận bộ áo bà ba màu trắng, làm ăn khi giao tiếp phải có châu “nhậu”, cũng như những mặt khác của đời sống, trong đó dĩ nhiên phải nói đến ngôn ngữ.

Tiếng nói của người Sài Gòn không chỉ thuần là tiếng Việt, mà còn là sự học hỏi, vay mượn nhiều từ ngữ của dân tộc bạn, đâm ra mang nhiều “hình ảnh” và “màu sắc” hơn. Những từ như “lì xì, thèo lèo, xí mụi, cũ xì, cái ki ...” là tiếng mượn của khách trú, những từ như “xà quàng, mình ên...” là tiếng của người Kh’mer. Nói riết đâm quen, dần dần những từ ngữ đó, những tiếng nói đó được người dân Sài Gòn sử dụng một cách tự nhiên như của mình, điều đó chẳng có gì lạ... Thêm vào đó, nó được sửa đổi nhiều cho phù hợp với giọng Sài Gòn, thành ra có những nét đặc trưng riêng.

Vậy nói cho cùng thì người Sài Gòn cũng có những tiếng gọi là “tiếng địa phương” (local dialect !?). Những tiếng này thể hiện rõ nhất khi người Sài Gòn nói chuyện cùng người miền khác. Nghe một người Sài Gòn nói chuyện cùng một người khác vùng, dễ dàng nhận ra những khác biệt trong lời ăn tiếng nói giữa hai người, hai miền. Có một số từ người Sài Gòn nói, người miền khác nghe rồi... cười vì chưa đoán ra được ý. Điển hình như tiếng “địt”, có nghĩa là cái bụng nó sả hơi. Cũng như khi nghe người Huế dùng một số từ lạ lạ như “o, mô, ni, chừ, rãng...” trong khi nói chuyện vậy thôi. Khác là mấy tiếng người Sài Gòn nói, vẫn có chút gì đó nó... vui vui tai, là lạ, ngộ ngộ làm sao.

Người Sài Gòn nói riêng và miền Nam nói chung, có thói quen dùng từ "dạ" khi nói chuyện, khác với người miền Bắc lại dùng từ "vâng". Để ý sẽ thấy ít có người Sài Gòn nào nói từ "vâng". Khi có ai gọi, một người Sài Gòn nói "vâng!" là trong dáng dấp của câu nói đó có giọng đùa, cười cợt.

Khi nói chuyện với người lớn hơn mình, người dưới thường đệm từ "dạ" vào mỗi câu nói. "Mày ăn cơm chưa con ? - Dạ, chưa!"; "Mới đi/đzê hả nhóc? - Dạ, con mới!" ... Cái tiếng "dạ" đó, không biết sao trong cảm giác nghe của một người Sài Gòn với một người Sài Gòn thấy nó "thương" lạ... dễ chịu mà gần gũi, nhẹ nhàng mà tình cảm lấm lấm. Cảm giác nó thật riêng so với những nơi khác. Nghe một tiếng "dạ" là biết ngay tên này là dân miền Nam cái đã rồi hăng hay...

Một người miền khác, có thể là Bắc hoặc Trung, diễn tả một khoảng thời gian ngắn vài ngày thì nói “Từ bữa đó đến bữa nay”, còn người Sài Gòn thì nói “Hôm nay”, “đạo này”... người khác nghe sẽ không hiểu, vì nói chi mà ngắn gọn ghê. (Lại phát hiện thêm một điều là người Sài Gòn hay dùng từ “ghê” phía sau câu nói để diễn tả một sắc thái tình cảm riêng. Tiếng “ghê” đó chẳng hàm ý gì nhiều, nó mang ý nghĩa là “nhiều”, là “lắm”. Nói “Nhỏ đó xinh ghê!” nghĩa là khen cô bé đó xinh lắm vậy.)

Lại so sánh từ “hôm nay” với “hôm rày” hay nghe ở các vùng quê Nam Bộ, cũng một ý nghĩa như nhau, nhưng lại không hoàn toàn giống nhau. Nghe người Sài Gòn dùng một số từ “hôm rày, miết...” là người Sài Gòn bắt chước người miền sông nước vậy. Nhưng nghe vẫn không trái tai, không cảm thấy gượng, vì trong người Sài Gòn vẫn còn cái chất Nam Bộ chung mà.

Nghe một đứa con trai Sài Gòn nói về đứa bạn gái nào đó của mình xem...”Nhỏ đó xinh lắm!”, “Nhỏ đó ngoan!”... Tiếng “nhỏ” mang ý nghĩa như tiếng “cái” của người Hà Nội. Người Sài Gòn gọi “nhỏ Thuý, nhỏ Lý, nhỏ Uyên” thì cũng như “cái Thuý, cái Uyên, cái Lý” của người Hà Nội thôi.

Nói một ai đó chậm chạp, người Sài Gòn kêu “Thằng đó làm gì mà cứ cà rề cà rề... nhìn phát bực!” Nghe cứ như là đùa, chẳng làm câu nói nặng nề lắm. Một người lớn hơn gọi “Ê, nhóc lại nói nghe!” hay gọi người bán hàng rong “Ê, cho chén chè nhiều nhiều, tiền ít

coi!”... “Ê” là tiếng Sài Gòn đó, kiểu bắt chước Tây, coi gọi trông không vậy mà chẳng có ý gì đâu, có thể nói đó là thói quen trong cách nói của người Sài Gòn. Mà người Sài Gòn cũng lạ, mua hàng gì đó, thường “quên” mất từ “bán”, chỉ nói là “cho chén chè, cho tô phở”... “cho” ở đây là mua đó nghen.

Nghe người Sài Gòn nói chuyện với nhau, thường bắt gặp thế này “Lấy cái tay ra coi!” “Ngon làm thử coi!” “Cho miếng coi!” “Nói nghe coi!”... “Làm thử” thì còn “coi” được, chứ “nói” thì làm sao mà “coi” cho được nè? Vậy mà người Sài Gòn lại nói, từ “coi” cũng chỉ như là một từ đệm, dân Sài Gòn nói dzậy mà.

Ngồi mà nghe người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau thì quái lắm, lạ lắm, không ít người sẽ hỏi “mấy từ đó nghĩa là gì dzậy ta?” – Mà “dzậy ta” cũng là một thứ “tiếng địa phương” của người Sài Gòn à. Người Sài Gòn có thói quen hay nói “Sao kỳ dzậy ta?” “Sao rồi ta?” “Được hông ta?”... Nghe như là hỏi chính mình vậy đó, mà...hông phải dzậy đâu nghen, kiểu như là nửa hỏi người, nửa đùa đùa vậy mà.

Tiếng Sài Gòn là thế đó, nếu bạn giả giọng Sài Gòn nói chuyện, dù có giống cách mấy mà bỏ quên mấy tiếng đệm, mấy tiếng Sài Gòn riêng riêng này thì đúng là... “bạn hông biết gì hết chơn hết chọi!”. Mà giọng Sài Gòn đã thế, cách người Sài Gòn xưng hô, gọi nhau cũng có phần mang “màu sắc” riêng.

Người Sài Gòn có cái kiểu gọi “Mày” xưng “Tao” rất “ngọt”. Một vài lần gặp nhau, nói chuyện ý hợp tâm đầu một cái là người Saigon mày tao liền. Nếu đúng là dân Sài Gòn, hiểu người Sài Gòn, yêu người Sài Gòn sẽ thấy cách xưng hô ấy chẳng những không có gì là thô thiển mà còn rất ư là thân thiện và gần gũi.

Mày-tao là kiểu xưng hô hay thấy trong môi quan hệ bạn bè của người Sài Gòn. Cách xưng-hô này thấy dần trải từ đủ các mối quan hệ bạn bè; từ bạn học giữa mấy đứa nhóc chút xíu, cho đến mấy bác mấy anh lớn lớn tuổi. Hông biết cái máu dân Sài Gòn nó chảy mạnh quá hay sao mà thấy mấy cách gọi này nó...tự nhiên và dễ nói hơn là mấy từ như "cậu cậu - tớ tớ" của miền Bắc. Nói chuyện bạn bè với nhau, thân thiết mà gọi mấy tiếng mày mày tao tao thì nghe thật sướng, thật thoải mái tự nhiên, và khoai khoai làm sao ấy. Gọi thế thì mới thiệt là dân Sài Gòn.

Đây là ngang hàng, ngang vai vế mà gọi nhau, chứ còn như đám nhỏ nhỏ mà gặp người lớn tuổi hơn, đáng bậc cha, chú thì khác. Khi ấy “tụi nhỏ” sẽ gọi là chú, thím, cô, dì, hay bác và xưng “con” ngọt xớt. Có vẻ như người Sài Gòn "ura" tiếng chú, thím, dì, cô hơn; cũng như đa phần dân miền Nam khác vậy mà. Mà có lẽ cách gọi này cũng còn tùy vào việc ước lượng tuổi của người đối diện. Gặp một người phụ nữ mà mình nhắm chừng tuổi nhỏ hơn mẹ mình ở nhà thì "Dì ơi dì...cho con hỏi chút...!" - còn lớn hơn thì dĩ nhiên là "Bác ơi bác..." rồi. Khi gọi một cách thân mật có ý khuyên bảo với một em nhỏ, người Sài Gòn thường nói “Này, chú em...”

Những tiếng mợ, thím, cậu,... cũng tùy vào vai vế và người đối diện mà gọi. Có người chẳng bà con thân thuộc gì, nhưng là bạn của ba mình, lại nhỏ tuổi hơn, thế là gọi là chú và vợ của chú đó cứ thế gọi luôn là thím. Gọi thì gọi thế, còn xưng thì xưng “con” chứ không phải “cháu cháu” như một số vùng khác. Cái tiếng “con” cất lên nó tạo cho người nghe cảm giác khoảng cách giữa mình với đứa nhỏ đang nói kia tự dưng... gần xịt lại. Nghe sao mà quen thuộc, và gần gũi đến lạ lùng. Tự dưng là thấy có cảm tình liền.

Nói tiếp chuyện xưng-hô, người Sài Gòn có kiểu gọi thế này :

Ông đó = ông

Bà đó = bà

Anh đó = anh

Chị đó = chị

Không hiểu sao mà dẫu hỏi tự nhiên cái trở nên giữ vai trò quan trọng... ngộ nghĩnh vậy nữa. Nhưng mà kêu lên nghe hay hay đúng hông? Gọi vậy mới đúng là chất Nam Bộ - Sài Gòn á ghen.

Người Sài Gòn cũng có thói quen gọi các người trong họ theo... số. Như anh Hai, chị Ba, thím Tư, cô Chín, dượng Bảy, vợ Năm...Mà nếu anh chị em họ hàng đông đông, sợ gọi cùng là chị Hai, anh Ba mà hông biết nói về ai thì dzậy nè, thêm tên người đó vào. Thành ra có cách gọi : chị Hai Lý, chị Hai Uyên, anh Ba Long, anh Ba Hùng, anh Sáu Lèo ...

Thêm nữa, nếu mà anh chị em cùng nhà thì tiếng "anh-chị-em" đôi khi được...giản lược mất luôn, trở thành "Hai ơi Hai, em nói nghe nè..." và "Gì dzạ Út ?"...Tôi thích cách gọi này, đâm ra ở nhà gọi Di Út tôi chỉ là một tiếng Út gọn lỏn. Có chuyện nhờ là cứ "Út ơi...con nhờ chút!" hoặc với mấy chị tôi thì "Hai ơi Hai...em nói nghe nè!".

Cách gọi này của người Sài Gòn nhiều khi làm người miền khác nghe hơi...rối. Có lần, kể cho người bạn ở Hà Nội nghe về mấy người anh chị trong gia đình. Ngồi kể lể "anh Hai, chị Hai, dì Hai, Út, cậu Hai, vợ Hai, chú Ba..." một hồi cái bị kêu là hông hiểu, xưng hô gì rồi rắm quá chừng, làm phải ngồi giải thích lại suốt một hồi...lâu.

Cách xưng hô của người Sài Gòn là vậy. Nghe là thấy đặc biệt của cả một mảnh đất miền Nam sông nước. Cứ thế, không sang trọng, điệu đà như giọng người dân đất Bắc, cũng chẳng trầm lắng, thanh thanh như tiếng Huế Thần Kinh. Cái giọng Sài Gòn đi vào tai, vào lòng, vào cách cảm, và nỗi nhớ nhung của người Sài Gòn lẫn dân miền khác bằng sự ngọt ngào, bằng cái chân chất thật thà của truyền thống xa xưa, và bằng cả cái “chất Sài Gòn” chảy mạnh trong từng mạch máu người dân Sài Gòn. Đi đâu, xa xa Sài Gòn, bỗng dưng nghe một tiếng “Dạ !” cùng những tiếng “hen, ghen” lại thấy đất Sài Gòn như đang hiện ra trước mắt với những nhớ thương...

**Lượm lặt  
Người SG**

